

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ QUỐC PHÒNG-AN NINH

-----*-----



Tài liệu môn học
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 1
Đường lối Quốc phòng và an ninh của ĐCS Việt Nam;

Lưu hành nội bộ

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 8 năm 2026

LỜI NÓI ĐẦU

Các em sinh viên thân mến

Giáo dục Quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) cho sinh viên là nhiệm vụ quan trọng, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức, rèn luyện năng lực, sẵn sàng tham gia Xây dựng và Bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

Chính vì vậy, công tác GDQP&AN cho thế hệ trẻ được Đảng, Nhà nước ta rất quan tâm, đã ban hành: Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị (Khóa X) “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác GDQP&AN trong tình hình mới”; Luật GDQP&AN năm 2013; Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 “Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật GDQP&AN”; Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình GDQP&AN trong cơ sở giáo dục đại học.

*Quán triệt quan điểm của Đảng, luật pháp Nhà nước, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo toàn diện của nhà trường; Bộ môn GDQP&AN thuộc Khoa GD Thể chất và QP.AN, Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh đã nghiên cứu, biên soạn “**Tài liệu môn học GDQP&AN I**” (lưu hành nội bộ).*

Quá trình biên soạn đã bám sát thực tiễn, mục tiêu, yêu cầu của môn học, cô đọng nội dung; cập nhật các văn bản luật và tài liệu tập huấn hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, song khó tránh khỏi thiếu sót.

*Bộ môn GDQP&AN rất mong nhận được ý kiến đóng góp của cán bộ, giảng viên và sinh viên nhà trường để **Tài liệu môn học** được hoàn thiện, bổ ích, thiết thực góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân thời kỳ mới.*

Mọi góp ý xin gửi về email: thuanbm@huit.edu.vn.

Xin chân thành cảm ơn.

MỤC LỤC

Bài 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn GDQP&AN.....	4
Bài 2. Quan điểm cơ bản của CN Mác - Lênin, tư tưởng HCM về Chiến tranh	10
Bài 3. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân	26
Bài 4. Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc	33
Bài 5. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân	40
Bài 6. Kết hợp phát triển kinh tế với Quốc phòng an ninh	49
Bài 7. Vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật Quân sự Việt Nam.....	68
Bài 8. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Tổ quốc	88
Bài 9. Xây dựng lực lượng DQTV, LL DBĐV và ĐVCN Quốc phòng.....	102
Bài 10. Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.....	115
Bài 11. Vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia	133

Bài 1
ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU
MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG-AN NINH

-----*-----

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) góp phần bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giai đoạn mới.

Sinh viên xác định trách nhiệm, thái độ đúng đắn trong học tập, tích cực tham gia xây dựng nền QPTD, ANND ngay khi đang học tập và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo.

II - ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu của môn học bao gồm đường lối QP&AN của Đảng, công tác QP&AN, kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết.

1. Nghiên cứu về đường lối Quân sự của Đảng

Nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lý luận của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Chiến tranh, Quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân BVTQ, xây dựng LLVT nhân dân, an ninh nhân dân; về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố QP&AN và một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Chiến tranh, Quân đội và bảo vệ Tổ quốc mang tính cách mạng và khoa học sâu sắc; là cơ sở lý luận để Đảng ta đề ra chủ trương, đường lối chiến lược xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng LLVT ND và tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc: bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển, đảo, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ và nhân dân. Các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng LLVT nhân dân, tiến hành chiến tranh nhân dân đều có tính kế thừa và phát triển những truyền thống quân sự độc đáo của dân tộc "cả nước một lòng chung sức đánh giặc", "lấy ít địch nhiều", "lấy nhỏ đánh lớn". Đó là đặc trưng nghệ thuật quân sự Việt Nam chiến thắng các kẻ thù hung hãn nhất. Nghiên cứu đường lối quân sự của Đảng góp phần hình thành niềm tin khoa học, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng và lý tưởng cho sinh viên.

2. Nghiên cứu công tác quốc phòng và an ninh

Nghiên cứu vấn đề cơ bản về nhiệm vụ, nội dung công tác QP&AN của Đảng hiện nay, bao gồm: xây dựng lực lượng DQTV, LL DBĐV, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại âm mưu chiến lược "Diễn biến hoà bình", BLLĐ của các thế lực thù địch; một số vấn đề về dân

tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng; xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Nhà nước quy định nhiệm vụ về quân sự, quốc phòng, an ninh cho các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, địa phương và đơn vị cơ sở. Do vậy, nghiên cứu về công tác QP&AN thực chất là nghiên cứu pháp luật về bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và an ninh chính trị. Mọi công dân đều có trách nhiệm tham gia công tác quốc phòng, luyện tập quân sự, giữ gìn bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội. Tăng cường tiềm lực QPTD, ANND, phòng, chống âm mưu "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, kẻ cả việc phòng, chống chiến tranh vũ khí công nghệ cao trong tương lai.

Nghiên cứu, thực hiện tốt công tác QP&AN để xây dựng lòng tin chiến thắng trước mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù.

Cùng với những diễn biến mới của tình hình, nội dung chương trình còn đề cập cơ bản về công tác Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

3. Nghiên cứu về quân sự chung; kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

Nghiên cứu các kiến thức, kỹ năng chiến thuật, kỹ thuật quân sự cần thiết như: những kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; một số loại lựu đạn; phòng chống vũ khí hạt nhân, hoá học, sinh học, vũ khí lửa; cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; một số vấn đề về điều lệnh đội ngũ và kỹ, chiến thuật chiến đấu bộ binh.

Kiến thức về quân sự trong môn học là những kiến thức phổ thông, sinh viên cần nghiên cứu đặc điểm, nguyên lí, tác dụng... hiểu rõ các nội dung kỹ thuật, chiến thuật bộ binh; về khả năng sát thương, với các phương pháp phòng tránh đơn giản, hiệu quả. Trên cơ sở đó nghiên cứu thực hành các bài tập sát với thực tế, thành thạo các thao tác kỹ thuật, chiến thuật trong chiến đấu. Đồng thời có thể ứng dụng các kỹ thuật này khi tham gia lực lượng DQTV theo quy định của pháp luật.

III. PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Việc nghiên cứu môn học GDQP&AN đòi hỏi phải nắm vững cơ sở phương pháp luận, các phương pháp nghiên cứu cụ thể phù hợp với đối tượng, phạm vi và tính chất đa dạng của nội dung môn học này.

1. Cơ sở phương pháp luận

Cơ sở phương pháp luận của môn học là học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong đó những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Chiến tranh, Quân đội, về xây dựng LLVT nhân dân, về xây dựng nền QPTD... là nền tảng thế giới quan, nhận thức luận của sự nghiên cứu, vận dụng đường lối quân sự của Đảng và những vấn đề cơ bản khác của GDQP&AN.

Xác định học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở phương pháp luận, phải nắm vững và vận dụng đúng đắn các quan điểm khoa học sau:

- *Quan điểm hệ thống*: Đặt ra yêu cầu nghiên cứu, phát triển các nội dung của GDQP&AN một cách toàn diện, tổng thể, trong mối quan hệ phát triển giữa các bộ phận, các vấn đề của môn học.

- *Quan điểm lịch sử, logic*: Trong nghiên cứu GDQP&AN đòi hỏi phải nhìn thấy sự phát triển của đối tượng, vấn đề nghiên cứu theo thời gian, không gian với những điều kiện lịch sử, cụ thể để từ đó giúp ta phát hiện, khái quát, nhận thức đúng những quy luật, nguyên tắc của hoạt động QP&AN.

- *Quan điểm thực tiễn*: Chỉ ra phương hướng cho việc nghiên cứu giáo dục quốc phòng - an ninh là phải bám sát thực tiễn xây dựng quân đội và công an nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp xây dựng bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

2. Các phương pháp nghiên cứu

Với tư cách là bộ môn khoa học nằm trong hệ thống khoa học quân sự, phạm vi nghiên cứu của GDQP&AN rất rộng, nội dung nghiên cứu đa dạng, cấu trúc từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, luôn có sự kế thừa và phát triển. Vì vậy giáo dục quốc phòng - an ninh được tiếp cận nghiên cứu với nhiều cách thức, phù hợp với tính chất của từng nội dung và vấn đề nghiên cứu cụ thể.

Trước hết cần chú ý sử dụng các *phương pháp nghiên cứu lí thuyết* như phân tích, tổng hợp, phân loại, hệ thống hoá, mô hình hoá, giả thuyết... nhằm thu thập thông tin khoa học trên cơ sở nghiên cứu các văn bản, tài liệu về QP&AN để rút ra các kết luận khoa học cần thiết, không ngừng bổ sung, phát triển làm phong phú nội dung môn học.

Cùng với các phương pháp nghiên cứu lí thuyết, cần nghiên cứu sử dụng các *phương pháp nghiên cứu thực tiễn* như quan sát, điều tra, khảo sát thực tế, nghiên cứu các sản phẩm QP&AN, tổng kết kinh nghiệm, thí nghiệm, thực nghiệm... nhằm tác động trực tiếp vào đối tượng trong thực tiễn, từ đó khái quát bản chất, quy luật của các hoạt động QP&AN; bổ sung phong phú nội dung cũng như kiểm định tính xác thực, tính đúng đắn của các kiến thức GDQP&AN.

Cần sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học lí thuyết và thực hành nhằm bảo đảm cho người học vừa có nhận thức sâu sắc về đường lối, nghệ thuật quân sự, nắm chắc lí

thuyết kĩ thuật và chiến thuật, vừa rèn luyện phát triển được các kĩ năng công tác quốc phòng, thuần thục các thao tác, hành động quân sự.

Đổi mới phương pháp dạy học GDQP&AN theo hướng tăng cường vận dụng các phương pháp dạy học tiên tiến kết hợp sử dụng các phương tiện kĩ thuật hiện đại. Chú ý sử dụng các phương pháp tạo tình huống, nêu vấn đề, đối thoại, tranh luận sáng tạo; tăng cường thực hành, thực tập sát với thực tế chiến đấu, công tác quốc phòng; tăng cường tham quan thực tế, viết thu hoạch, tiểu luận; tăng cường sử dụng các phương tiện kĩ thuật, thiết bị quân sự hiện đại, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng học tập, nghiên cứu môn học GDQP&AN.

IV. GIỚI THIỆU MÔN HỌC GD QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

1. Đặc điểm môn học

GDQP&AN là nội dung cơ bản trong xây dựng nền QPTD, ANND, môn học được luật định, là chính khóa từ Trung học phổ thông đến Đại học. Thể hiện đường lối giáo dục của Đảng, Nhà nước bằng các văn bản quy phạm pháp luật, giáo dục để sinh viên "hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc".⁽¹⁾

Kế tục và phát huy những kết quả thực hiện Chương trình Huấn luyện quân sự phổ thông (1961), Giáo dục quốc phòng (1991), trong những năm qua, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, năm 2000 chương trình tiếp tục được sửa đổi, bổ sung; đến năm 2007 triển khai thực hiện Nghị định của Chính phủ về GDQP&AN, môn học được lồng ghép nội dung an ninh thành môn học GDQP&AN ngày nay.

Như vậy, trong từng giai đoạn cách mạng, chương trình môn học GDQP&AN đều có những đổi mới phục vụ cho sự nghiệp phát triển đất nước và công tác QP&AN trong từng thời kì, gắn kết các mục tiêu của giáo dục- đào tạo với quốc phòng-an ninh.

GDQP&AN là môn học bao gồm kiến thức khoa học xã hội, nhân văn, khoa học tự nhiên và khoa học kĩ thuật quân sự và thuộc nhóm các môn học chung, có tỉ lệ lí thuyết chiếm trên 70% chương trình môn học. Nội dung bao gồm kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, quân sự của Đảng, công tác quản lí Nhà nước về QP&AN; về truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật quân sự Việt Nam; về chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam và kĩ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng nền QP.AN.

GDQP&AN góp phần xây dựng, rèn luyện ý thức tổ chức kỉ luật, tác phong khoa học ngay khi sinh viên đang học tập và khi công tác sau này. Giảng dạy và học tập tốt môn học GDQP&AN là góp phần đào tạo cho đất nước đội ngũ cán bộ khoa học kĩ thuật, cán

⁽¹⁾ Luật Giáo dục, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.

bộ quản lí, có chuyên môn nghiệp vụ, có ý thức và năng lực, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trên mọi cương vị công tác.

2. Chương trình môn học

Theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “*Ban hành Chương trình GDQP&AN trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học*”, gồm 4 học phần:

Thứ tự	Tên gọi học phần	Số tiết
Học phần 1	Đường lối QP&AN của Đảng Cộng sản Việt Nam (GDQP&AN 1)	45 tiết
Học phần 2	Công tác QP&AN (GDQP&AN 2)	30 tiết
Học phần 3	Quân sự chung (GDQP&AN 3)	30 tiết
Học phần 4	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (GDQP&AN 4)	60 tiết
Cộng		165 tiết

Sinh viên đại học và cao đẳng học chung chương trình.

Chương trình được xây dựng trên cơ sở phát triển trình độ các cấp học dưới, bảo đảm liên thông, logic; mỗi học phần là những khối kiến thức tương đối độc lập, tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập.

3. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Giảng viên: Giảng viên GDQP&AN của nhà trường trực tiếp giảng dạy và mời giảng viên các nhà trường trong quân đội về giảng dạy.

Cơ sở vật chất: theo Thông tư số 19/2022/TT-BGDĐT ngày 22/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “*Ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học GDQP&AN trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*”.

Giảng đường học lý thuyết: có đầy đủ thiết bị giảng dạy.

Thao trường, bãi tập tại Khoa Giáo dục Thể chất và QP.AN.

4. Tổ chức dạy- học và đánh giá kết quả học tập

Căn cứ Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 08/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học GDQP&AN trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học.

Kiểm tra giữa học phần: 1 lần (40%).

Thi cuối học phần: 1 lần (60%).

Sinh viên mang mặc gọn gàng, thống nhất theo quy định, chấp hành các quy định, quy tắc bảo đảm an toàn về người, vũ khí, trang thiết bị.

Sinh viên có đủ số lần kiểm tra cho mỗi học phần, mỗi lần kiểm tra đạt được từ 5 điểm trở lên và tham dự 80% thời lượng học phần sẽ được dự thi kết thúc học phần. Mỗi sinh viên phải dự thi đủ các học phần quy định trong chương trình.

Chứng chỉ GDQP&AN cấp cho sinh viên để xác nhận kết quả học tập môn GDQP&AN. Mỗi học phần đạt tối thiểu 5 điểm (thang điểm 10) và không bị kỉ luật từ cảnh cáo trở lên, được cấp chứng chỉ GDQP&AN, là điều kiện xét tốt nghiệp đại học.

5. Đối tượng được miễn, tạm hoãn học môn học GDQP&AN

Căn cứ Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH, ngày 08/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, về “*Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học GDQP&AN trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học*”:

* Đối tượng được miễn môn học GDQP&AN:

Học sinh, sinh viên có giấy chứng nhận sĩ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp do các trường quân đội, công an cấp;

Học sinh, sinh viên đã có chứng chỉ GDQP&AN tương ứng với trình độ đào tạo;

Học sinh, sinh viên là người nước ngoài.

* Đối tượng được miễn học, miễn thi học phần, nội dung trong chương trình GDQP&AN, gồm: học sinh, sinh viên có giấy xác nhận kết quả học tập các học phần, nội dung đó đạt từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

* Đối tượng được miễn các nội dung thực hành:

Học sinh, sinh viên là người khuyết tật, có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật;

Học sinh, sinh viên không đủ sức khỏe về thể lực hoặc mắc những bệnh lý thuộc diện miễn làm NVQS theo quy định hiện hành;

Học sinh, sinh viên đã hoàn thành NVQS, công an nhân dân.

* Đối tượng được tạm hoãn môn học GDQP&AN:

Học sinh, sinh viên vì lý do sức khỏe phải dừng học trong thời gian dài để điều trị, phải có giấy xác nhận của bệnh viện nơi học sinh, sinh viên điều trị;

Học sinh, sinh viên là nữ đang mang thai hoặc trong thời gian nghỉ chế độ thai sản theo quy định hiện hành.

* Hiệu trưởng nhà trường xem xét tạm hoãn học môn học GDQP&AN cho các đối tượng quy định nêu trên; hết thời gian tạm hoãn sẽ bố trí sinh viên vào các nhóm/lớp phù hợp để hoàn thành chương trình.

Bài 2
QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN,
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH,
QUÂN ĐỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

-----*-----

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Bồi dưỡng cho sinh viên hiểu quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, góp phần xây dựng niềm tin, trách nhiệm và tích cực đấu tranh để bảo vệ quan điểm tư tưởng đó trong tình hình hiện nay.

2. Yêu cầu

Hiểu đúng, đủ nội dung của bài, phát huy trí sáng tạo của tuổi trẻ, tích cực hoạt động, góp phần bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng HCM trong tình hình hiện nay.

II. NỘI DUNG

1. Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh

1.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về chiến tranh

Chiến tranh là một hiện tượng chính trị xã hội

Chiến tranh là một vấn đề phức tạp, trước Các Mác, Ăng Ghen đã có nhiều nhà tư tưởng đề cập đến vấn đề này, song đáng chú ý nhất là tư tưởng của C.Ph. Claudovít (1780 – 1831). Ông quan niệm: Chiến tranh là một hành vi bạo lực dùng để buộc đối phương phải phục tùng ý chí của mình. Chiến tranh là sự huy động không hạn độ, sức mạnh đến tột cùng của các bên tham chiến. Ở đây C.Ph. CLaudovít đã chỉ ra được đặc trưng cơ bản của chiến tranh đó là sử dụng bạo lực. Tuy nhiên Ông chưa luận giải được bản chất của hành vi bạo lực ấy.

Các nhà tư tưởng kinh điển của chủ nghĩa Mác đã kế thừa tư tưởng đó và khẳng định: Chiến tranh là một hiện tượng chính trị-xã hội có tính lịch sử, đó là cuộc đấu tranh vũ trang có tổ chức giữa các giai cấp, nhà nước (hoặc liên minh giữa các nước) nhằm đạt mục đích chính trị nhất định. Các ông đã phân tích chế độ công xã nguyên thủy và chỉ ra rằng, thời kỳ công xã nguyên thủy kéo dài hàng vạn năm, con người chưa hề biết chiến tranh. Vì đặc trưng của chế độ này là trình độ phát triển của lực lượng sản xuất hết sức thấp kém, tổ chức xã hội thì còn sơ khai, con người sống hoàn toàn phục thuộc vào tự nhiên.

Trong xã hội đó, các mâu thuẫn và xung đột giữa các bộ lạc, kể cả xung đột vũ trang chỉ là thứ yếu, không mang tính xã hội. Những cuộc đấu tranh giành đất đai, các khu vực săn bắn hái lượm, các bãi chăn thả, các hành động đó chỉ là đấu tranh để sinh

tồn. Trong các cuộc xung đột ấy tuy đã có yếu tố bạo lực vũ trang, nhưng những yếu tố bạo lực vũ trang đó chỉ có ý nghĩa để thoả mãn các nhu cầu kinh tế trực tiếp của các bộ tộc, bộ lạc. Vì vậy Các Mác, Ăng Ghen coi đây như là một hình thức lao động nguyên thủy. Các xung đột ở xã hội công xã nguyên thủy không phải là chiến tranh, đó chỉ là xung đột mang tính tự phát ngẫu nhiên.

Như vậy, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin chiến tranh là những kết quả của những quan hệ giữa người với người trong xã hội. Nhưng nó không phải là những mối quan hệ giữa người với người nói chung. Mà nó là mối quan hệ giữa những tập đoàn người có lợi ích cơ bản đối lập nhau. Khác với các hiện tượng chính trị - xã hội khác, chiến tranh được thể hiện dưới một hình thức đặc biệt, sử dụng một công cụ đặc biệt đó là bạo lực vũ trang.

Nguồn gốc nảy sinh chiến tranh

Chiến tranh bắt nguồn từ chế độ tư hữu, giai cấp và nhà nước

Bằng thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng cùng sự kết hợp sáng tạo phương pháp logic và lịch sử C. Mác và Ăng Ghen lần đầu tiên trong lịch sử đã luận giải một cách đúng đắn về nguồn gốc nảy sinh chiến tranh. Chủ nghĩa Mác – Lênin khẳng định: sự xuất hiện và tồn tại của chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất là nguồn gốc sâu xa (nguồn gốc kinh tế), suy đến cùng đã dẫn đến sự xuất hiện, tồn tại của chiến tranh. Đồng thời, sự xuất hiện và tồn tại của giai cấp và đối kháng giai cấp là nguồn gốc trực tiếp (nguồn gốc xã hội) dẫn đến sự xuất hiện, tồn tại của chiến tranh.

Trong tác phẩm: “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”, Ph. Ăngghen chỉ rõ: Trải qua hàng vạn năm trong chế độ cộng sản nguyên thủy, khi chưa có chế độ tư hữu, chưa có giai cấp đối kháng thì chiến tranh với tính cách là một hiện tượng chính trị xã hội cũng chưa xuất hiện. Mặc dù thời kì này đã xuất hiện những cuộc xung đột vũ trang. Nhưng đó không phải là một cuộc chiến tranh mà chỉ là một dạng “Lao động nguyên thủy”. Bởi vì, xét về mặt xã hội, xã hội công xã nguyên thủy là một xã hội không có giai cấp, bình đẳng, không có tình trạng phân chia thành kẻ giàu, người nghèo, kẻ đi áp bức bóc lột và người bị áp bức bóc lột. Về kinh tế, không có của “dư thừa tương đối” để người này có thể chiếm đoạt thành quả lao động của người khác, mục tiêu của các cuộc xung đột đó chỉ để tranh giành các điều kiện tự nhiên thuận lợi để tồn tại như; nguồn nước, bãi chăn thả, vùng săn bắn hay hang động... Về kĩ thuật QS, trong các cuộc xung đột này, tất cả các bên tham gia đều không có lực lượng vũ trang chuyên nghiệp, cũng như vũ khí chuyên dùng. Do đó, các cuộc xung đột vũ trang này hoàn toàn mang tính ngẫu nhiên tự phát. Ph. Ăngghen chỉ rõ, khi chế độ chiếm hữu tư nhân về TLSX xuất hiện và cùng với nó là sự ra đời của giai cấp, tầng lớp áp bức bóc lột từ đó xuất hiện và tồn tại chiến tranh như một tất yếu khách quan. Chế độ áp bức bóc lột

càng hoàn thiện thì chiến tranh càng phát triển. Chiến tranh trở thành bạn đường của mọi chế độ tư hữu.

Phát triển những luận điểm của C. Mác, Ph.Ăngghen về chiến tranh trong điều kiện lịch sử mới, Lênin chỉ rõ: Trong thời đại *ngày nay còn chủ nghĩa đế quốc thì còn nguy cơ xảy ra chiến tranh, chiến tranh bắt nguồn từ chính bản chất của CNTB, CNDQ, chiến tranh là bạn đường của CNDQ.*

Như vậy, chiến tranh có nguồn gốc từ chế độ chiếm hữu tư nhân về TLSX, có đối kháng giai cấp và có áp bức bóc lột; không phải là định mệnh và cũng không phải là hiện tượng tồn tại vĩnh viễn. Muốn xoá bỏ chiến tranh thì phải xoá bỏ nguồn gốc sinh ra nó.

Bản chất của chiến tranh là tiếp tục chính trị bằng bạo lực

Bản chất chiến tranh là một trong những nội dung cơ bản, quan trọng nhất của học thuyết Mác - Lênin về chiến tranh, quân đội. Theo V.I. Lênin: "Chiến tranh là sự tiếp tục của chính trị bằng những biện pháp khác" (cụ thể là bằng bạo lực). Theo V.I. Lênin, khi phân tích bản chất chiến tranh, nhất thiết phải có quan điểm chính trị - giai cấp, xem chiến tranh chỉ là một hiện tượng lịch sử cụ thể. Theo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin: "Chính trị là sự phản ánh tập trung của kinh tế", "Chính trị là mối quan hệ giữa các giai cấp, các dân tộc", chính trị là sự thống nhất giữa đường lối đối nội và đường lối đối ngoại, trong đó đường lối đối ngoại phụ thuộc vào đường lối đối nội. Lênin chỉ rõ "*mọi cuộc chiến tranh đều gắn liền với chế độ chính trị sinh ra nó*", chính trị chi phối chiến tranh từ đầu đến cuối.

Như vậy, chiến tranh chỉ là một thời đoạn, một bộ phận của chính trị, nó không làm gián đoạn chính trị. Ngược lại, mọi chức năng, nhiệm vụ của chính trị đều được tiếp tục thực hiện trong chiến tranh. Giữa chiến tranh và chính trị có quan hệ chặt chẽ với nhau trong đó chính trị chi phối và quyết định toàn bộ tiến trình và kết cục chiến tranh, chính trị chỉ đạo toàn bộ hoặc phần lớn tiến trình và kết cục của chiến tranh, chính trị quy định mục tiêu và điều chỉnh mục tiêu, hình thức tiến hành đấu tranh vũ trang.

Chính trị không chỉ kiểm tra toàn bộ quá trình tác chiến, mà còn sử dụng kết quả sau chiến tranh để đề ra những nhiệm vụ, những mục tiêu mới cho giai cấp, xã hội trên cơ sở thắng lợi hay thất bại của chiến tranh. Ngược lại, chiến tranh là một bộ phận, một phương tiện của chính trị, là kết quả phản ánh những cố gắng cao nhất của chính trị. Chiến tranh tác động trở lại chính trị theo hai hướng tích cực hoặc tiêu cực; hoặc tích cực ở khâu này nhưng lại tiêu cực ở khâu khác. Chiến tranh có thể làm thay đổi đường lối, chính sách, nhiệm vụ cụ thể, thậm chí có thể còn thay đổi cả thành phần của lực lượng lãnh đạo chính trị trong các bên tham chiến. Chiến tranh tác động lên chính trị thông qua việc làm thay đổi về chất tình hình xã hội, nó làm phức tạp hoá các mối quan hệ và làm tăng thêm những mâu thuẫn vốn có trong xã hội có đối kháng giai cấp. Chiến

tranh có thể đẩy nhanh sự chín muồi của cách mạng hoặc làm mất đi tình thế cách mạng. Chiến tranh kiểm tra sức sống của toàn bộ chế độ chính trị xã hội.

Trong thời đại ngày nay mặc dù chiến tranh có những thay đổi về phương thức tác chiến, vũ khí trang bị "song bản chất chiến tranh vẫn không có gì thay đổi, chiến tranh vẫn là sự tiếp tục chính trị của các nhà nước và giai cấp nhất định. Đường lối chính trị của CNDQ và các thế lực thù địch vẫn luôn chứa đựng nguy cơ chiến tranh, đường lối đó đã quyết định đến mục tiêu chiến tranh, tổ chức biên chế, phương thức tác chiến, vũ khí trang bị" của quân đội do chúng tổ chức ra và nuôi dưỡng.

Tính chất của chiến tranh

Xuất phát từ địa vị lịch sử của các giai cấp đối với sự phát triển của xã hội từ mục đích chính trị của chiến tranh. Các Mác, Ăng Ghen đã phân chia chiến tranh thành: chiến tranh tiến bộ và chiến tranh phản động. Chiến tranh tiến bộ bao gồm: những cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc chống lại bọn thực dân xâm lược và những cuộc nội chiến của giai cấp bị áp bức bóc lột. Chiến tranh phản động là những cuộc chiến tranh đi xâm lược đất đai, nô dịch các dân tộc khác. Từ đó, các ông xác định thái độ ủng hộ những cuộc chiến tranh tiến bộ, chính nghĩa và phản đối những cuộc chiến tranh phản động, phi nghĩa.

Lênin phân loại chiến tranh dựa trên các mâu thuẫn cơ bản của thời đại mới và đã phân chiến tranh thành: chiến tranh cách mạng và chiến tranh phản cách mạng hay còn gọi là: chiến tranh chính nghĩa và chiến tranh phi nghĩa. Người xác định thái độ là: giai cấp vô sản cần lên án các cuộc chiến tranh phản cách mạng, phi nghĩa, ủng hộ các cuộc chiến tranh cách mạng, tự vệ chính nghĩa.

1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Chiến tranh

Trên cơ sở lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng, Hồ Chí Minh đã sớm đánh giá đúng đắn bản chất, quy luật của chiến tranh, tác động của chiến tranh đến đời sống xã hội

Khi nói về bản chất của CNDQ, Hồ Chí Minh đã khái quát bằng hình ảnh "con đĩa hai vôi", một vôi hút máu nhân dân lao động chính quốc, một vôi hút máu nhân dân lao động thuộc địa. Trong hội nghị Véc – Xây, Hồ Chí Minh đã vạch trần bản chất, bộ mặt thật của sự xâm lược thuộc địa và chiến tranh cướp bóc của chủ nghĩa thực dân Pháp. "Người Pháp khai hoá văn minh bằng rượu lậu, thuốc phiện". Nói về mục đích cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Người khẳng định: "*Ta chỉ giữ gìn non sông, đất nước của ta. Chỉ chiến đấu cho quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Còn thực dân phản động Pháp thì mong ăn cướp nước ta, mong bắt dân ta làm nô lệ*".

Như vậy, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, cuộc chiến tranh do thực dân Pháp tiến hành ở nước ta là cuộc chiến tranh xâm lược. Ngược lại cuộc chiến tranh của nhân ta chống thực dân Pháp xâm lược là cuộc chiến tranh nhằm bảo vệ độc lập chủ quyền và thống nhất đất nước.

- Xác định tính chất xã hội của chiến tranh, phân tích tính chất chính trị - xã hội của chiến tranh xâm lược thuộc địa, chiến tranh ăn cướp của chủ nghĩa đế quốc, chỉ ra tính chất chính nghĩa của chiến tranh giải phóng dân tộc.

Trên cơ sở mục đích chính trị của chiến tranh, Hồ Chí Minh đã xác định tính chất xã hội của chiến tranh, chiến tranh xâm lược là phi nghĩa, chiến tranh chống xâm lược là chính nghĩa, từ đó xác định thái độ của chúng ta là ủng hộ chiến tranh chính nghĩa, phản đối chiến tranh phi nghĩa.

Kế thừa và phát triển tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin về bạo lực cách mạng, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo vào thực tiễn chiến tranh cách mạng Việt Nam. Người khẳng định: "Chế độ thực dân, tự bản thân nó đã là một hành động bạo lực, **độc lập tự do không thể cầu xin mà có** được, phải dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền".

Bạo lực cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh được tạo bởi sức mạnh của toàn dân, bằng cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

- Theo Hồ Chí Minh, chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta là chiến tranh nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Hồ Chí Minh luôn coi con người là nhân tố quyết định thắng lợi trong chiến tranh. Người chủ trương phải dựa vào dân, coi dân là gốc, là cội nguồn của sức mạnh:

*“Gốc có vững thì cây mới bền,
Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân”*

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh nhân dân là một trong những di sản quý báu của Người. Tư tưởng này được Hồ Chí Minh trình bày một cách giản dị, dễ hiểu nhưng sinh động và rất sâu sắc. Chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng là cuộc chiến tranh toàn dân, phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Tư tưởng của Người được thể hiện rõ nét trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp ngày 19/12/1946: "*Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc... hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước*".

Để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược, Người tiếp tục khẳng định: "Ba mươi một triệu đồng bào ta ở cả hai miền, bất kì già trẻ, gái trai, phải là ba mươi một triệu chiến sĩ anh dũng diệt Mĩ cứu nước, quyết giành thắng lợi cuối cùng".

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đánh giặc phải bằng sức mạnh của toàn dân, trong đó phải có lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kháng chiến toàn dân phải đi đôi với kháng chiến toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, đánh địch trên tất cả các mặt trận: QS; chính trị; kinh tế; văn hoá; ngoại giao...

Sự khái quát trên đã phản ánh nét đặc sắc của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại mới và là một sự phát triển đến đỉnh cao tư tưởng vũ trang toàn dân của chủ nghĩa Mác – Lênin. Sự phát triển sâu sắc làm phong phú thêm lí luận mác xít về chiến tranh nhân dân trong điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam.

Đối với chủ tịch Hồ Chí Minh, tránh được chiến tranh là thượng sách, Người cố gắng dùng các phương thức ít đổ máu để giành và giữ chính quyền. Khi đã phải dùng chiến tranh thì sự hi sinh mất mát là không tránh khỏi, do đó, Người thường xuyên nhắc nhở các cấp, các ngành, toàn dân phải ghi ơn những người đã ngã xuống cho độc lập tự do của Tổ Quốc, phải chăm sóc gia đình thương binh liệt sĩ và đối xử khoan hồng với tù, hàng binh địch. Tư tưởng nhân văn trong QS của Hồ chí Minh được kết tinh trong truyền thống “Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín”; “*mở đường hiếu sinh*” cho kẻ thù là truyền thống Việt Nam, nó độc lập hoàn toàn với tư tưởng hiếu chiến, tàn ác của thực dân, đế quốc xâm lược.

- *Kháng chiến lâu dài, dựa vào sức mình là chính*

Xuất phát từ hoàn cảnh nước ta là một nước nghèo, kinh tế kém phát triển, vừa giành được độc lập lại phải đương đầu với thực dân, đế quốc có tiềm lực kinh tế QS mạnh hơn ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương “*vừa kháng chiến vừa kiến quốc*” để xây dựng và phát triển lực lượng ta, bảo đảm ta càng đánh càng trưởng thành. Người chỉ đạo: phải trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh, “*trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi*”. Trường kỳ là đánh lâu dài, lấy thời gian làm lực lượng để chuyển hoá so sánh dần dần thế và lực của ta, giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Tự lực cánh sinh là dựa vào sức mình, không ỷ lại, “*phải đem sức ta mà giải phóng cho ta*”, nhưng đồng thời phải hết sức tranh thủ sự đồng tình giúp đỡ của quốc tế, tạo nên sức mạnh tổng hợp lớn hơn địch để đánh và thắng chúng.

Tư tưởng cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chiến tranh đã trở thành tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt và là nguồn gốc thắng lợi trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của nhân dân ta. Ngày nay những tư tưởng đó còn nguyên giá trị, định hướng của Đảng ta trong việc đề ra những quan điểm cơ bản tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

2. Quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Quân đội

2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về quân đội

- Theo Ăngghen, “*Quân đội là một tập đoàn người có vũ trang, có tổ chức, do nhà nước xây dựng để dùng vào cuộc chiến tranh tiến công hoặc chiến tranh phòng ngự*”.

Cùng với việc nghiên cứu về chiến tranh, Ph. Ăngghen đã vạch rõ: quân đội là một tổ chức của một giai cấp và nhà nước nhất định, là công cụ chủ yếu để tiến hành chiến tranh.

Trong điều kiện CNTB đã phát triển sang CNDQ, Lênin nhấn mạnh, chức năng cơ bản của quân đội đế quốc là phương tiện QS để đạt mục tiêu chính trị đối ngoại và duy trì quyền thống trị của bọn bóc lột đối với nhân dân lao động trong nước.

- *Nguồn gốc ra đời của quân đội:*

Từ khi quân đội xuất hiện đến nay, đã có không ít nhà lí luận đề cập đến nguồn gốc, bản chất của quân đội trên các khía cạnh khác nhau. Nhưng chỉ có chủ nghĩa Mác - Lênin mới lí giải đúng đắn và khoa học về hiện tượng chính trị xã hội đặc thù này.

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã chứng minh một cách khoa học về nguồn gốc ra đời của quân đội từ sự phân tích cơ sở kinh tế - xã hội và khẳng định: quân đội là một hiện tượng lịch sử, ra đời trong giai đoạn phát triển nhất định của xã hội loài người, khi xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự đối kháng giai cấp trong xã hội. Chính chế độ tư hữu và đối kháng giai cấp đã làm nảy sinh nhà nước thống trị bóc lột. Để bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị và đàn áp quần chúng nhân dân lao động giai cấp thống trị đã tổ chức ra lực lượng vũ trang thường trực làm công cụ bạo lực của nhà nước.

Như vậy, chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự phân chia xã hội thành giai cấp đối kháng là nguồn gốc ra đời của quân đội. Chừng nào còn chế độ tư hữu, còn chế độ áp bức bóc lột thì quân đội vẫn còn tồn tại. Quân đội chỉ mất đi khi giai cấp, nhà nước và những điều kiện sinh ra nó tiêu vong.

- *Bản chất giai cấp của quân đội:*

C. Mác, Ăngghen lý giải sâu sắc bản chất quân đội, quân đội là công cụ bạo lực vũ trang của một giai cấp, một nhà nước nhất định. Bản chất giai cấp của quân đội là bản chất của giai cấp của nhà nước đã tổ chức, nuôi dưỡng và sử dụng nó.

Bản chất giai cấp của quân đội không phải tự phát hình thành mà phải trải qua quá trình xây dựng lâu dài và được củng cố liên tục. Bản chất giai cấp quân đội là tương đối ổn định, nhưng không phải là bất biến. Sự vận động phát triển bản chất giai cấp của quân đội bị chi phối bởi nhiều yếu tố như: giai cấp, nhà nước, các lực lượng, tổ chức chính trị xã hội và việc giải quyết các mối quan hệ trong nội bộ trong quân đội. Do sự tác động của các yếu tố trên mà bản chất giai cấp của quân đội có thể được tăng cường hoặc bị phai nhạt, thậm chí bị biến chất và tuột khỏi tay nhà nước, giai cấp đã tổ chức ra, nuôi dưỡng

quân đội đó. Sự thay đổi bản chất giai cấp quân đội diễn ra dần dần thông qua việc tăng cường hoặc suy yếu dần các mối quan hệ trên.

Trong tình hình hiện nay, các học giả tư sản thường rêu rao luận điểm "phi chính trị hoá quân đội", cho quân đội phải đứng ngoài chính trị, quân đội là công cụ bạo lực của toàn xã hội, không mang bản chất giai cấp. Thực chất quan điểm "phi chính trị hoá quân đội" của các học giả tư sản nhằm làm suy yếu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, làm giảm sức mạnh chiến đấu, từng bước làm thoái hoá về chính trị tư tưởng, phai nhạt bản chất cách mạng của quân đội. Đó là một mục tiêu quan trọng trong chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của CNĐQ. Mặt khác, mặt trái của nền kinh tế thị trường tác động không nhỏ tới tăng cường bản chất giai cấp công nhân, bản chất cách mạng của quân đội. Những biểu hiện cường điệu lợi ích vật chất, lè thối thực dụng, cơ hội về chính trị, sự suy giảm về đạo đức cách mạng là những cản trở trong xây dựng quân đội cách mạng hiện nay.

- Sức mạnh chiến đấu của quân đội.

Theo C. Mác, Ăngghen sức mạnh chiến đấu của quân đội phụ thuộc vào rất nhiều nhân tố như: con người, các điều kiện kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, vũ khí trang bị, khoa học QS và phương thức sản xuất. Các ông rất chú trọng đến khâu đào tạo cán bộ chính trị QS, đánh giá nhận xét về tài năng của nhiều nhà QS trong lịch sử, đồng thời phê phán sự yếu kém của nhiều tướng lĩnh QS.

Bảo vệ và phát triển lí luận của C.Mác, Ăngghen về quân đội, Lênin chỉ rõ sức mạnh chiến đấu của quân đội phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó khẳng định, vai trò quyết định của nhân tố chính trị tinh thần trong chiến tranh, Người nói: “trong mọi cuộc chiến tranh, rốt cuộc thắng lợi, thất bại đều tuỳ thuộc vào trạng thái chính trị tinh thần của quần chúng đang đổ máu trên chiến trường quyết định”.

- Nguyên tắc xây dựng quân đội kiểu mới của Lênin

Lênin đã kế tục, bảo vệ và phát triển lí luận của C.Mác, Ăngghen về quân đội và vận dụng thành công xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp vô sản ở nước Nga Xô viết.

Ngay sau Cách mạng tháng 10 Nga (năm 1917), các thế lực thù địch điên cuồng chống phá nước Nga Xô viết non trẻ. Để bảo đảm thành quả cách mạng, Lênin yêu cầu phải giải tán ngay quân đội cũ, nhanh chóng thành lập quân đội kiểu mới (Hồng quân) của giai cấp vô sản, Lênin xác định những nguyên tắc quan trọng nhất, quyết định sức mạnh, sự tồn tại, phát triển, chiến đấu, chiến đấu của Hồng quân.

Ngày nay những nguyên tắc cơ bản về xây dựng quân đội kiểu mới của Lênin vẫn giữ nguyên giá trị, đó là cơ sở lý luận cho các Đảng cộng sản đề ra phương hướng tổ chức xây dựng quân đội của mình.

2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Quân đội

- *Khẳng định sự ra đời của quân đội là tất yếu, là vấn đề có tính quy luật trong đấu tranh giai cấp, giải phóng dân tộc ở Việt Nam.*

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định tính *tất yếu* phải dùng bạo lực cách mạng để giành và giữ chính quyền. Theo Người, tiến hành chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc nhưng phải lấy lực lượng VTND làm nòng cốt. Vì vậy, ngay từ đầu, Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định phải “*tổ chức quân đội công nông*”, chuẩn bị lực lượng tổng khởi nghĩa. Xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Ngày 22/12/1944, đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân - tiền thân của quân đội ta hiện nay được thành lập. Sự ra đời của quân đội xuất phát từ chính yêu cầu của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp ở nước ta. Thực tiễn lịch sử cho thấy, kẻ thù sử dụng bạo lực phản cách mạng để áp bức nô dịch dân tộc ta. Do vậy, muốn giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp chúng ta phải tổ chức bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng.

Để thực hiện được mục tiêu cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã tổ chức ra LLVT cách mạng làm nòng cốt cho cuộc đấu tranh giai cấp, dân tộc mà tiền thân của nó là những đội xích vệ đỏ, du kích vũ trang, sau đó phát triển thành QĐND. QĐND Việt Nam là LLVT cách mạng của giai cấp công nhân và quần chúng lao động, đấu tranh với kẻ thù giai cấp và kẻ thù dân tộc.

Quá trình xây dựng chiến đấu và trưởng thành của quân đội ta luôn luôn gắn liền với phong trào cách mạng của quần chúng, với các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc XHCN. Chính từ thực tiễn phong trào cách mạng của quần chúng, những thăng trầm của chiến tranh, những thử thách ác liệt cùng với những hi sinh to lớn mà phẩm chất "Bộ đội Cụ Hồ" được rèn luyện, kiểm nghiệm nghiêm ngặt nhất và được phát triển lên những đỉnh cao. Ngay từ khi mới thành lập mặc dù đại bộ phận cán bộ chiến sĩ xuất thân từ nông dân nhưng tất cả họ đều là những người có lòng yêu nước mãnh liệt, trí căm thù giặc sâu sắc.

Trải qua những năm tháng phục vụ trong quân đội họ không ngừng được nâng cao giác ngộ cách mạng, chuyển từ giác ngộ dân tộc lên giác ngộ giai cấp, từ tinh thần độc lập dân tộc lên ý thức XHCN, chuyển lập trường của giai cấp xuất thân sang lập trường giai cấp công nhân để xem xét giải quyết đánh giá công việc. Sự thống nhất hữu cơ trên, từ nét đặc thù về chế độ chính trị, bản chất Nhà nước, giai cấp tổ chức, nuôi dưỡng và sử dụng quân đội. QĐND Việt Nam sinh ra từ các phong trào cách mạng của quần chúng, được nhân dân nuôi dưỡng, đùm bọc, che chở và tiếp sức, lại được tổ chức giáo dục rèn luyện bởi Đảng Cộng sản Việt Nam - Người đại biểu trung thành cho lợi ích

giai cấp, dân tộc và nhân dân, vì vậy quân đội luôn hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó.

- *QĐND VN mang bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc.*

Với cương vị là người tổ chức, lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện quân đội ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên coi trọng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội. Bản chất giai cấp công nhân liên hệ mật thiết với tính nhân dân trong tiến hành chiến tranh nhân dân chống thực dân, đế quốc xâm lược. Trong xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội, Hồ Chí Minh hết sức quan tâm đến giáo dục, nuôi dưỡng các phẩm chất cách mạng, bản lĩnh chính trị và coi đó là cơ sở, nền tảng để xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện. Trong buổi lễ phong quân hàm cho các cán bộ cao cấp QĐND Việt Nam ngày 22/12/1958, Người vừa biểu dương, vừa căn dặn: "Quân đội đã hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và Chính phủ giao cho, đã có truyền thống vẻ vang là tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân, chiến đấu anh dũng, công tác và lao động tích cực, tiết kiệm, cần cù, khiêm tốn, giản dị, đoàn kết nội bộ, đồng cam cộng khổ với nhân dân, sẵn sàng khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ". Lời căn dặn của Người là sự khái quát các phẩm chất, tiêu chí bản chất giai cấp công nhân của quân đội ta.

Trong bài nói chuyện tại buổi chiêu đãi mừng quân đội ta tròn hai mươi tuổi ngày 22/12/1964, Hồ Chí Minh tiếp tục khẳng định bản chất giai cấp của quân đội là công cụ bạo lực vũ trang của giai cấp, nhà nước. Người ngợi khen "*Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hi sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng*".

QĐND Việt Nam được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp tổ chức lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện, được nhân dân hết lòng yêu thương, đùm bọc, đồng thời được kế thừa những truyền thống tốt đẹp của một dân tộc có hàng ngàn năm văn hiến và lịch sử đấu tranh dựng nước gắn liền với giữ nước oanh liệt. Do đó, ngay từ khi ra đời và trong suốt quá trình phát triển, quân đội ta luôn thực sự là một quân đội kiểu mới mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, đồng thời có tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc.

- *Bác khẳng định, quân đội ta từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu.*

Đây là một trong những cống hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong phát triển lí luận về quân đội. Người lập luận, bản chất giai cấp công nhân và tính nhân dân của quân đội ta là một thể thống nhất, xem đó như là biểu hiện tính quy luật của quá trình hình thành, phát triển quân đội kiểu mới, quân đội của giai cấp vô sản. Trong bài *Tình đoàn kết quân dân ngày càng thêm bền chặt*, ngày 03/3/1952, Người viết: "*Quân đội ta là QĐND. Nghĩa là con em ruột thịt của nhân dân. Đánh giặc để giành lại độc lập thống nhất cho Tổ quốc, để bảo vệ tự do, hạnh phúc của nhân dân. Ngoài lợi ích của nhân dân, quân đội ta không có lợi ích nào khác*".

- Đảng lãnh đạo **“Tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt”** là nguyên tắc xây dựng quân đội kiểu mới, quân đội của giai cấp vô sản.

Bắt nguồn từ nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp vô sản, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt quan tâm đến công cụ đặc biệt này để nó thực sự trở thành lực lượng nòng cốt trong đấu tranh giai cấp, kể cả tiến hành chiến tranh.

Để phát huy nhân tố con người. Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên chăm lo đến đời sống vật chất tinh thần của bộ đội, khuyên răn, động viên, và biểu dương kịp thời những gương *“người tốt, việc tốt”*. Người nói: *“Tướng là kẻ giúp nước, tướng giỏi thì nước mạnh, tướng xoàng thì nước hèn”* do đó, phải chăm lo xây dựng cán bộ có đủ đức, đủ tài, Người đòi hỏi mỗi cán bộ phải có đủ tư cách: Trí, Dũng, Nhân, Tín, Liêm, Trung.

Đảng Cộng sản Việt Nam - Người tổ chức lãnh đạo giáo dục và rèn luyện quân đội - là nhân tố quyết định sự hình thành và phát triển bản chất giai cấp công nhân của quân đội ta. Trong suốt quá trình xây dựng chiến đấu và trưởng thành của quân đội, Đảng cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự chăm lo đặc biệt đối với quân đội. Điều này được thể hiện rõ nét trong cơ chế lãnh đạo: *tuyệt đối trực tiếp về mọi mặt* của Đảng đối với quân đội trong thực hiện chế độ công tác đảng, công tác chính trị. Nhờ đó, QĐND Việt Nam trở thành một quân đội kiểu mới mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân. Thành tựu to lớn trong tăng cường bản chất giai cấp công nhân cho quân đội ta là, Đảng đã đào tạo nên những thế hệ *"Bộ đội cụ Hồ"*, một mẫu hình mới trong quân đội kiểu mới.

Như vậy, không có một Đảng Cộng sản chân chính, không có một giai cấp công nhân Việt Nam cách mạng, kiên định lập trường XHCN, thì QĐND Việt Nam không thể giữ vững được bản chất giai cấp công nhân, mục tiêu lí tưởng chiến đấu của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Quân đội ta có sức mạnh vô địch vì nó là một QĐND do Đảng ta xây dựng, Đảng ta lãnh đạo và giáo dục.

- *Nhiệm vụ và chức năng cơ bản của quân đội*

Mục tiêu lí tưởng chiến đấu của quân đội ta là thực hiện mục tiêu lí tưởng các mạng của Đảng, của giai cấp công nhân và của toàn dân tộc: Gắn giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội. Theo Hồ Chí Minh, quân đội ta có hai nhiệm vụ chính:

Một là, xây dựng một đội quân ngày càng hùng mạnh và sẵn sàng chiến đấu.

Hai là, thiết thực tham gia lao động sản xuất, góp phần xây dựng CNXH.

Nhiệm vụ của quân đội ta hiện nay là phải luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi bảo vệ Tổ quốc XHCN. Trước tình hình nhiệm vụ mới của cách mạng và của quân đội, ngoài nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, quân đội phải tham gia sản

xuất ra của cải vật chất và tiến hành công tác huấn luyện. Đây là vấn đề khác về chất so với quân đội của giai cấp bóc lột.

Quân đội ta có 3 chức năng:

Là đội quân chiến đấu;

Là đội quân công tác;

Là đội quân sản xuất.

Ba chức năng đó phản ánh cả mặt đối nội, đối ngoại của quân đội.

Với tư cách là đội quân chiến đấu, quân đội luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc XHCN, góp phần bảo vệ trật tự an toàn xã hội, tham gia vào cuộc tiến công địch trên mặt trận lí luận, chính trị - tư tưởng, văn hoá; là đội quân sản xuất, quân đội tăng gia sản xuất cải thiện đời sống cho bộ đội, xây dựng kinh tế, góp phần xây dựng, phát triển đất nước, trong điều kiện hiện nay, quân đội còn là lực lượng nòng cốt và xung kích trong xây dựng kinh tế - quốc phòng ở các địa bàn chiến lược, nhất là ở biên giới, biển đảo, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn gian khổ và ở những địa bàn có những tình huống phức tạp nảy sinh; là đội quân công tác, quân đội tham gia vận động quần chúng nhân dân xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh, góp phần tăng cường sự đoàn kết giữa Đảng với nhân dân, quân đội với nhân dân; giúp dân chống thiên tai, giải quyết khó khăn trong sản xuất và đời sống, tuyên truyền vận động nhân dân hiểu rõ và chấp hành đúng đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Thực tiễn 79 năm xây dựng, chiến đấu, trưởng thành của quân đội ta (từ 22/12/1944) đã chứng minh: quân đội đã thực hiện đầy đủ và thực hiện xuất sắc 3 chức năng trên cùng toàn Đảng, toàn dân lập nên những chiến công hiển hách trong chiến tranh giải phóng. Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay, quân đội có vai trò hết sức nặng nề. Quân đội luôn phải là đội quân cách mạng, lực lượng chính trị, công cụ vũ trang sắc bén của Đảng, có sức chiến đấu cao, sẵn sàng đánh bại mọi kẻ thù, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ... Để thực hiện vai trò đó, cần đổi mới nhận thức về các chức năng của quân đội cho phù hợp với tình hình mới.

3. Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng HCM về bảo vệ Tổ quốc

3.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về bảo vệ Tổ quốc

Tổ quốc luôn gắn với Nhà nước và giai cấp thống trị xã hội. Theo Các Mác, Ăngghen “Dưới chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân không có Tổ quốc”. Nhận định về khả năng giành thắng lợi của cách mạng vô sản. Các Mác, Ăngghen cho rằng “*cuộc cách mạng cộng sản chủ nghĩa không những có tính chất dân tộc mà sẽ đồng thời xảy ra ở trong tất cả các nước văn minh, tức là ở nước Nhật, ở Anh, Mỹ, Pháp và Đức*”.

Trong điều kiện lịch sử cụ thể, thời C.Mác, Ăngghen, vấn đề bảo vệ Tổ quốc XHCN chưa đặt ra một cách trực tiếp. Bài học kinh nghiệm của công xã Paris có ý nghĩa rất

quan trọng đối với việc bảo vệ thành quả cách mạng, sau khi giai cấp vô sản giành được chính quyền nhưng đây mới chỉ là ý kiến ban đầu về BVTQ XHCN.

Học thuyết bảo vệ Tổ quốc XHCN là một cống hiến mới của Lênin vào kho tàng chủ nghĩa Mác, nó đáp ứng trực tiếp nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc XHCN ở nước Nga. Học thuyết đó chỉ ra một số vấn đề sau:

- Bảo vệ Tổ quốc XHCN là tất yếu, khách quan:

+ Ngay sau CM tháng 10 Nga thành công, CNĐQ tìm mọi cách tiêu diệt Nhà nước XHCN đầu tiên trên thế giới. Lênin đã chứng minh tính tất yếu khách quan phải bảo vệ thành quả cách mạng của giai cấp vô sản chống lại sự tấn công vũ trang của Nhà nước Tư bản, đế quốc. Bởi vì bản chất của CNĐQ là xâm lược, phải ngăn chặn mưu đồ của chúng.

+ Lênin viết: “*Kể từ ngày 25/10/1917, chúng ta là những người chủ trương bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta tán thành “bảo vệ Tổ quốc” nhưng cuộc chiến tranh giữ nước mà chúng ta đang đi tới là một cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc XHCN*”. Cống hiến quan trọng của Lênin ở chỗ lần đầu tiên làm sáng tỏ mục tiêu bảo vệ Tổ quốc XHCN: bảo vệ Tổ quốc bao giờ cũng gắn với bảo vệ chế độ, “*Bảo vệ XHCN với tính cách là bảo vệ Tổ quốc*”.

+ Lênin nhấn mạnh: “*Nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc XHCN phải tiến hành ngay khi giai cấp vô sản giành được chính quyền, kéo dài đến hết thời kỳ quá độ cho đến khi nào không còn sự phản kháng của giai cấp Tư bản - đế quốc*”.

- Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN là nghĩa vụ, trách nhiệm của toàn dân tộc, toàn thể giai cấp công nhân, nông dân và nhân dân lao động.

+ Trong những năm đầu của chính quyền Xô viết, Lênin trực tiếp lãnh đạo xây dựng đất nước, chống lại sự can thiệp của các nước đế quốc, tư bản và tiến hành nội chiến cách mạng. Đó là những năm tháng cực kỳ khó khăn, gian khổ. Người chỉ rõ: “*Bảo vệ Tổ quốc XHCN là nghĩa vụ, là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, của giai cấp vô sản trong nước, nhân dân lao động và giai cấp vô sản thế giới có nghĩa vụ ủng hộ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN*”. Người nhắc nhở mọi người phải cảnh giác đánh giá đúng kẻ thù, tuyệt đối không chủ quan “*Phải có thái độ nghiêm túc đối với quốc phòng*”. Người luôn lạc quan tin tưởng ở sức mạnh bảo vệ Tổ quốc của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Người nói: “*Không bao giờ người ta có thể chiến thắng được một dân tộc mà đa số công nhân và nông dân đã biết, đã cảm và trông thấy họ bảo vệ chính quyền của mình, chính quyền Xô viết, chính quyền của những người lao động, rằng họ bảo vệ sự nghiệp mà một khi thắng lợi sẽ bảo đảm cho họ, cũng như con cái họ, có khả năng hưởng thụ mọi thành quả văn hóa, mọi thành quả lao động của con người*”.

- Bảo vệ Tổ quốc XHCN, là phải thường xuyên tăng cường tiềm lực quốc phòng gắn với phát triển KT-XH

+ Học thuyết bảo vệ Tổ quốc XHCN của Lênin đã khẳng định: *“Bảo vệ Tổ quốc XHCN là sự nghiệp thiêng liêng, cao cả, mang tính cách mạng, chính nghĩa và có ý nghĩa quốc tế sâu sắc, sự nghiệp đó phải được quan tâm, chuẩn bị chu đáo và kiên quyết”*. Lênin đã đưa ra nhiều biện pháp về bảo vệ Tổ quốc như: củng cố chính quyền Xô viết ở các cấp; bài trừ nội phản, tiêu diệt bạch vệ; đẩy mạnh phát triển kinh tế văn hoá, khoa học kỹ thuật, vận dụng đường lối đối ngoại khôn khéo, kiên quyết về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược, triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù; chăm lo xây dựng quân đội kiểu mới. Lênin cùng Đảng Bôn-Sê-Vích Nga lãnh đạo nhân dân, tranh thủ thời gian hoà bình, xây dựng đất nước mạnh lên về mọi mặt, từng bước biến các tiềm lực thành sức mạnh hiện thực của nền quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc XHCN.

- *Đảng cộng sản lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc*

+ Lênin chỉ ra rằng: Đảng cộng sản phải lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp BVTQ. Đảng phải đề ra chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình, có sáng kiến để lôi kéo quần chúng và phải có đội ngũ Đảng viên gương mẫu, hi sinh. Trong quân đội, chế độ chính uỷ được thực hiện, cán bộ chính trị được lấy từ những đại biểu ưu tú của công nhân, thực chất đó là người đại diện của Đảng, để thực hiện sự lãnh đạo của Đảng trong quân đội. Đảng hướng dẫn, giám sát các hoạt động của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể nhân dân lao động. Sự lãnh đạo của ĐCS là nguyên tắc cao nhất, là cội nguồn sức mạnh bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

3.2. Tư tưởng Hồ chí Minh về bảo vệ Tổ quốc XHCN

Tư tưởng Hồ Chí Minh về BVTQ XHCN là sự vận dụng sáng tạo học thuyết Mác-Lênin về BVTQ XHCN vào tình hình cụ thể Việt Nam. Tư tưởng của Người là:

-*BVTQ XHCN là tất yếu khách quan thể hiện ý chí quyết tâm của nhân dân ta.*

+ Tính tất yếu khách quan bảo vệ Tổ quốc được Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: *“Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”*, ý chí giữ nước của Người rất sâu sắc, kiên quyết. Trong lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến ngày 19/12/1946 Người nói: *“Chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”*. *“...Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!”*.

+ *“Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ không chia tôn giáo, Đảng phái, dân tộc. Ai có súng thì dùng súng, ai có gươm thì dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước... Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hi sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta.”*. Ngay sau khi cách mạng tháng 8/1945 thành công, trước sự uy hiếp của thực dân, đế quốc và bọn phản động các loại, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Đảng ta đề ra nhiều biện pháp thiết thực cụ thể để giữ vững chính quyền nhân dân chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: *“Không có gì quý hơn độc lập tự do”*. *“Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn chiến đấu quét sạch nó đi”*. Trong lời di chúc cuối cùng Người căn

dẫn: “*Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hi sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta cũng phải quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn*”.

Ý chí quyết tâm giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc là tư tưởng xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- *Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc là bảo vệ độc lập dân tộc và CNXH là nghĩa vụ trách nhiệm của mọi công dân.*

+ Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, bảo vệ Tổ quốc là sự gắn kết chặt chẽ giữa mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, là sự thống nhất giữa các vấn đề: dân tộc, giai cấp và thời đại.

+ Xác định bảo vệ Tổ quốc XHCN là trách nhiệm, là nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi người dân Việt Nam yêu nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bản tuyên bố: “*Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy*”. Khi Pháp trở lại xâm lược nước ta Người kêu gọi “*hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc*”. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước Người kêu gọi nhân dân cả nước quyết tâm chiến đấu thắng lợi hoàn toàn để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc tiến tới thống nhất nước nhà.

- *Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh của cả dân tộc, cả nước kết hợp với sức mạnh thời đại.*

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhất quán quan điểm: Phát huy sức mạnh tổng hợp trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc XHCN. Đó là sức mạnh của toàn dân tộc, toàn dân, của từng người dân, của các cấp, các ngành, từ trung ương đến cơ sở, là sức mạnh của các nhân tố chính trị, QS, kinh tế, văn hoá – xã hội, sức mạnh truyền thống với sức mạnh hiện tại, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Khi nói về sức mạnh bảo vệ Tổ quốc của dân tộc, đồng bào ta Người khẳng định: “*sự đồng tâm của đồng bào ta đúc thành bức tường đồng xung quanh Tổ quốc, dù địch hung hãn, xảo quyệt đến mức nào đụng đầu vào bức tường đó chúng đều thất bại*”.

+ So sánh về sức mạnh giữa chúng ta với quân xâm lược, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Người phân tích: “*Chúng ta có chính nghĩa, có sức mạnh đoàn kết toàn dân từ Bắc đến Nam, có truyền thống bất khuất, lại có sự đồng tình ủng hộ to lớn của các nước XHCN anh em và nhân dân tiến bộ trên thế giới, chúng ta nhất định thắng*”. Để bảo vệ Tổ quốc XHCN Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng xây dựng và củng cố nền QPTD, ANND, xây dựng QĐND coi đó là lực lượng chủ chốt để bảo vệ Tổ quốc. Người căn dặn chúng ta phải xây dựng quân đội ngày càng hùng mạnh, sẵn sàng chiến đấu để giữ gìn hoà bình, bảo vệ đất nước, bảo vệ công cuộc xây dựng CNXH.

- *Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.*

+ Đảng ta là người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN phải do Đảng lãnh đạo. Chủ tịch HCM nói: *“Đảng và chính phủ phải lãnh đạo toàn dân, ra sức củng cố và xây dựng miền Bắc tiến dần lên CNXH, đồng thời tiếp tục đấu tranh để thống nhất nước nhà, trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng phương pháp hoà bình, góp phần bảo vệ công cuộc hoà bình ở Á đông và trên thế giới”* và khẳng định *“Với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và chính phủ, với sự đoàn kết nhất chí, lòng tin tưởng vững chắc vào tinh thần tự lực cánh sinh của mình, với sự giúp đỡ vô tư của các nước anh em, với sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới nhất là nhân dân các nước Á phi, nhân dân ta nhất định khắc phục mọi khó khăn, làm tròn được mọi nhiệm vụ vẻ vang mà Đảng và chính phủ đã đề ra”*.

+ Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc, ngày nay toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đang thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Việt Nam XHCN.

III. KẾT LUẬN

+ *Học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng HCM về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc mang tính cách mạng và khoa học sâu sắc. Đó là cơ sở lý luận để Đảng cộng sản đề ra chủ trương, đường lối, chiến lược xây dựng nền QPTD, ANND, bảo vệ Tổ quốc XHCN.*

+ *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ – Chí – Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc XHCN vẫn còn nguyên giá trị, chúng ta nắm vững những nội dung cơ bản đó, vận dụng sáng tạo và chỉ đạo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong giai đoạn mới. Đồng thời kiên quyết đấu tranh chống lại mọi sự xuyên tạc, bôi nhọ của kẻ thù, bảo vệ và phát triển sáng tạo những nội dung đó trong điều kiện lịch sử mới.*

+ *Là sinh viên cần tích cực học tập, nghiên cứu nhận thức đúng đắn các nội dung trên, từ đó xây dựng niềm tin và có ý thức trách nhiệm góp phần tích cực bảo vệ và phát triển những nội dung đó để tham gia xây dựng tiềm lực quốc phòng ngành vững, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.*

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về nguồn gốc, bản chất chiến tranh ?
2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội ?
3. Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc?
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc XHCN ?
5. Quan điểm và một số giải pháp cơ bản của Đảng ta về bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới ? Sự khác nhau của C.Ph. Claudovít và Lênin về bản chất của chiến tranh ?

Bài 3
XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN,
AN NINH NHÂN DÂN, BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC

-----*-----

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Bồi dưỡng cho sinh viên hiểu được mục đích, tính chất, quan điểm, nội dung cơ bản và những biện pháp chủ yếu xây dựng nền QPTD, ANND từ đó góp phần xây dựng niềm tin và có quyết tâm cao bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

2. Yêu cầu

Đề cao trách nhiệm hiểu đúng, đủ nội dung của bài phát huy tính sáng tạo của tuổi trẻ tích cực hoạt động góp phần xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh.

II. NỘI DUNG

1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

1.1. Vị trí

- *Một số khái niệm*

+ QPTD là nền quốc phòng mang tính chất “vì dân, do dân, của dân”, phát triển theo phương hướng toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và ngày càng hiện đại, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước, do nhân dân làm chủ, nhằm giữ vững hoà bình, ổn định của đất nước, sẵn sàng đánh bại mọi hành động xâm lược và bạo loạn lật đổ của các thế lực đế quốc, phản động; bảo vệ vững chắc Tổ quốc.”

+ “Nền QPTD là sức mạnh quốc phòng của đất nước được xây dựng trên nền tảng nhân lực, vật lực, tinh thần mang tính chất toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường”

+ ANND:

“1. Là sự nghiệp của toàn dân, do nhân dân tiến hành, lực lượng ANND làm nòng cốt dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Kết hợp phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng chuyên trách, nhằm đập tan mọi âm mưu và hành động xâm phạm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, cùng với QPTD bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

2. Bộ phận của LL VTND Việt Nam có vai trò nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia. An ninh quốc gia có nhiệm vụ: đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ Đảng, Chính quyền, các lực lượng vũ trang và nhân dân.”

+ Nền an ninh là sức mạnh về tinh thần, vật chất, sự đoàn kết và truyền thống dựng nước, giữ nước của toàn dân tộc được huy động vào sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, trong đó lực lượng chuyên trách bảo vệ ANND làm nòng cốt.

- *Vị trí*

Xây dựng nền QP&AN nhân dân vững mạnh là tạo ra sức mạnh để ngăn ngừa, đẩy lùi, đánh bại mọi âm mưu, hành động xâm hại phá hoại công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Đảng ta đã khẳng định: “Trong khi đặt trọng tâm vào nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta không một chút lơ là nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, luôn luôn coi trọng QP&AN, coi đó là hai nhiệm vụ chiến lược gắn bó chặt chẽ”

1.2. Đặc trưng

Nền QPTD, ANND của ta có những đặc trưng:

- *Nền QPTD, ANND chỉ có mục đích duy nhất là tự vệ chính đáng*

Đặc trưng thể hiện sự khác nhau về bản chất trong xây dựng nền QP&AN của những quốc gia có độc lập chủ quyền đi theo con đường XHCN với các nước khác. Chúng ta xây dựng nền QP&AN nhân dân vững mạnh là để tự vệ, chống lại thù trong, giặc ngoài, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ chế độ XHCN và cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc của nhân dân.

- *Đó là nền QP&AN vì dân, của dân và do nhân dân tiến hành.*

Đặc trưng này thể hiện ở truyền thống, kinh nghiệm của dân tộc ta trong lịch sử dựng nước, giữ nước. Đặc trưng vì dân, của dân, do dân và mục đích tự vệ của nền QP&AN cho phép huy động mọi người, mọi tổ chức, mọi lực lượng xây dựng nền QP&AN. Đồng thời, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về QP&AN phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và khả năng của nhân dân.

- *Đó là nền QP&AN có sức mạnh tổng hợp do nhiều yếu tố tạo thành*

Sức mạnh tổng hợp của nền QP&AN nước ta tạo thành bởi rất nhiều yếu tố như chính trị, kinh tế, văn hoá, tư tưởng, khoa học, QS, an ninh,... cả ở trong nước, ngoài nước, của dân tộc và của thời đại, trong đó những yếu tố bên trong của dân tộc bao giờ cũng giữ vai trò quyết định. Sức mạnh tổng hợp của nền QPTD, ANND là cơ sở, tiền đề và là biện pháp để nhân dân đánh thắng kẻ thù xâm lược.

- *Nền QPTD, ANND được xây dựng toàn diện, từng bước hiện đại*

Việc tạo ra sức mạnh QP&AN không chỉ ở sức mạnh QS, an ninh mà phải huy động được sức mạnh của toàn dân về mọi mặt chính trị, QS, an ninh, kinh tế, văn hoá, khoa học. Phải kết hợp hữu cơ giữa QP&AN với các mặt hoạt động xây dựng đất nước, kết hợp chặt chẽ giữa QP&AN với hoạt động đối ngoại.

Xây dựng nền QP&AN toàn diện phải đi đôi với xây dựng nền QP&AN hiện đại là một tất yếu khách quan. Xây dựng QĐND, CAND từng bước hiện đại. Kết hợp giữa xây

dựng con người có giác ngộ chính trị, có tri thức với vũ khí trang bị kỹ thuật hiện đại. Phát triển công nghiệp quốc phòng, từng bước trang bị hiện đại cho các lực lượng VTND. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường QP&AN.

- Nền QPTD gắn chặt với nền ANND

Nền quốc phòng và nền ANND của chúng ta đều được xây dựng nhằm mục đích tự vệ, đều phải chống thù trong, giặc ngoài để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Giữa nền QPTD với nền ANND chỉ khác nhau về phương thức tổ chức lực lượng, hoạt động cụ thể, theo mục tiêu cụ thể được phân công mà thôi. Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng và an ninh phải thường xuyên và tiến hành đồng bộ, thống nhất từ trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch xây dựng, hoạt động của cả nước cũng như từng vùng, miền, địa phương, mọi ngành, mọi cấp.

2. Xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh

2.1. Mục đích xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh

- Tạo sức mạnh tổng hợp của đất nước cả về chính trị, QS, an ninh, kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học, công nghệ để giữ vững hoà bình, ổn định, đẩy lùi, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức và quy mô.

- Tạo thế chủ động cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hoá, xã hội; giữ vững ổn định chính trị, môi trường hoà bình, phát triển đất nước theo định hướng XHCN.

2.2. Nhiệm vụ xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh

- Xây dựng lực lượng QP&AN đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc

Lực lượng QP&AN là những con người, tổ chức và những cơ sở vật chất, tài chính đảm bảo cho các hoạt động đáp ứng yêu cầu của QP&AN. Từ đặc trưng của nền QP&AN ở nước ta thì lực lượng QP&AN của nền QPTD ANND bao gồm lực lượng toàn dân (lực lượng chính trị) và lực lượng VTND (lực lượng quân sự).

LL chính trị bao gồm các tổ chức trong hệ thống chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội và những tổ chức khác trong đời sống xã hội đã được phép thành lập và quản chúng nhân dân.

Lực lượng VTND bao gồm QĐND, CAND và DQTV.

- Xây dựng lực lượng QP&AN là xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng VTND vững mạnh, bảo vệ Tổ quốc.

2.3. Xây dựng tiềm lực QP&AN ngày càng vững mạnh

Tiềm lực QP&AN là khả năng về nhân lực, vật lực, tài chính có thể huy động để thực hiện nhiệm vụ QP&AN. Tiềm lực QP&AN được thể hiện ở trên tất cả lĩnh vực của đời

sống xã hội, nhưng tập trung ở tiềm lực chính trị, tinh thần; tiềm lực kinh tế; tiềm lực khoa học, công nghệ; tiềm lực QS, an ninh. Xây dựng tiềm lực QP&AN là tập trung xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần; tiềm lực kinh tế; tiềm lực khoa học, công nghệ và xây dựng tiềm lực QS, an ninh.

- *Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần.*

+ Tiềm lực chính trị, tinh thần của nền của nền QPTD, ANND là khả năng về chính trị, tinh thần có thể huy động tạo nên sức mạnh để thực hiện nhiệm vụ QP&AN. Tiềm lực chính trị, tinh thần được biểu hiện ở năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của Nhà nước; ý chí, quyết tâm của nhân dân, của các lực lượng VTND sẵn sàng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ QP&AN, bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống. Tiềm lực chính trị tinh thần là nhân tố cơ bản tạo nên sức mạnh của QP&AN, có tác động to lớn đến hiệu quả xây dựng và sử dụng các tiềm lực khác, là cơ sở, nền tảng của tiềm lực QS, an ninh.

+ Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần của nền QPTD, ANND cần tập trung: Xây dựng tình yêu quê hương đất nước, niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước, đối với chế độ XHCN. Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; nâng cao cảnh giác cách mạng; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện tốt giáo dục QP&AN.

- *Xây dựng tiềm lực kinh tế*

+ Tiềm lực kinh tế của nền phòng toàn dân, ANND là khả năng về kinh tế của đất nước có thể khai thác, huy động nhằm phục vụ cho QP&AN. Tiềm lực kinh tế của nền QPTD, ANND được biểu hiện ở nhân lực, vật lực, tài lực của quốc gia có thể huy động cho QP&AN và tính cơ động của nền kinh tế đất nước trong mọi điều kiện hoàn cảnh. Tiềm lực kinh tế tạo sức mạnh vật chất cho nền QPTD, ANND, là cơ sở vật chất của các tiềm lực khác.

+ Xây dựng tiềm lực kinh tế của nền QPTD, ANND là tạo nên khả năng về kinh tế của đất nước. Do đó, cần tập trung vào: đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường QP&AN; phát triển công nghiệp quốc phòng, trang bị kỹ thuật hiện đại cho quân đội và công an. Kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế với cơ sở hạ tầng quốc phòng; không ngừng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho các lực lượng VTND. Có kế hoạch chuyển sản xuất từ thời bình sang thời chiến và duy trì sự phát triển của nền kinh tế.

- *Xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ*

+ Tiềm lực khoa học, công nghệ của nền QPTD, ANND là khả năng về khoa học (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn) và công nghệ của quốc gia có thể khai thác, huy

động để phục vụ cho QP&AN. Tiềm lực khoa học, công nghệ được biểu hiện ở: Số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cơ sở vật chất kỹ thuật có thể huy động phục vụ cho QP&AN và năng lực ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học có thể đáp ứng yêu cầu của QP&AN...

+ Xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ của nền QPTD, ANND là tạo nên khả năng về khoa học, công nghệ của quốc gia có thể khai thác, huy động phục vụ cho QP&AN. Do đó, phải huy động tổng lực các khoa học, công nghệ quốc gia, trong đó khoa học QS, an ninh làm nòng cốt để nghiên cứu các vấn đề về QS, an ninh, về sửa chữa, cải tiến, sản xuất các loại vũ khí trang bị. Đồng thời phải thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật.

- *Xây dựng tiềm lực QS, an ninh*

+ Tiềm lực QS, an ninh của nền QPTD, ANND là khả năng về vật chất và tinh thần có thể huy động tạo thành sức mạnh phục vụ cho nhiệm vụ QS, an ninh, cho chiến tranh.

Tiềm lực QS, an ninh được biểu hiện ở khả năng duy trì và không ngừng phát triển trình độ sẵn sàng chiến đấu, năng lực và sức mạnh chiến đấu của các lực lượng VTND; nguồn dự trữ về sức người, sức của trên các lĩnh vực đời sống xã hội và nhân dân có thể huy động phục vụ cho nhiệm vụ QS, AN, cho chiến tranh. Tiềm lực QS, AN là nhân tố cơ bản, là biểu hiện tập trung, trực tiếp sức mạnh QS, AN giữ vai trò nòng cốt để bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống.

+ Tiềm lực QS, an ninh được xây dựng trên nền tảng của các tiềm lực chính trị tinh thần, kinh tế, khoa học công nghệ. Do đó, xây dựng tiềm lực QS, an ninh, cần tập trung vào: Xây dựng LL VTND vững mạnh toàn diện. Gắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước với quá trình tăng cường vũ khí trang bị cho các lực lượng VTND. Xây dựng đội ngũ cán bộ trong LLVT nhân dân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Bố trí lực lượng luôn đáp ứng yêu cầu chuẩn bị đất nước về mọi mặt, sẵn sàng động viên thời chiến. Tăng cường nghiên cứu khoa học QS, nghệ thuật QS trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc hiện nay và nâng cao chất lượng GDQP&AN.

Xây dựng tiềm lực QP&AN trong ngành Bưu chính viễn thông: Ngay từ thời bình phải có kế hoạch và chuẩn bị nhân lực (cán bộ khoa học kỹ thuật) và vật lực (phương tiện kỹ thuật thông tin liên lạc) để sẵn sàng huy động phục vụ cho nhiệm vụ QP&AN.

2.4. Xây dựng thể trận QPTD, ANND vững chắc

- Thể trận QP&AN là sự tổ chức, bố trí lực lượng, tiềm lực mọi mặt của đất nước và của toàn dân trên toàn bộ lãnh thổ theo yêu cầu của QP&AN, bảo vệ Tổ quốc.

- Nội dung xây dựng thể trận QPTD, ANND:

Gồm: Phân vùng chiến lược về QP&AN kết hợp với vùng kinh tế trên cơ sở quy hoạch các vùng dân cư theo nguyên tắc bảo vệ đi đôi với xây dựng đất nước. Xây

dựng hậu phương, tạo chỗ dựa vững chắc cho thể trận QP&AN. Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) tạo nền tảng của thể trận QPTD, ANND. Triển khai các lực lượng trong thể trận; tổ chức phòng thủ dân sự, kết hợp cải tạo địa hình với xây dựng hạ tầng và các công trình QP&AN.

3. Một số biện pháp xây dựng nền QPTD, ANND hiện nay

3.1. Luôn luôn thực hiện tốt công tác giáo dục QP&AN

Thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị (Khóa X) “*Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác GDQP&AN trong tình hình mới*”; Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, ngày 19/6/2013; Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 “*Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật GDQP&AN*”; Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo “*Ban hành chương trình GDQP&AN trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học*”; nội dung giáo dục QP&AN phải toàn diện, coi trọng giáo dục tình yêu quê hương, đất nước, chế độ XHCN; nghĩa vụ công dân đối với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; âm mưu, thủ đoạn của địch; đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về QP&AN. Làm cho mọi người biết tự bảo vệ trước sự chống phá của các thế lực thù địch. Phải vận dụng nhiều hình thức, phương pháp giáo dục tuyên truyền để nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục giáo dục QP&AN.

3.2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, triển khai thực hiện của các cơ quan, tổ chức và nhân dân đối với xây dựng nền QPTD, ANND

Cụ thể hoá các nội dung lãnh đạo về QP&AN và bổ sung cơ chế hoạt động của từng cấp, từng ngành, từng địa phương, đặc biệt chú trọng khi xử trí các tình huống phức tạp. Điều chỉnh cơ cấu quản lý Nhà nước về QP&AN của bộ máy Nhà nước các cấp từ Trung ương đến cơ sở. Tổ chức phân công cán bộ chuyên trách để phát huy vai trò làm tham mưu trong tổ chức, thực hiện công tác QP&AN. Chấp hành nghiêm Quy chế 107/2003/Thủ tướng Chính phủ về phối hợp Quân đội với Công an và Nghị quyết số 51- NQ/TW của Bộ Chính trị về việc tiếp tục hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng, thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với chế độ chính uỷ, chính trị viên trong QĐND.

3.3. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của HS.SV trong xây dựng nền QPTD, ANND.

Xây dựng nền QPTD, ANND là trách nhiệm của toàn dân. Mọi công dân, mọi tổ chức, lực lượng đều phải tham gia theo phạm vi và khả năng của mình. Đối với sinh viên, phải tích cực học tập nâng cao trình độ hiểu biết về mọi mặt, nắm vững kiến thức QP&AN, nhận thức rõ âm mưu, thủ đoạn hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch. Trên cơ sở đó, tự giác, tích cực luyện tập các kỹ năng QS, an ninh và chủ động tham gia các hoạt động về QP&AN do nhà Trường và địa phương triển khai.

III. KẾT LUẬN

Giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH rất quan trọng trong công cuộc đổi mới, đã làm cho thế và lực đất nước ta mạnh lên rất nhiều tạo tiền đề vật chất và tinh thần để nhân dân tiếp tục đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước.

Để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN, yêu cầu khách quan là phải xây dựng nền QPTD vững mạnh. đây là một chủ trương chiến lược của Đảng và Nhà nước, đồng thời cũng là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, nhà nước và nhân dân ta.

Là sinh viên cần nhận thức đầy đủ trách nhiệm, tích cực, tự giác học tập, tham gia các hoạt động QP&AN của nhà trường, góp phần cùng đất nước thực hiện thắng lợi mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh”.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Quốc phòng là gì? Nêu vị trí, đặc trưng nền QPTD, ANND.
2. Trình bày mục đích, nhiệm vụ xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh. Liên hệ thực tiễn và trách nhiệm của sinh viên?
3. Tại sao phải xây dựng tiềm lực quốc phòng trong các ngành khoa học- kỹ thuật? Tương lai là cán bộ chủ chốt của ngành công nghiệp thực phẩm, anh (chị) phải làm gì để bảo đảm xây dựng tiềm lực quốc phòng của ngành vững mạnh?

Bài 4

CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

-----*-----

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Bồi dưỡng cho sinh viên mục đích, tính chất, đối tượng, đặc điểm, những quan điểm cơ bản và nội dung chủ yếu của CTND NVTQ Việt Nam XHCN, từ đó góp phần xây dựng niềm tin, trách nhiệm trong bảo vệ Tổ quốc.

Có thái độ nghiêm túc trong học tập, hiểu đúng nội dung bài, đề cao trách nhiệm của tuổi trẻ góp phần cùng toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

II. NỘI DUNG

1. Mục đích, đối tượng của CTND bảo vệ Tổ quốc

1.1. Mục đích của chiến tranh nhân dân

Chiến tranh nhân dân Việt Nam là quá trình sử dụng tiềm lực của đất nước, nhất là tiềm lực QP&AN, nhằm đánh bại ý đồ xâm lược lật đổ của kẻ thù đối với cách mạng nước ta.

Nhằm mục đích: “Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hoà bình, phát triển đất nước theo định hướng XHCN”.

1.2. Đối tượng tác chiến của chiến tranh nhân dân

- Đối tượng tác chiến:

Trong xu thế hội nhập hiện nay, cần phải phân biệt rõ đâu là đối tượng tác chiến của ta và đâu là đối tác làm ăn với chúng ta. Ví dụ quân đội Mỹ xâm lược nước ta và các nhà doanh nghiệp và nhân dân Mỹ làm ăn kinh tế với chúng ta. Thì quân đội Mỹ là đối tượng tác chiến của chúng ta nhưng các nhà doanh nghiệp và nhân dân Mỹ là đối tác làm kinh tế với chúng ta. Do vậy phải phân biệt rõ đối tượng và đối tác chứ không thể cho cả đối tượng và đối tác là một.

Do vậy đối tượng tác chiến của chúng ta là bất kể kẻ nào có hành động phá hoại, xâm lược, lật đổ cách mạng nước ta đều là đối tượng tác chiến của ta. Hiện nay các thế lực thù địch đang thực hiện chiến lược “Diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ để xoá bỏ chủ nghĩa xã hội ở nước ta và sẵn sàng sử dụng vũ trang can thiệp khi có thời cơ.

- Âm mưu, thủ đoạn chủ yếu của kẻ thù khi xâm lược nước ta.

Thực hiện đánh nhanh, thắng nhanh, kết hợp tiến công QS từ bên ngoài vào với hành động bạo loạn lật đổ từ bên trong. Đồng thời kết hợp với các biện pháp phi vũ trang để lừa bịp dư luận.

Lực lượng tham gia với quân đông, vũ khí trang bị hiện đại.

Khi tiến công thường trong giai đoạn đầu sẽ bao vây, phong tỏa sau sử dụng hỏa lực đánh bất ngờ, ồ ạt. Giai đoạn thực hành thôn tính lãnh thổ có thể đồng thời hỗ trợ của bạo loạn lật đổ ở bên trong của các lực lượng phản động và sử dụng các biện pháp chính trị, ngoại giao để lừa bịp dư luận.

- Điểm mạnh, yếu của địch:

Mạnh: Có ưu thế tuyệt đối về sức mạnh QS, kinh tế và tiềm lực khoa học công nghệ. Có thể cấu kết được với lực lượng phản động nội địa, thực hiện trong đánh ra, ngoài đánh vào

Yếu: Đây là cuộc chiến tranh phi nghĩa, chắc chắn bị nhân loại phản đối. Dân tộc ta có truyền thống yêu nước, chống xâm lược, chắc chắn sẽ làm cho chúng tổn thất nặng nề. Địa hình thời tiết nước ta phức tạp khó khăn cho địch sử dụng phương tiện, lực lượng.

2. Tính chất, đặc điểm của chiến tranh nhân dân

2.1. Tính chất

+ Là cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, lấy LLVT 3 thứ quân làm nòng cốt, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam.

+ Là cuộc chiến tranh chính nghĩa, tự vệ cách mạng, nhằm bảo vệ độc lập tự do của dân tộc, bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ nhân dân và mọi thành quả của cách mạng.

+ Là cuộc chiến tranh mạng tính hiện đại (hiện đại về vũ khí, trang bị, tri thức và nghệ thuật QS). Nhưng trước tiên ở đây hiện đại đòi hỏi phải hiện đại về con người, con người phải nắm bắt được khoa học kỹ thuật và chỉ có làm chủ được khoa học kỹ thuật thì mới điều khiển, sử dụng được các loại vũ khí trang bị kỹ thuật hiện đại và mới biết được cách phòng tránh và đánh trả chiến tranh vũ khí công nghệ cao.

2.2. Đặc điểm cơ bản của chiến tranh nhân dân

+ Trong bối cảnh quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, chúng ta tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, nhằm góp phần thực hiện những mục tiêu lớn của thời đại là hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Do vậy, chúng ta có thể tập hợp, động viên và phát huy cao độ, đông đảo được sức mạnh của toàn dân cả nước, chung sức đánh giặc.

+ Trong chiến tranh, nhân dân ta phải bảo vệ được độc lập thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ XHCN. Mặt khác, cuộc chiến tranh mang tính độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, dựa vào sức mình là chính, nhưng đồng thời cũng được sự đồng tình ủng hộ,

giúp đỡ của nhân dân tiến bộ trên thế giới, tạo sức mạnh tổng hợp, đánh thắng chiến tranh xâm lược của kẻ thù.

+ Chiến tranh diễn ra khốc liệt phức tạp ngay từ đầu và trong suốt quá trình chiến tranh. Tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta, địch sẽ thực hiện phương châm chiến lược đánh nhanh giải quyết nhanh. Quy mô chiến tranh có thể lớn và ác liệt ngay từ đầu. Kết hợp tiến công hoả lực với tiến công trên bộ, tiến công từ bên ngoài kết hợp với BLLĐ ở bên trong và bao vây phong toả đường không đường biển và đường bộ để nhằm tới mục tiêu chiến lược trong thời gian ngắn.

+ Hình thái đất nước được chuẩn bị sẵn sàng, thế trận QP&AN nhân dân ngày càng được củng cố vững chắc, có điều kiện để phát huy sức mạnh tổng hợp chủ động đánh địch ngay từ ngày đầu và lâu dài.

3. Quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

Từ thực tiễn, Đảng ta nhận định: Trong một vài thập kỷ tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới. Nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ còn xảy ra nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp. Nếu đất nước phải đối mặt với chiến tranh xâm lược mới của kẻ thù, chúng ta cần nắm vững một số quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

3.1. Tiến hành CTND, toàn dân đánh giặc, LL VTND làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của LLVT địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực

- *Vị trí:* Đây là quan điểm cơ bản xuyên suốt, thể hiện tính nhân dân sâu sắc trong chiến tranh. Khẳng định, đây là cuộc chiến tranh của dân, do dân và vì dân với tinh thần đầy đủ nhất. Là điều kiện để phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp trong cuộc chiến tranh.

- *Nội dung thể hiện:*

+ Trong điều kiện mới, ta vẫn phải “lấy nhỏ thắng lớn”, “lấy ít địch nhiều”, để đánh thắng những đội quân mạnh hơn ta gấp nhiều lần, Đảng ta không chỉ dựa vào LLVT mà phải dựa vào sức mạnh của toàn dân, tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc...

+ Động viên toàn dân đánh giặc, chúng ta phải động viên và tổ chức quần chúng cùng lực lượng VTND trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống lại chiến tranh xâm lược của kẻ thù. Đánh giặc bằng mọi thứ vũ khí, với nhiều cách đánh độc đáo, sáng tạo...

+ Toàn dân đánh giặc phải có lực lượng nòng cốt là LLVT nhân dân gồm ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ. Bộ đội chủ lực làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc trên chiến trường cả nước; bộ đội địa phương và DQTV làm nòng cốt cho phong trào chiến tranh nhân dân ở địa phương, cơ sở.

+ Tiến hành chiến tranh toàn dân, đó là truyền thống, đồng thời là quy luật giành thắng lợi trong chiến tranh của dân tộc ta chống những kẻ thù xâm lược lớn mạnh hơn ta nhiều lần. Tổ tiên ta đã tiến hành chiến tranh nhân dân để đánh thắng các triều đại phong kiến phương Bắc xâm lược, cũng như dưới sự lãnh đạo của Đảng dân tộc ta đã đánh thắng giặc Pháp và chống Mỹ xâm lược. Ngày nay, chúng ta phải kế thừa và phát huy truyền thống ấy lên một trình độ mới phù hợp với điều kiện mới, chiến tranh toàn dân đánh thắng tiến công xâm lược của địch.

- *Biện pháp thực hiện:*

Tăng cường giáo dục quốc phòng cho mọi tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ nói chung và sinh viên nói riêng.

Không ngừng chăm lo xây dựng các lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, đặc biệt là chất lượng chính trị.

Không ngừng nghiên cứu nghệ thuật QS, nghiên cứu các cuộc chiến tranh gần đây ở trên thế giới để phát triển nghệ thuật QS Việt Nam lên một tầm cao mới. Xây dựng tỉnh (thành phố) thành khu vực phòng thủ vững chắc.

3.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh QS, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh QS là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi

- *Vị trí:*

Quan điểm trên có vai trò quan trọng, vừa mang tính chỉ đạo và hướng dẫn hành động cụ thể để giành thắng lợi trong chiến tranh.

- *Nội dung:*

+ Chiến tranh là một cuộc thử thách toàn diện cả sức mạnh vật chất tinh thần của quốc gia, nhưng chiến tranh của ta là một cuộc chiến tranh chính nghĩa, tự vệ, cách mạng. Để phát huy đến mức cao nhất sức mạnh của toàn dân, đánh bại chiến tranh tổng lực của địch, chúng ta phải đánh địch trên tất cả các mặt trận: QS, chính trị, ngoại giao, kinh tế văn hoá tư tưởng. Mỗi mặt trận đấu tranh đều có vị trí quan trọng của nó.

+ Tất cả các mặt trận đấu tranh trên phải kết hợp chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau và tạo điều kiện cho đấu tranh QS giành thắng lợi trên chiến trường và cùng với đấu tranh QS tạo nên sức mạnh tổng hợp lớn giành thắng lợi.

+ Truyền thống và kinh nghiệm của cuộc chiến tranh giải phóng và giữ nước trong lịch sử ông cha ta cũng như dưới sự lãnh đạo của Đảng, chứng tỏ nhân dân ta đã tiến hành cuộc kháng chiến toàn diện, đấu tranh với địch trên nhiều mặt nhưng chủ yếu đã đánh địch và thắng địch trên mặt trận QS, nhờ đó mà nhân dân ta đã giành được thắng lợi, giành và giữ nền độc lập dân tộc. Tình hình thế giới ngày nay diễn biến phức tạp và có những thay đổi sâu sắc, đất nước đứng trước những thuận lợi mới và những thách thức mới đòi hỏi toàn Đảng,

toàn dân, toàn quân cùng nỗ lực phấn đấu làm thất bại âm mưu và các mục tiêu chiến lược của địch, giành thắng lợi toàn diện cho chiến tranh.

- *Biện pháp thực hiện:*

+ Đảng phải có đường lối chiến lược, sách lược đúng, tạo thế và lực cho từng mặt trận đấu tranh tạo nên sức mạnh, trước mắt đấu tranh làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của địch. Động viên sức mạnh của toàn dân tiến hành đấu tranh trên các mặt trận khi kẻ thù phát động chiến tranh xâm lược.

+ Phải vận dụng sáng tạo nhiều hình thức và biện pháp đấu tranh thích hợp trên từng mặt đồng thời có nghệ thuật chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ các mặt trận đấu tranh trong từng giai đoạn cũng như quá trình phát triển của chiến tranh. Song, phải luôn quán triệt, lấy đấu tranh QS là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để kết thúc chiến tranh.

3.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước và ở từng khu vực để đủ sức đánh lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian chiến tranh, giành thắng lợi càng sớm càng tốt

- Kẻ thù xâm lược nước ta là nước lớn, có quân đông, trang bị vũ khí, kỹ thuật cao, có tiềm lực kinh tế, QS mạnh hơn ta nhiều lần. Chúng dựa vào sức mạnh QS ưu thế áp đảo đối với ta để thực hiện “*đánh nhanh, giải quyết nhanh*” theo học thuyết tác chiến “không – bộ – biển” nhằm đạt mục đích thôn tính, xâm lược.

- Vì vậy, trước hết ta phải chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực đủ sức đánh được lâu dài, ra sức tạo thời cơ, nắm vững thời cơ, chủ động đối phó và giành thắng lợi trong thời gian cần thiết. Trên cơ sở đó ta mới dồn sức để rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt; kiên quyết ngăn chặn địch không cho chúng mở rộng để thu hẹp không gian chiến tranh. Mặt khác cũng phải chuẩn bị sẵn sàng để thắng địch trong điều kiện chiến tranh mở rộng.

3.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa ra sức sản xuất, thực hành tiết kiệm, giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh.

Đây là một kinh nghiệm đồng thời là truyền thống chống giặc ngoại xâm trước kia cũng như cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Nếu chiến tranh xảy ra, chúng ta phải tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, cuộc chiến đó sẽ diễn ra quyết liệt ngay từ đầu. Qui mô chiến tranh, thương vong về người, tiêu hao về vật chất kỹ thuật sẽ rất lớn, nhu cầu bảo đảm cho chiến tranh và ổn định đời sống nhân dân đòi hỏi cao và khắt khe. Muốn duy trì sức mạnh để đánh thắng kẻ thù, cần phải có tiềm lực kinh tế QS nhất định bảo đảm cho tác chiến giành thắng lợi.

Vì vậy trong chiến tranh ta phải: vừa kháng chiến, vừa duy trì và đẩy mạnh sản xuất bảo đảm nhu cầu vật chất kỹ thuật cho chiến tranh ổn định đời sống nhân dân. Ta phải thực

hành tiết kiệm trong xây dựng và trong chiến tranh lấy địch đánh địch, giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta, không ngừng tăng thêm tiềm lực của chiến tranh, càng đánh càng mạnh.

3.5. Kết hợp đấu tranh QS với bảo đảm ANCT, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn

- Hiện nay kẻ địch đang đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ để chống phá cách mạng nước ta. Nếu chiến tranh nổ ra, địch sẽ tăng cường đánh phá ta bằng nhiều biện pháp: tiến hành chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp, lợi dụng dân tộc, tôn giáo, các tổ chức phản động chống đối để kích động, chia rẽ, làm mất ổn định chính trị, gây rối loạn lật đổ ở hậu phương ta để phối hợp lực lượng tiến công từ ngoài vào.

- Vì vậy, đi đôi với đấu tranh QS trên chiến trường, ta phải kịp thời trấn áp mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch ở hậu phương ta, bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc hậu phương, giữ vững sự chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng.

3.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới

- Cuộc chiến tranh xâm lược của địch là tàn bạo và vô nhân đạo sẽ bị nhân dân tiến bộ trên thế giới phản đối

- Đoàn kết mở rộng quan hệ tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới, kể cả nhân dân nước có quân xâm lược.

4. Nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

4.1. Tổ chức thể trận chiến tranh nhân dân

- Thể trận chiến tranh nhân dân là sự tổ chức bố trí lực lượng để tiến hành chiến tranh và hoạt động tác chiến.

- Thể trận chiến tranh bố trí rộng khắp cả nước nhưng có trọng tâm, trọng điểm. Xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh, có khả năng độc lập tác chiến, đồng thời phối hợp với bộ đội chủ lực và đơn vị bạn đánh địch, liên tục dài ngày, liên kết thành thể trận làng nước.

4.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân

- Lực lượng chiến tranh nhân dân là toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện, lấy LLVT 3 thứ quân làm nòng cốt

- Lực lượng toàn dân được tổ chức chặt chẽ thành lực lượng quần chúng rộng rãi và lực lượng QS

- Lực lượng VTND được xây dựng vững mạnh toàn diện, coi trọng cả số lượng và chất lượng, trong đó lấy chất lượng là chính, lấy xây dựng chính trị làm cơ sở.

4.3. Phối hợp chặt chẽ chống địch tiến công từ bên ngoài vào với bạo loạn lật đổ, phá hoại từ bên trong

Kẻ thù xâm lược nước ta có thể sẽ sử dụng lực lượng tiến công từ bên ngoài vào và bạo loạn lật đổ ở bên trong, đánh nhanh giải quyết nhanh, vì vậy buộc ta phải chủ động ngăn chặn ý đồ của chúng, không để kẻ địch cấu kết với nhau.

Trong quá trình chuẩn bị, LLVT phải có kế hoạch, phương án chiến đấu và được quán triệt tới mọi người kết hợp giải quyết tốt các tính huống chiến đấu diễn ra.

III. KẾT LUẬN

Chiến tranh xâm lược nước ta nếu xảy ra, kẻ thù sẽ sử dụng quân số đông, vũ khí kỹ thuật hiện đại chống lại cuộc chiến tranh đó, chúng ta vẫn phải tiến hành CTND, thực hiện toàn dân đánh giặc. Phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tiến công địch toàn diện, trên tất cả các mặt trận bằng mọi phương tiện vũ khí kỹ thuật cả thô sơ và hiện đại, đánh bại âm mưu chiến lược từng thủ đoạn tác chiến, tiến tới đánh bại ý trí xâm lược của kẻ thù, bảo vệ độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ và chế độ XHCN Việt Nam.

Để giành thắng lợi chiến tranh đó, đất nước ta phải chuẩn bị mọi mặt, có tiềm lực kinh tế, QP&AN vững chắc, chính trị ổn định, tăng cường cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững hòa bình ngăn ngừa khả năng chiến tranh có thể xảy ra.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Mục đích, tính chất, đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.
2. Quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.
3. Tại sao phải tiến hành chiến tranh toàn dân, toàn diện, hiện đại?

Bài 5
XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN
BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC

-----*-----

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Giáo dục cho sinh viên những đặc điểm, quan điểm và nguyên tắc, phương hướng cơ bản và những biện pháp chủ yếu xây dựng LLVT nhân dân trong tình hình mới, từ đó góp phần xây dựng tình cảm, trách nhiệm của tuổi trẻ trong xây dựng LLVT vững mạnh.

Có thái độ học tập nghiêm túc, hiểu đúng nội dung của bài, bước đầu vận dụng góp phần xây dựng LLVT ngay khi đang học tập.

II. NỘI DUNG

1. Đặc điểm và những quan điểm nguyên tắc cơ bản

1.1. Khái niệm

Lực lượng VTND là các tổ chức vũ trang và bán vũ trang của nhân dân Việt Nam do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam quản lý, có nhiệm vụ "chiến đấu giành và giữ độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ XHCN và những thành quả cách mạng, cùng toàn dân xây dựng đất nước. Là lực lượng xung kích trong khởi nghĩa toàn dân giành chính quyền, là lực lượng nòng cốt của QPTD và chiến tranh nhân dân".

Khái niệm trên chỉ ra:

+ LLVT NDVN là tổ chức vũ trang và bán vũ trang của nhân dân Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhà nước quản lý.

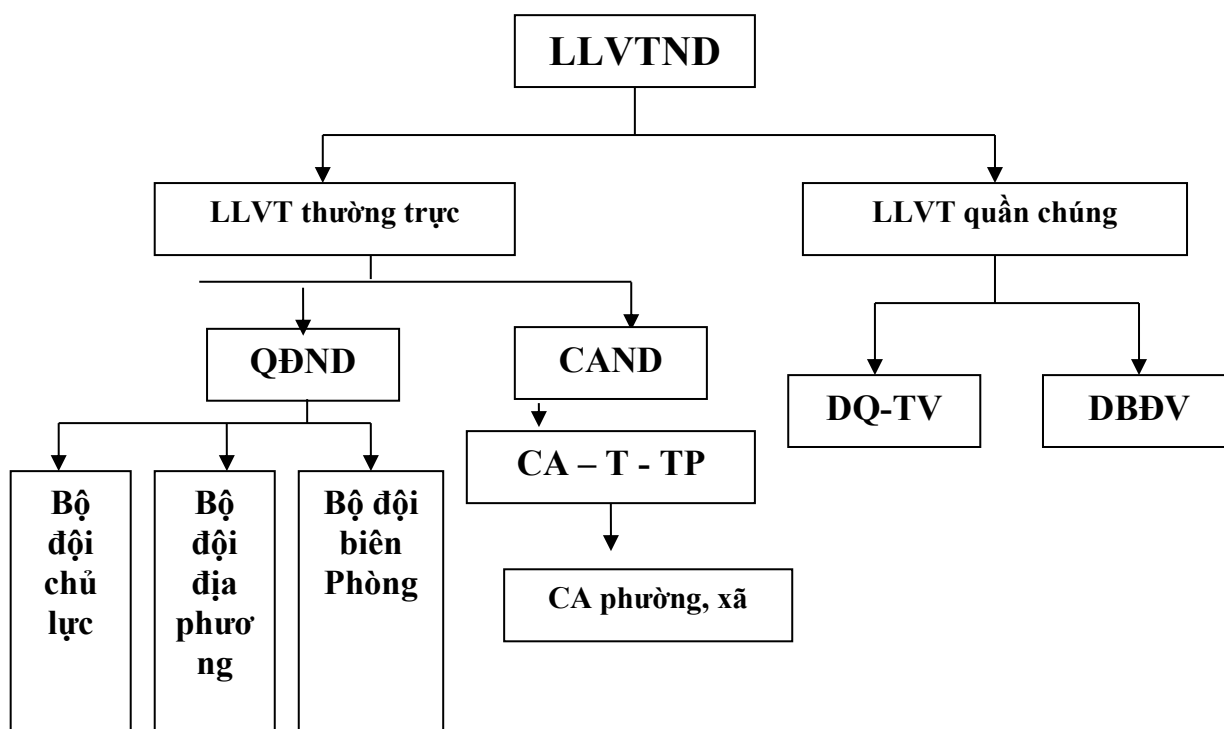
+ Nhiệm vụ của LLVTNDVN là: Chiến đấu giành và giữ độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

- Bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ XHCN và những thành quả cách mạng...

- Cùng toàn dân xây dựng đất nước.

- Là lực lượng nòng cốt trong khởi nghĩa giành chính quyền, xây dựng nền QPTD, ANND và chiến tranh nhân dân.

Cơ cấu tổ chức LLVTND:



Trong đó:

Bộ đội chủ lực: Bao gồm các quân đoàn, quân chủng, binh chủng kỹ thuật, các Học viện, các nhà trường... trong toàn quân đội.

Bộ đội địa phương: gồm các Bộ chỉ huy QS tỉnh, Thành phố; các Ban chỉ huy phòng thủ khu vực trực thuộc Bộ chỉ huy QS tỉnh, Thành phố.

Bộ đội biên phòng: là các đơn vị biên phòng làm nòng cốt bảo vệ chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia trên biển và trên đất liền. Ngày nay là các Ban chỉ huy Biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Bộ chỉ huy QS tỉnh, Thành phố.

1.2. Đặc điểm tình hình liên quan đến xây dựng LL VTND

- Cả nước đang thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch chống phá ta quyết liệt.

+ Đất nước đã hoà bình thống nhất, cùng đi lên CNXH với 2 nhiệm vụ chiến lược, đây là điều kiện thuận lợi cho xây dựng lực lượng VTND. Hai nhiệm vụ chiến lược có mối quan hệ chặt chẽ, tác động với nhau để cùng thực hiện mục tiêu “*Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh*”. Do đó, trong khi chúng ta đặt nhiệm vụ trọng tâm vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, không được một phút lơ là nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

+ Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động đẩy mạnh chiến lược “*Diễn biến hoà bình*” chống phá cách mạng.

Đây là một khó khăn lớn cho ta trong xây dựng lực lượng VTND, vì chiến lược “Diễn biến hoà bình” của chủ nghĩa đế quốc chúng xác định chống phá ta mọi mặt trong đó Lực lượng VTND là một trọng điểm, với mục tiêu là vô hiệu hoá, phi chính trị hoá Lực lượng VTND. Do đó, cần phải nắm chắc âm mưu, thủ đoạn chiến lược “diễn biến hoà bình” của địch để có kế hoạch phòng ngừa, bảo đảm xây dựng lực lượng VTND vững mạnh về mọi mặt.

- XD LL VTND trong điều kiện quốc tế đã thay đổi, nhiều diễn biến phức tạp.

Tình hình thế giới: CNXH ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, phong trào cách mạng giải phóng dân tộc trên thế giới gặp nhiều khó khăn. Nhưng trên thế giới, hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, chạy đua vũ trang (nhất là chạy đua vũ khí hạt nhân), hoạt động khủng bố, tranh chấp biên giới, tài nguyên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp.

Khu vực Đông Nam Á, vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố mất ổn định, các nước lớn đang tăng cường ảnh hưởng của mình để lôi kéo các nước ASEAN.

- Sự nghiệp đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, đất nước ta bước sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá và hội nhập kinh tế thế giới toàn diện hơn.

Thuận lợi cơ bản: Tiềm lực và vị thế của nước ta được tăng cường, Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đường lối độc lập tự chủ, sáng tạo. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước, đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. LLVT ta tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc, nhân dân. Trên cơ sở phát huy những thuận lợi của nước ta trong Hiệp hội ASEAN, thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) để giữ vững môi trường hoà bình, phát triển kinh tế thị trường, định hướng XHCN...đó là nền tảng vững chắc để xây dựng lực lượng VTND.

Thách thức lớn: Nước ta vẫn tồn tại những thách thức lớn được Đảng ta đề cập: Tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới; tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí là nghiêm trọng; những biểu hiện xa rời mục tiêu XHCN; các thế lực thù địch thực hiện chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn đổ.

Hiện nay và trong những năm tới, chúng ta đang đứng trước nhiều vấn đề phải giải quyết, trong đó có mâu thuẫn chủ yếu là: Nhu cầu phải đầu tư cho QP&AN, cho xây dựng lực lượng VTND ngày càng lớn và cấp thiết, nhưng khả năng của nền kinh tế, ngân sách của Nhà nước là rất hạn hẹp.

- Thực trạng của lực lượng VTND

Trong những năm qua, lực lượng vũ trang ta đã có bước trưởng thành lớn mạnh cả về bản lĩnh chính trị, chất lượng tổng hợp, trình độ chính quy, sức mạnh chiến đấu không

ngừng được nâng lên. Đã hoàn thành tốt cả ba chức năng, xứng đáng là lực lượng nòng cốt đi đầu giải quyết hiệu quả những nhiệm vụ khó khăn, phức tạp mà Đảng, Nhà nước giao, cần tập trung tháo gỡ một số vấn đề sau:

- + Về chất lượng chính trị: Trên thực tế, trình độ lý luận, tính nhạy bén, sắc sảo và bản lĩnh chính trị của không ít cán bộ, chiến sĩ ta chưa tương xứng với vị trí, yêu cầu, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang trong cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc XHCN.

- + Về khả năng chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng VTND còn những mặt hạn chế, chưa đáp ứng được các tình huống phức tạp (nếu xảy ra). Công tác huấn luyện, đào tạo cán bộ còn có những nội dung bất cập, chưa thật sát nhiệm vụ và năng lực thực hành theo cương vị đảm nhiệm.

- + Về trình độ chính quy của quân đội ta chưa đáp ứng được yêu cầu tác chiến hiện đại và chưa tương xứng với công tác xây dựng. Chấp hành kỷ luật của một bộ phận lực lượng vũ trang còn chuyển biến chậm, vẫn dễ xảy ra những vụ việc, ảnh hưởng đến sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang.

- + Về trang bị của lực lượng vũ trang còn lạc hậu và thiếu đồng bộ.

- + Vấn đề nghiên cứu phát triển hoàn thiện nền khoa học nghệ thuật QS Việt Nam trong thời kỳ mới cần được tổ chức một cách khoa học, phối hợp chặt chẽ giữa viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và thực tiễn...

1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản

- *Luôn giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng*

- + *Ý nghĩa:* Đây là quan điểm, nguyên tắc cơ bản nhất trong xây dựng lực lượng VTND. Sự lãnh đạo của Đảng đối với các lực lượng vũ trang sẽ quyết định bản chất cách mạng, mục tiêu, phương hướng chiến đấu, đường lối tổ chức và cơ chế hoạt động của lực lượng VTND, bảo đảm nắm chắc quân đội trong mọi tình huống. Thực tiễn cách mạng Việt Nam trong mấy chục năm qua đã chứng minh điều đó.

- + *Nội dung:* Đảng cộng sản Việt Nam duy nhất nắm quyền lãnh đạo lực lượng VTND theo nguyên tắc “**Tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt**”, Đảng không chia sẻ quyền lãnh đạo cho bất cứ giai cấp, lực lượng, tổ chức nào. Đảng có hệ thống tổ chức từ Trung ương đến cơ sở, lãnh đạo mọi hoạt động lực lượng vũ trang.

- + Trong QĐND Việt Nam, Đảng lãnh đạo theo hệ thống dọc từ Đảng uỷ QSTW đến các đơn vị cơ sở trong toàn quân. Trực tiếp lãnh đạo các đơn vị ở địa phương (bộ đội địa phương và DQTV) là các cấp uỷ đảng ở địa phương.

- + Đảng lãnh đạo mọi hoạt động của LLVT trên tất cả các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, tổ chức... cả trong xây dựng và chiến đấu.

- *Tự lực tự cường xây dựng lực lượng vũ trang.*

+ *Cơ sở*: Từ truyền thống, kinh nghiệm trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Từ tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng vũ trang và thực tiễn xây dựng lực lượng VTND Việt Nam trong mấy chục năm qua.

+ *Nội dung*: Tự lực tự cường dựa vào sức mình để xây dựng, để giữ vững tính độc lập tự chủ, chủ động không bị chi phối ràng buộc.

Nâng cao tinh thần trách nhiệm, khắc phục mọi khó khăn xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện. Triệt để tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi về khoa học – công nghệ để xây dựng và phát triển lực lượng VTND. Tập trung từng bước hiện đại hoá trang bị kỹ thuật quản lý khai thác bảo quản có hiệu quả trang bị hiện có....

Tích cực đẩy mạnh phát triển kinh tế và thực hành tiết kiệm.

- *XD LL VTND lấy chất lượng là chính, lấy xây dựng chính trị làm cơ sở.*

+ *Cơ sở*: Xuất phát từ lý luận Mác - Lênin về mối quan hệ giữa số và chất lượng. Truyền thống xây dựng lực lượng vũ trang của ông cha ta “bình quý hồ tinh, bất quý hồ đa”....Từ đòi hỏi yêu cầu cao của nhiệm vụ đối với lực lượng VTND.

Từ thực tiễn xây dựng LLVT, Đảng ta luôn coi trọng xây dựng chất lượng, lấy chất lượng chính trị làm cơ sở....Do đó lực lượng VTND của ta đã hoàn thành tốt nhiệm vụ Đảng nhà nước giao cho...

Từ sự chống phá của kẻ thù trong chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ nhằm phi chính trị hoá quân đội ...

+ *Nội dung*:

Nắm vững, giải quyết tốt mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng.

Nâng cao chất lượng là chính, đồng thời có số lượng phù hợp với tình hình nhiệm vụ và khả năng kinh tế của đất nước. Phải có cơ cấu hợp lý giữa các thứ quân, giữa lực lượng thường trực với lực lượng dự bị động viên.

Thường xuyên làm tốt công tác huấn luyện, diễn tập để nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng VTND.

+ Xây dựng lực lượng VTND có chất lượng toàn diện cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Về chính trị phải thường xuyên làm tốt công tác quán triệt, giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ trong LL VTND tin tưởng vào Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước. Tin tưởng tuyệt đối, tự giác chấp hành nghiêm mọi đường lối, chủ trương chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Chăm lo xây dựng, củng cố các tổ chức chính trị trong LLVTND nhân dân (tổ chức đảng, đoàn thanh niên, hội đồng quân nhân...). Chăm lo xây dựng cơ quan chính trị vững mạnh, đội ngũ cán bộ chính trị, đảng viên có phẩm chất năng lực tốt đủ sức lãnh đạo đơn vị.

- *Bảo đảm LL VTND luôn trong tư thế SSCĐ và chiến đấu thắng lợi.*

+ Cơ sở: Đây là quan điểm phản ánh chức năng, nhiệm vụ chủ yếu cơ bản, thường xuyên của lực lượng VTND nhân dân, có ý nghĩa quan trọng bảo đảm cho lực lượng VTND chủ động đối phó kịp thời và thắng lợi mọi tình huống có thể xảy ra. Từ thực tiễn trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Từ âm mưu thủ đoạn của kẻ thù và các thế lực thù địch...

+ Nội dung: Lực lượng VTND phải luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, đánh địch kịp thời, bảo vệ được mình, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong mọi tình huống, không để bất ngờ về chiến lược, chiến dịch, chiến thuật. Thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng. Xây dựng lực lượng VTND vững mạnh về mọi mặt, duy trì và chấp hành nghiêm các chế độ, qui định về sẵn sàng chiến đấu, trực ban, trực chiến, trực chỉ huy...

2. Phương hướng xây dựng LL VTND giai đoạn mới

Phương hướng chung:

Đảng ta khẳng định: *“Tập trung xây dựng lực lượng quân đội, công an có bản lĩnh chính trị vững vàng, lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc và nhân dân. Với tổ chức, biên chế, mức tăng đầu tư ngân sách hợp lý, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trực tiếp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”*, là cơ sở để xác định phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang.

Đối với QĐND và CAND tiếp tục đẩy mạnh *“Xây dựng QĐND, CAND cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại”*.

Xây dựng lực lượng DBĐV, được huấn luyện và quản lý tốt, bảo đảm khi cần thiết có thể động viên nhanh theo kế hoạch.

Xây dựng DQTV vững mạnh rộng khắp, lấy chất lượng làm chính.

Quá trình thực hiện phải quán triệt đầy đủ tinh thần các Nghị quyết của Đảng về tăng cường QP&AN, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ mới.

2.1. Xây dựng QĐND, CAND theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại

- *Xây dựng QĐ, CA cách mạng*. Là vấn đề cơ bản hàng đầu trong nhiệm vụ xây dựng quân đội và công an của Đảng trong mọi giai đoạn cách mạng .

+ *Nội dung*: Xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho QĐ và CA, làm cho lực lượng này tuyệt đối trung thành với Đảng với Tổ quốc với nhân dân

Chấp hành mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Kiên định mục tiêu lý tưởng XHCN, vững vàng trước mọi khó khăn thử thách, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Trước diễn biến tình hình phải phân biệt được đúng sai.

Có tinh thần đoàn kết quân dân, đoàn kết nội bộ đoàn kết quốc tế tốt

Kỷ luật tự giác nghiêm minh, dân chủ rộng rãi....

- *Tính chính quy*: Là thực hiện thống nhất về mọi mặt (tổ chức, biên chế, trang bị). Dựa trên những chế độ, điều lệnh quy định, đưa mọi hoạt động của quân đội và công an vào nề nếp. Nhằm thống nhất ý chí và hành động về chính trị, tư tưởng và tổ chức của mọi quân nhân, để tăng cường sức mạnh chiến đấu tổng hợp của QĐND và CAND.

+ Nội dung: Thống nhất về bản chất cách mạng mục tiêu chiến đấu, về ý chí quyết tâm, nguyên tắc xây dựng quân đội, công an về tổ chức biên chế trang bị. Thống nhất về quan điểm tư tưởng QS, nghệ thuật QS, về phương pháp huấn luyện giáo dục. Thống nhất về tổ chức thực hiện chức trách nề nếp chế độ chính quy, về quản lý bộ đội, công an, quản lý trang thiết bị.

- *Tinh nhuệ*.

Biểu hiện mọi hoạt động trên các lĩnh vực luôn đạt hiệu quả cao.

Nội dung: Được xây dựng toàn diện trên mọi lĩnh vực chính trị, tư tưởng, tổ chức...

Tinh nhuệ về chính trị: trước mọi tình hình, có khả năng phân tích và kết luận chính xác đúng sai từ đó có thái độ đúng đắn với sự việc đó.

Tinh nhuệ về tổ chức: Tổ chức gọn nhẹ nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Tinh nhuệ về kỹ chiến thuật: Phải giỏi sử dụng các loại binh khí kỹ thuật hiện có, biết sử dụng trang bị vũ khí hiện đại. Giỏi cách đánh, vận dụng sáng tạo các hình thức chiến thuật..

- *Từng bước hiện đại*: Đi đôi với chính quy, tinh nhuệ phải tiếp tục từng bước hiện đại hóa QĐ, CA về trang bị, binh khí kỹ thuật. Hiện đại hóa là một tất yếu, nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu của Quân đội và công an ta.

Nội dung: Từng bước đổi mới vũ khí, trang bị kỹ thuật cho QĐ, CA.

Xây dựng rèn luyện quân nhân có bản lĩnh trí tuệ và năng lực hành động, đáp ứng yêu cầu tác chiến hiện đại. Phát triển các quân binh chủng kỹ thuật. Có nghệ thuật QS tài tình, khoa học QS hiện đại, có hệ thống công nghiệp quốc phòng hiện đại...., bảo đảm cho quân đội hoạt động trong mọi điều kiện chiến tranh hiện đại.

Những nội dung trên là cả một quá trình phấn đấu lâu dài mới đạt được, hiện nay ta phải thực hiện "từng bước" nghĩa là phải thực hiện dần dần bằng khả năng của nền kinh tế và trình độ khoa học của đất nước. Trong đó, một số quân, binh chủng được tiến thẳng lên hiện đại, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc. Quá trình hiện đại hóa Quân đội phải gắn với quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, với từng bước phát triển công nghiệp quốc phòng, sản xuất mới kết hợp phục hồi sửa chữa cải tiến vũ khí trang bị hiện có và mua một số cần thiết.

2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

Theo Luật lực lượng dự bị động viên năm 2019, xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, huấn luyện và quản lý tốt, bảo đảm khi cần thiết động viên nhanh theo kế hoạch.

Số liệu tham khảo:

Quốc gia	LLVT thường trực	Lực lượng DBĐV
Mỹ	152,3 vạn	213 vạn
Trung Quốc	270 vạn	300 vạn
Nhật Bản	2,4 vạn Phòng vệ	4,8 vạn
Thái Lan	33,1 vạn	50 vạn
Singapore	5,3 vạn	18,2 vạn

2.3. Xây dựng lực lượng DQTV (Theo Luật DQTV năm 2019)

Theo Hồ Chí Minh “*Dân quân và du kích là một lực lượng vô địch, là bức tường sắt của Tổ quốc, vô luận kẻ thù hung bạo thế nào, hễ đụng đến lực lượng đó, bức tường đó thì địch nào cũng phải tan rã*”.

Nội dung: DQTV được xây dựng rộng khắp ở tất cả thôn, xóm, bản làng, nông, công trường, doanh nghiệp, nhưng có trọng điểm, chú ý có hình thức phù hợp trong các thành phần kinh tế.

Chú trọng xây dựng cả số lượng, chất lượng, lấy chất lượng làm chính, tổ chức biên chế phù hợp. Huấn luyện phải thiết thực hiệu quả.

Có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ DQTV.

Thực hiện tốt các chính sách đối với DQTV.

3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng LL VTND

3.1. Chấn chỉnh tổ chức biên chế lực lượng VTND

+ Bộ đội chủ lực: Tổ chức các đơn vị phải gọn, mạnh, cơ động, có sức chiến đấu cao. Bố trí các binh đoàn chủ lực phải gắn với thế trận QP&AN nhân dân trên cả nước cũng như từng vùng chiến lược.

+ Bộ đội địa phương: Phải căn cứ vào tình hình cụ thể để tổ chức và bố trí cho phù hợp với từng địa phương và thế trận cả nước.

+ Bộ đội biên phòng: Cần có số lượng phù hợp, chất lượng cao, tổ chức hợp lý để hoàn thành nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, vùng biển, đảo...theo nhiệm vụ được giao.

+ DQTV: Được tổ chức trên cơ sở lực lượng chính trị ở từng đơn vị hành chính, đơn vị sản xuất và dân cư ở cơ sở, có số lượng phù hợp, chất lượng cao.

3.2. Nâng cao chất lượng giáo dục, huấn luyện, xây dựng và phát triển KH QSVN

Huấn luyện phải thực hiện đúng phương châm “Cơ bản, thiết thực, vững chắc”, sát với thực tế, huấn luyện từ thấp đến cao. Giáo dục phải toàn diện để nâng cao bản lĩnh chính trị và năng lực cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang.

3.3. Từng bước giải quyết yêu cầu về vũ khí, trang bị kỹ thuật của lực lượng VTND.

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải tiến hành kết hợp giữa các vụ viện nghiên cứu, các nhà trường trong và ngoài quân đội tiến hành nghiên cứu chế tạo và sản xuất các loại binh khí kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của lực lượng vũ trang.

3.4. XD đội ngũ cán bộ LLVTND có phẩm chất chính trị và năng lực tốt.

Phải thương xuyên làm tốt công tác tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý cán bộ lực lượng VTND.

3.5. Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các chế độ, chính sách đối với lực lượng VTND

III. KẾT LUẬN

Xây dựng LLVTND vững mạnh để bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ chiến lược toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Trong giai đoạn hiện nay, đòi hỏi chúng ta phải có các bước phát triển mới để làm thất bại mọi âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch. Thấm nhuần đường lối đổi mới, đường lối QS của Đảng, nhân dân ta nhất định xây dựng LLVTND vững mạnh, bảo vệ Tổ quốc

Sinh viên, học sinh là những chủ nhân tương lai của đất nước, được Đảng và Nhà nước giáo dục đào tạo thành những cán bộ khoa học kỹ thuật và nghiệp vụ, là trí thức XHCN.

Do vậy, là sinh viên ngoài nội dung học tập chuyên môn, chuyên ngành, rèn luyện nâng cao đạo đức, thể chất còn cần phải tích cực tham gia công tác phong trào của đoàn thanh niên, hội sinh viên; tích cực tham gia vào các hoạt động QP&AN của nhà trường; góp phần xây dựng nhà Trường vững mạnh. Sẵn sàng nhập ngũ, sẵn sàng tham gia LLVTND khi Tổ quốc cần.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Nêu khái niệm lực lượng VTND Việt Nam?
2. Nguyên tắc xây dựng lực lượng VTND?
3. Nêu phương hướng xây dựng QĐND trong tình hình hiện nay?

Bài 6
KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI
VỚI TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG - AN NINH

-----*-----

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Giới thiệu tính tất yếu khách quan, nội dung cơ bản và những giải pháp của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố QP&AN ở nước ta hiện nay.

Hiểu đúng, đủ nội dung của bài, trên cơ sở đó vận dụng vào thực tiễn học tập, công tác tích cực góp phần tăng cường củng cố QP&AN, bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

II. NỘI DUNG

1. Cơ sở lý luận và thực tiễn

1.1. Khái niệm

Kết hợp kinh tế với QP&AN là sự gắn kết giữa kinh tế với QP&AN trong một thể thống nhất, nhằm bổ sung, tạo điều kiện, thúc đẩy cùng nhau phát triển với hiệu quả kinh tế xã hội cao. Kinh tế phát triển, QP&AN vững mạnh góp phần quan trọng tạo nên sức mạnh tổng hợp của đất nước, bảo vệ độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, nếu chiến tranh xảy ra thì đánh thắng.

Hoạt động kinh tế là hoạt động cơ bản, thường xuyên, gắn liền với sự tồn tại của xã hội loài người. Đó là toàn bộ quá trình hoạt động sản xuất và tái sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội, phục vụ cho nhu cầu đời sống con người.

QP là công việc giữ nước của quốc gia, gồm tổng thể các hoạt động đối nội và đối ngoại trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, QS, văn hoá, xã hội... nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tạo môi trường thuận lợi để xây dựng đất nước.

An ninh, trạng thái ổn định an toàn, không có dấu hiệu nguy hiểm đe dọa sự tồn tại và phát triển bình thường của cá nhân, của tổ chức, của từng lĩnh vực hoạt động xã hội hoặc của toàn xã hội. Việt Nam, bảo vệ an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn dân và của cả hệ thống chính trị do lực lượng an ninh làm nòng cốt ; bảo vệ an ninh luôn kết hợp chặt chẽ với củng cố quốc phòng.

Kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường củng cố QP&AN ở nước ta là: hoạt động tích cực, chủ động của Nhà nước và nhân dân trong việc gắn kết chặt chẽ hoạt động kinh tế - xã hội, QP&AN trong một chỉnh thể thống nhất trên phạm vi cả nước cũng như ở từng địa phương, thúc đẩy nhau cùng phát triển, góp phần tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia, thực hiện thắng lợi 2 nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hiện nay, Đảng ta xác định, để thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam, chúng ta phải kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường củng

có QP&AN trong một chính thể thống nhất. Quan điểm trên là hoàn toàn đúng đắn, sáng tạo, có cơ sở lí luận và thực tiễn

1.2. Cơ sở lí luận của sự kết hợp

Kinh tế, QP&AN là những mặt hoạt động cơ bản của mỗi quốc gia, dân tộc độc lập có chủ quyền. Mỗi lĩnh vực có mục đích, cách thức hoạt động riêng và chịu sự chi phối của hệ thống quy luật riêng, song giữa chúng lại có mối quan hệ, tác động qua lại lẫn nhau. Trong đó, kinh tế là yếu tố suy cho cùng quyết định QP&AN; ngược lại, QP&AN cũng có tác động tích cực trở lại với kinh tế, bảo vệ và tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế phát triển.

Kinh tế quyết định đến nguồn gốc ra đời, sức mạnh của QP&AN. Lợi ích kinh tế, suy cho đến cùng là nguyên nhân làm nảy sinh các mâu thuẫn và xung đột xã hội. Để giải quyết mâu thuẫn đó, phải có hoạt động QP&AN.

Bản chất của chế độ kinh tế - xã hội quyết định đến bản chất của quốc QP&AN. Xây dựng sức mạnh QP&AN vì mục đích bảo vệ và đem lại lợi ích cho mọi thành viên trong xã hội là do bản chất của chế độ xã hội, XHCN quy định; còn tăng cường sức mạnh QP&AN vì mục đích bảo vệ lợi ích cho giai cấp tư sản cầm quyền, thực hiện chiến tranh xâm lược là do bản chất của chế độ kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa quyết định.

Kinh tế còn quyết định đến việc cung cấp nhân lực, vật lực cho hoạt động QP&AN. Ph.Ăngghen đã khẳng định: "Không có gì phụ thuộc vào kinh tế tiên quyết hơn là chính quân đội và hạm đội" ; "Thắng lợi hay thất bại của chiến tranh đều phụ thuộc vào điều kiện kinh tế,...". Vì vậy, để xây dựng QP&AN vững mạnh phải xây dựng, phát triển kinh tế.

Kinh tế còn quyết định đến việc cung cấp số lượng, chất lượng nguồn nhân lực, vật lực cho QP&AN, qua đó quyết định đến tổ chức biên chế của LLVT; quyết định đến đường lối chiến lược QP&AN. Để xây dựng chiến lược QP&AN quốc gia của mỗi nước, phải căn cứ vào nhiều yếu tố, trong đó tổ chức biên chế của LLVT và vào trang bị binh khí kĩ thuật hiện có là căn cứ đặc biệt quan trọng, những yếu tố này đều phụ thuộc vào nền kinh tế.

QP&AN không chỉ phụ thuộc vào kinh tế mà còn tác động trở lại với kinh tế – xã hội trên cả góc độ tích cực và tiêu cực. QP&AN vững mạnh sẽ tạo môi trường hoà bình, ổn định lâu dài, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế – xã hội. Quá trình thực hiện nhiệm vụ QP&AN trong thời bình, ở mức độ nhất định cũng có tác dụng kích thích kinh tế phát triển. Tiêu dùng cho hoạt động QP&AN, một mặt, đặt ra cho nền kinh tế phải sản xuất ra sản phẩm, hoặc thông qua mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nó; mặt khác, sẽ tạo ra thị trường tiêu thụ sản phẩm của nền kinh tế.

Hoạt động QP&AN tiêu tốn đáng kể một phần nguồn nhân lực, vật lực, tài chính của xã hội. Những tiêu dùng này, như V.I. Lênin đánh giá, là tiêu dùng "mất đi", không quay

vào tái sản xuất xã hội. Do đó, sẽ ảnh hưởng đến tiêu dùng của xã hội, ảnh hưởng đến sự phát triển của nền kinh tế. Hoạt động QP&AN còn ảnh hưởng đến đường lối phát triển kinh tế, cơ cấu kinh tế. Hoạt động QP&AN còn có thể dẫn đến huỷ hoại môi trường sinh thái, để lại hậu quả nặng nề cho kinh tế, nhất là khi chiến tranh xảy ra. Để hạn chế những tác động tiêu cực này, phải kết hợp tốt tăng cường củng cố QP&AN với phát triển kinh tế – xã hội vào một chỉnh thể thống nhất.

Từ sự phân tích trên đây cho thấy, kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường củng cố QP&AN là một tất yếu khách quan. Mỗi lĩnh vực hoạt động đều có nội dung, phương thức riêng nhưng lại có sự thống nhất ở mục đích chung, cái này là điều kiện tồn tại của cái kia và ngược lại. Tuy nhiên, cần phải nhận thức rõ mỗi lĩnh vực có quy luật phát triển đặc thù, do đó, việc kết hợp phải được thực hiện một cách khoa học, hợp lí, cân đối và hài hoà.

1.3. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp

Nhìn vào tiến trình phát triển của các quốc gia trên thế giới chúng ta thấy, dù là nước lớn hay nước nhỏ; kinh tế phát triển hay chưa phát triển; dù chế độ chính trị như thế nào thì mỗi quốc gia cũng đều chăm lo thực hiện kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố QP&AN, kể cả những nước mà hàng trăm năm nay chưa hề xảy ra chiến tranh.

Tuy nhiên, các nước khác nhau, với chế độ chính trị - xã hội khác nhau, điều kiện hoàn cảnh khác nhau thì sự kết hợp đó cũng có sự khác nhau về mục đích, nội dung, phương thức và kết quả. Ngay trong một nước, trong mỗi giai đoạn phát triển thì sự kết hợp cũng khác nhau.

Ở Việt Nam, sự kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường củng cố QP&AN đã được thực hiện trong lịch sử dựng nước đi đôi với giữ nước, trở thành quy luật tồn tại và phát triển của dân tộc ta.

Đứng trước nguy cơ thường xuyên bị đe dọa, xâm lược và thôn tính của các thế lực thù địch, để xây dựng và phát triển đất nước, ông cha ta đã có những chủ trương, kế sách thực hiện sự kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường củng cố QP&AN trong quá trình dựng nước và giữ nước. Các triều đại phong kiến Việt Nam luôn lấy lợi ích quốc gia dân tộc làm trọng, đề ra kế sách giữ nước với tư tưởng: "nước lấy dân làm gốc", "dân giàu, nước mạnh", "quốc phú binh cường"; thực hiện "khoan thư sức dân làm kế sâu rễ bền gốc", chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc để "yên dân" mà "vẹn đất". Thực hiện kế sách "ngụ binh ư nông", "động vi binh, tĩnh vi dân", "bách tính gia binh" để vừa phát triển kinh tế, vừa tăng cường sức mạnh quốc phòng bảo vệ Tổ quốc.

Trong xây dựng, phát triển kinh tế, đã sử dụng nhiều chính sách như khai hoang lập ấp ở những nơi xung yếu để "phục binh sẵn, phá thế giặc dữ" từ xa; phát triển nghề thủ công để vừa sản xuất ra các công cụ sản xuất, vừa sản xuất ra các vũ khí, phương tiện phục vụ cho toàn dân đánh giặc; chăm lo mở mang đường sá, đào sông ngòi, kênh rạch,

xây đắp đê điều để vừa phát triển kinh tế, vừa tạo thế trận đánh giặc, cơ động lực lượng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng, do nắm vững quy luật và biết kế thừa kinh nghiệm của lịch sử nên đã thực hiện sự kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố QP&AN một cách nhất quán bằng những chủ trương sáng tạo, phù hợp với từng thời kì của cách mạng.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954) Đảng ta đề ra chủ trương "Vừa kháng chiến, vừa kiến quốc", "Vừa chiến đấu, vừa tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm"; vừa phát triển kinh tế ở địa phương vừa tiến hành chiến tranh nhân dân rộng khắp; "Xây dựng làng kháng chiến", địch đến thì đánh, địch lui ta lại tăng gia sản xuất.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố QP&AN đã được Đảng ta chỉ đạo thực hiện ở mỗi miền với nội dung và hình thức thích hợp.

Ở miền Bắc, để bảo vệ chế độ XHCN và xây dựng hậu phương lớn cho miền Nam đánh giặc, Đại hội lần thứ III của Đảng đã đề ra chủ trương: "Trong xây dựng kinh tế, phải thấu suốt nhiệm vụ phục vụ quốc phòng, cũng như trong củng cố quốc phòng phải khéo sắp xếp cho ăn khớp với công cuộc xây dựng kinh tế". Theo tinh thần đó, miền Bắc đã xây dựng, phát triển chế độ xã hội mới, nền kinh tế, văn hoá mới, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; đồng thời kết hợp chặt chẽ với chăm lo củng cố QP&AN vững mạnh, đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, bảo vệ miền Bắc, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Ở miền Nam, Đảng chỉ đạo quân và dân ta kết hợp chặt chẽ giữa đánh địch với củng cố mở rộng hậu phương, xây dựng căn cứ địa miền Nam vững mạnh. Đây chính là một điều kiện cơ bản bảo đảm cho cách mạng nước ta đi đến thắng lợi.

Ở thời kì này, chúng ta phải tập trung cao độ cho nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ miền Bắc XHCN và giải phóng miền Nam, nên việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố QP&AN được thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú, sinh động và thiết thực, đã tạo được sức mạnh tổng hợp đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và để lại nhiều bài học quý giá cho thời kì sau.

Thời kì cả nước độc lập, thống nhất và đi lên CNXH (từ 1975 đến nay) kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố QP&AN được Đảng ta khẳng định là một nội dung quan trọng trong đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN và được triển khai trên quy mô rộng lớn, toàn diện hơn.

Từ năm 1986 đến nay, với tư duy đổi mới về kinh tế và QP&AN, việc kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố QP&AN trên phạm vi cả nước cũng như

từng địa phương, bộ, ban ngành có bước chuyển biến cả trong nhận thức và tổ chức thực hiện, đã thu được nhiều kết quả quan trọng.

Nhờ chính sách nhất quán về kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường QP&AN chúng ta đã phát huy được mọi tiềm năng cho xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thời bình, cùng với phát triển kinh tế là chăm lo củng cố tiềm lực quốc phòng, thế trận quốc phòng. Nhờ vậy, khi đất nước bị xâm lược chúng ta đã động viên được "*cả nước đồng lòng, toàn dân đánh giặc*"; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp để chiến thắng kẻ thù. Do vậy đã góp phần giữ gìn và phát triển đất nước đến ngày nay.

2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường QP.AN và đối ngoại ở nước ta hiện nay

2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

Kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP&AN phải được thể hiện ngay trong việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế của quốc gia. Mục tiêu và phương hướng tổng quát phát triển kinh tế - xã hội nước ta giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo là "... Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho CNH, HĐH đất nước; phát triển văn hoá; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; *tăng cường QP&AN*, mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế thế giới; giữ vững ổn định chính trị - xã hội, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại".

Như vậy, trong mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đã bao quát toàn diện các vấn đề của đời sống xã hội, trong đó nổi lên ba vấn đề lớn là: tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ xã hội, tăng cường QP&AN và mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm giải quyết hài hoà hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sự kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường củng cố QP&AN trong chiến lược phát triển kinh tế được thể hiện ngay trong việc hoạch định mục tiêu phát triển quốc gia, trong huy động nguồn lực, trong lựa chọn và thực hiện các giải pháp chiến lược.

Sự kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường QP&AN sẽ phát huy sức mạnh của từng lĩnh vực, kết hợp với nhau tạo thành sức mạnh tổng hợp, quy tụ mọi nguồn lực, lực lượng trong nước và quốc tế nhằm hoàn thành thắng lợi mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố QP&AN trong phát triển các vùng lãnh thổ

Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố QP&AN theo vùng lãnh thổ là sự gắn kết chặt chẽ phát triển vùng kinh tế chiến lược, với xây dựng vùng chiến lược QP&AN, nhằm tạo ra thể bố trí chiến lược mới cả về kinh tế lẫn QP&AN trên từng vùng lãnh thổ, trên địa bàn tỉnh, thành phố, theo ý đồ phòng thủ chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam vững trên toàn cục và mạnh ở từng trọng điểm.

Hiện nay, nước ta đã phân chia thành các vùng kinh tế lớn và các vùng chiến lược, các quân khu (sự phân vùng chiến lược QP&AN là sự phân vùng theo ý đồ phòng thủ và tác chiến bảo vệ Tổ quốc trên từng chiến trường, từng hướng chiến lược của đất nước). Mỗi vùng đều có vị trí chiến lược về phát triển kinh tế và chiến lược phòng thủ bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, về lâu dài đều phải quan tâm chỉ đạo kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế xã hội với xây dựng lực lượng, thể trận QP&AN trên từng vùng lãnh thổ và giữa các vùng với nhau, trong thể trận phòng thủ chung.

Các vùng chiến lược khác nhau có sự khác nhau về đặc điểm và yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế, QP&AN, nên nội dung kết hợp cụ thể trong mỗi vùng có thể có sự khác nhau. Song việc kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với QP&AN ở các vùng lãnh thổ, cũng như ở địa bàn mỗi tỉnh, thành phố phải được thể hiện những nội dung chủ yếu sau:

Một là, kết hợp trong xây dựng chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển KT – XH với QP&AN của vùng, cũng như trên địa bàn từng tỉnh, thành phố.

Hai là, kết hợp trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng, cơ cấu kinh tế địa phương với xây dựng các khu vực phòng thủ then chốt, các cụm chiến đấu liên hoàn, các xã phường chiến đấu trên địa bàn của các tỉnh, thành phố, huyện, quận.

Ba là, kết hợp trong quá trình phân công lại lao động của vùng, phân bố lại dân cư với tổ chức xây dựng và điều chỉnh, sắp xếp bố trí lại lực lượng QP&AN trên từng địa bàn, lãnh thổ cho phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội và kế hoạch phòng thủ bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm ở đâu có đất, có biển, đảo là ở đó có dân và có lực lượng QP&AN để bảo vệ Tổ quốc.

Bốn là, kết hợp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế với xây dựng các công trình quốc phòng, QS, phòng thủ dân sự, thiết bị chiến trường... Bảo đảm tính "lưỡng dụng" trong mỗi công trình.

Năm là, kết hợp xây dựng các cơ sở, kinh tế vững mạnh toàn diện, rộng khắp với xây dựng các căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu cần, kỹ thuật và hậu phương vững chắc cho mỗi vùng và ở các địa phương để sẵn sàng đối phó khi có chiến tranh xâm lược.

Trên cơ sở kết hợp quan điểm toàn cục nói trên, xuất phát từ sự phân tích đặc điểm tiềm năng phát triển kinh tế cũng như vị trí địa lý, chính trị, QS, QP&AN của các vùng lãnh thổ trong cả nước, hiện nay Đảng ta xác định phải chú trọng nhiều hơn cho các vùng kinh tế trọng điểm, vùng biển đảo và vùng biên giới.

Đối với các vùng kinh tế trọng điểm

Theo Quyết định số 747/1997/QĐ-TTg, 1018/1997/QĐ-TTg và Quyết định số 44/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội ba vùng kinh tế trọng điểm quốc gia đến năm 2010, gồm vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, miền Trung và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, trong đó có 13 tỉnh/thành phố được xếp vào quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các vùng kinh tế trọng điểm.

Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hưng Yên, Hải Dương.

Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung: Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam và Quảng Ngãi.

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu và Bình Dương (ngày nay là Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đồng Nai)

Các vùng kinh tế trọng điểm nói trên đều là nòng cốt cho phát triển kinh tế của từng miền và cho cả nước, ước tính đến năm 2025, GDP của 3 vùng kinh tế trọng điểm chiếm khoảng 60% tổng thu nhập quốc dân của cả nước.

Về kinh tế, các vùng kinh tế trọng điểm là nơi có mật độ dân cư và tính chất đô thị hoá cao, gắn liền với các khu công nghiệp lớn, đặc khu kinh tế, các liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài. Đây cũng là nơi tập trung các đầu mối giao thông quan trọng, các sân bay, bến cảng, kho tàng, dịch vụ...

Về QP&AN, mỗi vùng kinh tế trọng điểm thường nằm trong các khu vực phòng thủ và phòng thủ then chốt của đất nước, nơi có nhiều đối tượng, mục tiêu quan trọng phải bảo vệ; đồng thời cũng là nơi nằm trên các hướng có khả năng là hướng tiến công chiến lược chủ yếu trong chiến tranh xâm lược của địch; hoặc đã và đang là địa bàn trọng điểm để địch thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình", BLLĐ với nước ta. Vì vậy, phải thực hiện thật tốt phát triển kinh tế gắn với củng cố, tăng cường QP&AN trên các vùng này.

Nội dung kết hợp cần tập trung vào các vấn đề sau:

- Trong quy hoạch, kế hoạch xây dựng các thành phố, các khu công nghiệp cần lựa chọn quy mô trung bình, bố trí phân tán, trải đều trên diện rộng, không nên xây dựng tập trung thành những siêu đô thị lớn, để thuận lợi cho quản lý, giữ gìn ANCT trong thời bình và hạn chế hậu quả tiến công của địch khi có chiến tranh.

- Phải kết hợp chặt chẽ trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế với kết cấu hạ tầng của nền QPTD. Gắn xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế với xây dựng các công trình phòng thủ, các thiết bị chiến trường, các công trình phòng thủ dân sự... Về lâu dài, ở các thành phố, đô thị, các khu kinh tế tập trung, cần có quy hoạch từng bước xây dựng hệ thống "công trình ngầm lưỡng dụng". Phải bảo vệ, bảo tồn các địa hình, địa vật, các khu vực có giá trị về phòng thủ, khi bố trí các cơ sở sản xuất, các công trình kinh tế, phê duyệt dự án đầu tư nước ngoài. Khắc phục tình trạng chỉ chú ý quan tâm đến lợi thế, hiệu quả kinh tế trước mắt mà quên đi nhiệm vụ QP&AN và ngược lại khi bố trí các khu vực phòng thủ, các công trình quốc phòng, chỉ chú ý đến các yếu tố bảo đảm QP&AN mà không tính đến đến lợi ích kinh tế.

- Trong quá trình xây dựng các khu công nghiệp tập trung, đặc khu kinh tế phải có sự gắn kết với quy hoạch xây dựng lực lượng QP&AN, các tổ chức chính trị, đoàn thể ngay trong các tổ chức kinh tế đó. Lựa chọn đối tác đầu tư, bố trí xen kẽ, tạo thế đan cài lợi ích giữa các nhà đầu tư nước ngoài trong các khu công nghiệp, đặc khu kinh tế, khu chế xuất.

- Việc xây dựng, phát triển kinh tế ở các vùng kinh tế trọng điểm phải nhằm đáp ứng phục vụ nhu cầu dân sinh thời bình và cả cho việc chuẩn bị đáp ứng nhu cầu chi viện cho các chiến trường khi chiến tranh xảy ra. Kết hợp phát triển kinh tế tại chỗ với xây dựng căn cứ hậu phương của từng vùng kinh tế trọng điểm để sẵn sàng chủ động di dời, sơ tán đến nơi an toàn khi có tình huống chiến tranh xâm lược.

Đối với vùng núi biên giới

Vùng núi biên giới của nước ta có chiều dài tiếp giáp với Trung Quốc, Lào, Campuchia. Đây là địa bàn sinh sống chủ yếu của đồng bào dân tộc ít người, mật độ dân số thấp (trung bình khoảng 20 - 40 người/1km²), kinh tế chưa phát triển, trình độ dân trí thấp, đời sống dân cư còn nhiều khó khăn. Vùng núi biên giới có tầm quan trọng đặc biệt trong chiến lược phòng thủ bảo vệ Tổ quốc. Trước đây các vùng này đã từng là căn cứ địa kháng chiến, hậu phương chiến lược của cả nước. Ngày nay, trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc, các vùng núi biên giới vẫn là vùng chiến lược hết sức trọng yếu. Trong khi đó, ở đây còn nhiều khó khăn, yếu kém về kinh tế, văn hoá, xã hội, QP&AN dễ bị kẻ thù lợi dụng để lôi kéo, kích động đồng bào, thực hiện âm mưu chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ, nhiều nơi tình hình rất phức tạp. Vì vậy, trước mắt cũng như lâu dài, việc kết hợp phát triển kinh tế với QP&AN ở vùng núi biên giới là cực kì quan trọng.

Việc kết hợp cần tập trung vào các nội dung sau :

- Phải quan tâm đầu tư phát triển kinh tế, củng cố QP&AN ở các vùng cửa khẩu, các vùng giáp biên giới với các nước.

- Phải tổ chức tốt việc định canh, định cư tại chỗ và có chính sách phù hợp để động viên, điều chỉnh dân số từ các nơi khác đến vùng núi biên giới

- Tập trung xây dựng các xã trọng điểm về kinh tế và QP&AN. Trước hết, cần tập trung xây dựng phát triển hệ thống hạ tầng cơ sở, mở mới và nâng cấp các tuyến đường dọc, ngang, các tuyến đường vành đai kinh tế.

- Thực hiện tốt chương trình xoá đói, giảm nghèo, chương trình 135 về phát triển kinh tế - xã hội đối với các xã nghèo

- Đối với những nơi có địa thế quan trọng, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn, cần kết hợp mọi nguồn lực, mọi lực lượng của cả Trung ương và địa phương để cùng lo, cùng làm.

- Đặc biệt với các địa bàn chiến lược trọng yếu dọc sát biên giới, cần có chính sách động viên và sử dụng lực lượng vũ trang, lực lượng quân đội làm nòng cốt xây dựng các khu kinh tế quốc phòng, hoặc các khu quốc phòng - kinh tế, nhằm tạo thế và lực mới cho phát triển kinh tế xã hội và tăng cường sức mạnh QP&AN.

Đối với vùng biển đảo

Nước ta có vùng biển vừa dài vừa rộng, với diện tích hơn 1 triệu km² (gấp hơn 3 lần diện tích đất liền). Vùng biển đảo nước ta có nhiều tiềm năng về hải sản và khoáng sản, là cửa ngõ thông thương giao lưu quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài, có khả năng phát triển một số ngành mũi nhọn của đất nước trong tương lai. Tuy nhiên, việc khai thác lợi thế đó của ta còn nhiều hạn chế, đặc biệt vùng biển đảo của ta hiện nay đang có nhiều tranh chấp rất phức tạp, chứa đựng nguy cơ đe dọa chủ quyền quốc gia, lợi ích dân tộc và rất dễ bùng nổ xung đột. Trong khi đó, chúng ta lại chưa có chiến lược tổng thể hoàn chỉnh về phát triển kinh tế biển và bảo vệ biển, đảo. Lực lượng và sức mạnh tổng hợp trên biển còn quá mỏng. Vì vậy, việc quan tâm thực hiện sự kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường QP&AN trên vùng biển, đảo là đòi hỏi bức bách và rất quan trọng cả trước mắt cũng như lâu dài, nhằm nhanh chóng tạo ra thế và lực đủ sức bảo vệ, làm chủ toàn diện vùng biển, đảo, góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế biển phát triển nhanh làm giàu cho Tổ quốc.

Nội dung kết hợp cần tập trung vào các vấn đề sau:

- Tập trung trước hết vào xây dựng, hoàn thiện chiến lược phát triển kinh tế và xây dựng thế trận QP&AN bảo vệ biển, đảo trong tình hình mới, làm cơ sở cho việc thực hiện kết hợp kinh tế xã hội với QP&AN một cách cơ bản, toàn diện, lâu dài.

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch từng bước đưa dân ra vùng ven biển và các tuyến đảo gần trước để có lực lượng xây dựng căn cứ hậu phương, trụ bám phát triển kinh tế và bảo vệ biển, đảo một cách vững chắc, lâu dài.

- Nhà nước phải có cơ chế chính sách thoả đáng động viên, khích lệ dân ra đảo ở lại làm ăn lâu dài.

- Phát triển các loại hình dịch vụ trên biển, đảo, tạo điều kiện cho dân bám trụ, sinh sống, làm ăn.

- Xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện mở rộng liên kết làm ăn kinh tế ở vùng biển, đảo thuộc chủ quyền nước ta với các nước phát triển, nhằm tạo ra các đối tác đan xen lợi ích và đối tượng chống lại sự lấn lướt của các nước lớn. Thông qua đó, vừa thể hiện chủ quyền của nước ta, vừa hạn chế âm mưu bành trướng lấn chiếm biển đảo của các thế lực thù địch, tạo thế và lực để giải quyết hoà bình các tranh chấp trên biển, đảo.

- Chú trọng đầu tư phát triển chương trình đánh bắt xa bờ, thông qua đó xây dựng lực lượng dân quân biển, các hải đoàn tự vệ của ngành Hàng hải, Cảnh sát biển, kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn kịp thời những hoạt động vi phạm chủ quyền biển, đảo của nước ta,... Xây dựng một số đơn vị kinh tế - quốc phòng mạnh trên biển, đảo làm nòng cốt phát triển kinh tế biển, tạo thế bảo vệ biển, đảo vững chắc.

- Xây dựng phương án đối phó với các tình huống có thể xảy ra ở vùng biển, đảo nước ta. Mạnh dạn đầu tư xây dựng lực lượng nòng cốt và thế trận phòng thủ trên biển, đảo, trước hết là phát triển và hiện đại hoá lực lượng Hải Quân nhân dân Việt Nam để đủ sức mạnh canh giữ, bảo vệ vùng biển, đảo.

2.3. Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường, củng cố QP&AN trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu

- Một là, kết hợp trong công nghiệp.

Công nghiệp là ngành kinh tế quan trọng của quốc gia, cung cấp máy móc, nguyên nhiên liệu cho các ngành kinh tế khác và cho chính nó cũng như cho công nghiệp quốc phòng; sản xuất sản phẩm tiêu dùng cho xã hội, phục vụ xuất khẩu; sản xuất vũ khí, trang thiết bị QS đáp ứng nhu cầu hoạt động QP&AN.

Nội dung kết hợp KT-XH với QP&AN và đối ngoại trong phát triển công nghiệp là:

+ Kết hợp ngay từ khâu quy hoạch bố trí các đơn vị kinh tế của ngành công nghiệp. Bố trí một cách hợp lý trên các vùng lãnh thổ, quan tâm đến vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế kém phát triển, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

+ Tập trung đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp liên quan đến quốc phòng như cơ khí, chế tạo, điện tử, công nghiệp, điện tử kỹ thuật cao, luyện kim, hoá chất, đóng tàu để vừa đáp ứng nhu cầu trang bị cơ giới cho nền kinh tế, vừa có thể sản xuất ra một số sản phẩm kỹ thuật công nghệ cao phục vụ QP&AN.

- Phát triển công nghiệp quốc gia theo hướng mỗi nhà máy, xí nghiệp vừa sản xuất hàng dân dụng, vừa sản xuất hàng QS. Kết hợp trong đầu tư nghiên cứu, sáng chế, chế tạo, sản xuất các mặt hàng có tính lưỡng dụng cao trong các nhà máy.

- Các nhà máy công nghiệp quốc phòng trong thời bình, ngoài việc sản xuất ra hàng QS phải tham gia sản xuất hàng dân sự chất lượng cao, phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Theo hướng trên, từ nay đến năm 2020, Nhà nước cần tập trung xây dựng một số nhà máy mũi nhọn, có thể tham gia nghiên cứu, sáng chế và sản xuất một số mặt hàng QS đáp ứng trang bị cho LLVT, trong đó tập trung vào một số ngành như cơ khí luyện kim, cơ khí chế tạo, điện tử, tin học, hoá dầu.

- Mở rộng liên doanh, liên kết giữa ngành công nghiệp nước ta (bao gồm cả công nghiệp quốc phòng) với công nghiệp của các nước tiên tiến trên thế giới; ưu tiên những ngành, lĩnh vực có tính lưỡng dụng cao.

- Thực hiện chuyển giao công nghệ hai chiều, từ công nghiệp quốc phòng vào công nghiệp dân dụng và ngược lại.

- Phát triển hệ thống phòng không công nghiệp và phát triển lực lượng tự vệ để bảo vệ các nhà máy, xí nghiệp trong cả thời bình và thời chiến.

- Xây dựng kế hoạch động viên công nghiệp quốc gia phục vụ thời chiến; thực hiện dự trữ chiến lược các nguyên, nhiên, vật liệu quý hiếm cho sản xuất QS.

Hai là, kết hợp trong nông, lâm, ngư nghiệp

Hiện nay nước ta vẫn còn hơn 70% dân số ở nông thôn và làm nông, lâm, ngư nghiệp. Phần lớn lực lượng, của cải huy động cho xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là từ khu vực này.

Kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố QP&AN trong các lĩnh vực này cần tập trung chú ý các vấn đề sau:

- Kết hợp phải nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng đất, rừng, biển, đảo và lực lượng lao động để phát triển đa dạng ngành trong nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, làm ra nhiều sản phẩm hàng hoá có giá trị cao phục vụ tiêu dùng trong nước, xuất khẩu và có lượng dự trữ dồi dào về mọi mặt cho QP&AN.

- Kết hợp trong nông, lâm, ngư nghiệp phải gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội: xoá đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe, đền ơn đáp nghĩa, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, xây dựng nông thôn mới... Bảo đảm an ninh lương thực và an ninh nông thôn, góp phần tạo thế trận phòng thủ, "thế trận lòng dân" vững chắc.

- Phải kết hợp gắn việc động viên đưa dân ra lập nghiệp ở các đảo để xây dựng các làng, xã, huyện đảo vững mạnh với chú trọng đầu tư xây dựng phát triển các hợp tác xã, các đội tàu thuyền đánh cá xa bờ, xây dựng lực lượng tự vệ, lực lượng dân quân biển, đảo; phối hợp chặt chẽ với lực lượng Hải quân và Cảnh sát biển để bảo vệ biển, đảo.

- Phải đẩy mạnh phát triển trồng rừng gắn với công tác định canh định cư, xây dựng các cơ sở chính trị vững chắc ở các vùng rừng núi biên giới nước ta, đặc biệt là ở Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ.

Ba là, kết hợp trong giao thông, bưu điện, y tế, khoa học - công nghệ, giáo dục và xây dựng cơ bản

Trong giao thông vận tải

- Phát triển hệ thống giao thông vận tải đồng bộ cả đường bộ, đường sắt, đường không, đường sông, đường thủy, đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hoá trong nước và mở rộng giao lưu với bên ngoài.

- Trong xây dựng các mạng đường bộ, cần chú trọng mở rộng, nâng cấp các tuyến trục đường Bắc - Nam với tuyến đường trục dọc Trường Sơn, đường Hồ Chí Minh. Từ các tuyến đường này phải phát triển các tuyến đường ngang, nối liền giữa các tuyến trục dọc với nhau và phát triển đến các huyện, xã trong cả nước, nhất là đến các xã vùng cao, vùng sâu, miền núi biên giới, xây dựng hoàn thiện tuyến đường tuần tra biên giới.

- Trong thiết kế, thi công các công trình giao thông vận tải, đặc biệt là các tuyến vận tải chiến lược, phải tính đến cả nhu cầu hoạt động thời bình và thời chiến, nhất là cho các phương tiện cơ động của lực lượng vũ trang có trọng tải và lưu lượng vận chuyển lớn, liên tục. Ở những đầu nút giao thông, những nơi dự kiến địch có thể đánh phá trong chiến tranh, phải có kế hoạch làm nhiều đường vòng tránh. Bên cạnh các cây cầu lớn qua sông, phải làm sẵn những bến phà, bến vượt ngầm. Ở những đoạn đường có địa hình cho phép thì làm đường hầm xuyên núi, cải tạo các hang động sẵn có dọc hai bên đường làm kho trạm, nơi trú quân khi cần thiết.

- Phải thiết kế, xây dựng lại hệ thống đường ống dẫn dầu Bắc - Nam, chôn sâu bí mật, có đường vòng tránh trên từng cung đoạn, bảo đảm hoạt động an toàn cả thời bình và thời chiến.

- Ở các vùng đồng bằng ven biển, đi đôi với phát triển hệ thống đường bộ, cần chú trọng cải tạo, phát triển đường sông, đường biển, xây dựng các cảng sông, cảng biển, bảo đảm đi lại, bốc dỡ thuận tiện.

- Việc mở rộng nâng cấp sân bay phải chú ý cả sân bay ở tuyến sau, ở sâu trong nội địa, sân bay giả chiến và có kế hoạch sử dụng cả đường cao tốc làm đường băng cất hạ cánh máy bay khi cần thiết trong chiến tranh.

- Trong một số tuyến đường xuyên á, sau này được xây dựng qua Việt Nam, ở những nơi cửa khẩu, nơi tiếp giáp các nước bạn phải có kế hoạch xây dựng các khu vực phòng thủ kiên cố, vững chắc, đề phòng khả năng địch sử dụng các tuyến đường này khi tiến công xâm lược nước ta với quy mô lớn.

- Xây dựng kế hoạch động viên giao thông vận tải cho thời chiến.

Trong bưu chính viễn thông

- Phải kết hợp chặt chẽ giữa ngành bưu điện quốc gia với ngành thông tin quân đội, công an để phát triển hệ thống thông tin quốc gia hiện đại, đảm bảo nhanh chóng, chính xác, an toàn thông tin liên lạc phục vụ lãnh đạo chỉ huy, điều hành đất nước trong mọi tình huống, cả thời bình và thời chiến.

- Có phương án thiết kế xây dựng và bảo vệ hệ thống thông tin liên lạc một cách vững chắc trong mọi tình huống.

- Các phương tiện thông tin liên lạc và điện tử cần phải được bảo đảm bí mật và có khả năng chống nhiễu cao, phòng chống chiến tranh thông tin điện tử của địch.

- Khi hợp tác với nước ngoài về xây dựng, mua sắm các thiết bị thông tin điện tử phải cảnh giác cao, lựa chọn đối tác, có phương án chống âm mưu phá hoại của địch.

- Xây dựng kế hoạch động viên thông tin liên lạc: chuẩn bị nhân lực và vật lực ngay từ trong thời bình, tổ chức luyện tập chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu cao để có thể huy động cho nhiệm vụ QP&AN khi cần thiết.

Trong xây dựng cơ bản

Đây là lĩnh vực sẽ có nhiều phát triển cả quy mô và trình độ trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Những công trình này không dễ gì có thể phá đi làm lại, cho nên việc thực hiện kết hợp trong ngành xây dựng phải được tiến hành ngay từ đầu, từ khảo sát điều tra, thiết kế, quy hoạch dự án đầu tư đến thi công xây dựng.

- Khi xây dựng bất cứ công trình nào cũng phải tính đến yếu tố tự bảo vệ và có thể chuyên hoá phục vụ được cả cho QP&AN, cho phòng thủ tác chiến và phòng thủ dân sự.

- Khi xây dựng các thành phố đô thị, phải gắn với các khu vực phòng thủ địa phương, phải xây dựng các công trình ngầm (nhà cao tầng có tầng ngầm, giao thông có đường giao thông ngầm).

- Khi xây dựng các khu công nghiệp tập trung, các nhà máy, xí nghiệp lớn, quan trọng đều phải tính đến khả năng bảo vệ và di dời khi cần thiết. Nếu điều kiện cho phép, phải biết tận dụng các địa hình, địa vật sẵn có để tăng tính bảo vệ cho công trình. Hạn chế xâm phạm các địa hình có giá trị về phòng thủ QS, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

- Đối với các xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, cần kết hợp trong nghiên cứu sáng chế, chế tạo những vật liệu siêu bền, có khả năng chống xuyên, chống mặn, chống bức xạ, dễ vận chuyển phục vụ xây dựng các công trình phòng thủ, công sự trận địa của lực lượng vũ trang và của khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố.

- Khi cấp phép đầu tư xây dựng cho các đối tác nước ngoài, phải có sự tham gia ý kiến của cơ quan QS có thẩm quyền.

Trong khoa học và công nghệ, giáo dục

Đây là lĩnh vực giữ vai trò nền tảng, động lực, là quốc sách hàng đầu đối với sự phát triển của quốc gia. Vì vậy, sự kết hợp là tất yếu, không chỉ là vấn đề cơ bản lâu dài mà còn là vấn đề cấp bách.

Nội dung kết hợp cần tập trung vào :

- Phải phối hợp chặt chẽ và toàn diện hoạt động giữa các ngành khoa học và công nghệ then chốt của cả nước với các ngành khoa học của QP&AN trong việc hoạch định chiến lược nghiên cứu phát triển và quản lý sử dụng phục vụ cho cả xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Nghiên cứu ban hành chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đề tài khoa học, dự án công nghệ và sản xuất các sản phẩm có ý nghĩa vừa phục vụ cho nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, vừa phục vụ nhu cầu QP&AN, bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, có chính sách đầu tư thoả đáng cho lĩnh vực nghiên cứu khoa học QS, khoa học xã hội nhân văn QS, khoa học kỹ thuật QS.

- Coi trọng giáo dục bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài của đất nước, đáp ứng cả sự nghiệp xây dựng phát triển kinh tế xã hội, cả QP&AN. Thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục QP&AN cho các đối tượng, đặc biệt là trong các nhà trường thuộc hệ thống giáo dục quốc gia.

Trong lĩnh vực y tế

- Phối hợp, kết hợp chặt chẽ giữa ngành y tế dân sự với y tế QS trong nghiên cứu, ứng dụng, trong đào tạo nguồn nhân lực, trong khám chữa bệnh cho nhân dân, bộ đội và cho người nước ngoài.

- Xây dựng mô hình quân dân y kết hợp trên các địa bàn, đặc biệt là ở miền núi, biên giới, hải đảo.

- Xây dựng kế hoạch động viên y tế dân sự cho QS khi có chiến tranh xảy ra.

- Phát huy vai trò của y tế QS trong phòng chống, khám chữa bệnh cho nhân dân thời bình và thời chiến.

2.4. Kết hợp trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc

Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố QP&AN trong bảo vệ Tổ quốc là xuất phát từ mục tiêu, lực lượng và phương thức bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh quốc gia trong tình hình mới.

Nội dung kết hợp cần chú ý:

- Tổ chức biên chế và bố trí lực lượng vũ trang phải phù hợp với điều kiện kinh tế và nhu cầu phòng thủ đất nước.

- Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật trong huấn luyện, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang.

- Khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của quân đội, công an cho phát triển kinh tế xã hội. Xây dựng, phát triển các khu kinh tế quốc phòng, các khu quốc phòng kinh tế trên các địa bàn miền núi biên giới, giúp đỡ nhân dân địa phương ổn định sản xuất, đời sống, phát triển kinh tế xã hội, củng cố QP&AN trên địa bàn. Tận dụng khả năng của công nghiệp quốc phòng trong thời bình để sản xuất hàng hoá dân sự phục vụ dân sinh và xuất khẩu. Thành lập các tổ, đội công tác trên từng lĩnh vực đưa về giúp đỡ các xã vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng cũ phát triển kinh tế, QP&AN...

- Phát huy tốt vai trò tham mưu của các cơ quan QS, công an các cấp trong việc thẩm định, đánh giá các dự án đầu tư, nhất là các dự án đầu tư có vốn nước ngoài.

2.5. Kết hợp trong hoạt động đối ngoại

Mục tiêu chung của mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế là giữ vững môi trường hoà bình, tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tận dụng ngoại lực, phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế quốc tế, bảo đảm giữ vững độc lập, tự chủ và định hướng XHCN, bảo vệ lợi ích dân tộc và an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường.

Nội dung kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường QP&AN trong lĩnh vực đối ngoại cần tập trung vào các lĩnh vực sau:

- Mở rộng hoạt động đối ngoại phải quán triệt và thực hiện tốt nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập, chủ quyền và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc; giải quyết các tranh chấp bằng thương lượng hoà bình.

- Trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại, phải kết hợp từ khâu lựa chọn đối tác, lựa chọn đối tác có ưu thế chế ngự cạnh tranh với các thế lực mạnh bên ngoài, làm hạn chế sự chống phá của các thế lực thù địch.

- Kết hợp trong việc phân bổ đầu tư vào ngành nào, địa bàn nào có lợi cho phát triển kinh tế, bảo đảm QP&AN của quốc gia. Khắc phục tình trạng chỉ thấy lợi ích kinh tế trước mắt mà không tính đến lợi ích lâu dài và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

- Kết hợp trong xây dựng và quản lý các khu chế xuất, các đặc khu kinh tế liên doanh, liên kết đầu tư với nước ngoài, bảo vệ chủ quyền an ninh đất nước, Chú trọng xây dựng các đoàn hội, lực lượng tự vệ trên cơ sở Nhà nước có luật pháp quy định rõ ràng. Đồng thời chú trọng bồi dưỡng ý thức tự tôn dân tộc, tinh thần đấu tranh bảo vệ độc lập chủ quyền, an ninh quốc gia cho cán bộ, nhân viên là người Việt Nam làm việc trong các cơ sở đối ngoại và kinh tế đối ngoại.

- Phát huy vai trò của cán bộ, nhân viên các đại sứ quán, lãnh sự quán của nước ta ở nước ngoài trong việc quảng bá sản phẩm hàng hoá, truyền thống Việt Nam; đồng thời

nắm vững đường lối đối ngoại, đường lối QS của nước ngoài cung cấp tình hình giúp Đảng, Nhà nước hoạch định chính sách đối ngoại đúng đắn.

3. Một số giải pháp chủ yếu kết hợp hiện nay

3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý nhà nước, của chính quyền các cấp

Vai trò lãnh đạo của các cấp uỷ đảng trong việc kết hợp được thể hiện ở chỗ:

- Thường xuyên nắm vững chủ trương đường lối của Đảng, kịp thời đề ra những quyết định lãnh đạo ngành, địa phương mình, thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố QP&AN một cách đúng đắn.

- Gắn chủ trương lãnh đạo với tăng cường kiểm tra việc thực hiện của chính quyền, đoàn thể, các tổ chức kinh tế thực hiện chủ trương đường lối về kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố QP&AN.

- Tổ chức tốt việc sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm kịp thời để bổ sung chủ trương và chỉ đạo thực thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố QP&AN ở ngành, địa phương thuộc phạm vi lãnh đạo của các cấp uỷ đảng.

Để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước của chính quyền các cấp trong kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường QP&AN phải:

- Từng cấp phải làm đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Nghị định 119/2004/NĐ-CP của Chính phủ đã ban hành ngày 11/5/2004.

- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các quy hoạch, kế hoạch kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố QP&AN ở ngành, bộ, địa phương cơ sở của mình dài hạn và hàng năm.

- Đổi mới nâng cao quy trình, phương pháp quản lý, điều hành của chính quyền các cấp từ khâu lập quy hoạch, kế hoạch, nắm tình hình, thu thập xử lý thông tin, định hướng hoạt động, tổ chức hướng dẫn chỉ đạo cấp dưới và kiểm tra ở mọi khâu, mọi bước của quá trình thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố QP&AN ở ngành, địa phương mình.

3.2. Bồi dưỡng nâng cao kiến thức kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường củng cố QP&AN cho các đối tượng

Đây là giải pháp quan trọng hàng đầu và đang là đòi hỏi cấp thiết đối với cán bộ và nhân dân cả nước ta hiện nay.

- *Đối tượng bồi dưỡng:* phải phổ cập kiến thức QP&AN cho toàn dân nhưng trước hết phải tập trung vào đội ngũ cán bộ chủ trì các cấp, các bộ, ngành, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương, cơ sở.

- *Nội dung bồi dưỡng:* phải căn cứ vào đối tượng, yêu cầu nhiệm vụ đặt ra để chọn lựa nội dung, chương trình bồi dưỡng cho phù hợp và thiết thực, nâng cao kiến thức, kinh

nghiệm và năng lực thực tiễn sát với cương vị đảm nhiệm với từng loại đối tượng và quần chúng nhân dân.

- *Hình thức bồi dưỡng*: phải kết hợp bồi dưỡng tại trường với tại chức, kết hợp lý thuyết với thực hành. Thông qua sinh hoạt chính trị, qua các cuộc diễn tập thực nghiệm, thực tế ở các bộ, ngành, địa phương cơ sở để nâng cao hoàn thiện sự hiểu biết và năng lực tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ và của toàn dân, toàn quân về kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường QP&AN trong tình hình mới.

3.3. Xây dựng chiến lược tổng thể kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố QP&AN thời kì mới

Hiện nay, nước ta đã và đang xây dựng chiến lược phát triển kinh tế xã hội gắn với tăng cường củng cố QP&AN đến năm 2030. Thực tiễn cho thấy, sự vận dụng tính quy luật kinh tế, QP&AN và quán triệt quan điểm kết hợp của Đảng đã đề ra còn nhiều mâu thuẫn và bất cập do thiếu định hướng chiến lược cơ bản cả ở tầm vĩ mô và vi mô.

Vì vậy, muốn kết hợp ngay từ đầu và trong suốt quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước một cách cơ bản và thống nhất trên phạm vi cả nước và từng địa phương, phải tiếp tục xây dựng và hoàn chỉnh các quy hoạch và kế hoạch chiến lược tổng thể quốc gia về kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố QP&AN. Coi đó là một trong những khâu quan trọng hàng đầu để chỉ đạo, quản lý nhà nước, về kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường QP&AN có hiệu lực, hiệu quả.

Trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch chiến lược tổng thể trong thời kì mới, phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ, ngành, địa phương từ khâu khảo sát, đánh giá các nguồn lực (cả bên trong và bên ngoài). Trên cơ sở đó xác định mục tiêu, phương hướng phát triển và đề ra các chính sách đúng đắn, như: chính sách khai thác các nguồn lực; chính sách đầu tư và phân bổ đầu tư; chính sách điều động nhân lực, bố trí dân cư; chính sách ưu đãi khoa học và công nghệ lưỡng dụng....

3.4. Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc QP&AN

Mọi chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước liên quan đến kết hợp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố QP&AN đều phải được thể chế hoá thành luật pháp, pháp lệnh, nghị định, văn bản dưới luật một cách đồng bộ, thống nhất để quản lý và tổ chức thực hiện nghiêm túc có hiệu lực và hiệu quả trong cả nước.

Đảng và Nhà nước phải có chính sách khai thác các nguồn lực và vốn đầu tư cả trong và ngoài nước để thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố QP&AN; nhất là đối với các công trình trọng điểm, ở những địa bàn chiến lược trọng yếu như miền núi biên giới và hải đảo.

Việc xác lập cơ chế chính sách, bảo đảm ngân sách cho kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố QP&AN cần được xây dựng theo quan điểm QPTD, ANND. Các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế, các đoàn thể xã hội đều phải có nghĩa vụ chăm lo cho sự nghiệp xây dựng đất nước cũng như sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Việc phân bổ ngân sách phải theo hướng tập trung cho những mục tiêu, công trình có tính lưỡng dụng cao đáp ứng cả cho phát triển kinh tế xã hội và củng cố QP&AN cả trước mắt và lâu dài.

Phải có chính sách khuyến khích lợi ích vật chất và tinh thần đối với các tổ chức, cá nhân, các nhà đầu tư (cả trong và ngoài nước) có các đề tài khoa học, các dự án công nghệ sản xuất, xây dựng có ý nghĩa lưỡng dụng hoá cao phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN trong thời kì mới.

3.5. Kiện toàn, phát huy vai trò tham mưu của cơ quan chuyên trách QP-AN các cấp

Căn cứ Nghị định số 119/2004/NĐ-CP ngày 11/5/2004 của Chính phủ về Công tác quốc phòng ở các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc chính phủ và các địa phương. Cần nghiên cứu bổ sung mở rộng thêm chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên trách quản lí nhà nước về QP&AN nói chung và về kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường, củng cố QP&AN nói riêng trong thời kì mới.

Kết hợp chặt chẽ giữa chấn chỉnh, kiện toàn tổ chức với chăm lo bồi dưỡng nâng cao năng lực và trách nhiệm của các cơ quan và cán bộ chuyên trách làm tham mưu cho Đảng, Nhà nước về thực hiện kết hợp phát triển KT-XH gắn với tăng cường củng cố QP&AN ngang tầm với nhiệm vụ trong thời kì mới.

Kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường củng cố QP&AN là một tất yếu khách quan, một nội dung quan trọng trong đường lối phát triển đất nước của Đảng ta, nhằm thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng CNXH và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Việc kết hợp được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế và có sự phối hợp của các ngành, các cấp, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lí của Nhà nước, tạo nên sức mạnh tổng hợp cho phát triển kinh tế xã hội, củng cố QP&AN.

Để thực hiện tốt việc kết hợp, cần quán triệt và thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó phải quán triệt sâu sắc hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam cho toàn dân, nhất là cho HS.SV - những người quyết định tương lai của đất nước. Quá trình kết hợp phải được triển khai có kế hoạch, có cơ chế chính sách cụ thể, chặt chẽ, đồng bộ.

III. KẾT LUẬN

Kết hợp KT-XH với QP&AN và đối ngoại là một trong những nội dung quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; là quan điểm xây dựng nền QPTD thông qua các hoạt động kinh tế – xã hội, xây dựng đất nước ổn định và phát triển mọi mặt đời sống xã hội làm nền tảng. Đây cũng là truyền thống của dân tộc, phù hợp với đường lối xây dựng CNXH, đường lối QPTD, chiến tranh nhân dân.

Trong tình hình hiện nay có nhiều vấn đề đặt ra phải giải quyết đòi hỏi chúng ta phải phát huy cao độ tinh thần tự lực, tự cường và tranh thủ điều kiện quốc tế để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, bảo đảm ngày càng tốt hơn cho củng cố quốc phòng vững mạnh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, là nhiệm vụ của toàn dân, toàn quân, của mọi ngành, mọi cấp đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của Nhà nước.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích tính tất yếu phải kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố QP&AN ở nước ta hiện nay ?
2. Nội dung, phương thức kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố QP&AN ở nước ta hiện nay ?
3. Phân tích các giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố QP&AN ở Việt Nam hiện nay ?
4. Tại sao trong cương lĩnh xây dựng đất nước Đảng ta đã đề cập các nội dung QP&AN, đối ngoại vào một chương?

.....

Bài 7
VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LỊCH SỬ
NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM

-----*-----

Lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, ông cha ta luôn phải chống lại kẻ thù xâm lược lớn hơn nhiều lần về QS, kinh tế. Song, với lòng yêu nước, ý chí kiên cường, với cách đánh mưu trí, sáng tạo, cha ông ta đã đánh thắng tất cả kẻ thù xâm lược, viết nên những trang sử hào hùng của dân tộc như chiến thắng Bạch Đằng, Như Nguyệt, Chi Lăng, Chương Dương, Hàm Tử...

Từ khi Đảng ta ra đời, tinh thần yêu nước và cách đánh của quân dân ta lại được phát huy lên một tầm cao mới và đã đánh thắng hai kẻ thù xâm lược có tiềm lực kinh tế, QS mạnh hơn ta nhiều lần là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Từ thực tiễn chống ngoại xâm của dân tộc, đã hình thành nên nghệ thuật QS Việt Nam, đó là nghệ thuật CTND, thực hiện toàn dân đánh giặc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nghệ thuật QS Việt Nam không ngừng phát triển, góp phần thiết thực xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Nhằm trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về nghệ thuật đánh giặc giữ nước của tổ tiên và nghệ thuật QS Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo.

Hiểu đúng đủ nội dung câu bài từ đó xây dựng niềm tin và lòng tự hào dân tộc, phát huy tinh thần thượng võ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

II. NỘI DUNG

1. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta

1.1. Đất nước trong buổi đầu lịch sử

Cách đây mấy nghìn năm, từ khi các Vua Hùng lập nước Văn Lang, dân tộc Việt Nam bắt đầu thời kỳ dựng nước và giữ nước. Do yêu cầu tự vệ trong chống giặc ngoại xâm và yêu cầu thủy lợi của nền kinh tế nông nghiệp đã tác động mạnh mẽ đến sự hình thành của nhà nước trong buổi đầu lịch sử. Nhà nước Văn Lang là nhà nước đầu tiên của nước ta, có lãnh thổ khá rộng và vị trí địa lý quan trọng, bao gồm vùng Bắc Bộ và bắc Trung Bộ ngày nay, nằm trên đầu mối những đường giao thông qua bán đảo Đông Dương và vùng Đông Nam Á.

Nền văn minh sông Hồng còn gọi là văn minh Văn Lang, mà đỉnh cao là văn hoá Đông Sơn rực rỡ, thành quả đáng tự hào của thời đại Hùng Vương. Vào nửa sau thế kỷ thứ III trước công nguyên, nhân sự suy yếu của triều đại Hùng Vương cuối cùng, Thục Phán là một thủ lĩnh người Âu Việt đã thống nhất hai bộ tộc Lạc Việt và Âu Việt, thành

lập nước Âu Lạc, dời đô từ Lâm Thao về Cổ Loa (Hà Nội). Nhà nước Âu Lạc kế thừa nhà nước Văn Lang trên mọi lĩnh vực.

Do có vị trí địa lý thuận lợi, nước ta luôn bị các thế lực ngoại xâm lược nhòm ngó. Sự xuất hiện các thế lực thù địch và âm mưu thôn tính mở rộng lãnh thổ của chúng là nguy cơ trực tiếp đe dọa vận mệnh đất nước ta. Do vậy, yêu cầu chống giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập và cuộc sống đã sớm xuất hiện trong lịch sử dân tộc ta. Người Việt muốn tồn tại, bảo vệ cuộc sống và nền văn hoá của mình chỉ có con đường duy nhất là đoàn kết đứng lên đánh giặc, giữ nước.

1.2. Những yếu tố tác động hình thành nghệ thuật đánh giặc

- Về địa lí:

Nhà nước Văn Lang trước kia, nhà nước Việt Nam ngày nay có vị trí chiến lược quan trọng ở khu vực Đông Nam á và biển Đông, có hệ thống giao thông đường bộ, đường biển, đường sông, đường không, bảo đảm giao lưu trong khu vực Châu á và thế giới thuận lợi. Đã từ lâu, nhiều kẻ thù luôn nhòm ngó, đe dọa và tiến công xâm lược. Để bảo vệ đất nước, bảo vệ sự trường tồn của dân tộc, cha ông ta đã đoàn kết và phát huy tối đa ưu thế của địa hình để lập thế trận đánh giặc.

- Về kinh tế:

Kinh tế nước ta là tự cung, tự cấp, sản xuất nông nghiệp là chính, trong đó trồng trọt, chăn nuôi là chủ yếu, trình độ canh tác thấp. Trong quá trình phát triển, tổ tiên ta đã kết hợp chặt chẽ tư tưởng dựng nước phải đi đôi với giữ nước, với nhiều kế sách như "phú quốc, binh cường", "ngụ binh ư nông"...Tích cực phát triển sản xuất, chăn nuôi để ổn định, nâng cao đời sống của nhân dân, phát huy tính sáng tạo trong lao động, tự tạo vũ khí để chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc.

- Về chính trị, văn hoá - xã hội

Nước Việt Nam có 54 dân tộc anh em cùng chung sống hoà thuận, đoàn kết. Trong quá trình dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã sớm xây dựng được nhà nước, xác định chủ quyền lãnh thổ, tổ chức ra quân đội để cùng toàn dân đánh giặc, xây dựng được nền văn hoá mang bản sắc Việt Nam. Đất nước bao gồm làng, xã, thôn, bản và có nhiều dân tộc cùng chung sống. Mỗi dân tộc, làng, xã có phong tục, tập quán riêng, tạo nên nét đặc sắc văn hoá dân tộc Việt Nam.

Trong quá trình đó, dân tộc ta đã xây dựng được nền văn hoá truyền thống: *Đoàn kết, yêu nước, thương nòi, sống hoà thuận, thủy chung; lao động cần cù sáng tạo, đấu tranh anh dũng kiên cường bất khuất.*

1.3. Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống xâm lược

Những cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên

Cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên mà sử sách ghi lại là kháng chiến chống quân Tần. Đó là cuộc kháng chiến lâu dài và gian khổ, từ năm 214 (trước Công nguyên) đến 208 (trước Công nguyên) của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của vua Hùng và Thục Phán.

Sau cuộc kháng chiến chống Tần là cuộc kháng chiến của nhân dân Âu Lạc do An Dương Vương lãnh đạo chống chiến tranh xâm lược của Triệu Đà, từ năm 184 (trước Công nguyên) đến 179 (trước Công nguyên) nhưng bị thất bại. Từ đây, đất nước ta rơi vào thảm họa nghìn năm bị phong kiến Trung Hoa đô hộ (thời kì Bắc thuộc).

Những cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống xâm lược giành và giữ độc lập từ thế kỷ thứ II trước công nguyên đến đầu thế kỷ thứ X

Trong hơn một nghìn năm (từ năm 179 trước công nguyên đến năm 938), nước ta liên tục bị các triều đại phong kiến phương Bắc từ nhà Triệu, nhà Hán, nhà Lương... đến nhà Tùy, nhà Đường đô hộ. Trong thời gian này, nhân dân ta đã nêu cao tinh thần bất khuất, kiên cường và bền bỉ, đấu tranh bảo tồn cuộc sống, giữ gìn, phát huy tinh hoa của nền văn hoá dân tộc và quyết đấu tranh giành độc lập dân tộc.

+ Cuộc khởi nghĩa của hai Bà Trưng vào mùa xuân năm 40 đã giành được độc lập. Nền độc lập dân tộc được khôi phục và giữ vững trong ba năm (40 – 42).

+ Năm 248, Triệu Thị Trinh phát cờ khởi nghĩa. Nghĩa quân của người con gái núi Nưa (Triệu Sơn, Thanh Hoá) làm cho quân thù nhiều phen kinh hồn, bạt vía. Sau gần nửa năm chiến đấu khiến cho toàn thể Giao Châu đều chấn động. Mặc dù bà Triệu cùng nghĩa quân chiến đấu anh dũng, nhưng kẻ thù mạnh vượt trội và đàn áp rất khốc liệt, nên khởi nghĩa bị thất bại.

+ Mùa xuân năm 542, phong trào yêu nước của người Việt lại bùng lên mạnh mẽ. Dưới sự tổ chức và lãnh đạo của Lí Bôn, anh hùng hào kiệt bốn phương cùng toàn dân vùng lên lật đổ chính quyền của nhà Lương. Sau đó, nghĩa quân liên tiếp đánh thắng hai cuộc phản công của kẻ thù. Đầu năm 544, Lí Bôn lên ngôi hoàng đế (Lí Nam Đế), đặt quốc hiệu là Vạn Xuân.

+ Khởi nghĩa của Lí Tự Tiên và Đinh Kiến năm 687.

+ Khởi nghĩa của Mai Thúc Loan (Mai Hắc Đế) năm 722.

+ Khởi nghĩa của Phùng Hưng (Bố Cái Đại Vương), 766 - 791.

+ Trước hành động phản bội của Kiều Công Tiễn và họa xâm lăng của quân Nam Hán, Ngô Quyền là một danh tướng của Dương Đình Nghệ đã đứng lên lãnh đạo quân dân ta, kiên quyết bảo vệ chủ quyền dân tộc. Trận quyết chiến trên sông Bạch Đằng, Ngô Quyền cùng quân và dân ta đã nhấn chìm toàn bộ đoàn quân Nam Hán, khiến tướng giặc Hoàng Thao phải bỏ mạng, vua Nam Hán phải bãi binh, chấm dứt hơn một nghìn năm Bắc thuộc, đất nước ta mở ra *một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc, kỷ nguyên của độc lập, tự chủ*.

Các cuộc kháng chiến chống xâm lược từ thế kỷ X đến thế kỷ XVIII

+ Kháng chiến chống Tống lần thứ nhất năm 981 của nhà Tiền Lê

Thời nhà Đinh, công cuộc xây dựng đất nước đang được xúc tiến thì năm 979, Đinh Tiên Hoàng bị ám hại. Các thế lực thù địch trong và ngoài nước thừa dịp âm mưu lật đổ và thôn tính. Lúc bấy giờ, ở Trung Quốc, nhà Tống đã thành lập và đang phát triển. So với Nam Hán, thì nhà Tống là một triều đại cường thịnh của một quốc gia phong kiến lớn nhất Châu Á đương thời. Nhân dịp suy yếu của nhà Đinh, nhà Tống quyết định phát động cuộc chiến tranh xâm lược Đại Cồ Việt (quốc hiệu của nước ta lúc đó). Trong khi vua Đinh còn trẻ, chưa đủ khả năng và uy tín tổ chức lãnh đạo cuộc kháng chiến, vì sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc, triều thần và quân sĩ đã suy tôn Lê Hoàn, người đang giữ chức thập đạo tướng quân lên làm vua. Lê Hoàn lên ngôi, lập nên triều đại nhà Tiền Lê và đảm nhiệm sứ mạng lịch sử, tổ chức và lãnh đạo thắng lợi cuộc kháng chiến chống quân Tống.

+ Kháng chiến chống Tống lần thứ 2 (1075 - 1077) của nhà Lý.

Tuy bị đại bại trong lần xâm lược năm 981, nhà Tống vẫn chưa chịu từ bỏ tham vọng xâm lược nước ta. Khoảng giữa thế kỷ XI, vua Tống Thần Tông ra lệnh chuẩn bị lực lượng đánh Đại Việt lần nữa, nhằm giành thắng lợi ở Đại Việt để tạo thế uy hiếp nước Liêu, nước Hạ. Trước nguy cơ xâm lược của nhà Tống, Lý Thường Kiệt, lúc đó nắm giữ binh quyền trực tiếp lãnh đạo kháng chiến, nhận thấy không thể để bị động đối phó, đợi quân giặc tiến công sang, mà phải chủ động tiến công trước để đẩy kẻ thù vào thế bị động.

Với chủ trương thực hiện "tiên phát chế nhân", "Ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân ra trước để chặn mũi nhọn của chúng", Lý Thường Kiệt đã chủ động đưa quân tiến công sang đất Tống tiêu diệt lực lượng ở các căn cứ xuất phát của kẻ thù, rồi rút về phòng thủ đất nước. Biết quân Tống thế nào cũng kéo quân sang phục thù, Lý Thường Kiệt đã cho khẩn trương chuẩn bị kháng chiến, xây dựng phòng tuyến Như Nguyệt để chặn giặc; đồng thời, triển khai lực lượng, bố trí thế trận chống giặc ngoại xâm. Trận phản công Như Nguyệt (tháng 3/1077), quân và dân Đại Việt đã quét sạch quân Tống ra khỏi biên cương.

+ 3 lần kháng chiến chống quân Nguyên của nhà Trần ở thế kỷ XIII

Từ năm 1225, Nhà Trần thay thế Nhà Lý đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo công cuộc dựng nước và giữ nước (1226 - 1400), đã lãnh đạo nhân dân ta ba lần kháng chiến chống quân Nguyên, giành thắng lợi vẻ vang, bổ sung những nét đặc sắc vào nền nghệ thuật QS Việt Nam.

Cuộc kháng chiến lần thứ nhất vào năm 1258, quân và dân ta đã đánh thắng 3 vạn quân Nguyên.

Cuộc kháng chiến lần thứ hai vào năm 1285, quân và dân ta đã đánh thắng 60 vạn quân Nguyên.

Cuộc kháng chiến lần thứ ba vào năm 1287 - 1288, quân và dân ta đã đánh thắng 50 vạn quân Nguyên.

Trong vòng 30 năm (1258 - 1288), dân tộc ta phải liên tiếp ba lần đứng lên chống xâm lược. Kháng chiến chống quân Nguyên không chỉ là cuộc đọ sức quyết liệt giữa một đế quốc đầu sỏ mạnh nhất thế giới lúc đó với một dân tộc nhỏ bé nhưng kiên quyết đứng lên chống xâm lược để bảo vệ đất nước, mà còn là cuộc đấu tranh gay gắt về tài trí giữa hai nền nghệ thuật QS của Đại Việt và quân xâm lược Nguyên Mông.

+ Kháng chiến chống Minh do Hồ Quý Ly lãnh đạo (1400 - 1407).

Cuối thế kỷ XIV, triều đại nhà Trần từng bước suy tàn, Hồ Quý Ly là một quý tộc có thanh thế đã phế truất vua Trần, lập ra triều đại nhà Hồ. Tháng 5/1406, dưới chiêu bài "phù Trần diệt Hồ", nhà Minh đã đưa quân xâm lược nước ta. Trong tác chiến, nhà Hồ *quá thiên về phòng thủ*, coi đó là phương thức cơ bản, không phát động được được toàn dân đánh giặc, tổ chức phản công chiến lược không đúng thời cơ, bị tổn thất nặng, dẫn đến sai lầm chỉ đạo chiến lược, bị thất bại. Đất nước ta một lần nữa bị phong kiến phương Bắc đô hộ.

+ Khởi nghĩa Lam Sơn và chiến tranh giải phóng dân tộc do Lê Lợi, Nguyễn Trãi lãnh đạo.

Mặc dù chiếm được Đại Việt, nhưng giặc Minh không khuất phục được dân tộc ta, các cuộc khởi nghĩa của các tầng lớp nhân dân yêu nước vẫn liên tiếp nổ ra, tiêu biểu là khởi nghĩa Lam Sơn. Sau 10 năm (1418 – 1427) chiến đấu bền bỉ, ngoan cường, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã phát triển thành chiến tranh giải phóng, hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang, quét sạch kẻ thù ra khỏi bờ cõi. Thắng lợi vĩ đại đó chứng tỏ nghệ thuật QS trong khởi nghĩa, chiến tranh giải phóng của cha ông ta đã đạt đến đỉnh cao và để lại nhiều bài học lịch sử quý giá.

+ Khởi nghĩa Tây Sơn và các cuộc kháng chiến chống quân Xiêm 1784 - 1785, kháng chiến chống quân xâm lược Mãn Thanh 1788 - 1789

Sau khi đánh thắng giặc Minh xâm lược, Lê Lợi lên ngôi, lập nên triều Hậu Lê (triều Lê Sơ), đây là giai đoạn hưng thịnh nhất của phong kiến Việt Nam. Nhưng thời gian hưng thịnh của đất nước không kéo dài, từ năm 1553 đến năm 1788 xảy ra cuộc nội chiến triền miên giữa các thế lực, mà điển hình nhất là vua Lê - chúa Trịnh. Trong thời gian đó, có nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra như khởi nghĩa của Nguyễn Hữu Cầu, khởi nghĩa Tây Sơn. Quân Tây Sơn tiến công vào Gia Định, hang ổ cuối cùng của nhà Nguyễn. Nhà Nguyễn phải sống lưu vong nhờ sự giúp đỡ của vua Xiêm (Thái Lan). Năm 1784, nhà Tây Sơn tiêu diệt 5 vạn quân Xiêm và tiến công ra Bắc, xoá bỏ giới tuyến sông Gianh, chấm dứt toàn bộ thể chế "vua Lê, chúa Trịnh". Năm 1788,

trước nguy cơ xâm lược của 29 vạn quân Mãn Thanh, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế, lấy hiệu là Quang Trung và thực hiện cuộc hành quân thần tốc tiêu diệt 29 vạn quân xâm lược vào mùa xuân Kỷ Dậu 1789. Tiếp theo là triều đại của Nguyễn ánh (Gia Long), Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức và Bảo Đại là ông vua cuối cùng của nhà nước phong kiến Việt Nam.

1.4. Nghệ thuật đánh giặc đặc sắc của ông cha

Lịch sử đã đặt ra cho dân tộc ta biết bao thử thách ngặt nghèo trong quá trình dựng nước và giữ nước. Nhưng với tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, với truyền thống đoàn kết vươn lên trong đấu tranh và xây dựng, với tài thao lược kiệt xuất của cha ông, nhân dân ta đã vượt qua tất cả mọi trở ngại, chiến thắng mọi kẻ thù, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc. Từ trong thực tiễn chống giặc ngoại xâm, dân tộc ta đã hình thành nghệ thuật chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, nghệ thuật lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít địch nhiều, lấy chất lượng cao thắng số lượng đông. Trong quá trình đó, nghệ thuật QS Việt Nam từng bước phát triển và được thể hiện rất sinh động trong khởi nghĩa vũ trang, chiến tranh giải phóng, trên các phương diện tư tưởng chỉ đạo tác chiến, mưu kế đánh giặc....

- Về tư tưởng chỉ đạo tác chiến

Giải phóng, bảo vệ đất nước là nhiệm vụ quan trọng, là mục tiêu cao nhất của các triều đại phong kiến trong chiến tranh giữ nước. Do đó, *cha ông ta luôn nắm vững tư tưởng tiến công, tiến công liên tục, coi đó như một quy luật để giành thắng lợi* trong suốt quá trình chiến tranh. Thực hiện tiến công liên tục mọi lúc, mọi nơi, từ cục bộ đến toàn bộ, để quét sạch quân thù ra khỏi bờ cõi. *Tư tưởng tiến công được xem như sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong quá trình chuẩn bị và thực hành chiến tranh giữ nước.* Tư tưởng đó thể hiện rất rõ trong đánh giá đúng kẻ thù, chủ động đề ra kế sách đánh, phòng, khẩn trương chuẩn bị lực lượng kháng chiến, tìm mọi biện pháp làm cho địch suy yếu, tạo ra thế và thời cơ có lợi để tiến hành phản công, tiến công.

Sử sách còn ghi lại, thời nhà Lí đã chủ động đánh bại kẻ thù ở phía Nam (quân Chiêm Thành), phá tan âm mưu liên kết của nhà Tống với Chiêm Thành. Trước nguy cơ xâm lược của nhà Tống, Lí Thường Kiệt đã sử dụng biện pháp "tiên phát chế nhân" chủ động tiến công trước để đẩy kẻ thù vào thế bị động. Ông đã tận dụng thế "thiên hiểm" của địa hình, xây dựng tuyến phòng thủ sông Như Nguyệt, thực hiện trận quyết chiến chiến lược, chủ động chặn và đánh địch từ xa để bảo vệ Thăng Long.

Vào thế kỷ XIII, các quốc gia châu Âu, châu Á run sợ trước vó ngựa của giặc Nguyên Mông, thì cả ba lần tiến quân xâm lược Đại Việt vào các năm 1258, 1285, 1288, giặc Nguyên đều thảm bại, mặc dù có số quân lớn hơn nhiều lần quân đội nhà Trần. Có được thắng lợi đó là do ta đã thực hiện toàn dân đánh giặc, "cả nước chung sức, trăm họ là binh", trong đó, tích cực chủ động tiến công giặc là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt trong các cuộc chiến tranh.

Giặc Nguyên Mông có sức mạnh lớn hơn, ông cha ta đã kịp thời thay đổi phương thức tác chiến, tránh quyết chiến với địch khi chúng còn rất mạnh, chủ động rút lui chiến lược, bảo toàn lực lượng và tạo thế, thời cơ để phản công. Rút lui chiến lược, tạm nhường Thăng Long cho giặc trong một thời gian nhất định, là để bảo toàn lực lượng và đó là một nét độc đáo trong nghệ thuật tác chiến, chứ không phải là tư tưởng rút lui. Quân địch tạm chiếm được Thăng Long mà không chiếm được "Thủ đô" của kháng chiến, bởi vì chỉ chiếm được "thành không, nhà trống". Trong khoảng thời gian đó, quân đội nhà Trần và nhân dân cả nước đã tích cực tác chiến nhỏ lẻ, tiêu hao nhiều lực lượng địch, làm cho chúng rơi vào trạng thái "tiến thoái lưỡng nan", tạo thời cơ tốt nhất để phản công chiến lược, quét sạch quân thù ra khỏi đất nước (lần thứ nhất sau 9 ngày tính từ khi giặc Nguyên vào Thăng Long, lần thứ hai sau 5 tháng, lần thứ ba sau 3 tháng).

Đến thời Nguyễn Huệ, tư tưởng chủ động tiến công địch để giải phóng Thăng Long lại được phát triển lên một tầm cao mới. Với cách đánh táo bạo, thần tốc, bất ngờ và mãnh liệt, giải quyết chiến tranh nhanh gọn trong một đợt tổng giao chiến, Ông đã chủ động tiến công địch khi chúng còn rất mạnh (29 vạn quân Thanh và quân bán nước Lê Chiêu Thống) nhưng lại rất chủ quan, kiêu ngạo, thiếu phòng bị (quân Thanh và bè lũ bán nước đang chuẩn bị đón tết Kỷ Dậu năm 1789), do đó, đã giành thắng lợi trọn vẹn.

- Về mưu kế đánh giặc

Mưu là để lừa địch, đánh vào chỗ yếu, chỗ sơ hở, chỗ ít phòng bị, làm cho chúng bị động, lúng túng đối phó.

Kế là để điều địch theo ý định của ta, giành quyền chủ động, buộc chúng phải đánh theo cách đánh của ta.

Trong các cuộc chiến tranh giải phóng, với ý chí kiên cường của dân tộc, triều đại nhà Lí, Trần, hậu Lê... đã tạo được thế trận chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc, kết hợp các cách đánh, các lực lượng cùng đánh. Trong chống giặc ngoại xâm để bảo vệ đất nước, cha ông ta đã kết hợp chặt chẽ giữa quân triều đình, quân địa phương và dân binh, thổ binh các làng xã cùng đánh địch, làm cho lực lượng địch luôn bị phân tán, không thực hiện được hợp quân tại Thăng Long. Để bảo vệ Thăng Long, Lí Thường Kiệt đã xây dựng tuyến phòng ngự sông Cầu để chặn giặc, khi quân nhà Tống tiến công vượt sông không thành công phải chuyển vào phòng ngự, Ông đã dùng quân địa phương và dân binh liên tục quấy rối, làm cho địch mệt mỏi, căng thẳng, tạo thời cơ cho quân đội nhà Lí chuyển sang phản công giành thắng lợi hoàn toàn.

Kế sách đánh giặc của ông cha ta không những sáng tạo, mà còn hết sức mềm dẻo, khôn khéo đó là "biết tiến, biết thoái, biết công, biết thủ". Biết kết hợp chặt chẽ giữa tiến công QS với binh vận, ngoại giao, tạo thế mạnh cho ta, biết phá thế mạnh của giặc, trong đó tiến công QS luôn giữ vai trò quyết định. Lê Lợi, Nguyễn Trãi không những giỏi trong bày mưu, lập kế để đánh thắng giặc trên chiến trường, mà còn thực hiện "mưu phạt công tâm", đánh

vào lòng người. Sau khi đánh tan đạo quân viện binh do Liễu Thăng chỉ huy, đã vây chặt thành Đông Quan, buộc Vương Thông phải đầu hàng vô điều kiện, nhưng các ông đã cấp thuyền, ngựa và lương thảo cho hàng binh nhà Minh về nước trong danh dự, để muôn đời dập tắt chiến tranh.

Ông cha ta đã phát triển mưu, kế đánh giặc, biến cả nước thành một chiến trường, tạo ra một "thiên la, địa võng" để diệt địch. Làm cho "địch đông mà hoá ít, địch mạnh mà hoá yếu", đi đến đâu cũng bị đánh, luôn bị tập kích, phục kích, lực lượng bị tiêu hao, tiêu diệt, rơi vào trạng thái "tiến thoái lưỡng nan". Trong tác chiến, ông cha ta đã triệt để khoét sâu điểm yếu của địch là tác chiến ở chiến trường xa, tiếp tế khó khăn, nên đã tập trung triệt phá lương thảo, hậu cần của địch. Ngoài thực hiện kế "thanh dã", làm cho kẻ thù rơi vào trạng thái "người không có lương ăn, ngựa không có nước uống", quân đội nhà Trần tổ chức lực lượng đón đánh các lực lượng vận chuyển lương thực, hậu cần và đánh phá kho tàng của địch. Điển hình như đội quân của Trần Khánh Dư đã tiêu diệt toàn bộ đoàn thuyền lương của giặc do Trương Văn Hổ chỉ huy ở bến Vân Đồn, làm cho giặc Nguyên ở Thăng Long vô cùng hoảng loạn.

- Nghệ thuật chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc

Thực hiện toàn dân đánh giặc là một trong những nét độc đáo trong nghệ thuật QS của tổ tiên ta, được thể hiện cả trong khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng. Nét độc đáo đó xuất phát từ lòng yêu nước thương nòi của nhân dân ta, từ tính chất tự vệ, chính nghĩa của các cuộc kháng chiến. Hễ kẻ thù đụng đến nước ta, thì "vua tôi đồng lòng, anh em hoà mục, cả nước chung sức, trăm họ là binh", giữ vững quê hương, bảo vệ xã tắc.

Từ lời thề của hai Bà Trưng và nghĩa quân:

"Một xin rửa sạch nước thù

Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng

Ba kéo oan ức lòng chồng

Bốn xin vền vẹn sở công lệnh này";

đến Hịch tướng sĩ, Bình Ngô đại cáo, nghệ thuật "lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo", nghệ thuật QS Việt Nam đã liên tục phát triển dựa trên nền tảng của chiến tranh nhân dân, thực hiện tốt đối yếu thành mạnh, kết hợp lực, thế, thời, mưu, để đạt mục đích là cùng giành lại và giữ vững chủ quyền đất nước với tư tưởng "dập tắt muôn đời chiến tranh", "đem lại thái bình muôn thuở".

Nội dung cơ bản của thực hiện toàn dân đánh giặc là: *"Mỗi người dân là một người lính, đánh giặc theo cương vị, chức trách của mình. Mỗi thôn, xóm, bản, làng là một pháo đài diệt giặc. Cả nước là một chiến trường, tạo ra thế trận chiến tranh nhân dân liên hoàn, vững chắc làm cho địch đông mà hoá ít, mạnh mà hoá yếu, rơi vào trạng thái bị động, lúng túng và bị sa lầy"*. Trong đánh giặc, ông cha ta đã tận dụng địa hình, xây dựng

thể trận làng, nước vững chắc, vận dụng sáng tạo cách đánh của nhiều lực lượng, nhiều thứ quân. Vận dụng rộng rãi, sáng tạo nhiều hình thức đánh giặc để đạt hiệu quả cao như: phòng ngự sông Cầu, phục kích Chi Lăng, phản công Chương Dương, Hàm Tử, tiến công Ngọc Hồi, Đống Đa...

- Nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh

Đây là nét đặc sắc và tất yếu trong nghệ thuật QS của ông cha ta, khi dân tộc ta luôn phải chống lại các đội quân xâm lược có quân số, vũ khí, trang bị lớn hơn nhiều lần. Nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh chính là sản phẩm của lấy "thế" thắng "lực". Quy luật của chiến tranh là mạnh được, yếu thua, nhưng từ trong thực tiễn chống giặc ngoại xâm, cha ông ta đã sớm xác định đúng về sức mạnh trong chiến tranh, đó là: sức mạnh tổng hợp của nhiều yếu tố, chứ không thuần túy là sự so sánh, hơn kém về quân số, vũ khí của mỗi bên.

Để chống lại 30 vạn quân Tống (năm 1077), nhà Lý trong khi chỉ có khoảng 10 vạn quân, Lý Thường Kiệt đã tận dụng được ưu thế địa hình và các yếu tố khác để tạo ra sức mạnh hơn địch và đánh thắng địch.

Thời nhà Trần có khoảng 15 vạn quân, chống lại giặc Nguyên - Mông, lần thứ 2 là 60 vạn, lần 3 là khoảng 50 vạn. Nhà Trần đã "lấy đoản binh để chế trường trận", hạn chế sức mạnh của giặc, để đánh thắng giặc.

Cuộc khởi nghĩa của Lam Sơn, quân số lúc cao nhất có khoảng 10 vạn, nhưng đã đánh thắng 80 vạn quân Minh xâm lược. Vì Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã vận dụng "tránh thế ban mai, đánh lúc chiều tà" và vận dụng cách đánh "vây thành để diệt viện".

Trong cuộc kháng chiến chống quân Mãn Thanh xâm lược, nhà Tây Sơn có khoảng 10 vạn quân, nhưng đã đánh thắng 29 vạn quân xâm lược và quân bán nước Lê Chiêu Thống vì Nguyễn Huệ đã dùng lối đánh táo bạo, thần tốc, bất ngờ.

- Nghệ thuật kết hợp đấu tranh giữa các mặt trận QS, chính trị, ngoại giao và binh vận

Chiến tranh là sự thử thách toàn diện đối với mỗi quốc gia trong tham chiến. Trong chống giặc ngoại xâm, ông cha ta đã biết kết hợp chặt chẽ các mặt trận nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để đánh thắng kẻ thù. Mỗi mặt trận có vị trí, tác dụng khác nhau, nhưng cùng thống nhất ở mục đích tạo ra sức mạnh để giành thắng lợi trong chiến tranh.

Mặt trận chính trị nhằm cổ vũ tinh thần yêu nước của nhân dân, quy tụ sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, là cơ sở để tạo ra sức mạnh QS.

Mặt trận QS là mặt trận quyết liệt nhất, thực hiện tiêu diệt sinh lực, phá huỷ phương tiện chiến tranh của địch, quyết định thắng lợi trực tiếp của chiến tranh, tạo đà, tạo thế cho các mặt trận khác phát triển.

Mặt trận ngoại giao có vị trí rất quan trọng, đề cao tính chính nghĩa của nhân dân ta, phân hoá, cô lập kẻ thù, tạo thế có lợi cho cuộc chiến. Mặt khác, mặt trận ngoại giao kết hợp với mặt trận QS, chính trị tạo ra thế có lợi để kết thúc chiến tranh càng sớm càng tốt. Điển hình: Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã mở "Hội thề Đông Quan", cấp ngựa, thuyền, lương thảo cho hàng binh nhà Minh về nước trong danh dự, để muôn đời dập tắt chiến tranh.

Mặt trận binh vận để vận động làm tan dã hàng ngũ của giặc, góp phần quan trọng để hạn chế thấp nhất tổn thất của nhân dân ta trong chiến tranh.

- Về nghệ thuật tổ chức và thực hành các trận đánh lớn

Trong các triều đại phong kiến, ông cha ta đã tổ chức và thực hành các trận đánh lớn để giải phóng đất nước, kết thúc chiến tranh. Thời nhà Lí có trận phòng ngự trên sông Như Nguyệt (sông Cầu ngày nay), đây là một điển hình về kết hợp chặt chẽ hai hình thức tác chiến *phòng ngự và phản công trên cả quy mô chiến lược, chiến thuật*. Trận phòng ngự ở Như Nguyệt không chỉ chặn đứng 30 vạn quân Tống, mà còn làm thất bại ý đồ đánh nhanh, thắng nhanh chiếm Thăng Long của chúng, khiến quân địch phải chuyển từ chủ động tiến công sang bị động phòng ngự.

Thời nhà Trần, lần chống giặc Nguyên thứ 2, Trần Quốc Tuấn đã tổ chức một cuộc rút lui chiến lược, làm thất bại kế hoạch hợp vây của địch. Trong cuộc truy đuổi, giặc Nguyên không thực hiện được những đòn quyết chiến với chủ lực ta, trái lại, chúng vấp phải một cuộc chiến tranh của toàn dân Đại Việt. Do vậy, quân Nguyên đã sa vào tình trạng muốn đánh mà không đánh được, "lực càng yếu, thế càng suy", điều đó đã tạo ra thời cơ phản công cho quân ta.

Thời nhà hậu Lê, sau 10 năm bèn bỉ, gian khổ, ngoan cường, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo đã hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang giải phóng dân tộc, giải phóng Thăng Long. Thắng lợi đó là kết quả của nhiều yếu tố, trong đó nghệ thuật tổ chức và thực hành các trận đánh lớn giữ một vai trò rất quan trọng, đặc biệt ở giai đoạn cuối của chiến tranh. Trong chỉ đạo tác chiến, Lê Lợi và Nguyễn Trãi chủ trương "lánh chỗ thực, đánh chỗ hư, tránh nơi vững chắc, đánh nơi sơ hở". Khi nghe tin viện binh nhà Minh sắp sang, nhiều tướng sĩ yêu cầu Lê Lợi hạ gấp thành Đông Quan (Thăng Long) để diệt trừ nội ứng, rồi sau đó sẽ dốc toàn lực để đánh viện binh. Lê Lợi đã phân tích một cách sáng suốt và quyết định: "Đánh thành là hạ sách...Sao bằng nuôi dưỡng sức quân, giữ lấy nhuệ khí để đợi viện binh của giặc. Viện binh bị phá thì thành tất phải hàng. Làm một việc mà được cả hai, đó mới là kế sách vẹn toàn". Việc lựa chọn rất đúng mục tiêu tiến công chiến lược và kiệt xuất trong tổ chức, thực hành trận quyết chiến Xương Giang - Chi Lăng, buộc lũ giặc Vương Thông trong thành Đông Quan không đánh mà bị bắt đã chứng tỏ tài năng QS xuất sắc của ông trong tổ chức và thực hành các trận đánh lớn.

Nghệ thuật QS của Nguyễn Huệ và quân Tây Sơn được biểu hiện tập trung nhất, rực rỡ nhất trong việc tổ chức và thực hành các trận quyết chiến chiến lược, đặc biệt là giải phóng Thăng Long trong mùa xuân Kỷ Dậu 1789. Khi chọn đánh vào Thăng Long, là địa bàn tập trung hầu hết quân địch, là nơi bộ chỉ huy quân Thanh và triều đình Lê Chiêu Thống, Nguyễn Huệ đã nhìn thấy rất rõ trong cái mạnh của địch, chúng bộc lộ những điểm yếu và sơ hở. Điểm yếu cơ bản của quân tướng nhà Thanh là rất chủ quan, ngạo mạn, cho rằng, Tây Sơn không dám và không thể tiến công chúng, do đó thế trận rất lỏng lẻo.

Trong thực hành tác chiến, Nguyễn Huệ đã thiết lập một hệ thống tổ chức hành quân đạt hiệu quả tối đa, khiến quân địch hoàn toàn bị động. Trong cách đánh, Nguyễn Huệ rất chú trọng hợp vây chiến dịch, chiến thuật và tiến công địch bằng các đòn thọc sâu, hiểm hóc. Đây vừa là nghệ thuật kết hợp tiến công chính diện với bên sườn, vừa là tiến hành nhiều trận đánh diễn ra đồng thời, liên tiếp, nhanh mạnh, bất ngờ, khiến địch không thể ứng cứu được cho nhau và nhanh chóng thất bại.

2. Nghệ thuật QSVN từ khi có Đảng lãnh đạo

Kế thừa, phát triển nghệ thuật đánh giặc của tổ tiên, nghệ thuật QS Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã không ngừng phát triển, gắn liền với thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Nghệ thuật QS Việt Nam gồm ba bộ phận hợp thành: Chiến lược QS, nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật. Ba bộ phận của nghệ thuật QS là một thể thống nhất có quan hệ biện chứng chặt chẽ, thúc đẩy nhau phát triển, trong đó chiến lược QS đóng vai trò chủ đạo.

2.1. Cơ sở hình thành nghệ thuật QS Việt Nam

- Truyền thống đánh giặc của tổ tiên

Trải qua mấy nghìn năm chống giặc ngoại xâm, nghệ thuật QS của tổ tiên đã hình thành và không ngừng phát triển, trở thành những bài học vô giá cho các thế hệ sau. Nhiều tư tưởng QS kiệt xuất như: "Bình thư yếu lược", "Hổ trướng khu cơ", "Bình Ngô đại cáo" ; những trận đánh điển hình như: Như Nguyệt, Chi Lăng, Tây Kết, Ngọc Hồi, Đống Đa...đã để lại những kinh nghiệm quý giá. Kinh nghiệm truyền thống đó là cơ sở để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta kế thừa, vận dụng, phát triển trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và công cuộc bảo vệ Tổ quốc.

- Chủ nghĩa Mác - Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc

ĐCS Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng HCM làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động. Học thuyết chiến tranh, quân đội, bảo vệ Tổ quốc XHCN và kinh nghiệm nghệ thuật QS được đúc rút qua các cuộc chiến tranh do C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I. Lênin tổng kết, là cơ sở để Đảng ta vận dụng, định ra đường lối QS trong khởi nghĩa vũ trang, chiến tranh giải phóng ở Việt Nam.

- Tư tưởng QS Hồ Chí Minh

Tư tưởng QS Hồ Chí Minh là sự tiếp thu, kế thừa truyền thống đánh giặc của tổ tiên, vận dụng lí luận Mác - Lênin về QS, kinh nghiệm của các nước trên thế giới vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, là cơ sở cho sự hình thành và phát triển Nghệ thuật QS Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã từng biên dịch "Binh pháp Tôn Tử", phát triển nguyên tắc chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự...qua các thời kì đấu tranh cách mạng. Hồ Chí Minh và Đảng ta đã đề ra phương châm chỉ đạo chiến tranh, phương thức tác chiến chiến lược, nắm bắt đúng thời cơ, đưa chiến tranh Việt Nam kết thúc thắng lợi.

2.2. Nội dung nghệ thuật QS Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo

** Chiến lược QS*

Chiến lược QS là tổng thể phương châm, chính sách và mưu lược được hoạch định để ngăn ngừa và sẵn sàng tiến hành chiến tranh (xung đột vũ trang) thắng lợi; bộ phận hợp thành (quan trọng nhất) có tác dụng chủ đạo trong nghệ thuật QS.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, chiến lược QS Việt Nam đã thể hiện các nội dung chủ yếu sau.

+ Xác định đúng kẻ thù, đúng đối tượng tác chiến

Đây là vấn đề quan trọng của chiến tranh cách mạng, nhiệm vụ của chiến lược QS phải xác định chính xác để từ đó có đối sách và phương thức đối phó hiệu quả nhất. Thực tiễn ở nước ta sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lúc đó xuất hiện nhiều kẻ thù: quân đội Anh, Tưởng, Ấn Độ, Nhật và quân Pháp. Tất cả kẻ thù trên đều cùng chung một mục đích là tiêu diệt nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà non trẻ. Trước tình hình đó, Đảng ta xác định kẻ thù nguy hiểm, trực tiếp của cách mạng Việt Nam là thực dân Pháp. Đây là tư duy chính xác và khoa học của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời điểm lịch sử "ngàn cân treo sợi tóc". Từ đó, đối tượng tác chiến của quân và dân ta là quân đội Pháp xâm lược.

Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, đế quốc Mĩ không chịu kí hiệp định Giơnevơ, tạo cơ áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam, ngay từ tháng 9/ 1954, Đảng ta đã nhận định, đế quốc Mĩ đang dần trở thành kẻ thù trực tiếp, nguy hiểm của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia, là sự phán đoán chính xác trong xác định kẻ thù của cách mạng, của chiến lược quân sự Việt Nam.

+ Đánh giá đúng kẻ thù

Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích, đánh giá đúng mạnh, yếu của kẻ thù. Bước vào kháng chiến chống Pháp, so sánh lực lượng địch, ta hết sức chênh lệch, nhưng với phương pháp xem xét biện chứng, Đảng ta đã phân tích, chỉ ra sự phát triển trong so sánh lực lượng và cho rằng: "Lực lượng của Pháp như mặt trời lúc hoàng hôn, hồng hắc lắm nhưng đã gần tắt ngấm" còn "lực lượng của ta ngày càng thêm mạnh, như suối mới chảy, như lửa mới nhen, chỉ có tiến...". Đối với đế quốc Mĩ, dù có quân đông, súng tốt, tiền nhiều,

nhưng chúng có điểm yếu chí mạng là đi xâm lược, bị nhân dân thế giới và ngay cả nhân dân nước Mĩ phản đối, Đảng ta đã đánh giá đúng kẻ thù, đưa ra nhận định "Mĩ giàu nhưng không mạnh", đây là một tư duy chính xác, khoa học vượt trên mọi tư duy của thời đại trong thời điểm lịch sử. Từ những nhận định trên của Đảng ta, chiến lược QS Việt Nam đã tiếp thêm sức mạnh cho nhân dân ta quyết tâm đánh Mĩ và biết thắng Mĩ.

+ *Mở đầu và kết thúc chiến tranh đúng lúc*

Mở đầu và kết thúc chiến tranh đúng lúc là một vấn đề mang tính nghệ thuật cao trong chỉ đạo chiến tranh của Đảng ta, nhằm giành thắng lợi trọn vẹn nhất nhưng hạn chế tổn thất đến mức thấp nhất.

Mở đầu chiến tranh

Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, chúng ta mở đầu chiến tranh đều vào những thời điểm thoả mãn mọi điều kiện của hoàn cảnh lịch sử, do đó có sức lôi cuốn toàn dân tộc và có sức thuyết phục trên trường quốc tế mạnh mẽ. Trong kháng chiến chống Pháp, mở đầu chiến tranh vào ngày 19/12/1946, Chủ tịch HCM ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, đây là thời điểm ta không thể lùi được nữa sau các hành động thiện chí nhằm ngăn ngừa, không để chiến tranh xảy ra...

Chủ tịch HCM chỉ rõ: "... Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta **đã** nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, giặc Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa...". Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, Đảng ta đã chọn đúng thời điểm sau năm 1960, chuyển từ khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng, cách mạng miền Nam đã có bước trưởng thành, đây là thời điểm sau đồng khởi và không cho Mĩ tạo có phá hoại công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc).

Trong kháng chiến chống Pháp, chúng ta chọn thời điểm sau khi giành thắng lợi ở chiến dịch Điện Biên Phủ. Trong kháng chiến chống Mĩ, ta chọn thời điểm, kết thúc thắng lợi chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Tại các thời điểm đó, thế và lực cách mạng đều mạnh, có đủ điều kiện để quyết định kết thúc chiến tranh, tự quyết định vận mệnh của đất nước, mà không phụ thuộc vào những yếu tố tác động khách quan.

+ *Phương châm tiến hành chiến tranh*

Để chống lại chiến tranh xâm lược của những kẻ thù có sức mạnh hơn ta nhiều lần về kinh tế, QS, khoa học, công nghệ, Đảng ta chỉ đạo tiến hành chiến tranh nhân dân, thực hiện toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện trên tất cả các mặt trận QS, chính trị, kinh tế, văn hoá, ngoại giao..., trong đó, mặt trận QS giữ vai trò quyết định nhất. Đảng ta chỉ đạo tiến hành chiến tranh với tinh thần "tự lực cánh sinh, đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính", nhưng kháng chiến lâu dài không đồng nghĩa với kéo dài vô thời hạn, mà phải biết lựa chọn thời điểm có lợi nhất để kết thúc chiến tranh càng sớm càng tốt.

+ *Phương thức tiến hành chiến tranh*

Cuộc chiến tranh chống quân xâm lược nước ta là chiến tranh cách mạng, chính nghĩa và tự vệ. Do đó, Đảng ta chỉ đạo : phương thức tiến hành chiến tranh là chiến tranh nhân dân kết hợp giữa địa phương với các binh đoàn chủ lực, kết hợp chặt chẽ tiến công địch bằng hai lực lượng chính trị, QS ; bằng ba mũi giáp công QS, chính trị, binh vận ; trên cả ba vùng chiến lược : rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị, làm cho địch bị động, lúng túng trong đối phó, dẫn đến sai lầm về chiến lược, sa lầy về chiến thuật và thất bại.

Như vậy, chiến lược QS Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đã phát triển cao, giải quyết thành công nhiều vấn đề lí luận, thực tiễn chiến tranh, thực sự trở thành bộ phận chủ đạo của NTQS Việt Nam, góp phần quan trọng đưa hai cuộc kháng chiến của quân và dân ta đi đến thắng lợi.

** Nghệ thuật chiến dịch*

"Nghệ thuật chiến dịch, là lí luận và thực tiễn chuẩn bị, thực hành chiến dịch và các hoạt động tác chiến tương đương; bộ phận hợp thành của nghệ thuật QS, khâu nối liền giữa chiến lược QS và chiến thuật."

Chiến dịch hình thành trong kháng chiến chống Pháp, được đánh dấu bằng chiến dịch Việt Bắc - Thu Đông 1947.

Kháng chiến chống Pháp, ta đã tiến hành hơn 40 chiến dịch ở các quy mô khác nhau và hơn 50 chiến dịch trong kháng chiến chống Mỹ.

Sự hình thành chiến dịch và phát triển của NTCD, bộ phận hợp thành của nghệ thuật QS Việt Nam là toàn diện, tập trung những vấn đề chủ yếu sau.

+ Loại hình chiến dịch

Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, QĐND Việt Nam và các lực lượng vũ trang đã tổ chức và thực hành các loại hình chiến dịch :

Chiến dịch tiến công. Ví dụ: Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, chiến dịch tiến công Tây Nguyên, chiến dịch Hồ Chí Minh trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975.

Chiến dịch phản công. Ví dụ: chiến dịch phản công Việt Bắc năm 1947, chiến dịch phản công đường số 9 - Nam Lào năm 1971.

Chiến dịch phòng ngự. Ví dụ chiến dịch phòng ngự Quảng Trị năm 1972, phòng ngự cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng (Lào) năm 1972.

Chiến dịch phòng không: "Chiến dịch Điện Biên Phủ trên không" trên bầu trời Hà Nội, từ 18 – 29/12/1972, quân và dân ta đã bắn rơi 81 máy bay các loại, trong đó có 34 máy bay B52.

Chiến dịch tiến công tổng hợp, như chiến dịch tiến công tổng hợp Khu 8.

+ Quy mô chiến dịch

Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, quy mô chiến dịch được phát triển cả về số lượng và chất lượng.

Những ngày đầu chống Pháp, quy mô chiến dịch của ta còn rất nhỏ bé, lực lượng tham gia từ 1 đến 3 trung đoàn, vũ khí, trang bị chiến đấu thô sơ. Đến cuối cuộc kháng chiến chống Pháp, trong chiến dịch Điện Biên Phủ, lực lượng tham gia đã lên tới 5 đại đoàn cùng nhiều lực lượng khác.

Trong kháng chiến chống Mĩ, giai đoạn đầu lực lượng chỉ có từ 1 đến 2 trung đoàn, sau đó phát triển đến sư đoàn. Đến cuối cuộc kháng chiến, đặc biệt là chiến dịch Hồ Chí Minh, lực lượng bộ binh là 5 quân đoàn và nhiều binh chủng, quân chủng khác, phối hợp chặt chẽ với nổi dậy của quần chúng. Trong hai cuộc kháng chiến, ở những giai đoạn đầu, các chiến dịch diễn ra chủ yếu ở địa hình rừng núi, nhưng giai đoạn cuối đã diễn ra trên tất cả địa hình để nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

+ Nghệ thuật chiến dịch là cách đánh chiến dịch

Thời kì đầu, do so sánh lực lượng giữa ta và địch rất chênh lệch, bộ đội ta mới có kinh nghiệm chiến đấu những trận đánh đơn lẻ, chưa có kinh nghiệm tác chiến ở quy mô chiến dịch. Nhưng từ trong thực tiễn chiến tranh, trình độ chỉ huy và thực hành tác chiến của bộ đội ta đã ngày càng trưởng thành. Từ chiến dịch Việt Bắc 1947 đến chiến dịch Biên giới 1950 và đặc biệt là chiến dịch Điện Biên Phủ, nghệ thuật chiến dịch đã có bước phát triển vượt bậc như: Nghệ thuật lựa chọn khu vực tác chiến chủ yếu, nghệ thuật chuẩn bị thế trận chiến dịch, nghệ thuật tập trung ưu thế lực lượng bảo đảm đánh chắc thắng trận mở màn chiến dịch, nghệ thuật xử trí chính xác các tình huống trong tác chiến chiến dịch...

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, nghệ thuật chiến dịch đã có bước phát triển vượt bậc, đó là: Xác định đúng phương châm tác chiến từ "đánh nhanh, thắng nhanh" sang "đánh chắc, tiến chắc" thể hiện sự phân tích khoa học, khách quan tình hình địch, ta và địa hình. Xây dựng thế trận chiến dịch vững chắc, thực hiện bao vây rộng lớn, chia cắt và cô lập Điện Biên Phủ với các chiến trường khác. Phát huy cao nhất sức mạnh tác chiến hiệp đồng các binh chủng, tập trung ưu thế binh hỏa lực đánh dứt điểm từng trận then chốt, tiêu diệt từng bộ phận địch, phá vỡ từng mảng phòng ngự của chúng.

Vận dụng sáng tạo cách đánh chiến dịch, dựa vào hệ thống trận địa, vây hãm kết hợp với đột phá, kết hợp đánh chính diện với các mũi thọc sâu, luồn sâu, tạo thế chia cắt địch; kết hợp các đợt đánh lớn, đánh vừa và vây lấn, ngày càng siết chặt vòng vây, tạo thời cơ thực hành tổng công kích tiêu diệt toàn bộ quân địch.

Trong kháng chiến chống Mĩ, nghệ thuật chiến dịch đã kế thừa những kinh nghiệm của kháng chiến chống Pháp và nâng lên một tầm cao mới. Nghệ thuật chiến dịch đã chỉ đạo chiến thuật đánh bại tất cả các chiến lược QS, biện pháp, thủ đoạn tác chiến của quân Mĩ, ngụy và chư hầu. Đặc biệt, trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân

1975, nghệ thuật chiến dịch đã có bước phát triển nhảy vọt, được thể hiện ở các nội dung sau:

Nghệ thuật tạo ưu thế lực lượng, đảm bảo đánh địch trên thế mạnh, hình thành sức mạnh áp đảo địch trong chiến dịch. Nghệ thuật vận dụng sáng tạo cách đánh chiến dịch (vận dụng hai cách đánh lần lượt và đồng loạt). Nghệ thuật phát huy sức mạnh của các binh chủng, quân chủng trong tác chiến hiệp đồng quy mô lớn. Nghệ thuật kết hợp tiến công với nổi dậy, phối hợp tác chiến ba thứ quân, lấy đòn đánh lớn của chủ lực làm trung tâm phối hợp. Nghệ thuật chỉ đạo vận dụng chiến thuật sáng tạo để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chiến dịch. Nghệ thuật khuếch trương kết quả của trận then chốt trước với trận then chốt sau trong chiến dịch tiến công.

Như vậy cách đánh chiến dịch của ta là cách đánh chiến dịch của chiến tranh nhân dân phát triển cao, là vận dụng tổng hợp cách đánh của nhiều lực lượng, kết hợp nhiều phương thức, quy mô tác chiến (đánh du kích, đánh vận động, đánh trận địa, đánh phân tán và đánh tập trung hiệp đồng quan binh chủng) trong đó tác chiến hiệp đồng ngày càng giữ vai trò chủ yếu.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến dịch đã hoàn thành tốt nhiệm vụ do chiến lược vạch ra, tạo sự chuyển hoá chiến lược to lớn, góp phần quyết định giành thắng lợi trong chiến tranh. Các chiến dịch Điện Biên Phủ, Tây Nguyên, Huế- Đà Nẵng, Hồ Chí Minh... đã để lại nhiều kinh nghiệm quý giá, vận dụng vào chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

** Chiến thuật*

"Chiến thuật là lí luận và thực tiễn về tổ chức và thực hành trận chiến đấu của phân đội, binh đội, binh đoàn lực lượng vũ trang, bộ phận hợp thành của nghệ thuật QS Việt Nam".

Chiến thuật hình thành, phát triển gắn liền với lịch sử xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của quân đội ta. Sự phát triển đó là kết quả của sự chỉ đạo chiến lược, chiến dịch, nghệ thuật tổ chức và thực hành các trận chiến đấu của bộ đội ta trước một đối tượng địch, địa hình cụ thể. Nội dung của chiến lược được thể hiện :

+ Vận dụng các hình thức chiến thuật vào các trận chiến đấu

Giai đoạn đầu của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, lực lượng, vũ khí, trang bị của ta còn hạn chế, do đó, tư tưởng tác chiến của bộ đội ta là "quán triệt tư tưởng tiến công, triệt để dùng du kích chiến, vận động chiến để tiêu diệt địch". Các trận chiến đấu ở giai đoạn này chủ yếu diễn ra ở quy mô trung đội, đại đội, tiểu đoàn, lấy đánh địch ngoài công sự là phổ biến. Chiến thuật thường vận dụng là tập kích, phục kích, vận động tiến công trong đó, phục kích có lợi hơn tập kích.

Các giai đoạn sau của hai cuộc kháng chiến, bộ đội ta đã trưởng thành, không những đánh giỏi vận động chiến (đánh địch ngoài công sự), mà từng bước vận dụng công kiên chiến (đánh địch trong công sự).

Giai đoạn cuối của hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ do yêu cầu của chiến lược, chiến dịch, phải đánh bại cuộc hành quân lấn chiếm của địch để giữ vững vùng giải phóng, chiến thuật phòng ngự xuất hiện. Chiến thuật phòng ngự được vận dụng như phòng ngự đồi A1 trong chiến dịch Điện Biên Phủ, phòng ngự Quảng Trị năm 1972, phòng ngự Thượng Đức năm 1974... Ngoài ra, các đơn vị còn vận dụng các hình thức chiến thuật truy kích, đánh địch đổ bộ đường không, hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao.

+ Quy mô lực lượng tham gia trong các trận chiến đấu

Giai đoạn đầu của hai cuộc kháng chiến, lực lượng tham gia các trận chiến đấu chủ yếu trong biên chế và được tăng cường một số hỏa lực như súng cối 82mm, DKZ... Các giai đoạn sau, quy mô lực lượng tham gia các trận chiến đấu ngày càng lớn, đã có nhiều trận đánh hiệp đồng binh chủng giữa bộ binh, xe tăng, pháo binh, phòng không.... Hiệp đồng chiến đấu giữa các lực lượng bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và DQTV ngày càng nhiều.

+ Cách đánh

Là nội dung quan trọng nhất của lý luận chiến thuật. Mỗi binh chủng, mỗi hình thức chiến thuật đều có những cách đánh cụ thể, phù hợp với đối tượng và địa hình. Nội dung cách đánh trong từng hình thức chiến thuật phát triển từ cách đánh của lực lượng bộ binh là chủ yếu đến cách đánh hiệp đồng binh chủng. Cách đánh của ta thể hiện tính tích cực, chủ động tiến công, bám thắt lưng địch, chia địch ra mà đánh, trói địch lại mà diệt. Kết hợp chặt chẽ giữa hành động tiến công và phòng ngự của ba thứ quân để hoàn thành nhiệm vụ của cấp trên giao.

Như vậy trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến thuật, là một trong ba bộ phận hợp thành NTQS Việt Nam đã phát triển rất phong phú, đa dạng và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ do chiến lược, chiến dịch đặt ra, và đã để lại nhiều kinh nghiệm có giá trị to lớn thực tiễn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kì mới

Nghệ thuật QS Việt Nam đã hình thành, phát triển trong quá trình dựng và giữ nước của dân tộc. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, nghệ thuật QS ngày càng phát triển, đó là nghệ thuật chiến tranh nhân dân, nghệ thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh... Những bài học kinh nghiệm về nghệ thuật QS vẫn còn giữ nguyên giá trị để chúng ta tiếp tục nghiên cứu và vận dụng vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kì mới.

3.1. Quán triệt tư tưởng tích cực tiến công

Trong lịch sử chiến tranh giữ nước, nghệ thuật QS của cha ông ta trước đây luôn nhấn mạnh tư tưởng tích cực, chủ động tiến công địch. Ngày nay, với sức mạnh của cả nước đánh giặc dưới sự lãnh đạo của Đảng, nghệ thuật QS của ta càng có điều kiện phát huy mặt mạnh của mình, khoét sâu chỗ yếu của địch để "kiên quyết không ngừng thế tiến công", tiến công địch vào đúng thời cơ, địa điểm thích hợp.

Ngày nay, kẻ thù của đất nước ta là chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, có ưu thế về tiềm lực kinh tế, QS, khoa học công nghệ mạnh, nhưng do tiến hành chiến tranh xâm lược, phi nghĩa, nên chúng sẽ bộc lộ nhiều sơ hở. Trên cơ sở đánh giá đúng mạnh, yếu của địch và ta, chúng ta phải biết phát huy sức mạnh của mọi lực lượng, vận dụng linh hoạt mọi hình thức và quy mô tác chiến, mọi cách đánh, mới có thể tiến công địch một cách liên tục mọi lúc, mọi nơi. Không chỉ tiến công trên mặt trận QS, mà phải tiến công toàn diện trên mọi mặt trận, đặc biệt là mặt trận chính trị, binh vận, thực hiện "mưu phạt công tâm", đánh vào lòng người, góp phần thay đổi cục diện chiến tranh.

Như vậy, trên cơ sở không ngừng nâng cao cảnh giác cách mạng, phát huy lòng dũng cảm, trí thông minh sáng tạo giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa con người và vũ khí, nắm vững tư tưởng tích cực tiến công, chúng ta hoàn toàn có thể giành quyền chủ động trên chiến trường và kết thúc chiến tranh trong điều kiện có lợi nhất.

3.2. Nghệ thuật QS toàn dân đánh giặc

Đây là sự kế thừa và phát huy lên một trình độ mới từ nghệ thuật QS truyền thống của dân tộc. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, nghệ thuật QS chỉ đạo mọi hoạt động tác chiến của LLVT và nhân dân. Đó là một nguyên tắc trong nghệ thuật QS của toàn dân đánh giặc. Nguyên tắc đó phải được thể hiện cụ thể trong việc xác định phương hướng, mục tiêu, đối tượng và thời cơ tiến công...trong kế hoạch chiến lược, chiến dịch, cũng như từng trận đánh cụ thể.

Trong hoạt động tác chiến của các lực lượng vũ trang, kết hợp đánh phân tán với đánh tập trung, kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa và đánh lớn. Mỗi lực lượng, mỗi thứ quân đều có vị trí tác dụng và có những quy luật hoạt động riêng. Vì vậy, cần phải phối hợp tác chiến của các lực lượng, các thứ quân cả về chiến lược cũng như trong chiến dịch và chiến đấu. Có kết hợp đánh phân tán, rộng khắp của lực lượng vũ trang địa phương với đánh tập trung của lực lượng cơ động, kết hợp đánh nhỏ, đánh vừa, đánh lớn mới phát huy được uy lực của mọi vũ khí từ thô sơ đến hiện đại, làm cho binh lực của địch bị phân tán, dần mỏng, khiến cho chúng đông mà hoá ít, mạnh mà hoá yếu và luôn bị động đối phó ; trên cơ sở đó, thực hiện những đòn đánh quyết định, tạo sự thay đổi trên chiến trường có lợi cho ta.

3.3. Nghệ thuật tạo sức mạnh tổng hợp bằng lực, thế, thời và mưu kế

Trong đấu tranh vũ trang, trước quân địch sức mạnh vượt trội về QS, khoa học công nghệ phải biết kết hợp chặt chẽ các yếu tố: lực lượng, thế trận, thời cơ và mưu trí, sáng tạo. Dùng lực phải dựa vào thế có lợi, dùng đúng nơi, đúng lúc mới đạt hiệu quả cao, lực nhỏ hoá lớn, yếu hoá mạnh. Tạo thế, tạo lực để sẵn sàng đánh địch khi thời cơ có lợi nhất. Đặt thế, lực vào đúng thời cơ có lợi thì "sức dùng một nửa mà công được gấp đôi". Muốn đánh thắng, còn phải dùng mưu kế, hạn chế cái mạnh của địch, phát huy cái mạnh của ta. Luôn chú ý lừa địch và giữ bí mật, bất ngờ. *Đánh bất ngờ, tạo hiệu quả diệt địch*, nhất là trong điều kiện lực lượng địch mạnh, có vũ khí công nghệ cao.

Nghệ thuật QS của ta còn phải biết đánh giá đúng và triệt để khai thác các yếu tố "thiên thời, địa lợi, nhân hoà". Đó là nghệ thuật nắm bắt và phát huy sức mạnh của thời đại, phát huy tiềm năng, thế mạnh của đất nước, con người Việt Nam, trong đó, cần đặc biệt chú trọng "nhân hoà". Chỉ có kết hợp chặt chẽ lực, thế, thời, mưu và các yếu tố khác, ta mới có thể tạo ra sức mạnh tổng hợp, đánh thắng kẻ thù có kinh tế, QS mạnh khi chúng liều lĩnh xâm lược nước ta.

3.4. Quán triệt tư tưởng lấy ít đánh nhiều, biết tập trung ưu thế lực lượng cần thiết để đánh thắng địch

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, ông cha ta luôn phải chống lại kẻ thù xâm lược lớn hơn nhiều lần. "*Võ quyết dày có móng tay nhọn*", ông cha ta đã sáng tạo nghệ thuật "lấy ít địch nhiều", tập trung ưu thế và lực lượng những thời điểm quan trọng để đánh thắng quân xâm lược. Ngày nay, vận dụng tư tưởng lấy ít đánh nhiều, ta phải phát huy khả năng đánh giặc của toàn dân, của cả ba thứ quân, tạo sức mạnh tổng hợp địch để đánh thắng địch trong mọi tình thế. Mặt khác, phải tận dụng địa hình, tận dụng được yếu tố bí mật, bất ngờ, tiết kiệm được lực lượng để đánh lâu dài, càng đánh càng mạnh, càng mạnh càng đánh, càng thắng.

3.5. Kết hợp tiêu hao, tiêu diệt địch với bảo vệ vững chắc các mục tiêu

Từng trận đánh, từng chiến dịch có mục đích cụ thể khác nhau, nhưng mục đích chung nhất của mọi hoạt động tác chiến trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc là tiêu diệt lực lượng địch phải đi đôi với bảo vệ vững chắc mục tiêu. Muốn giành thắng lợi triệt để trong chiến tranh, chúng ta phải kết hợp đánh tiêu hao với đánh tiêu diệt lớn quân địch. Đánh tiêu hao rộng rãi bằng đánh nhỏ, đánh vừa của chiến tranh nhân dân địa phương sẽ tạo điều kiện cho tác chiến tập trung của chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực, thực hiện đánh lớn, tiêu diệt lớn quân địch. Đi đôi với tiêu hao, tiêu diệt lực lượng của địch, phải bảo vệ vững chắc mục tiêu của ta, là vấn đề có tính quy luật của ta trong CTND BVTQ.

4. Trách nhiệm của sinh viên

Nghiên cứu nghệ thuật QS của các thế hệ ông cha, chúng ta có quyền tự hào về tinh thần dũng cảm, ý chí kiên cường trong chống giặc ngoại xâm để bảo vệ sự bình yên của đất nước. Ngày nay, đất nước đẩy mạnh công cuộc đổi mới, nhưng kẻ thù còn đó, chúng đang tìm mọi thủ đoạn để xóa bỏ chế độ XHCN ở nước ta. Do vậy, trách nhiệm của sinh viên rất nặng nề đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trước hết, mỗi sinh viên cần phát huy tinh thần tự lực, vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ học tập, không ngừng bồi đắp lòng yêu nước. Mặt khác, phải phấn đấu, tu dưỡng để trở thành những công dân tốt, sẵn sàng làm nhiệm vụ khi Tổ quốc cần.

III. KẾT LUẬN

NTQS Việt Nam hình thành, phát triển, gắn liền với các yếu tố địa lí, kinh tế, chính trị xã hội. Từ khi có Đảng lãnh đạo NTQS Việt Nam phát triển dựa trên nền tảng lí luận QS Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và tinh hoa truyền thống QS dân tộc.

Từ khi có Đảng lãnh đạo NTQS Việt Nam đã kế thừa Nghệ thuật đánh giặc giữ nước của tổ tiên và đã không ngừng phát triển, góp phần quyết định giành thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ.

Nghiên cứu, học tập NTQS Việt Nam, chúng ta tự hào về truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc. Thế hệ trẻ chúng ta phải nhận rõ trách nhiệm để luôn giữ gìn, kế thừa và phát huy truyền thống đó ông cha, hoàn thành mọi nhiệm vụ, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ mới.

III. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của Tổ tiên ?
2. Trình bày những nét đặc sắc về nghệ thuật QS Việt Nam từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo ?

.....

Bài 8

XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

-----*-----

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Giáo dục kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia của Việt Nam; những nội dung chủ yếu về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, biển đảo nước ta hiện nay.

Hiểu nội dung của bài. Nâng cao lòng tự hào yêu nước và ý thức trách nhiệm công dân trong xây dựng, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia của Tổ quốc.

II. NỘI DUNG

Việt Nam là quốc gia độc lập, có chủ quyền. Lãnh thổ Việt Nam là một chỉnh thể thống nhất, bất khả xâm phạm, diện tích đất liền 331.689 km², 4.550 km đường biên giới, nơi sinh sống của hơn 97 triệu dân thuộc 54 dân tộc anh em trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, bên cạnh những thuận lợi, Việt Nam cũng đang phải đối mặt với những nguy cơ, thách thức. Các thế lực thù địch chưa từ bỏ âm mưu can thiệp vào công việc nội bộ, gây mất ổn định chính trị - xã hội, xâm phạm chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước ta.

Bảo vệ Tổ quốc XHCN là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam; bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là nội dung đặc biệt quan trọng của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Đảng ta khẳng định: “Xây dựng nền QPTD và ANND vững mạnh toàn diện; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hoá và an ninh xã hội; duy trì trật tự kỷ cương, an toàn xã hội; giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn ngừa, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá, thù địch, không để bị động, bất ngờ”.

1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia

1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

* **Quốc gia** là thực thể pháp lí bao gồm ba yếu tố cấu thành: lãnh thổ, dân cư và quyền lực công cộng. Quốc gia là chủ thể căn bản nhất của luật quốc tế. Chủ quyền quốc gia là đặc trưng cơ bản, quan trọng nhất của quốc gia. Theo luật pháp quốc tế hiện đại, tất cả các quốc gia đều bình đẳng về chủ quyền.

Quốc gia có khi được dùng để chỉ một nước hay đất nước. Hai khái niệm đó có thể được dùng thay thế cho nhau.

* **Lãnh thổ quốc gia** là phạm vi không gian được giới hạn bởi biên giới quốc gia, thuộc chủ quyền hoàn toàn và đầy đủ của một quốc gia.

Lãnh thổ quốc gia Việt Nam bao gồm: Vùng đất quốc gia; Vùng biển quốc gia (nội thủy và lãnh hải); Vùng trời quốc gia và lãnh thổ quốc gia đặc biệt.

- *Vùng đất quốc gia* (kể cả các đảo và quần đảo) là phần mặt đất và lòng đất của đất liền (lục địa), của đảo, quần đảo thuộc chủ quyền một quốc gia; bộ phận quan trọng nhất cấu thành nên lãnh thổ quốc gia, làm cơ sở để xác định vùng trời quốc gia, nội thủy, lãnh hải.

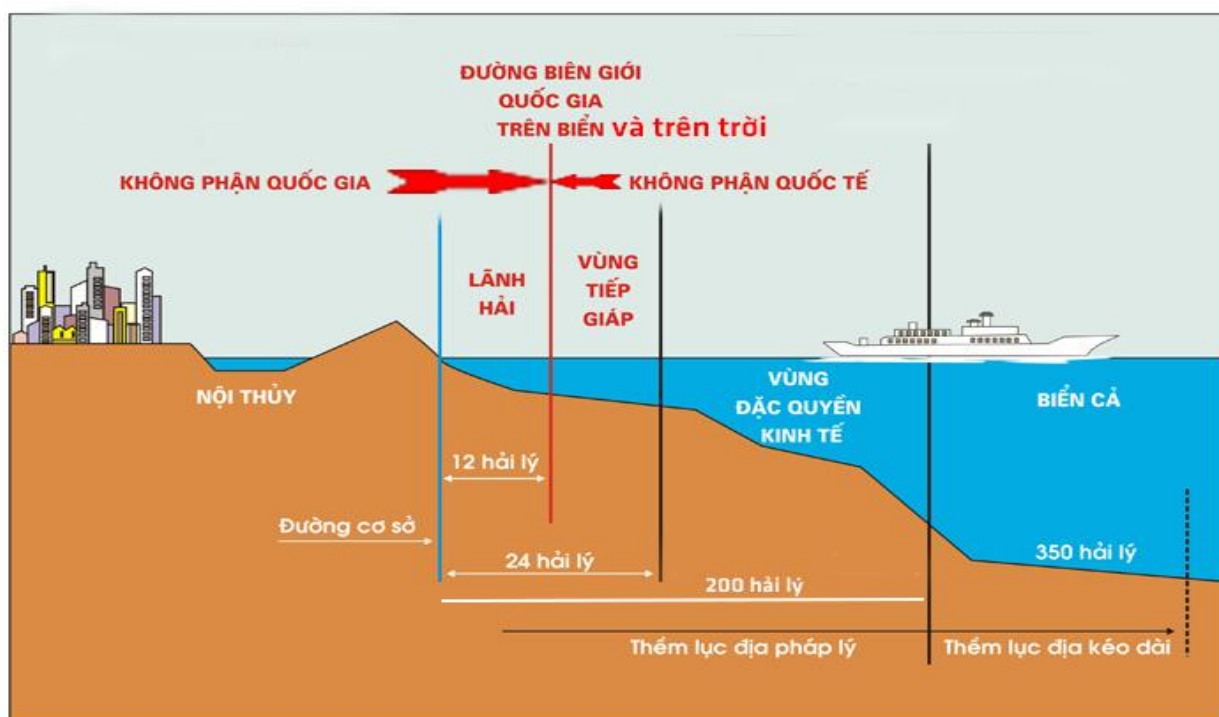
Vùng đất quốc gia có thể gồm những lục địa ở những điểm khác nhau (tách rời nhau), nhưng các vùng đất đó đều thuộc lãnh thổ thống nhất của quốc gia; hoặc cũng có thể chỉ bao gồm các đảo, quần đảo ở ngoài biển hợp thành quốc gia quần đảo.

Việt Nam là một quốc gia nằm trên bán đảo Đông Dương, ven biển Thái Bình Dương, có vùng đất quốc gia vừa là đất liền, vừa là đảo, vừa là quần đảo, bao gồm từ đỉnh Lũng Cú (tỉnh Hà Giang) đến mũi Cà Mau; các đảo: Phú Quốc, Cái Lân... và quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Việt Nam có 3 mặt trông ra biển: Đông, Nam và Tây Nam, với bờ biển dài 3.260 km, từ Móng Cái đến Hà Tiên. Phần Biển Đông thuộc chủ quyền Việt Nam mở rộng về phía Đông và Đông Nam, có thêm lục địa, các đảo và quần đảo lớn nhỏ bao bọc. Riêng Vịnh Bắc Bộ đã tập trung một quần thể gần 3.000 hòn đảo trong khu vực Vịnh Hạ Long, Bái Tử Long; các đảo Cát Hải, Cát Bà, Bạch Long Vĩ; xa hơn là quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; phía Tây Nam và Nam có các nhóm đảo Côn Sơn, Phú Quốc và Thổ Chu.

- *Vùng biển quốc gia*, theo khoản 1 Điều 3 Luật biển Việt Nam 2012, vùng biển Việt Nam bao gồm: Nội thủy; Lãnh hải; Vùng tiếp giáp lãnh hải; Vùng đặc quyền kinh tế; Thềm lục địa.

05 vùng nêu trên thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam, được xác định theo pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế về biên giới lãnh thổ mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên và phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 (UNCLOS 1982).



SƠ ĐỒ CÁC VÙNG BIỂN VÀ THÊM LỤC ĐỊA CỦA QUỐC GIA VEN BIỂN

Vùng biển Việt Nam (Hình từ Internet)

Chế độ pháp lý của các vùng biển thuộc chủ quyền Việt Nam:

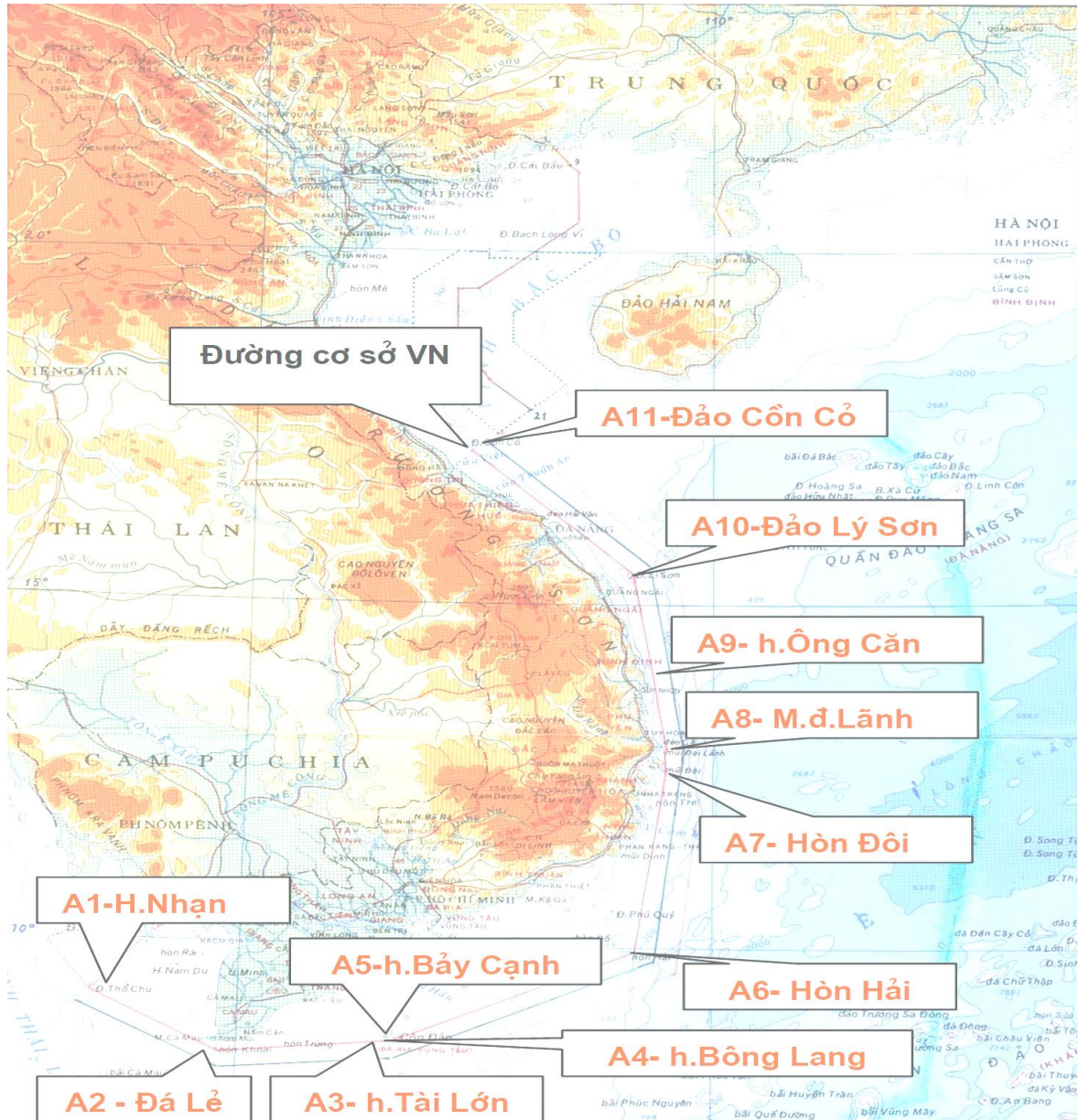
* Nội thủy: Điều 9 Luật biển Việt Nam 2012 quy định nội thủy là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam.

Trong đó, đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam là đường cơ sở thẳng đã được Chính phủ công bố.

Chính phủ xác định và công bố đường cơ sở ở những khu vực chưa có đường cơ sở sau khi được Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

Chế độ pháp lý của nội thủy: Nhà nước thực hiện chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ đối với nội thủy như trên lãnh thổ đất liền.

Đường cơ sở biển Việt Nam là đường cơ sở thẳng, gồm 11 điểm, nối 10 đoạn



* Lãnh hải: quy định tại Điều 11 Luật biển Việt Nam 2012 là vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển.

Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển Việt Nam.

Chế độ pháp lý của lãnh hải: Nhà nước thực hiện chủ quyền đầy đủ và toàn vẹn đối với lãnh hải và vùng trời, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của lãnh hải phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982.

Tàu thuyền của tất cả các quốc gia được hưởng quyền đi qua không gây hại trong

lãnh hải Việt Nam. Đối với tàu quân sự nước ngoài khi thực hiện quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam, thông báo trước cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Việc đi qua không gây hại của tàu thuyền nước ngoài phải được thực hiện trên cơ sở tôn trọng hòa bình, độc lập, chủ quyền, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên.

Các phương tiện bay nước ngoài không được vào vùng trời ở trên lãnh hải Việt Nam, trừ trường hợp được sự đồng ý của Chính phủ Việt Nam hoặc thực hiện theo điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên.

Nhà nước có chủ quyền đối với mọi loại hiện vật khảo cổ, lịch sử trong lãnh hải Việt Nam.

* Vùng tiếp giáp lãnh hải: là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải (Điều 13 Luật biển Việt Nam 2012).

Chế độ pháp lý của vùng tiếp giáp lãnh hải: Nhà nước thực hiện quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và các quyền khác quy định tại Điều 16 Luật biển Việt Nam 2012 đối với vùng tiếp giáp lãnh hải.

Nhà nước thực hiện kiểm soát trong vùng tiếp giáp lãnh hải nhằm ngăn ngừa và trừng trị hành vi vi phạm pháp luật về hải quan, thuế, y tế, xuất nhập cảnh xảy ra trên lãnh thổ hoặc trong lãnh hải Việt Nam.

* Vùng đặc quyền kinh tế: Điều 15 Luật biển Việt Nam 2012, vùng đặc quyền kinh tế là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở.

Chế độ pháp lý của vùng đặc quyền kinh tế: Trong vùng đặc quyền kinh tế, Nhà nước thực hiện:

- + Quyền chủ quyền về việc thăm dò, khai thác, quản lý và bảo tồn tài nguyên thuộc vùng nước bên trên đáy biển, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển; về các hoạt động khác nhằm thăm dò, khai thác vùng này vì mục đích kinh tế;
- + Quyền tài phán quốc gia về lắp đặt và sử dụng đảo nhân tạo, thiết bị và công trình trên biển; nghiên cứu khoa học biển, bảo vệ và gìn giữ môi trường biển;
- + Các quyền và nghĩa vụ khác phù hợp với pháp luật quốc tế.

Nhà nước tôn trọng quyền tự do hàng hải, hàng không; quyền đặt dây cáp, ống dẫn ngầm và hoạt động sử dụng biển hợp pháp của các quốc gia khác trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam theo quy định của Luật biển Việt Nam 2012 và điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên, không làm phương hại đến quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam.

Việc lắp đặt dây cáp và ống dẫn ngầm phải có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài được tham gia thăm dò, sử dụng, khai thác tài nguyên, nghiên cứu khoa học, lắp đặt các thiết bị và công trình trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam trên cơ sở các điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên, hợp đồng được ký kết theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc được phép của Chính phủ Việt Nam, phù hợp với pháp luật quốc tế có liên quan.

Các quyền có liên quan đến đáy biển và lòng đất dưới đáy biển tại vùng đặc quyền kinh tế được thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 Luật biển Việt Nam 2012.

* Thêm lục địa: Điều 17 Luật biển Việt Nam 2012, là vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền, các đảo và quần đảo của Việt Nam cho đến mép ngoài của rìa lục địa.

Trong trường hợp mép ngoài của rìa lục địa này cách đường cơ sở chưa đủ 200 hải lý thì thêm lục địa nơi đó được kéo dài đến 200 hải lý tính từ đường cơ sở.

Trong trường hợp mép ngoài của rìa lục địa này vượt quá 200 hải lý tính từ đường cơ sở thì thêm lục địa nơi đó được kéo dài không quá 350 hải lý tính từ đường cơ sở hoặc không quá 100 hải lý tính từ đường đẳng sâu 2.500 mét.

Chế độ pháp lý của thêm lục địa:

Nhà nước thực hiện quyền chủ quyền đối với thêm lục địa về thăm dò, khai thác tài nguyên.

Quyền chủ quyền liên quan đến thêm lục địa có tính chất đặc quyền, không ai có quyền tiến hành hoạt động thăm dò thêm lục địa hoặc khai thác tài nguyên của thêm lục địa nếu không có sự đồng ý của Chính phủ Việt Nam.

Nhà nước có quyền khai thác lòng đất dưới đáy biển, cho phép và quy định việc khoan nhằm bất kỳ mục đích nào ở thêm lục địa.

Nhà nước tôn trọng quyền đặt dây cáp, ống dẫn ngầm và hoạt động sử dụng biển hợp pháp khác của các quốc gia khác ở thêm lục địa Việt Nam theo quy định của Luật biển Việt Nam 2012 và các điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên, không làm phương hại đến quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam.

Việc lắp đặt dây cáp và ống dẫn ngầm phải có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài được tham gia thăm dò, sử dụng, khai thác tài nguyên, nghiên cứu khoa học, lắp đặt thiết bị và công trình ở thêm lục địa của Việt Nam trên cơ sở điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên, hợp đồng ký kết theo

quy định của pháp luật Việt Nam hoặc được phép của Chính phủ Việt Nam.

Như vậy, chỉ có 02 vùng là nội thủy và lãnh hải là thuộc chủ quyền đầy đủ và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Lãnh thổ quốc gia đặc biệt là loại lãnh thổ đặc thù của một quốc gia tồn tại hợp pháp trong lãnh thổ một quốc gia khác hoặc trên vùng biển, vùng trời quốc tế. Ví dụ như trụ sở làm việc và nơi ở của cơ quan đại diện ngoại giao.

Vùng trời quốc gia là không gian phía trên lãnh thổ quốc gia; là bộ phận cấu thành lãnh thổ quốc gia và thuộc chủ quyền hoàn toàn của quốc gia đó. Việc làm chủ vùng trời quốc gia trên vùng lãnh thổ quốc gia đặc biệt thực hiện theo quy định chung của công ước quốc tế.

* **Chủ quyền quốc gia** là quyền làm chủ một cách độc lập, toàn vẹn và đầy đủ về mọi mặt lập pháp, hành pháp và tư pháp của một quốc gia trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia đó. Quốc gia thể hiện chủ quyền của mình trên mọi phương diện kinh tế, chính trị, QS, ngoại giao.

Tất cả các nước, không tính đến quy mô lãnh thổ, dân số, chế độ xã hội, đều có chủ quyền quốc gia. Chủ quyền quốc gia là đặc trưng chính trị và pháp lý thiết yếu của một quốc gia độc lập, được thể hiện trong hoạt động của các cơ quan nhà nước và trong hệ thống pháp luật quốc gia. Tôn trọng chủ quyền quốc gia là một nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế. Hiến chương Liên hợp quốc khẳng định nguyên tắc bình đẳng về chủ quyền giữa các quốc gia; không một quốc gia nào được can thiệp hoặc khống chế, xâm phạm chủ quyền của một quốc gia khác.

* **Chủ quyền lãnh thổ quốc gia** là một bộ phận của chủ quyền quốc gia, khẳng định quyền làm chủ của quốc gia đó trên vùng lãnh thổ của mình. Mỗi nước có toàn quyền định đoạt mọi việc trên lãnh thổ của mình, không được xâm phạm lãnh thổ và can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia dừng lại ở biên giới quốc gia; mọi tư tưởng và hành động thể hiện chủ quyền quốc gia vượt quá biên giới quốc gia của mình đều là hành động xâm phạm chủ quyền của các quốc gia khác và trái với công ước quốc tế. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là tuyệt đối, bất khả xâm phạm; tôn trọng chủ quyền lãnh thổ quốc gia là nguyên tắc cơ bản trong quan hệ và luật pháp quốc tế.

1.2. Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia

Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia là thực hiện tổng thể các giải pháp, biện pháp chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, đối ngoại và QP&AN nhằm thiết lập và bảo đảm quyền làm chủ một cách độc lập, toàn vẹn và đầy đủ về mọi mặt lập pháp, hành pháp và tư pháp của quốc gia trong phạm vi lãnh thổ, bao gồm vùng đất, vùng trời, nội thủy, lãnh hải và lãnh thổ đặc biệt của quốc gia.

Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia là sử dụng tổng hợp các lực lượng và biện pháp chống lại sự xâm phạm, phá hoại dưới mọi hình thức để giữ gìn toàn vẹn chủ quyền nhà

nước đối với lãnh thổ quốc gia.

Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia Việt Nam là yêu cầu tất yếu, là nhiệm vụ quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, gồm các nội dung:

- Xây dựng, phát triển mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, đối ngoại và QP&AN.

- Xác lập và bảo vệ quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp của Việt Nam trên mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, QP&AN và đối ngoại trong phạm vi lãnh thổ của mình.

- Bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bao gồm vùng đất, vùng trời, nội thủy, lãnh hải và lãnh thổ đặc biệt của Việt Nam; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động phá hoại, vi phạm chủ quyền, xâm phạm lãnh thổ của Việt Nam.

- Bảo vệ sự thống nhất lãnh thổ của đất nước, thống nhất về quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Đấu tranh làm thất bại mọi hành động chia cắt lãnh thổ Việt Nam; mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch cả bên trong lẫn bên ngoài hòng phá hoại quyền lực tối cao của Việt Nam.

Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia gắn bó chặt chẽ và đặt trong tổng thể chiến lược bảo vệ Tổ quốc. Làm tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia là trực tiếp góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia

2.1. Biên giới quốc gia

Theo Luật Biên giới quốc gia năm 2003: *“Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam là đường và mặt phẳng thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam”*.

Biên giới quốc gia của Việt Nam được xác định bằng hệ thống các mốc quốc giới trên thực địa, được đánh dấu bằng các toạ độ trên hải đồ và thể hiện bằng mặt phẳng thẳng đứng theo lãnh thổ VN. Biên giới quốc gia Việt Nam bao gồm biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển, trên không, trong lòng đất.

Biên giới quốc gia trên đất liền là phân định lãnh thổ trên bề mặt đất liền của vùng đất quốc gia. Trong thực tế, biên giới quốc gia trên đất liền được xác lập dựa vào các yếu tố địa hình (núi, sông, suối, hồ nước, thung lũng...); thiên văn (theo kinh tuyến, vĩ tuyến); hình học (đường nối liền các điểm quy ước). Biên giới quốc gia trên đất liền được xác lập trên cơ sở thoả thuận giữa các quốc gia có lãnh thổ tiếp giáp với nhau và được thể hiện bằng các điều ước hoạch định biên giới giữa các quốc gia liên quan. Việt Nam có đường biên giới quốc gia trên đất liền dài 4.550 km tiếp giáp với Trung Quốc ở phía Bắc, với Lào và Campuchia ở phía Tây, phía Đông giáp Biển Đông.

Biên giới quốc gia trên biển là phân định lãnh thổ trên biển giữa các quốc gia có bờ biển liền kề hay đối diện nhau; là ranh giới phía ngoài của lãnh hải. BGQG biển của quốc gia quần đảo là đường BGQG phân định lãnh thổ quốc gia với biển cả. Đối với các đảo của một quốc gia nằm ngoài phạm vi lãnh hải của quốc gia, biên giới quốc gia trên biển là đường ranh giới phía ngoài của lãnh hải bao quanh đảo.

BGQG trên biển Việt Nam được hoạch định và đánh dấu bằng tọa độ trên hải đồ, là ranh giới phía ngoài lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo của Việt Nam, được xác định theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (ký ngày 10/12/1982 tại Montego Bay, Jamaica (UNCLOCS 1982), Việt Nam chính thức tham gia UNCLOCS ngày 23/6/1994) và các điều ước quốc tế giữa Việt Nam và các quốc gia hữu quan.

Biên giới quốc gia trên không là biên giới phân định vùng trời giữa các quốc gia liền kề hoặc các vùng trời quốc tế, được xác định bởi mặt phẳng thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển lên trên vùng trời. Trong điều kiện khoa học và công nghệ phát triển, việc xác lập biên giới quốc gia trên không có ý nghĩa ngày càng quan trọng trong việc thực hiện chủ quyền đối với vùng trời quốc gia. Đến nay chưa có quốc gia nào quy định độ cao cụ thể của biên giới quốc gia trên không.

Biên giới quốc gia trong lòng đất là phân định lãnh thổ quốc gia trong lòng đất phía dưới vùng đất quốc gia, nội thủy và lãnh hải, được xác định bởi mặt phẳng thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển xuống lòng đất. Độ sâu cụ thể của biên giới trong lòng đất được xác định bằng độ sâu mà kỹ thuật khoan có thể thực hiện. Đến nay, chưa có quốc gia nào quy định độ sâu cụ thể của biên giới trong lòng đất.

Khu vực biên giới là vùng lãnh thổ tiếp giáp biên giới quốc gia có quy chế, quy định đặc biệt do Chính phủ ban hành nhằm bảo vệ an toàn biên giới.

Khu vực biên giới Việt Nam bao gồm: khu vực biên giới trên đất liền gồm xã, phường, thị trấn có một phần địa giới hành chính trùng hợp với biên giới quốc gia Việt Nam trên đất liền; khu vực biên giới quốc gia Việt Nam trên biển được tính từ biên giới quốc gia trên biển vào hết địa giới hành chính xã, phường, thị trấn giáp biển và đảo, quần đảo; khu vực biên giới trên không gồm phần không gian dọc theo biên giới quốc gia có chiều rộng mười kilômét tính từ biên giới Việt Nam trở vào.

2.2. Nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia

Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là thực hiện tổng thể các biện pháp để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ tài nguyên, môi sinh, môi trường, lợi ích quốc gia trên khu vực biên giới; giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới. Do vị trí địa lý và chính trị, trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, việc xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia luôn là một vấn đề đặc biệt quan trọng đối với sự

ổn định và phát triển đất nước. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là một nội dung của xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia, là một biện pháp hiệu quả chống lại sự xâm phạm chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

Trong hoà bình, bảo vệ biên giới quốc gia là tổng thể các biện pháp mà hệ thống chính trị, xã hội, các lực lượng vũ trang khu vực biên giới áp dụng nhằm tuần tra, giữ gìn nguyên vẹn, chống lại sự xâm phạm biên giới quốc gia. Bộ đội Biên phòng là lực lượng chuyên trách, nòng cốt trong bảo vệ biên giới quốc gia. Khi có xung đột hoặc chiến tranh, các biện pháp bảo vệ biên giới quốc gia được thể hiện rõ qua các trạng thái sẵn sàng chiến đấu: thường xuyên, tăng cường và cao.

Theo Luật Biên giới quốc gia năm 2003: *“Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới là sự nghiệp của toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý. Nhà nước và nhân dân thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường QP&AN và đối ngoại”*. Như vậy, gồm các nội dung sau:

- Ưu tiên đầu tư xây dựng khu vực biên giới vững mạnh toàn diện về chính trị, kinh tế - xã hội, QP&AN; có chính sách ưu tiên tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân khu vực biên giới định cư ổn định, phát triển và sinh sống lâu dài ở khu vực biên giới; điều chỉnh dân cư theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và củng cố QP&AN.

- Tăng cường, mở rộng quan hệ đối ngoại các cấp trên khu vực biên giới; phát triển kinh tế đối ngoại, tăng cường hợp tác nhiều mặt nhằm xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định lâu dài với các nước láng giềng.

- Bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Sử dụng tổng hợp các lực lượng và biện pháp của Nhà nước chống lại sự xâm phạm, phá hoại dưới mọi hình thức để giữ gìn toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia.

- Bảo vệ tài nguyên, môi sinh, môi trường. Sử dụng tổng hợp các biện pháp đấu tranh ngăn chặn mọi hành động xâm phạm tài nguyên, đặc biệt là xâm phạm tài nguyên trong lòng đất, trên biển, trên không, thềm lục địa của Việt Nam. Ngăn chặn, đấu tranh với mọi hành động phá hoại, huỷ hoại, gây ô nhiễm môi sinh, môi trường khu vực biên giới, bảo đảm cho người Việt Nam, nhân dân khu vực biên giới có môi trường sinh sống bền vững, ổn định và phát triển lâu dài.

- Bảo vệ lợi ích quốc gia trên khu vực biên giới. Thực thi quyền lực chính trị tối cao (quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp) của Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam trên khu vực biên giới; chống lại mọi hành động xâm phạm về lợi ích kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước trên khu vực biên giới. Bảo đảm mọi lợi ích của người Việt Nam phải được thực hiện ở khu vực biên giới theo luật pháp Việt Nam, phù hợp với luật pháp quốc tế và các hiệp định mà Việt Nam kí kết với các nước hữu quan.

- Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới. Đập tan mọi âm

mưu và hành động gây mất ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới quốc gia. Đấu tranh chống mọi tư tưởng và hành động chia rẽ đoàn kết dân tộc, phá hoại sự ổn định, phát triển khu vực biên giới.

- Phối hợp với các nước, đấu tranh ngăn chặn mọi hành động phá hoại tình đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước láng giềng. Trấn áp mọi hành động khủng bố, tội phạm xuyên biên giới quốc gia.

3. Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta

3.1. Quan điểm

- Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là nội dung quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tổ quốc Việt Nam hình thành và phát triển trong quá trình đấu tranh cách mạng của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; là sự kế thừa và phát triển mới Tổ quốc, đất nước, dân tộc và con người Việt Nam suốt chiều dài lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước trong điều kiện mới.

Lãnh thổ và biên giới quốc gia Việt Nam là một bộ phận hợp thành quan trọng, không thể tách rời của Tổ quốc. Lãnh thổ và biên giới quốc gia là yếu tố cơ bản bảo đảm cho sự ổn định, bền chắc của đất nước Việt Nam. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là sự khẳng định chủ quyền của Nhà nước Việt Nam, bao gồm cả quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trong phạm vi lãnh thổ, gồm cả vùng đất, vùng trời, nội thủy, lãnh hải và lãnh thổ đặc biệt của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam. Vì vậy, xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là một nội dung đặc biệt quan trọng của xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc không thể thành công nếu chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia không được xây dựng và bảo vệ tốt, bị xâm phạm.

- Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là thiêng liêng, bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam.

Lãnh thổ quốc gia Việt Nam là nơi sinh ra và lưu giữ, phát triển con người và những giá trị của dân tộc Việt Nam. Trải qua lịch sử, các thế hệ người Việt Nam đã đổ biết bao mồ hôi, xương máu mới xây dựng nên lãnh thổ quốc gia toàn vẹn, thống nhất và tươi đẹp như ngày hôm nay. Nhờ đó con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam được tồn tại, sinh sống, vươn lên và phát triển độc lập, bình đẳng với các quốc gia, dân tộc khác trong cộng đồng quốc tế; những giá trị, truyền thống, bản sắc văn hoá của dân tộc Việt Nam được khẳng định, lưu truyền và phát triển sánh vai với các cường quốc năm châu.

Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là kết quả đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam suốt chiều dài hàng ngàn năm lịch sử. Từ thừa Hùng Vương dựng nước đến thời đại Hồ Chí Minh, trước những kẻ thù to lớn và hung bạo, dân tộc

Việt Nam luôn có ý thức và quyết tâm bảo vệ. Dù phải trải qua hàng chục cuộc chiến tranh lớn nhỏ, phải chịu dưới ách đô hộ của các thế lực phong kiến, thực dân, đế quốc, người Việt Nam luôn phát cao hào khí anh hùng, lòng tự hào, tự tôn dân tộc trong dựng nước và giữ nước, xây dựng và giữ gìn biên cương lãnh thổ quốc gia, xây dựng và BVTQ.

Tư tưởng “*Sông núi nước Nam vua Nam ở*” của ông cha ta được tiếp nối, khẳng định và nâng tầm cao mới trong thời đại Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh từng dạy: “*Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước*”.

Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia Việt Nam là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam. Nhà nước Việt Nam, nhân dân Việt Nam quyết tâm giữ gìn và bảo vệ quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm đó.

Luật biên giới quốc gia năm 2003 khẳng định: “*Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng và an ninh của đất nước*”.

- *Xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định; giải quyết vấn đề tranh chấp thông qua đàm phán hoà bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích chính đáng của nhau.*

Xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định là vấn đề đặc biệt quan trọng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó là quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta. Quan điểm này phù hợp với lợi ích và luật pháp của Việt Nam, phù hợp với công ước và luật pháp quốc tế, cũng như lợi ích của các quốc gia có liên quan. Đảng, Nhà nước ta coi việc giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng XHCN là lợi ích cao nhất của đất nước.

Trong giải quyết các vấn đề tranh chấp lãnh thổ, biên giới, Đảng và Nhà nước ta luôn nhất quán thực hiện quan điểm giải quyết các tranh chấp bằng thương lượng hoà bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích chính đáng của nhau.

Về những vấn đề tranh chấp chủ quyền lãnh thổ trên bộ, trên biển do lịch sử để lại hoặc mới nảy sinh, Đảng và Nhà nước ta khẳng định: “Việt Nam luôn sẵn sàng thương lượng hoà bình để giải quyết một cách có lý, có tình”, ủng hộ việc giải quyết các mâu thuẫn, bất đồng trong khu vực thông qua đối thoại, thương lượng hoà bình, không sử dụng vũ lực hay đe dọa sử dụng vũ lực. Nhưng Việt Nam cũng sẵn sàng tự vệ chống lại mọi hành động xâm phạm lãnh thổ đất liền, vùng trời, vùng biển và lợi ích quốc gia của Việt Nam.

Về vấn đề tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông, quan điểm nhất quán của Việt Nam là:

Việt Nam khẳng định chủ quyền không thể tranh cãi đối với vùng biển, đảo của Việt Nam trên Biển Đông, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Việt Nam có đầy đủ chứng cứ lịch sử và cơ sở pháp lý về vấn đề này. Tuy nhiên, vì lợi ích chung của các bên hữu quan, VN sẵn sàng đàm phán hoà bình để giải quyết, trước mắt là đạt tới sự thoả thuận về “Bộ quy tắc ứng xử” trong khi tiếp tục tìm kiếm giải pháp lâu dài cho vấn đề Biển Đông.

- Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia là sự nghiệp của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, LLVT là nòng cốt.

ĐCS Việt Nam lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN. Nhà nước thống nhất quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; có chính sách ưu tiên đặc biệt xây dựng khu vực biên giới vững mạnh về mọi mặt.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là Nghị quyết về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới...

QĐND Việt Nam là lực lượng nòng cốt trong nhiệm vụ bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. Bộ đội Biên phòng là lực lượng nòng cốt, chuyên trách, phối hợp với lực lượng CAND, các ngành hữu quan và chính quyền địa phương trong hoạt động quản lý, bảo vệ BGQG, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới theo quy định của pháp luật.

3.2. Mọi công dân Việt Nam đều có nghĩa vụ, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia Việt Nam

Trách nhiệm của công dân Việt Nam đối với xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia Việt Nam được Nhà nước quy định tại Hiến pháp năm 2013: “Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, giữ vững an ninh quốc gia là sự nghiệp của toàn dân. Công dân phải làm đầy đủ nhiệm vụ QP&AN do pháp luật quy định”.

Luật nghĩa vụ QS năm 2015 chỉ rõ: “Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và cao quý của công dân. Công dân phải làm nghĩa vụ QS và tham gia xây dựng QPTD”.

Luật Biên giới quốc gia năm 2013 cũng xác định: “Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới là sự nghiệp của toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý”.

Thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, mọi công dân Việt Nam phải :

- Mọi công dân nước Cộng hoà XHCN Việt Nam không phân biệt thành phần xã hội, dân tộc, tín ngưỡng tôn giáo, trình độ văn hoá, nơi cư trú đều có nghĩa vụ và trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

Hiến pháp năm 2013 nêu rõ: “Mọi âm mưu và hành động chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN đều bị nghiêm trị theo pháp luật”. Đồng thời phải luôn nâng cao ý thức

QP&AN, có ý thức trách nhiệm và hành động thiết thực bảo vệ Tổ quốc.

- Chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, trước hết thực hiện nghiêm và đầy đủ Luật biên giới quốc gia năm 2003, Luật nghĩa vụ Quân sự 2015, Luật Quốc phòng Việt Nam 2018 và Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020.

- Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ QS, thực hiện nghiêm chỉnh các nhiệm vụ QS, quốc phòng, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. “Công dân phải trung thành với Tổ quốc, làm nghĩa vụ QS, được giáo dục về quốc phòng và huấn luyện về QS; chấp hành nghiêm chỉnh các biện pháp của Nhà nước và người có thẩm quyền khi đất nước có tình trạng chiến tranh hoặc tình trạng khẩn cấp về quốc phòng”.

3.3. Liên hệ vai trò, trách nhiệm của sinh viên

- Sinh viên phải không ngừng học tập, nâng cao trình độ nhận thức về mọi mặt, hiểu biết sâu sắc về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; từ đó xây dựng, củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, ý chí tự chủ, tự lập, tự cường, nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc XHCN.

- Thấy rõ ý nghĩa thiêng liêng, cao quý và bất khả xâm phạm về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam; xác định rõ vinh dự và trách nhiệm của công dân trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.

- Thực hiện tốt quy định về chương trình giáo dục QP&AN đối với sinh viên; hoàn thành tốt các nhiệm vụ trong thời gian học tập.

- Sẵn sàng tham gia các nhiệm vụ QP&AN khi Nhà nước và người có thẩm quyền huy động, động viên. Sau khi tốt nghiệp, sẵn sàng tự nguyện, tự giác tham gia QĐND, CAND khi Nhà nước yêu cầu. Tích cực, tự giác, tình nguyện tham gia xây dựng và phục vụ lâu dài tại các khu kinh tế - quốc phòng, góp phần xây dựng khu vực biên giới, hải đảo vững mạnh, phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, thực hiện nghiêm chỉnh Luật biên giới quốc gia của nước Việt Nam.

III. KẾT LUẬN

Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, BGQG là sự nghiệp của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý Nhà nước, LLVT là nòng cốt. Mọi công dân Việt Nam đều có nghĩa vụ, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Khái niệm chủ quyền lãnh thổ quốc gia và nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền quốc gia như thế nào ?
2. Biên giới quốc gia là gì? Nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia?
3. Trình bày quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia ? Trách nhiệm của sinh viên?

.....

Bài 9

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

-----*-----

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Nhằm trang bị nội dung cơ bản về xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ (DQTV), dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng.

Hiểu đúng đủ nội dung của bài, từ đó có những chuyển biến nhận thức, nâng cao trách nhiệm công dân trong xây dựng DQTV, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng, nâng cao trách nhiệm đạt kết quả tốt trong học tập.

II. NỘI DUNG

1. Xây dựng lực lượng DQTV (Theo Luật DQTV năm 2019)

1.1. Khái niệm, vị trí, vai trò và nhiệm vụ của LL DQTV

- Khái niệm

DQTV là LLVT quân chúng không thoát li sản xuất, công tác, là một bộ phận của lực lượng VTND của nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý, điều hành của Chính phủ và của uỷ ban nhân dân các cấp, sự chỉ đạo, chỉ huy thống nhất của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của cơ quan QS địa phương.

Lực lượng này được tổ chức ở xã, phường, thị trấn (địa phương) gọi là dân quân; được tổ chức ở cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội (gọi chung là cơ quan, tổ chức: cơ sở) gọi là tự vệ.

- Vai trò của DQTV

DQTV là một lực lượng chiến lược trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Là lực lượng nòng cốt trong xây dựng nền QPTD và phong trào toàn dân đánh giặc trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và trong thời bình tại địa phương. Trong tình hình hiện nay, chúng ta phải đối phó với chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ, chống âm mưu của các thế lực thù địch thì vai trò của DQTV càng được coi trọng.

Lực lượng DQTV là một trong những công cụ chủ yếu để bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, trực tiếp ở từng địa phương bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân ở cơ sở.

Theo HCM: “DQTV và du kích là lực lượng của toàn dân tộc, là lực lượng vô địch, là bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận kẻ thù nào dù hung bạo đến đâu hễ đụng vào lực lượng đó, bức tường đó thì địch nào cũng phải tan rã”.

Thời bình, DQTV là lực lượng đông đảo tham gia xây dựng kinh tế, phát triển địa phương và cả nước. Là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân xây dựng nền QPTD, thể trận QPTD, phối hợp với các lực lượng khác đấu tranh làm thất bại chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ, phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống thiên tai, địch hoạ bảo đảm an toàn cho nhân dân.

Thời chiến, DQTV làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc, chiến đấu, tiêu hao, tiêu diệt lực lượng, phương tiện của địch, căng kéo, kìm chân, buộc địch phải sa lầy tại địa phương ; vận dụng linh hoạt các hình thức chiến thuật, các thủ đoạn chiến đấu, tạo thế, tạo lực cho bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương chiến đấu, tham gia phục vụ chiến đấu giữ vững thể trận chiến tranh nhân dân.

- 7 nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ:

1. Sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ địa phương, cơ sở, cơ quan, tổ chức.

2. Phối hợp với các đơn vị QĐND, CAND và lực lượng khác trên địa bàn bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, hải đảo, vùng biển, vùng trời Việt Nam; tham gia xây dựng nền QPTD, khu vực phòng thủ, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật.

3. Thực hiện nhiệm vụ huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật, hội thi, hội thao, diễn tập.

4. Tham gia thực hiện các biện pháp về chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng theo quy định của pháp luật, quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. Phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ; bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường và nhiệm vụ phòng

thủ dân sự khác theo quy định của pháp luật.

6. Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về QP&AN; tham gia xây dựng địa phương, cơ sở vững mạnh toàn diện, thực hiện chính sách xã hội.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật

1.2. Nội dung xây dựng DQTV

- *Phương châm xây dựng: Vững mạnh, rộng khắp, coi trọng chất lượng là chính.*

+ *Vững mạnh* : Được thể hiện là chất lượng phải toàn diện cả về chính trị tư tưởng, tổ chức, trình độ chính trị, QS và chuyên môn nghiệp vụ, biên chế trang bị hợp lí, thống nhất, có kỷ luật nghiêm, cơ động nhanh sẵn sàng chiến đấu tốt. Mỗi tổ chức DQTV phải luôn vững vàng.

+ *Rộng khắp*: Lực lượng DQTV được xây dựng ở hầu hết các làng, bản, xóm, ấp xã, phường, các tổ chức kinh tế, chính trị xã hội, ở đâu có tổ chức Đảng, chính quyền và có dân, đều phải tổ chức DQTV, kể cả các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Trường hợp các doanh nghiệp ngoài quốc doanh không đủ điều kiện (không có tổ chức Đảng) tổ chức DQTV nếu có yêu cầu thì giám đốc doanh nghiệp đề nghị và được Bộ chỉ huy QS tỉnh, Thành phố đồng ý thì công dân được tham gia DQTV ở địa phương (nơi cư trú). Giám đốc doanh nghiệp phải bảo đảm thời gian và tạo điều kiện cho công nhân tham gia DQTV hoạt động.

+ *Coi trọng chất lượng là chính*: Chỉ tuyển chọn công dân có lí lịch rõ ràng, có hộ khẩu thường trú tại địa phương, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, chấp hành đúng các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, các quy định ở địa phương, có sức khoẻ phù hợp.

- *Tổ chức, biên chế, trang bị của lực lượng DQTV*:

Tổ chức, biên chế, vũ khí, trang bị của lực lượng DQTV phải phù hợp với tính chất, yêu cầu nhiệm vụ QP&AN thời bình, thời chiến, đặc điểm chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và điều kiện cụ thể của từng bộ, ngành, địa phương và cơ sở.

- *Tổ chức thành phần gồm*:

1. DQTV tại chỗ.
2. DQTV cơ động.
3. Dân quân thường trực.
4. DQTV biển.
5. DQTV phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế.

- *Ngày truyền thống của DQTV*: Ngày 28 tháng 3 hằng năm.

- Độ tuổi, thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV thời bình

+ Công dân nam từ đủ 18 tuổi đến hết 45 tuổi, công dân nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi có nghĩa vụ tham gia DQTV; nếu tình nguyện tham gia DQTV thì có thể kéo dài đến hết 50 tuổi đối với nam, đến hết 45 tuổi đối với nữ.

+ Thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV tại chỗ, DQTV cơ động, DQTV biển, DQTV phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế là 04 năm; dân quân thường trực là 02 năm.

Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, quân sự của địa phương, cơ quan, tổ chức, thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV được kéo dài nhưng không quá 02 năm; đối với dân quân biển, tự vệ và chỉ huy đơn vị DQTV được kéo dài hơn nhưng không quá độ tuổi quy định tại khoản 1 Điều này.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định kéo dài độ tuổi, thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV theo quy định tại Điều này.

- Tiêu chuẩn, tuyển chọn và thẩm quyền quyết định công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV

1. Công dân Việt Nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV, có đủ các tiêu chuẩn sau đây được tuyển chọn vào DQTV:

a. Lý lịch rõ ràng;

b. Chấp hành nghiêm đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

c. Đủ sức khỏe thực hiện nhiệm vụ của DQTV.

2. Việc tuyển chọn vào DQTV được quy định như sau:

a. Bảo đảm công khai, dân chủ, đúng quy định của pháp luật;

b. Hằng năm, Ban chỉ huy quân sự cấp huyện chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp xã, cơ quan, tổ chức tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV; nơi không có đơn vị hành chính cấp xã do Ban chỉ huy quân sự cấp huyện trực tiếp tuyển chọn.

3. Quân nhân dự bị chưa sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên được tuyển chọn vào đơn vị DQTV.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV.

5. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

+ *Về quy mô:* Tổ chức từ cấp tổ, tiểu đội, trung đội, đại đội, tiểu đoàn (cấp đại đội ở xã, phường lớn; cấp cấp tiểu đoàn ở các doanh nghiệp nhà nước do quân khu trở lên quy định).

+ *Biên chế* : Biên chế DQTV được thống nhất trong toàn quốc. Số lượng cán bộ cán bộ chiến sĩ từng đơn vị do Bộ Quốc phòng quy định

+ *Về cơ cấu và chức năng của cán bộ QS cơ sở, phân đội*:

Cơ cấu biên chế ban chỉ huy QS được tổ chức ở xã, phường, thị trấn, các doanh nghiệp của địa phương và các ngành của nhà nước gồm 3 người: chỉ huy trưởng, chính trị viên và phó chỉ huy trưởng. Ban chỉ huy QS cơ sở chịu trách nhiệm làm tham mưu giúp cấp uỷ, chính quyền cấp mình tổ chức triển khai công tác hoạt động DQTV. Cấp xã, phường, thị trấn chỉ huy trưởng là thành viên UBND, là đảng viên, thường cơ cấu cấp uỷ địa phương.

+ *Về vũ khí, trang bị của DQTV*:

Vũ khí, trang bị cho DQTV từ các nguồn do Bộ Quốc phòng cấp, các địa phương tự chế tạo hoặc thu được của địch. Song, dù từ nguồn nào, vũ khí trang bị đó cũng đều là tài sản của nhà nước giao cho DQTV quản lý. Do vậy, phải được đăng kí, quản lí, bảo quản chặt chẽ; sử dụng đúng mục đích và đúng quy định của pháp luật.

- *Giáo dục chính trị, huấn luyện QS đối với DQTV*

+ *Giáo dục chính trị*: Giáo dục chính trị cho lực lượng DQTV là một nội dung quan trọng hàng đầu, nhằm làm cho DQTV nâng cao nhận thức về chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức cách mạng trong sáng. Trên cơ sở đó phát huy tinh thần trách nhiệm, sẵn sàng hoàn thành nhiệm vụ, bảo vệ quê hương, làng xóm, địa phương, đơn vị mình.

Nội dung giáo dục cần tập trung không ngừng tăng cường bản chất cách mạng và ý thức giác ngộ giai cấp cho cán bộ, chiến sĩ DQTV, trên cơ sở đó, thường xuyên nâng cao cảnh giác cách mạng, nhận rõ bản chất, âm mưu thủ đoạn của kẻ thù. Giáo dục truyền thống dân tộc, tinh thần yêu nước, yêu chế độ XHCN; mục tiêu lí tưởng của Đảng; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta lựa chọn; quán triệt 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhiệm vụ củng cố QP&AN, chống “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

+ *Huấn luyện QS*: Hằng năm, lực lượng DQTV được huấn luyện theo nội dung, chương trình do Bộ Quốc phòng quy định, nội dung huấn luyện phải phù hợp và sát thực. Huấn luyện toàn diện cả chiến thuật, kĩ thuật, cả bộ binh và các binh chủng, chuyên môn kĩ thuật,... Thời gian huấn luyện theo quy định của Luật.

+ Quy định thời gian cụ thể:

1. Trong thời bình, thời gian huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật hằng năm được quy định như sau:

a. DQTV năm thứ nhất là 15 ngày, trừ dân quân thường trực;

b. DQTV từ năm thứ hai trở đi là 12 ngày đối với DQTV cơ động, DQTV biên, DQTV

phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế; 07 ngày đối với DQTV tại chỗ;

c. Dân quân thường trực là 60 ngày.

2. Trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh, DQTV được huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ QP&AN và tình hình của địa phương, cơ quan, tổ chức.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chương trình, nội dung, danh mục vật chất cho huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật, hội thi, hội thao, diễn tập cho DQTV.

1.3. Một số biện pháp xây dựng DQTV hiện nay

- Thường xuyên giáo dục, quán triệt sâu rộng các quan điểm, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác DQTV.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp trên địa bàn để xây dựng lực lượng DQTV.

- Xây dựng lực lượng DQTV gắn với xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước đối với lực lượng DQTV.

Tóm lại: DQTV là lực lượng chiến đấu tại chỗ ở địa phương, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân ở cơ sở, là thành phần không thể thiếu của lực lượng VTND VN. Việc XDLL DQTV là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và của cả hệ thống chính trị trong sự nghiệp BVTQ.

2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên (Luật Lực lượng dự bị động viên 2019)

2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò và những quan điểm nguyên tắc

- *Khái niệm:*

Lực lượng DBĐV gồm quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật đã xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội nhằm duy trì tiềm lực QS, là yếu tố góp phần quyết định sự thắng lợi trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Quân nhân dự bị gồm sĩ quan dự bị, quân nhân chuyên nghiệp dự bị và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị. Phương tiện kỹ thuật gồm phương tiện vận tải, làm đường, xếp dỡ, thông tin liên lạc, y tế và một số phương tiện khác. Danh mục phương tiện kỹ thuật do Chính phủ quy định.

Quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật trong kế hoạch biên chế cho lực lượng thường trực của quân đội, thông qua các đơn vị dự bị động viên. Trong thời bình, lực lượng dự bị động viên được đăng kí, quản lí, huấn luyện theo chương trình quy định và sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

- *Vị trí, vai trò công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên:*

Công tác xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên giữ vị trí rất quan trọng trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc XHCN; là một trong những nhiệm vụ cơ bản nhất góp phần xây dựng tiềm lực QPTD, thế trận QPTD, thế trận chiến tranh nhân dân, bảo đảm nguồn nhân lực bổ sung, mở rộng lực lượng quân đội khi chuyển đất nước sang trạng thái chiến tranh.

Lực lượng dự bị động viên phối hợp chặt chẽ với DQTV, công an... làm tăng thêm sức mạnh chiến đấu trên các địa bàn trong khu vực phòng thủ, bảo đảm sự vững chắc của thế trận quốc phòng ở địa phương, cơ sở.

Công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên là biểu hiện quán triệt quan điểm về sự kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, sự kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế với nhiệm vụ xây dựng và củng cố quốc phòng, quốc phòng với kinh tế.

Lực lượng DBĐV được xây dựng để bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội. Lực lượng dự bị động viên được xây dựng tốt sẽ làm nòng cốt cho cả xây dựng, phát triển KT-XH và cả trong thực hiện chiến lược QP&AN, bảo vệ Tổ quốc.

2.2. Những quan điểm, nguyên tắc

Xây dựng lực lượng dự bị động viên bảo đảm số lượng đủ, chất lượng cao, xây dựng toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm

Việc tổ chức xây dựng LL DBĐV ở nước ta là một vấn đề hệ trọng, quan hệ đến vận mệnh của quốc gia, đặc biệt khi phải đối phó với chiến tranh quy mô lớn. Do đó, ngay từ thời bình, phải xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu theo kế hoạch đã xác định mới có khả năng giành thắng lợi khi có lệnh động viên.

Xây dựng lực lượng dự bị động viên phải có chất lượng cao. Chất lượng cao được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, tinh thần, tổ chức, lãnh đạo, chỉ huy, trình độ kỹ thuật, chiến thuật, chuyên môn nghiệp vụ, trang bị, khả năng bảo đảm hậu cần kỹ thuật. Vì vậy, để có chất lượng cao, yêu cầu đầu tiên là phải xây dựng lực lượng dự bị động viên vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ, trong đó tập trung vào khâu quản lý, giáo dục, tạo nguồn.

Cùng với xây dựng lực lượng DBĐV vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phải nâng cao trình độ toàn diện cho cán bộ, chiến sĩ. Việc huấn luyện QS cho lực lượng dự bị động viên phải được tiến hành nghiêm túc theo chương trình quy định của Bộ Quốc phòng.

Xây dựng lực lượng dự bị động viên phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị

Xây dựng lực lượng dự bị động viên là nhiệm vụ chính trị thường xuyên của toàn

Đảng, toàn dân, toàn quân, là cuộc vận động chính trị sâu sắc trong quần chúng để thực hiện nghĩa vụ bảo vệ chế độ, bảo vệ chế độ. Sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối, về mọi mặt của Đảng từ Trung ương đến cơ sở, được thể chế hoá bằng các văn bản pháp luật của cơ quan lập pháp, sự điều hành của Chính phủ, chính quyền địa phương các cấp, sự hiệp đồng thực hiện giữa các đơn vị quân đội, cơ quan QS với các cơ quan trong hệ thống chính quyền, các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội,... và sự chăm lo xây dựng của toàn xã hội. Sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dự bị động viên là từ Trung ương đến cơ sở, được thể hiện trên tất cả các mặt công tác, từ bước chuẩn bị đến thực hành nhiệm vụ động viên.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và của mọi công dân để xây dựng lực lượng dự bị động viên vững mạnh. Đó là yếu tố cơ bản nhất luôn bảo đảm cho lực lượng dự bị động viên có số lượng hợp lý, chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu trong mọi tình huống.

Xây dựng lực lượng dự bị động viên đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng các cấp ở địa phương, bộ, ngành

Xuất phát từ vị trí, tầm quan trọng của việc xây dựng lực lượng dự bị động viên như trên nên xây dựng lực lượng dự bị động viên phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng. Đây là nguyên tắc cơ bản nhằm bảo đảm cho lực lượng này luôn có nội dung, phương hướng, mục tiêu xây dựng đúng đắn, nhằm bảo đảm sức mạnh của quân đội đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Sự lãnh đạo của Đảng trong xây dựng lực lượng dự bị động viên được thể hiện trên tất cả các khâu, các bước, từ chuẩn bị đến thực hành.

2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

Phương thức xây dựng lực lượng dự bị động viên

+ *Phương thức chung*: Phát huy khả năng trách nhiệm cao nhất của địa phương, các ngành kinh tế, kết hợp chặt chẽ với khả năng, trách nhiệm đầy đủ của các đơn vị quân đội để tổ chức xây dựng lực lượng dự bị động viên. Với phương thức địa phương chuyển việc giao nguồn cho các đơn vị chủ lực sang tổ chức hình thành các đơn vị dự bị động viên theo nhiệm vụ trên giao. Trong đó địa phương thực hiện là chính (trừ vũ khí trang bị và huấn luyện), các đơn vị chủ lực nhận nguồn cung cấp biểu biên chế, phối hợp cùng địa phương tổ chức thực hiện.

+ *Phương thức tổ chức các đơn vị dự bị động viên*: Đơn vị biên chế khung thường trực và đơn vị không biên chế khung thường trực.

Nội dung xây dựng

+ *Tạo nguồn, đăng kí, quản lí lực lượng dự bị động viên*

Tạo nguồn: Là cơ sở quan trọng nhất để lập kế hoạch xây dựng và huy động lực

lượng dự bị động viên.

Biện pháp tạo nguồn đối với sĩ quan dự bị, cơ quan QS địa phương quản lý chắc số sĩ quan phục viên, xuất ngũ. Hàng năm, lựa chọn những đồng chí tuổi đời còn trẻ, có sức khoẻ, phẩm chất năng lực tốt đưa họ vào tạo nguồn. Số cán bộ chuyên môn kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân (y tế, bưu chính viễn thông, giao thông vận tải...) có thể phục vụ lợi ích quốc phòng khi có chiến tranh. Hàng năm, tuyển chọn số hạ sĩ quan có phẩm chất năng lực tốt trước khi xuất ngũ cho đi huấn luyện, đào tạo họ thành sĩ quan dự bị.

Sinh viên từ các trường đại học, sau khi tốt nghiệp được đào tạo thành sĩ quan dự bị. Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện liên kết đào tạo theo nhu cầu chuyên môn kỹ thuật. Đào tạo xong có thể chuyển một số sang quân đội, số còn lại đưa vào ngạch lực lượng dự bị động viên. Đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ QS phục viên xuất ngũ, có đủ điều kiện về phẩm chất năng lực, sức khoẻ đưa họ vào nguồn. Ngoài ra, đưa cả số thanh niên đã được tuyển chọn xếp vào diện sẵn sàng nhập ngũ, nhưng chưa nhập ngũ vào nguồn quân nhân dự bị.

Đăng ký quản lý nguồn: Việc đăng ký, quản lý LL DBĐV phải có kế hoạch thường xuyên, chặt chẽ và chính xác, đăng ký quản lý cả con người và phương tiện kỹ thuật.

Đối với quân nhân dự bị, được tiến hành đăng ký, quản lý tại nơi cư trú, do Ban chỉ huy QS xã (phường) thực hiện. Đăng ký quản lý phải chính xác theo từng chuyên ngành QS, độ tuổi, loại sức khoẻ, hoàn cảnh gia đình, trình độ văn hoá, nhận thức về chính trị, trình độ hiểu biết về QS, chuyên môn, nghiệp vụ. Đối với phương tiện kỹ thuật, phải đăng ký, quản lý chính xác thường xuyên cả số lượng, chất lượng, tình trạng kỹ thuật của từng phương tiện.

+ *Tổ chức, biên chế đơn vị dự bị động viên:* Tổ chức, biên chế lực lượng dự bị động viên là tổ chức sắp xếp quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật thành từng đơn vị dự bị động viên theo kế hoạch để quản lý, huấn luyện nâng cao khả năng sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu. Các đơn vị dự bị động viên phải duy trì đủ quân số, trang bị và phương tiện kỹ thuật. Hiện nay, đơn vị dự bị động viên được tổ chức theo các loại hình: đơn vị biên chế thiếu, đơn vị biên chế khung thường trực, đơn vị không có khung thường trực, đơn vị biên chế đủ nhân đôi và đơn vị chuyên môn thời chiến. Khi sắp xếp quân nhân dự bị phải theo nguyên tắc:

Sắp xếp người có trình độ chuyên nghiệp QS, chuyên môn kỹ thuật phù hợp với chức danh biên chế, nếu thiếu thì sắp xếp người có trình độ chuyên nghiệp QS, chuyên môn kỹ thuật tương ứng.

Sắp xếp quân nhân dự bị hạng một trước, nếu thiếu thì sắp xếp quân nhân dự bị hạng hai. Sắp xếp những quân nhân dự bị cư trú gần nhau vào từng đơn vị.

+ *Giáo dục chính trị, huấn luyện diễn tập, kiểm tra đơn vị dự bị động viên*

Giáo dục chính trị: Giáo dục chính trị là nhiệm vụ hàng đầu trong xây dựng lực lượng dự bị động viên, làm cho cán bộ chiến sĩ nâng cao nhận thức về chính trị, có lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định mục tiêu, lí tưởng.

Nội dung giáo dục: Cần tập trung vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quan điểm QPTD, chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng dự bị động viên, âm mưu thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng, truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc ta. Giáo dục chính trị phải thường xuyên liên tục cho tất cả các đối tượng; được thực hiện xen kẽ trong từng giai đoạn, từng đợt huấn luyện, diễn tập.

Công tác huấn luyện: Phương châm huấn luyện: “*Chất lượng, thiết thực, hiệu quả, tập trung có trọng tâm, trọng điểm*”. Nội dung huấn luyện gồm kĩ thuật bộ binh, binh chủng; chiến thuật từng người đến cấp đại đội, công tác hậu cần, băng bó cứu thương và hoạt động chống “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ. Có thể huấn luyện tập trung tại các đơn vị dự bị động viên hoặc phân tán tại các địa phương, cơ sở. Cần vận dụng sáng tạo, linh hoạt những phương pháp huấn luyện thích hợp sát đối tượng, sát thực tế.

Hàng năm, sau khoá huấn luyện, lực lượng dự bị động viên sẽ tham gia hợp luyện, diễn tập. Kết thúc diễn tập, tổ chức rút kinh nghiệm để kịp thời bổ sung, nâng cao chất lượng huấn luyện, giáo dục trong các đơn vị.

Cùng với huấn luyện diễn tập, chế độ kiểm tra thực hiện nhiệm vụ được tiến hành theo quy định nhằm giúp lãnh đạo, chỉ huy nắm được thực trạng tổ chức, xây dựng lực lượng DBĐV để có chủ trương, biện pháp sát đúng.

+ *Bảo đảm hậu cần, kĩ thuật, tài chính cho xây dựng lực lượng dự bị động viên:* Vật chất kĩ thuật, kinh phí là yếu tố rất quan trọng để bảo đảm xây dựng lực lượng dự bị động viên gồm vũ khí trang bị, hậu cần kĩ thuật và tài chính. Yêu cầu phải bảo đảm đúng mức, đủ để triển khai xây dựng lực lượng dự bị động viên chất lượng ngày càng cao.

Việc bảo đảm vật chất, kinh phí hàng năm do Chính phủ giao chỉ tiêu nhiệm vụ cụ thể cho các bộ ngành, địa phương thực hiện.

2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên

- Thường xuyên giáo dục sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về vị trí, nhiệm vụ, những quan điểm của Đảng, Nhà nước đối với lực lượng dự bị động viên.

- Thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan QS và các cơ quan chức năng làm tham mưu và tổ chức thực hiện.

- Thường xuyên củng cố, kiện toàn, bồi dưỡng cơ quan và đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với lực lượng dự bị động viên.

Tóm lại, xây dựng LLDBĐV có vị trí hết sức quan trọng trong sự nghiệp BV Tổ quốc,

là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị ở nước ta.

3. Động viên công nghiệp quốc phòng

3.1. Khái niệm, nguyên tắc, yêu cầu

- Khái niệm:

Động viên công nghiệp quốc phòng là huy động một phần hoặc toàn bộ năng lực sản xuất, sửa chữa trang bị cho Quân đội của doanh nghiệp công nghiệp ngoài lực lượng quốc phòng, nhằm huy động mọi nguồn lực của đất nước hoặc một số địa phương,... phục vụ cho quốc phòng, nhằm giành thế chủ động, bảo toàn, phát huy tiềm lực mọi mặt của quốc gia, duy trì, ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân, giữ vững chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ trong mọi tình huống, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Khái niệm trên thể hiện khái quát một số nội dung chính sau đây:

+ Động viên công nghiệp quốc phòng được chuẩn bị từ thời bình, là việc làm thường xuyên từ Trung ương đến địa phương.

+ Động viên công nghiệp quốc phòng không áp dụng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Có thể tổng động viên hoặc động viên cục bộ: Chiến tranh tương lai nếu xảy ra là một cuộc chiến tranh hiện đại, đối phương chủ yếu sử dụng vũ khí CNC, bất ngờ, tiến công từ xa vào các mục tiêu trọng yếu trên phạm vi cả nước, bằng pháo binh, không quân, tên lửa hành trình... Vì vậy, động viên công nghiệp quốc phòng chúng ta phải được chuẩn bị từ thời bình, bảo đảm cho đất nước luôn ở trạng thái sẵn sàng đáp ứng được với mọi tình huống.

- Nguyên tắc động viên công nghiệp quốc phòng

+ Động viên công nghiệp quốc phòng được tiến hành trên cơ sở năng lực sản xuất, sửa chữa đã có của các doanh nghiệp công nghiệp, Nhà nước chỉ đầu tư thêm trang thiết bị chuyên dùng để hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, sửa chữa trang bị cho Quân đội.

+ Việc lựa chọn, giao nhiệm vụ động viên công nghiệp quốc phòng cho các doanh nghiệp công nghiệp phải bảo đảm tính đồng bộ theo nhu cầu sản xuất, sửa chữa trang bị của Quân đội và phù hợp với năng lực sản xuất, sửa chữa trang bị của doanh nghiệp.

+ Nhà nước bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp công nghiệp, người lao động trong chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp quốc phòng.

- Yêu cầu động viên công nghiệp quốc phòng

+ Chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp quốc phòng phải bảo đảm bí mật, an toàn, tiết kiệm, hiệu quả, đúng kế hoạch, nhanh chóng tăng cường sức mạnh về mọi mặt, sẵn sàng đối phó với các tình huống chiến tranh.

Đây là yêu cầu cơ bản, có tính quyết định đến kết quả hoàn thành nhiệm vụ động viên công nghiệp quốc phòng. Trước hết về kế hoạch động viên công nghiệp quốc phòng của các cấp, theo quy định của Nhà nước thuộc tài liệu tuyệt mật, vì vậy việc xây dựng, quản lý,

khai thác kế hoạch phải tuân thủ chặt chẽ theo quy định của pháp luật ; các doanh nghiệp công nghiệp phải có trách nhiệm thực hiện chế độ quản lí, sử dụng, bảo mật theo đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, việc bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả là một yêu cầu rất quan trọng, nhất là trong điều kiện ngân sách bảo đảm cho động viên công nghiệp quốc phòng của Nhà nước và Bộ quốc phòng còn nhiều hạn hẹp. Khi có lệnh thực hành động viên công nghiệp, nếu không bảo đảm đủ số lượng, đúng thời gian quy định theo kế hoạch được giao sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đến khả năng hoàn thành nhiệm vụ của quân đội.

+ Chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp quốc phòng phải bảo đảm cho yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của các địa phương trong thời chiến. Đây là yêu cầu rất quan trọng trong chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp xuất phát từ vị trí, vai trò quan trọng của các địa phương trong thế trận QPTD, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Trên đây là yêu cầu cơ bản, có tính quyết định đến kết quả của công tác động viên công nghiệp quốc phòng. Vì vậy, kế hoạch động viên công nghiệp quốc phòng của các cấp các ngành phải theo đúng quy định của nhà nước thuộc tài liệu mật, phải tuân thủ chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

3.2. Một số nội dung động viên công nghiệp quốc phòng

- Chuẩn bị động viên công nghiệp quốc phòng

+ Khảo sát, lựa chọn doanh nghiệp công nghiệp có khả năng sản xuất, sửa chữa trang bị, nội dung khảo sát gồm:

Đặc điểm tình hình; cơ cấu tổ chức, số lượng, chất lượng cán bộ, công nhân, viên chức và những người lao động khác; Nhiệm vụ sản xuất, công suất thiết kế, công suất thực tế; số lượng, chất lượng trang thiết bị hiện có; phương hướng sản xuất và đổi mới công nghệ. Căn cứ vào nhu cầu sản xuất, sửa chữa trang bị của Quân đội và kết quả khảo sát năng lực sản xuất, sửa chữa của các doanh nghiệp công nghiệp Chính phủ quyết định các doanh nghiệp công nghiệp đủ điều kiện động viên công nghiệp quốc phòng.

+ Xây dựng kế hoạch động viên CNQP, nội dung gồm:

Quyết định của Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổng công ty; kế hoạch thông báo quyết định động viên công nghiệp quốc phòng; quyết định di chuyển địa điểm; kế hoạch chỉ huy điều hành; kế hoạch bảo đảm vật tư cho sản xuất, sửa chữa trang bị theo chỉ tiêu động viên công nghiệp quốc phòng; kế hoạch nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ phục vụ động viên công nghiệp quốc phòng (nếu có) theo quy định của pháp luật về công tác nghiên cứu khoa học; kế hoạch bảo đảm kinh phí cho động viên công nghiệp quốc phòng.

Trên cơ sở kế hoạch của cấp trên, các doanh nghiệp công nghiệp lập kế hoạch động viên công nghiệp quốc phòng cho doanh nghiệp mình.

Nội dung gồm: Kế hoạch bảo dưỡng trang thiết bị do Nhà nước giao; kế hoạch thông báo quyết định động viên công nghiệp quốc phòng; kế hoạch di chuyển địa điểm; kế hoạch chỉ huy điều hành; kế hoạch bảo đảm vật tư cho sản xuất, sửa chữa trang bị theo chỉ tiêu động viên công nghiệp quốc phòng; kế hoạch sản xuất, sửa chữa trang bị; kế hoạch ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ phục vụ động viên công nghiệp công nghiệp (nếu có) theo quy định của pháp luật về công tác nghiên cứu khoa học; kế hoạch bảo đảm kinh phí

- + Giao chỉ tiêu động viên công nghiệp quốc phòng
- + Hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, sửa chữa trang bị
- + Quản lý, duy trì dây chuyền sản xuất
- + Bồi dưỡng chuyên môn cho người lao động và diễn tập ĐVCN quốc phòng.
- + Dự trữ vật chất

- Thực hành động viên công nghiệp quốc phòng

Thực hành động viên công nghiệp quốc phòng gồm :

+ Quyết định và thông báo quyết định động viên công nghiệp quốc phòng (do Chính phủ quy định).

+ Tổ chức di chuyển địa điểm đối với doanh nghiệp công nghiệp phải di chuyển.

+ Tổ chức bảo đảm vật tư, tài chính.

+ Tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất, sửa chữa trang bị.

+ Giao, nhận sản phẩm động viên công nghiệp quốc phòng.

- Một số biện pháp chính thực hiện động viên công nghiệp quốc phòng.

+ Nhà nước, Chính phủ chỉ đạo chặt chẽ các Bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương, tổng công ti, thực hiện nghiêm Pháp lệnh động viên công nghiệp quốc phòng. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương, Tổng công ti phối hợp hiệp đồng chặt chẽ thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ động viên công nghiệp quốc phòng.

+ Các Bộ, cơ quan ngang bộ, các địa phương, các Tổng công ty cần quán triệt sâu sắc cho cán bộ, công nhân viên về Pháp lệnh, Nghị định, các văn bản hướng dẫn về động viên công nghiệp quốc phòng của Nhà nước, Chính phủ.

+ Các doanh nghiệp công nghiệp được lựa chọn và giao chỉ tiêu động viên công nghiệp QP cần chủ động lập kế hoạch động viên công nghiệp quốc phòng và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch, chỉ tiêu trên giao.

III. KẾT LUẬN

Động viên công nghiệp là một vấn đề lớn có tính chiến lược của quốc gia để đất nước chủ động trong mọi tình huống trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, hơn lúc nào hết ngay từ thời bình, công tác động viên công nghiệp quốc phòng phải được sự quan tâm một cách đầy đủ của toàn xã hội.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phương châm xây DQTV theo hướng “vững mạnh, rộng khắp, coi trọng chất lượng là chính”, anh (chị) hiểu vấn đề này như thế nào? Tại sao phải coi trọng chất lượng là chính?
 2. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên hiện nay như thế nào? Liên hệ trách nhiệm sinh viên?
 3. Những nguyên tắc động viên công nghiệp quốc phòng của Đảng và Nhà nước ta như thế nào? Hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta hiện nay và trong tương lai có tác động như thế nào đến tổ chức và thực hành động viên công nghiệp?
-

Bài 10

XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC

-----*-----

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác vận động quần chúng bảo vệ an ninh trật tự và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, giúp người học nhận thức đúng về vai trò của quần chúng nhân dân trong công tác bảo vệ an ninh trật tự; có ý thức tự giác, tích cực tham gia vào phong trào toàn dân bảo vệ an ninh - trật tự, phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật.

Hiểu đúng, đủ nội dung của bài, có nhận thức về vai trò của quần chúng nhân dân trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội; các hình thức, biện pháp tổ chức vận động nhân dân tham gia phong trào bảo vệ an ninh trật tự ở địa bàn cơ sở. Từ đó tích cực tham gia vào phong trào BVANQG và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

II. NỘI DUNG

1. Nhận thức chung về phong trào

1.1. Một số quan điểm về quần chúng nhân dân

Quần chúng nhân dân là lực lượng đông đảo, là nền tảng cho một Đất nước, là gốc rễ của một dân tộc, là động lực chính để thúc đẩy sự phát triển của xã hội

Triết học duy tâm có nhận thức sai lệch: Xã hội chia làm hai hạng người “Hạng thượng lưu” và hạng “thứ dân”; Thượng đế, tinh thần là tuyệt đối; vua là thiên tử, thay trời trị dân.

Các chế độ quân chủ tư sản hiện đại nêu vấn đề “Dân chủ”, “Lấy dân làm gốc”, nhưng khác nhau về bản chất.

Chủ nghĩa Mác - Lê nin lần đầu tiên đã phát hiện và khẳng định vai trò của quần chúng nhân dân quyết định sự phát triển của xã hội, chính nhân dân lao động là người làm nên lịch sử. Đây là một chuyển biến cách mạng trong nhận thức về lịch sử, là một trong những cơ sở lý luận do chính Đảng của giai cấp vô sản.

Thực tiễn lịch sử dựng nước và giữ nước của ông cha ta đã chứng minh từ thời các vua Hùng, Hai Bà Trưng đến Ngô Quyền, Lê Lợi, Quang Trung... đều dựa vào dân, khẳng định dân là gốc, biết sử dụng sức mạnh của dân để đánh tan các đội quân xâm lược hùng mạnh của các triều đại phong kiến Trung quốc, Mông cổ

Kế thừa tư tưởng của ông cha ta về vai trò của nhân dân, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng luôn nêu cao tư tưởng cách mạng là của dân do dân và vì dân. Quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân là nguồn gốc sức mạnh truyền thống vô cùng quý báu của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra những quan điểm về dân “Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân”, “Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”.... Dưới ngọn cờ của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh nhân dân ta đã đồng lòng hợp sức làm nên nhiều chiến công vẻ vang trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, đánh thắng hai cường quốc xâm lược là Pháp và Mỹ; đang từng bước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở đất nước ta. Ngày nay trong giai đoạn đất nước ta chuyển sang thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, có những thuận lợi mới, thời cơ mới, song vẫn còn nhiều trở lực và thách thức; Đảng và Nhà nước ta có nhiều chủ trương quan trọng về đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân.

1.2. Vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ ANTON

Đặc điểm của cuộc đấu tranh bảo vệ ANTON là diễn ra trên diện rộng, khắp mọi địa bàn, mọi lĩnh vực, là cuộc chiến đấu thường xuyên mang tính gay go, quyết liệt, phức tạp và lâu dài. Bọn gián điệp, phản động và tội phạm khác luôn tìm cách trà trộn trong quần chúng, lợi dụng, lôi kéo, mê hoặc kẻ cả khổng chế để hoạt động.

+ Quần chúng nhân dân có khả năng phát hiện, quản lý, giáo dục, cải tạo các loại tội phạm để thu hẹp dần đối tượng phạm tội.

+ Khi nào người dân có ý thức tự giác, có tinh thần làm chủ trong việc xây dựng cuộc sống mới lành mạnh, khi đó sẽ khắc phục dần những sơ hở, thiếu sót mà địch và bọn tội phạm có thể lợi dụng.

+ Lực lượng Công an có hạn, nên công tác bảo vệ an ninh trật tự không thể thực hiện bằng chuyên môn đơn thuần mà phải làm tốt công tác vận động quần chúng nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Nhân dân giúp ta nhiều thì thành công nhiều, giúp ta ít thì thành công ít, giúp ta hoàn toàn thì thắng lợi hoàn toàn”.

1.3. Nhận thức về phong trào toàn dân bảo vệ ANTO

- Khái niệm phong trào toàn dân bảo vệ ANTO

Phong trào toàn dân bảo vệ ANTO là một hình thức hoạt động tự giác, có tổ chức của đông đảo nhân dân lao động tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống các loại tội phạm nhằm bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản Nhà nước và tính mạng, tài sản của nhân dân.

- Vị trí, tác dụng của phong trào toàn dân bảo vệ ANTO

Trước đây cũng như trong giai đoạn cách mạng hiện nay, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc luôn giữ vị trí quan trọng không thể thiếu được đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Đảng nói chung và sự nghiệp bảo vệ an ninh - trật tự nói riêng.

Phong trào toàn dân BVANTO là một bộ phận gắn bó khăng khít, chặt chẽ với các phong trào hành động cách mạng khác của Đảng, Nhà nước ở địa phương, đơn vị

+ Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc giữ vị trí chiến lược, là một trong những biện pháp công tác cơ bản của lực lượng CAND, là nền tảng cơ bản trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Nhân dân là người làm nên lịch sử, Đảng ta luôn khẳng định: cách mạng là sự nghiệp của toàn dân, đấu tranh bảo vệ ANQG và giữ gìn tự an toàn xã hội cũng là sự nghiệp của toàn dân. Mọi vấn đề an ninh trật tự xảy ra khi giải quyết đều phải dựa vào nhân dân.

Quán triệt tư tưởng này của Đảng, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định về “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”: ngày 19/8 hàng năm.

Thực tiễn cho thấy phong trào hành động cách mạng của nhân dân như phong trào “Ba không”, “Ngũ gia liên bảo”, “Thập gia liên báo” trong thời kỳ chống Pháp; Phong trào “bảo vệ trị an”, “Bảo mật phòng gian” trong những năm chống Mỹ cứu nước và hiện nay phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đã thực sự góp phần quan trọng phục vụ đắc lực cho sự nghiệp giải phóng dân tộc cũng như sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Phong trào toàn dân BVAN Tổ quốc là một hình thức vận động nhân dân ở mức độ cao, đã trở thành ý thức tự giác cao độ của đông đảo quần

chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự tổ chức vận động hướng dẫn nghiệp vụ của lực lượng CAND.

Đối với công tác công an, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có tác dụng trực tiếp trong phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm, ngăn ngừa làm giảm tai nạn, đấu tranh đẩy lùi các tệ nạn xã hội và các hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc còn giúp lực lượng Công an có điều kiện để triển khai sâu rộng các mặt công tác nghiệp vụ. Những tin tức tài liệu đa dạng, phong phú thu được từ quần chúng nhân dân cung cấp là cơ sở để lực lượng CAND đấu tranh, trấn áp bọn tội phạm, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là động lực quan trọng để nâng cao ý thức tự giác của hàng chục triệu người tham gia vào công tác bảo vệ an ninh Tổ quốc ở từng đường phố, từng thôn, xóm, phường, xã, cơ quan, xí nghiệp tạo thành thể chủ động trong phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh trấn áp tội phạm tạo thành một thể trận an toàn về an ninh trật tự.

+ Phong trào toàn dân BVAN Tổ quốc là hình thức cơ bản tập hợp thu hút đông đảo quần chúng phát huy quyền làm chủ bảo vệ an ninh trật tự.

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc thực chất là hình thức hoạt động có tổ chức, do đông đảo quần chúng nhân dân lao động tham gia; là điều kiện cơ bản để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trên lĩnh vực bảo vệ an ninh trật tự.

- Mục đích của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh - trật tự

Huy động sức mạnh của nhân dân để phòng ngừa, ngăn chặn đấu tranh với các loại tội phạm, bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn TTATXH và phục vụ đắc lực việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng, gắn với các cuộc vận động lớn của Đảng, Nhà nước, của các ban, ngành, đoàn thể, và của địa phương...góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Đặc điểm của phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ

+ Đối tượng tham gia phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ đa dạng, liên quan đến mọi người, mọi tầng lớp của xã hội.

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc mang tính xã hội sâu sắc, bởi đối tượng vận động là tất cả mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội cho nên trình độ hiểu biết về chính sách pháp luật, kiến thức xã hội; đặc điểm tâm lý, lối sống sinh hoạt của từng tầng lớp nhân dân có khác nhau cho nên nó đã tác động ảnh hưởng lớn đến phong trào của từng địa phương.

+ Nội dung, hình thức, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân BVANTQ ở các địa bàn, lĩnh vực khác nhau có sự khác nhau.

Do khác nhau về vị trí đặc điểm của từng vùng, phong tục tập quán, điều kiện hoàn cảnh kinh tế của từng địa phương và tình hình hoạt động của bọn tội phạm nên cách

thức tổ chức vận động nhân dân, nội dung phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc cũng có những điểm khác nhau để phù hợp với tình hình của mỗi nơi, mỗi thời điểm, địa bàn nông thôn khác với thành phố, thị xã; miền núi khác với miền biển; vùng đồng bào dân tộc thiểu số khác với vùng đồng bào theo các tôn giáo.

+ Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn liền với các cuộc vận động khác của Đảng và Nhà nước, gắn liền với việc thực hiện các chính sách của địa phương.

2. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào

2.1. Những nội dung cơ bản của phong trào

- Giáo dục, nâng cao cảnh giác cách mạng, phát huy truyền thống yêu nước của nhân dân, phòng ngừa đấu tranh chống mọi âm mưu hoạt động của các thế lực thù địch trong và ngoài nước, gồm:

+ Chống chiến tranh tâm lý phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch.
+ Bảo vệ an ninh kinh tế, an ninh xã hội, bảo vệ bí mật quốc gia.
+ Chống địch lợi dụng dân tộc, tôn giáo, lợi dụng dân chủ, nhân quyền để gây mất ổn định chính trị

+ Giữ vững khối đoàn kết toàn dân, ổn định chính trị, bảo vệ nội bộ, góp phần xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch vững mạnh.

- Vận động toàn dân tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội phạm

+ Vận động nhân dân tích cực tham gia phát hiện, tố giác, đấu tranh chống các loại tội phạm, góp phần giữ vững ổn định an ninh trật tự tại địa bàn

+ Vận động nhân dân tham gia quản lý, giáo dục, cảm hóa những người cần phải giáo dục tại cộng đồng dân cư, như: các đối tượng có tiền án, tiền sự, đối tượng tù tha, đối tượng đi cơ sở giáo dục, đi cơ sở chữa bệnh tha về còn có biểu hiện hoạt động phạm pháp; tham gia vận động người phạm tội đang lẫn trốn ra tự thú; thực hiện các biện pháp phòng ngừa tình trạng thanh thiếu niên phạm tội; tham gia quản lý giáo dục trẻ em làm trái pháp luật.

+ Vận động nhân dân chấp hành và tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng, trật tự đô thị, giữ gìn vệ sinh mỹ quan nơi công cộng, tham gia phòng chống gây rối trật tự công cộng, ngăn chặn kịp thời các vụ việc lộn xộn xảy ra ở nơi công cộng.

+ Hướng dẫn và vận động nhân dân bài trừ tệ nạn xã hội, bài trừ các hủ tục lạc hậu, đấu tranh bài trừ văn hoá phẩm độc hại.

+ Xây dựng cơ quan đơn vị, cụm dân cư và từng gia đình an toàn, đoàn kết, xây dựng nếp sống văn hoá trong cộng đồng dân cư, giữ vững đạo đức trong sáng lành mạnh, giữ

gìn thuần phong mỹ tục, truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam, bảo vệ môi trường sống.

- Xây dựng và mở rộng liên kết phối hợp chặt chẽ với các ngành, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức chính trị xã hội trong các phong trào của địa phương

Kết hợp lồng ghép phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với các cuộc vận động cách mạng khác của Đảng, Nhà nước ở địa phương như cuộc vận động xoá đói giảm nghèo, Vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống văn hóa mới....

+ Xây dựng và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết liên tịch, thông tư liên ngành, các quy chế phối hợp hoạt động giữa Công an xã với Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, các cơ quan, trường học đóng trên địa bàn.

+ Thường xuyên theo dõi nắm bắt tình hình việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, xây dựng và phát triển kinh tế xã hội ở địa phương, kịp thời đề xuất lồng ghép nội dung, yêu cầu của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phù hợp, nhằm phát huy vai trò của quần chúng trong việc bảo vệ an ninh - trật tự.

- Tham gia xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng tại cơ sở vững mạnh.

+ Thông qua phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc để rèn luyện, thử thách xây dựng đội ngũ cán bộ viên chức nhà nước ở cơ sở

+ Thông qua phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc để thường xuyên đóng góp ý kiến xây dựng cho tổ chức Đảng, chính quyền cơ sở, lực lượng Công an, kịp thời phát hiện đề nghị đưa ra khỏi tổ chức Đảng, chính quyền, lực lượng Công an những người không đủ tiêu chuẩn về đạo đức và năng lực công tác; đồng thời đề nghị bổ sung những nhân tố tích cực, ưu tú xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc vào cấp uỷ chính quyền cơ sở, để xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, lực lượng Công an trong sạch vững mạnh.

2.2. Phương pháp xây dựng phong trào

Nắm tình hình

Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trước hết phải điều tra nghiên cứu nắm vững tình hình mọi mặt liên quan đến an ninh trật tự, đây là công việc đầu tiên làm cơ sở để định ra nội dung, hình thức, phương pháp tiến hành các bước tiếp theo.

Nội dung nắm tình hình bao gồm:

+ Vị trí địa lý, đặc điểm địa bàn về phân bố dân cư, phong tục tập quán, nghề nghiệp truyền thống, vấn đề tôn giáo, dân tộc có liên quan đến công tác xây dựng phong trào.

+ Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn như: Tình hình âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, các loại tội phạm; tai nạn, tệ nạn xã hội; tình hình các loại đối tượng cần quản lý giáo dục ở từng cụm dân cư.

+ Tình hình quần chúng chấp hành đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương; những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân; tâm tư nguyện vọng của đại bộ phận quần chúng nhân dân.

+ Tình hình các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng về vai trò lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức động viên quần chúng tham gia phong trào hành động cách mạng của địa phương, sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ những hiện tượng tiêu cực (tham nhũng cửa quyền, sách nhiễu quần chúng, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân).

+ Tình hình diễn biến của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn qua từng thời kỳ; chú ý tới những mặt yếu kém, trì trệ, nguyên nhân và những bài học kinh nghiệm rút ra.

+ Những sơ hở thiếu sót của ta trong việc thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước mà kẻ xấu có thể lợi dụng để kích động quần chúng, chia rẽ nội bộ nhân dân, chia rẽ nhân dân với Đảng, với Chính quyền, với lực lượng vũ trang ở địa phương.

Phương pháp nắm tình hình:

Để nắm được tình hình địa bàn một cách sát hợp phải có phương pháp điều tra nắm tình hình một cách khoa học, điều tra một cách chính xác khách quan, toàn diện, sử dụng mọi lực lượng, nhiều biện pháp thông qua nhiều nguồn khác nhau. Đối với cán bộ chủ chốt ở các cấp, trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của mình và nội dung cụ thể cần nắm, cần tập trung thực hiện:

+ Nghiên cứu khai thác các tài liệu sẵn có để nắm tình hình địa bàn như: tài liệu về tình hình an ninh trật tự ở địa phương qua các năm; báo cáo sơ kết, tổng kết về phong trào toàn dân BVAN Tổ quốc qua từng thời kỳ; tài liệu quản lý về nhân khẩu, hộ khẩu, quản lý các nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự, quản lý vũ khí, vật liệu nổ; tài liệu về tổ chức giữ gìn trật tự công cộng và các tài liệu quản lý hành chính khác mà chính quyền và các cơ quan chức năng đang quản lý

+ Đi sát cơ sở tiếp xúc gặp gỡ, thu thập ý kiến của các tổ chức, các tầng lớp dân cư khác nhau như: Cán bộ công nhân viên đã nghỉ hưu, những người có uy tín trong cộng đồng dân cư, những người biết việc... để nắm tình hình

+ Trực tiếp điều tra khảo sát mọi hoạt động của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và quần chúng nhân dân ở địa phương

+ Ngoài ra còn phải chú ý kết hợp chặt chẽ với việc sử dụng các lực lượng, phương tiện, biện pháp nghiệp vụ khác để nắm tình hình. Kết hợp nắm tình hình chung toàn địa bàn với đi sâu nắm tình hình cụ thể từng khu vực và nắm tình hình toàn diện các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, ANQP với đi sâu nắm vững những khía cạnh mà nội dung, yêu cầu của công tác vận động quần chúng đặt ra để rút ra kết luận sát thực, làm cơ sở tham mưu cho cấp ủy Đảng đề ra chỉ thị, nghị quyết xây dựng và đẩy mạnh phong trào toàn dân BVANTQ.

Xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân BVANTQ

Căn cứ chỉ thị nghị quyết của cấp ủy Đảng và tình hình thực tế ở địa phương để chủ động xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Nội dung của kế hoạch thể hiện những vấn đề cơ bản như sau:

+ Đánh giá tổng quát tình hình an ninh trật tự, tinh thần cảnh giác cách mạng, ý thức trách nhiệm của quần chúng nhân dân, thực trạng thời gian qua và xác định sự cần thiết phải tiến hành vận động xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong thời gian tới.

+ Xác định mục đích, yêu cầu cụ thể phải đạt được của phong trào toàn dân chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc

+ Xác định nội dung cụ thể của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và hình thức, biện pháp để thực hiện nội dung cụ thể đó.

+ Xác định cách thức tổ chức thực hiện kế hoạch, như: Phân công trách nhiệm và quy định mối quan hệ phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể; giữa các lực lượng tham gia; phân chia các bước và thời gian thực hiện từng bước, tiến hành xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xác định điều kiện vật chất cần có để bảo đảm xây dựng phong trào đạt kết quả.

Phương pháp xây dựng kế hoạch:

+ Trên cơ sở nội dung kế hoạch xác định, tiến hành viết dự thảo kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đảm bảo đủ về nội dung, đúng về thể thức văn bản quản lý nhà nước quy định

+ Tiến hành gửi bản thảo kế hoạch đến tổ chức cá nhân có liên quan để lấy ý kiến, nhằm phát huy trí tuệ của tập thể, nâng cao tinh thần làm chủ, tính năng động, sáng tạo của từng người trong xây dựng kế hoạch phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

+ Tiếp thu ý kiến đóng góp của tập thể, tiến hành nghiên cứu bổ sung, xây dựng hoàn chỉnh bản kế hoạch trình Chủ tịch UBND phường, xã phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Tuyên truyền, giáo dục quần chúng nhân dân

Tuyên truyền, giáo dục nhân dân trong công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc giữ vị trí rất quan trọng, làm cho họ nâng cao nhận thức chính trị, tinh thần cảnh giác cách mạng, vai trò trách nhiệm, quyền lợi, từ đó tích cực tham gia bảo vệ an ninh trật tự.

Nội dung tuyên truyền giáo dục:

+ Tuyên truyền để nhân dân nhận thức rõ về âm mưu, phương thức thủ đoạn hoạt động thâm độc, nham hiểm của các thế lực thù địch và các loại tội phạm, nhận thức rõ bản chất sâu xa của chúng, thấy được tầm quan trọng, tính chất phức tạp, quyết liệt và lâu dài của cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

+ Tuyên truyền giáo dục nhân dân hiểu về đường lối chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, các quy định, phong tục tập quán tốt đẹp của địa phương, nghĩa vụ và quyền lợi của công dân đối với việc bảo vệ an ninh trật tự. Từ đó quần chúng ý thức rõ được việc tích cực tham gia bảo vệ an ninh trật tự là thiết thực để bảo vệ cuộc sống ấm no, hạnh phúc của bản thân, gia đình, xóm làng cũng như của toàn xã hội.

Ngoài những nội dung trên, tùy theo tình hình cụ thể từng nơi, từng lúc mà lựa chọn, xác định thêm những nội dung khác để tuyên truyền giáo dục quần chúng nhân dân cho thích hợp.

Phương pháp tuyên truyền giáo dục:

+ Triệt để khai thác sử dụng phương tiện thông tin đại chúng và các loại hình văn hóa, giáo dục, nghệ thuật, áp phích khẩu hiệu, biểu ngữ... để tuyên truyền giáo dục quần chúng nhân dân đạt hiệu quả.

+ Thông qua các hình thức sinh hoạt, hội họp của các tổ chức chính trị - xã hội và thông qua hệ thống giáo dục các cấp ở địa phương để tuyên truyền giáo dục quần chúng.

+ Sử dụng lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên để tuyên truyền giáo dục quần chúng theo từng chuyên đề nổi lên có liên quan trong từng thời gian

+ Thường xuyên tiếp xúc, gặp gỡ trực tiếp quần chúng để tọa đàm, trao đổi, giải thích những vấn đề về bảo vệ an ninh trật tự, thuyết phục tranh thủ những người có uy tín trong cộng đồng dân cư để họ đồng tình với chủ chương của Đảng, pháp luật của Nhà nước từ đó mà tích cực tham gia thuyết phục, giáo dục những người lừng chừng chậm tiến trong gia đình và cộng đồng

+ Để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền giáo dục quần chúng trước hết phải tổ chức tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ của các ban trong Đảng, trong chính quyền, cán bộ lãnh đạo các ngành, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, sau đó tuyên truyền giáo dục sâu rộng ra trong nhân dân, động viên mọi người cùng có trách nhiệm tuyên truyền giáo dục lẫn nhau, tạo nên sự nhất trí cao về chính trị, tư tưởng trong nhân dân.

+ Kết hợp tuyên truyền giáo dục rộng rãi với tuyên truyền giáo dục cá biệt bằng lời lẽ đơn giản và thực tế sinh động. Kết hợp chặt chẽ giữa việc tuyên truyền giáo dục quần chúng thực hiện nội dung nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự với việc thực hiện đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và với phong trào lao động sản xuất, xây dựng đời sống hàng ngày của quần chúng nhân dân ở địa phương.

Tuyên truyền giáo dục quần chúng phải bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, tâm tư nguyện vọng của nhân dân. Phải chú ý giải quyết mâu thuẫn trong đời sống xã hội, trong nội bộ nhân dân, kết hợp giải quyết hài hòa giữa lợi ích cá nhân với cộng đồng, đảm bảo thực hiện công bằng xã hội.

Kịp thời biểu dương người tốt việc tốt, khuyến khích các điển hình tiên tiến, đồng thời gây dư luận xã hội nghiêm khắc lên án những hành động tiêu cực, vi phạm pháp luật.

Các nội dung công tác cụ thể phương pháp tuyên truyền giáo dục quần chúng nhân dân trên đây có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau và trong từng nội dung của phương pháp đó cũng có ưu điểm, nhược điểm khác nhau, vì vậy phải tùy tình hình cụ thể ở từng nơi, từng lúc để vận dụng linh hoạt, có hiệu quả.

Hướng dẫn nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh - trật tự

Hướng dẫn nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự là chỉ cho họ biết cách phòng ngừa, chủ động phát hiện và giúp đỡ cơ quan chức năng để đấu tranh có hiệu quả những hoạt động phá hoại của các thế lực phản động, hoạt động của các loại tội phạm; phòng ngừa các tai nạn, bài trừ các tệ nạn xã hội

Nội dung hướng dẫn quần chúng bao gồm:

- + Hướng dẫn quần chúng bảo vệ, thực hiện đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; xây dựng và thực hiện các quy định về công tác bảo vệ an ninh trật tự ở địa phương.

- + Hướng dẫn quần chúng nhân dân phòng ngừa tội phạm, tham gia hòa giải các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân; quản lý, giáo dục các đối tượng cần phải quản lý giáo dục ở địa phương.

- + Hướng dẫn quần chúng nhân dân phát hiện tố giác với Công an, chính quyền địa phương những người, sự việc, hiện tượng nghi vấn xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Tích cực tham gia đấu tranh góp phần làm thất bại âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, bọn phản động và các loại tội phạm khác.

- + Hướng dẫn quần chúng nhân dân lên án, đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực, các lẽ thói hủ tục lạc hậu trong đời sống kinh tế xã hội, phòng ngừa và làm giảm các tai nạn, bài trừ các tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường.

- + Hướng dẫn quần chúng nhân dân tham gia xây dựng các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể cách mạng, tham gia góp ý kiến xây dựng lực lượng Công an, DQTV trong sạch, vững mạnh.

Phương pháp hướng dẫn quần chúng nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự là đi từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ việc bảo vệ những lợi ích cá nhân trước mắt đến lợi ích lâu dài của tập thể; từ việc bảo vệ lợi ích kinh tế đơn thuần đến bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng; từ việc bí mật tố giác và cung cấp tài liệu, tin tức về hoạt động của bọn tội phạm đến công tác đấu tranh trực diện với chúng một cách có tổ chức.

Phối hợp chặt chẽ các lực lượng, các ngành, các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội ở địa phương để tổ chức vận động toàn dân bảo vệ an ninh trật tự

Để huy động được sức mạnh của toàn dân tham gia nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự trong quá trình xây dựng phong trào, cần phải có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng, các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội ở địa bàn. Nội dung phối hợp cần tập trung vào các vấn đề:

- + Phối hợp chặt chẽ các lực lượng, các tổ chức quần chúng làm nhiệm vụ an ninh trật tự trên địa bàn phường, các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn để xây dựng các hình thức tổ chức quần chúng tự quản, Hội đồng bảo vệ trật tự xã hội, Ban bảo vệ dân phố, lực lượng dân phòng và lực lượng bảo vệ chuyên trách của các cơ quan doanh nghiệp

- + Phối hợp với các lực lượng, cơ quan đơn vị, tổ chức đoàn thể quần chúng để tuyên truyền, vận động, giáo dục, hướng dẫn giác ngộ cho người dân nắm vững những yêu cầu của công tác bảo vệ an ninh - trật tự trên địa bàn, nghĩa vụ và quyền lợi của công dân trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh - trật tự. Làm cho quần chúng nắm vững đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chế độ, nội quy, quy tắc về an ninh trật tự, âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch, bọn phản động và bọn tội phạm khác, tình hình các tệ nạn xảy ra trên địa bàn. Trên cơ sở đó nâng cao ý thức tự nguyện, tự giác của người quần chúng trong việc thực hiện các nhiệm vụ đặt ra.

- + Phối hợp với cơ quan đơn vị, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong việc chỉ đạo hướng dẫn thực hiện các mục tiêu yêu cầu đề ra trong công tác tổ chức vận động quần chúng bảo vệ an ninh trật tự.

Xây dựng các tổ chức, lực lượng quần chúng nòng cốt làm hạt nhân để xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Xây dựng cá nhân và các tổ chức quần chúng nòng cốt làm hạt nhân để thúc đẩy phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa bàn cơ sở là một nội dung quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến tổ chức vận động nhân dân. Lực lượng quần chúng nòng cốt vừa là hạt nhân lãnh đạo phong trào, vừa là cầu nối giữa lực lượng Công an với nhân dân vừa là người đi đầu, trực tiếp hướng dẫn nhân dân thực hiện các quy định về an ninh trật tự. Vì vậy việc xây dựng lực lượng quần chúng nòng cốt ở cơ sở để duy trì và phát triển, đẩy mạnh phong trào, đây là một nội dung rất quan trọng không thể thiếu

Xây dựng các tổ chức quần chúng nòng cốt làm nhiệm vụ ANTT ở địa bàn cơ sở gồm:

Hiện nay ở các cơ sở xã phường trong toàn quốc thường có 3 loại hình tổ chức quần chúng làm công tác ANTT là:

- + Loại tổ chức quần chúng có chức năng tư vấn: tương ứng với loại hình này là Hội đồng ANTT ở cơ sở (xã, phường, thị trấn) thành phần gồm Chủ tịch UBND, Chủ tịch UBMTTQ, Trưởng Công an, Bí thư Đoàn thanh niên, Chủ tịch Cựu chiến binh, Chủ tịch phụ nữ...đặt dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ, sự quản lý điều hành của Chủ tịch UBND xã,

phường, thị trấn. Ở cơ quan, doanh nghiệp thành phần gồm, Bí thư Đảng uỷ, Thủ trưởng cơ quan, Trưởng phòng (tổ trưởng) bảo vệ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Phụ nữ.

Hội đồng ANTT có nhiệm vụ giúp (tư vấn) cho cấp uỷ, chính quyền, thủ trưởng cơ quan doanh nghiệp... đề ra chủ trương, quyết định biện pháp và chỉ đạo công tác ANTT chung trong xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp...

+ Loại có chức năng quản lý, điều hành: Tương ứng với loại hình này là Ban ANTT và Ban bảo vệ dân phố (ở nông thôn: ban ANTT được thành lập ở thôn, ấp, bản, làng; ở cơ quan, doanh nghiệp lớn ban ANTT được thành lập ở phân xưởng, xí nghiệp, Công ty... (nếu cơ quan, doanh nghiệp nhỏ và thôn nhỏ có nơi không cần thiết phải thành lập Ban ANTT); ở thành phố, thị xã Ban bảo vệ dân phố được thành lập theo các khu phố, cụm dân cư).

Ban ANTT và Ban bảo vệ dân phố là lực lượng nòng cốt trong việc thực hiện phong trào toàn dân BVAN TQ và thực hiện một số biện pháp phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi phạm pháp luật khác theo quy định của pháp luật, có trách nhiệm quản lý, điều hành và phối hợp với Công an xã, phường, thị trấn, bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp hướng dẫn, hỗ trợ các Tổ ANND, Đội dân phòng tham gia bảo vệ ANTT.

+ Loại có chức năng thực hành: tương ứng với loại hình này là các Tổ ANND, Đội dân phòng, Đội thanh niên xung kích an ninh có nhiệm vụ trực tiếp thực thi các nhiệm vụ bảo vệ ANTT ở các cơ sở.

Tổ ANND được cơ cấu ở các thôn, xóm, tổ dân phố. Như vậy, một thôn, xóm, khu phố có thể có nhiều Tổ ANND, căn cứ đặc điểm thực tế, số lượng dân cư, mối quan hệ ràng buộc của quần chúng ở khu tập thể, khu dân cư để hình thành Tổ ANND cho phù hợp (hiện nay hầu hết các địa phương đều đang duy trì hoạt động của Tổ ANND, tuy nhiên cũng có địa phương gọi là Tổ tự quản, Tổ liên gia an toàn, nhiều nơi lại vừa có Tổ ANND, vừa có Tổ tự quản... nên thống nhất gọi là Tổ ANND là đúng nghĩa nhất, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ là tổ chức của nhân dân làm công tác ANTT, phù hợp với qui định trước đây của Bộ trưởng Bộ Công an về chức năng, nhiệm vụ của Tổ ANND).

Tổ an ninh công nhân được cơ cấu ở các tổ, đội sản xuất, phân xưởng, phòng, ban trong cơ quan, doanh nghiệp, riêng ở các phân xưởng, phòng, ban lớn có thể có nhiều Tổ an ninh công nhân tùy thuộc phạm vi, qui mô, tính chất công việc chuyên môn và yêu cầu thực tế nhiệm vụ bảo vệ cơ quan, bảo vệ tài sản, bảo vệ ANTT.

Đội dân phòng là tổ chức chuyên môn của quần chúng được lập ra có nhiệm vụ tuần tra, canh gác bảo vệ ANTT, phòng cháy chữa cháy hoặc huy động cho các hoạt động về ANTT.

Các Đội thanh niên xung kích an ninh, Đội thiếu niên sao đỏ là tổ chức của Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên lập ra để thu hút thanh thiếu niên vào hoạt động bảo vệ ANTT, như vậy nó cũng là tổ chức của quần chúng trực tiếp tham gia bảo vệ ANTT cần được duy trì hoạt động. Các Đội dân phòng, thanh niên xung kích an ninh, hình thành theo thôn, xóm, khu phố, cụm dân cư hoặc cơ cấu theo tổ chức Đoàn thanh niên (Chi đoàn, Phân đoàn) tùy theo tính chất nhiệm vụ công tác ANTT ở cơ sở.

Nội dung, yêu cầu xây dựng các tổ chức quần chúng nông cốt làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự:

- + Cần phải lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn có uy tín với quần chúng, được quần chúng tin yêu, có khả năng và điều kiện đảm nhiệm các mặt công tác về an ninh trật tự ở cơ sở.

- + Lựa chọn người có khả năng tổ chức, điều hành các hoạt động có liên quan đến an ninh trật tự, bản thân có ý thức tự giác, tự nguyện và trách nhiệm cao trong việc thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành các thủ tục báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định giao nhiệm vụ cho họ.

- + Bồi dưỡng, hướng dẫn để đội ngũ cán bộ cơ sở nắm vững chức năng nhiệm vụ, quyền hạn lề lối làm việc, mối quan hệ và phân công đảm nhiệm công việc cụ thể để cán bộ cơ sở có kế hoạch thực hiện

- + Thường xuyên có kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về pháp luật, nghiệp vụ, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn trong từng thời gian và nhiệm vụ đặt ra trong việc giữ gìn an ninh trật tự. Hướng dẫn để họ biết cách tổ chức vận động quần chúng ở địa bàn dân cư

- + Nắm vững những diễn biến hoạt động của đội ngũ cán bộ cơ sở có kế hoạch thăm hỏi động viên kịp thời đối với cán bộ tốt có năng lực, đồng thời uốn nắn các lệch lạc của cán bộ cơ sở; tạo điều kiện về vật chất và tinh thần, việc làm, đời sống, quan hệ sinh hoạt trong phạm vi điều kiện cho phép, để đội ngũ cán bộ nông cốt ở cơ sở yên tâm công tác, tích cực thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự tại cơ sở.

Phương pháp xây dựng các tổ chức quần chúng nông cốt:

Xác định hình thức tổ chức quần chúng cần xây dựng.

Căn cứ tình hình đặc điểm của địa bàn, yêu cầu của công tác phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm ở từng nơi, từng lúc; căn cứ điều kiện khả năng nhận thức cũng như khả năng đảm nhiệm những phần việc cụ thể của quần chúng và nhu cầu nguyện vọng, lợi ích chính đáng để định ra hình thức tổ chức quần chúng cần xây dựng một cách khoa học và hợp lý.

Xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức quần chúng.

- + Mỗi loại hình tổ chức quần chúng khác nhau có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác nhau. Sau khi đã xác định được hình thức tổ chức quần chúng cần xây dựng, phải xác định

một cách cụ thể rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức quần chúng, có như vậy mới phát huy được vai trò của tổ chức, tạo điều kiện để tổ chức hoạt động nhịp nhàng, có hiệu quả, không bị mất phương hướng hoặc trùng lặp, chồng chéo, trì trệ.

+ Chỉ khi nào và ở nơi nào có yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự đòi hỏi cần phải xây dựng hình thức tổ chức quần chúng nào đó thì mới xây dựng. Nếu không có nhu cầu, nhiệm vụ chưa xuất hiện thì chưa cần phải vội vàng thành lập tổ chức quần chúng, bởi vì thành lập tổ chức mà chưa có chức năng nhiệm vụ thì tổ chức đó sẽ không tồn tại được và dẫn đến tan rã.

+ Căn cứ vào pháp luật của Nhà nước, chế độ nội quy quy định của đơn vị, địa phương và yêu cầu của tình hình nhiệm vụ BVANTT đặt ra để xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của loại hình tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự.

Đề xuất cấp ủy, chính quyền thành lập tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự.

Sau khi xác định rõ sự cần thiết phải thành lập các tổ chức quần chúng, loại hình tổ chức quần chúng và chức năng nhiệm vụ quyền hạn của loại hình tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự đó, với sự hỗ trợ của lãnh đạo chủ chốt của địa phương. Công an cấp cơ sở báo cáo, đề xuất với cấp ủy và chính quyền địa phương và làm thủ tục trình Chủ tịch, Phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã phường ra quyết định thành lập tổ chức.

Đây là thủ tục cần thiết để đảm bảo tính hợp pháp của loại hình tổ chức quần chúng theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời nâng cao vai trò, vị trí của tổ chức quần chúng, nâng cao trách nhiệm nghĩa vụ của những người tham gia tổ chức cũng như những người khác có liên quan đến hình thức tổ chức quần chúng.

Tuyển chọn những thành viên tham gia tổ chức quần chúng và bồi dưỡng, tập huấn cho các thành viên trong tổ chức quần chúng.

Căn cứ tình hình nắm được về quần chúng, căn cứ vào tiêu chuẩn quy định, tiến hành tuyển chọn, thu nạp các thành viên tham gia tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự đảm bảo đủ về số lượng, đáp ứng về chất lượng. Yêu cầu các thành viên tham gia các tổ chức quần chúng phải là những người có phẩm chất đạo đức tốt nhiệt tình, hăng hái, tự nguyện tự giác và được quần chúng tín nhiệm.

Tiến hành giáo dục, bồi dưỡng, tập huấn cho các thành viên nắm vững chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; chế độ chính sách, lề lối phương pháp hoạt động của tổ chức; phương pháp xử lý các tình huống về an ninh trật tự xảy ra; việc sử dụng các phương tiện cần thiết để bảo vệ an ninh trật tự và các kiến thức cần thiết khác có liên quan đến bảo vệ ANTT để tổ chức quần chúng triển khai hoạt động tự quản, tự phòng, tự BVANTT có hiệu quả.

Đề động viên tích cực các thành viên trong tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh trật tự, căn cứ điều kiện hoàn cảnh cụ thể của địa phương, cấp ủy, chính quyền có chế độ

chính sách khuyến khích vật chất, tinh thần hợp lý, kịp thời, theo chế độ chung của Nhà nước, của địa phương và nguồn kinh phí đóng góp của nhân dân

- Xây dựng điển hình và nhân điển hình tiên tiến làm cơ sở để tổ chức vận động quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Điển hình tiên tiến là những cá nhân, đơn vị, cơ sở đạt được thành tích xuất sắc nổi trội, giúp các cá nhân, đơn vị khác học tập, noi theo.

Nhân điển hình tiên tiến là việc tổ chức học tập, phát triển những nhân tố tích cực của phong trào toàn dân thành phố biến rộng khắp. thực chất của nhân điển hình tiên tiến là việc phổ biến kinh nghiệm điển hình, động viên thúc đẩy phong trào lên một bước mới có chất lượng cao hơn, đồng đều hơn.

Để nhân rộng điển hình tiên tiến cần làm tốt các công việc cụ thể sau đây:

Lựa chọn điển hình tiên tiến

+ Căn cứ đặc điểm tình hình địa phương, đơn vị; căn cứ vào kết quả phong trào toàn dân BVANTQ và nhiệm vụ duy trì và phát triển phong trào ở địa phương để phát hiện, lựa chọn những cá nhân, tập thể tiêu biểu, có thành tích nổi bật, có kinh nghiệm tốt, làm hạt nhân điển hình tiên tiến thúc đẩy phong trào BVANTQ.

+ Việc phát hiện, lựa chọn điển hình tiên tiến được tiến hành thông qua công tác kiểm tra hoạt động của phong trào, thông qua công tác tổ chức cho các cơ sở, đơn vị, quần chúng nhân dân bình chọn hoặc cơ quan chức năng ngay từ đầu có kế hoạch chủ động lựa chọn, cho đăng ký, sau đó tập trung bồi dưỡng một số cá nhân, tập thể đó trở thành điển hình tiên tiến của phong trào BVANTQ.

Tổ chức rút kinh nghiệm điển hình tiên tiến:

Lực lượng Công an chủ trì phối hợp với bộ phận chức năng tổ chức hướng dẫn cá nhân, đơn vị tiên tiến liên hệ kiểm điểm, đánh giá kết quả, rút ra những bài học kinh nghiệm và xây dựng hoàn thiện báo cáo điển hình tiên tiến trong phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Phổ biến kinh nghiệm điển hình tiên tiến:

Phương pháp phổ biến kinh nghiệm điển hình tiên tiến, đẩy mạnh phong trào thi đua bảo vệ an ninh Tổ quốc, được tiến hành bằng cách tổ chức cho các cá nhân đơn vị, địa phương có phong trào ở mức trung bình hoặc yếu kém trực tiếp tiếp xúc, gặp gỡ, tham quan, trao đổi học tập kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến, để áp dụng các kinh nghiệm đó vào phong trào ở địa phương, đơn vị mình.

Mở Hội nghị nhân điển hình tiên tiến: tổ chức ký kết giao ước thi đua về xây dựng điển hình, tạo thành phong trào thi đua học tập, đuổi kịp và vượt các điển hình tiên tiến.

Kết hợp sử dụng, phát huy ưu thế của các phương tiện thông tin, các loại hình văn hoá nghệ thuật như: Đài phát thanh, truyền hình, tranh ảnh, sách báo... để phổ biến kinh nghiệm của điển hình tiên tiến.

- Lồng ghép nội dung của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với các phong trào khác của nhà trường và của địa phương.

Để thúc đẩy được phong trào và duy trì phong trào được thường xuyên, tránh được sự suy thoái của phong trào sau một thời gian hoạt động, thì việc kết hợp và lồng ghép nội dung của phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc tại địa phương với các phong trào khác là một hình thức tốt để duy trì và thúc đẩy phong trào

- Nội dung của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được kết hợp với các phong trào khác của nhà trường và của địa phương như:

+ Lồng ghép trong phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công với nước, nội dung đảm bảo giữ gìn an ninh trật tự là nội dung bảo vệ tài sản công dân phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu, xâm phạm tính mạng, sức khoẻ của những người được chăm sóc tạo thành một phong trào chung của địa phương

+ Kết hợp đưa nội dung giáo dục những người cần phải giáo dục tại xã, phường, thị trấn là một nội dung của phong trào xây dựng làng văn hoá, khu phố văn hoá, từ đó tạo thành một nếp sống tốt, lành mạnh phát huy tình làng nghĩa xóm, đoàn kết tương thân, tương ái, hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư, xây dựng được tổ dân phố, cụm dân cư, làng xã an toàn

+ Trong phong trào HS.SV thanh lịch của nhà trường cần lồng ghép với phong trào chấp hành luật lệ giao thông, lấy đây là một nội dung tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá một HS.SV thanh lịch..v.v..

+ Để có phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc sâu rộng thu hút được nhiều tầng lớp tham gia trong đó có tầng lớp HS.SV thì nội dung của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phải được lồng ghép trong các phong trào khác của Đoàn thanh niên và các phong trào của học sinh trong nhà trường như: “Phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội trong thanh thiếu niên”; Phong trào “Phòng chống ma túy trong học đường”, phong trào ngày hè xanh, phong trào đảm bảo vệ sinh môi trường v.v..

- Để lồng ghép nội dung của phong trào toàn dân bảo vệ ANTON với các phong trào khác của nhà trường hoặc của Đoàn thanh niên, cơ quan công an cơ sở (phường, xã) là chủ thể tiến hành xây dựng phong trào toàn dân BVAN Tổ quốc, cần phải có kế hoạch, chủ động kết hợp với nhà trường và Đoàn thanh niên của các trường đóng trên địa bàn đưa các nội dung cần thiết phù hợp vào từng phong trào, từng thời điểm thích hợp, tham gia xây dựng các tiêu chuẩn để đánh giá sự hoạt động, tích cực hoặc thiếu tích cực của từng HS.SV.

3. Trách nhiệm của sinh viên

3.1. Cần nhận thức đúng đắn đầy đủ về trách nhiệm công dân đối với công cuộc bảo vệ an ninh - trật tự của Tổ quốc. Đây là một nhiệm vụ quan trọng để giữ gìn cuộc sống bình yên cho nhân dân và làm cơ sở nền tảng cho sự phát triển đất nước.

Đối với sinh viên, trước hết phải nhận thức sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc là trách nhiệm của mọi công dân Việt Nam, lực lượng CAND làm nòng cốt. Đấu tranh phòng chống tội phạm giữ gìn an ninh - trật tự là một cuộc đấu tranh gay go và phức tạp cần phải huy động sức mạnh của tất cả mọi người, mọi tầng lớp trong xã hội, là thanh niên Việt Nam nói chung và là đoàn viên TNCS HCM nói riêng lại càng gương mẫu và tích cực tham gia các công tác giữ gìn an ninh Tổ quốc, các phong trào giữ gìn an ninh, trật tự của địa phương.

Quán triệt quan điểm trên: Mỗi sinh viên học tập, chăm rèn luyện, nhận thức điều hay, lẽ phải, biết các việc nên làm và không được làm; nắm vững và chấp hành đầy đủ các quy định của nhà trường, của địa phương và pháp luật của nhà nước; phát hiện, đấu tranh với các hiện tượng tiêu cực ảnh hưởng đến an ninh trật tự của địa phương hoặc ở trong nhà trường. Nhằm phát huy được những mặt tích cực, hạn chế những tồn tại nhược điểm của sinh viên đóng góp tích cực cho công tác bảo vệ an ninh trật tự của địa phương và các phong trào khác của Trường. Mỗi cá nhân phải học tập, rèn luyện tốt, tu dưỡng phẩm chất đạo đức của người sinh viên, kính trọng thầy cô giáo, tôn trọng các cơ quan chính quyền, tích cực tham gia các phong trào của địa phương

3.2. Mỗi sinh viên tự giác chấp hành các quy định về đảm bảo an ninh trật tự của nhà trường và của địa phương nơi cư trú.

Để đảm bảo an ninh trật tự, mọi công dân phải tự giác chấp hành các quy định của nhà nước và của địa phương về giữ gìn an ninh trật tự như: bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ việc thực hiện các chính sách của nhà nước, bảo vệ chính quyền, bảo vệ sự vững mạnh của các tổ chức đoàn thể xã hội; chống kẻ địch phá hoại về chính trị tư tưởng, về kinh tế văn hoá xã hội; xây dựng khối thống nhất toàn dân...

+ Mỗi học sinh đều phải tích cực tham gia vào các hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố, của đoàn thanh niên hoặc của địa phương tổ chức.

+ Không xem, đọc, lưu truyền các văn hoá phẩm độc hại, đồi trụy, không nghe, không bình luận các luận điểm tuyên truyền xuyên tạc nói xấu Nhà nước XHCN của các thế lực thù địch, không truy cập các website thiếu lành mạnh.

+ Không tự ý thành lập, tham gia hoạt động trong các tổ chức chính trị và các tổ chức có tính chất chính trị trái pháp luật Việt Nam.

+ Phát hiện và đề nghị với thầy cô giáo và các cơ quan chính quyền địa phương nơi cư trú, học tập để có biện pháp ngăn chặn các hành vi hoạt động tệ nạn xã hội (cờ bạc, ma túy, mại dâm), các hành vi xâm hại đến an ninh, trật tự an toàn xã hội.

+ Tích cực và gương mẫu chấp hành pháp luật của Nhà nước, các thể lệ hành chính quy định về lĩnh vực an ninh trật tự; luật lệ an toàn giao thông; an toàn phòng cháy chữa cháy; vệ sinh môi trường và các quy định khác.

Đối với sinh viên lưu trú trong ký túc xá:

+ Giữ gìn và bảo vệ tài sản của nhà Trường, không được sử dụng một cách bừa bãi, làm hư hỏng mất mát tài sản và trang thiết bị trong ký túc xá.

+ Chấp hành tốt nội quy ký túc xá, thực hiện đầy đủ những cam kết được ghi trong hợp đồng với Ban quản lý ký túc xá.

+ Không tàng trữ vũ khí, chất độc, chất nổ, chất dễ cháy, hoá chất độc hoặc hàng cấm khác trong ký túc xá.

Đối với sinh viên tạm trú trong các khu vực dân cư:

+ Thực hiện đầy đủ các quy định về khai báo tạm trú tại khu vực dân cư theo quy định của pháp luật.

+ Chấp hành tốt các quy định của địa phương nơi cư trú như; vệ sinh mỹ quan, trật tự đô thị, bảo vệ môi trường

+ Tích cực tham gia giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn như: phòng chống các âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động lôi kéo HS.SV vào các hoạt động chống đối Nhà nước; phòng ngừa các hoạt động của bọn tội phạm hình sự xâm phạm đến tính mạng và tài sản của sinh viên; ngăn ngừa, đấu tranh với các trường hợp sử dụng các chất ma túy trong HS.SV.

3.3. Tích cực tham gia vào các phong trào BVANTT của địa phương

Phong trào toàn dân ở từng cụm dân cư, từng phường, xã có mạnh hay không là do sự đóng góp chung của tất cả mọi thành viên trong cộng đồng khu vực, từ trẻ đến già; từ cán bộ, công nhân, viên chức đến học sinh sinh viên. Hoạt động này phải trở thành ý thức tự giác và tự quản của từng người dân, trong đó có sự đóng góp tích cực và quan trọng của sinh viên.

Với trách nhiệm của người sinh viên, là tầng lớp trí thức, có sự hiểu biết, năng động và sáng tạo, lại đang được tiếp thu những kiến thức khoa học của nhân loại, là nguồn lực để xây dựng và phát triển đất nước, nhưng mỗi học sinh sinh viên cũng cần được sự hỗ trợ, định hướng và dìu dắt của Đảng, Nhà nước, nhà Trường và của toàn xã hội, do đó mỗi người học không những chấp hành đúng và đủ các quy định của Nhà nước về đảm bảo an ninh trật tự mà còn phải tham gia tích cực vào các phong trào bảo vệ an ninh - trật tự của địa phương, như: “Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”; phong trào “Toàn dân phòng chống ma túy”, “Tự phòng, tự quản, tự bảo vệ”; phong trào “Toàn dân tham gia cảm hoá giáo dục người lầm lỗi”; cũng như các phong trào bảo vệ an ninh trật tự khác: phong trào xây dựng cụm dân cư an toàn, số nhà an

toàn; tham gia vào các tổ chức quần chúng “Đội thanh niên xung kích an ninh”, đội “thanh niên tự quản”... tích cực tham gia tuần tra canh gác, phòng ngừa tội phạm.

3.4. Luôn luôn nêu cao ý thức cảnh giác, tích cực tham gia hoạt động phòng chống tội phạm ở địa phương, phát hiện những hiện tượng tiêu cực, những hành vi vi phạm pháp luật xảy ra trong nhà Trường và nơi cư trú, kịp thời, cung cấp cho cơ quan công an để có biện pháp ngăn chặn và giải quyết

III. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày vai trò của quần chúng nhân dân trong BVANTQ?
2. Phương pháp tiến hành xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa bàn cơ sở. Đặc điểm địa lý và văn hoá xã hội của từng vùng miền có ảnh hưởng như thế nào đến phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc?
3. Sinh viên có trách nhiệm gì trong việc tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc tại địa phương nơi cư trú?

Bài 11

VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA, GIỮ GÌN TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

-----*-----

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Hiểu đúng, đủ nội dung của bài từ đó có nhận thức đúng đắn về nghĩa vụ, trách nhiệm của mình và tích cực tham gia vào công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

II. NỘI DUNG

1. Các khái niệm và nội dung cơ bản

1.1. Các khái niệm

- “An ninh quốc gia là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ XHCN và Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc”. An ninh quốc gia bao gồm an ninh trên các lĩnh vực :

chính trị, kinh tế, tư tưởng - văn hoá, xã hội, quốc phòng, đối ngoại... trong đó ANCT là cốt lõi, xuyên suốt.

- *Bảo vệ an ninh quốc gia* : là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn đấu tranh làm thất bại các hoạt động xâm hại an ninh quốc gia.

- Hoạt động xâm phạm ANQG là những hành vi xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Cộng hoà XHCN VN.

- Mục tiêu quan trọng về ANQG là những đối tượng, địa điểm, công trình, cơ sở về chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, khoa học - kĩ thuật, văn hoá, xã hội thuộc danh mục cần được bảo vệ theo quy định của pháp luật. Bảo vệ ANQG là sự nghiệp của toàn dân. Cơ quan, tổ chức, công dân có trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

Nhiệm vụ bảo vệ ANQG bao gồm :

+ Bảo vệ chế độ chính trị và Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

+ Bảo vệ an ninh về tư tưởng và văn hoá, khối đại đoàn kết toàn dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

+ Bảo vệ an ninh trong lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, đối ngoại và các lợi ích khác.

+ Bảo vệ bí mật nhà nước và các mục tiêu quan trọng về ANQG.

+ Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại và loại trừ các hoạt động xâm phạm ANQG, nguy cơ đe dọa ANQG.

Nguyên tắc bảo vệ ANQG là :

+ Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

+ Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng CSVN, sự quản lí thống nhất của Nhà nước; huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân tộc, lực lượng chuyên trách bảo vệ ANQG làm nòng cốt.

+ Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ bảo vệ ANQG với nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế - văn hoá, xã hội ; phối hợp có hiệu quả hoạt động an ninh, quốc phòng với hoạt động đối ngoại.

+ Chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động xâm phạm ANQG.

Cơ quan chuyên trách bảo vệ ANQG bao gồm :

+ Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy và các đơn vị an ninh, tình báo, cảnh sát, cảnh vệ CAND.

+ Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy và các đơn vị bảo vệ an ninh quân đội, tình báo QĐND.

+ Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển là cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia ở khu vực biên giới trên đất liền và trên biển.

Các biện pháp bảo vệ ANQG gồm: Vận động quần chúng, pháp luật, ngoại giao, kinh tế, khoa học kĩ thuật, nghiệp vụ, vũ trang.

Trật tự, an toàn xã hội : trạng thái xã hội bình yên trong đó mọi người được sống yên ổn trên cơ sở các quy phạm pháp luật, các quy tắc và chuẩn mực đạo đức, pháp lí xác định.

Đấu tranh giữ gìn trật tự an toàn xã hội bao gồm : Chống tội phạm; giữ gìn trật tự nơi cộng cộng; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng ngừa tai nạn; bài trừ tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường... Bảo vệ trật tự *an toàn xã hội* là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, lực lượng CAND giữ vai trò nòng cốt và có chức năng tham mưu, hướng dẫn và trực tiếp đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự công cộng, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, tham gia phòng ngừa tai nạn, bài trừ tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường.

1.2. Nội dung

- Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia gồm:

+ Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ. Đó là các hoạt động bảo vệ chế độ chính trị và Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, bảo vệ Đảng Cộng sản Việt Nam; giữ gìn sự trong sạch, vững mạnh về mọi mặt của tổ chức Đảng, Nhà nước; bảo vệ các cơ quan đại diện, cán bộ, lưu học sinh và người lao động Việt Nam đang công tác, học tập và lao động ở nước ngoài. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá hệ thống chính trị, gây chia rẽ mất đoàn kết, làm tha hoá đội ngũ cán bộ, đảng viên. Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ luôn là nhiệm vụ trọng yếu hàng đầu, thường xuyên và cấp bách của toàn Đảng, toàn dân, của các ngành, các cấp.

+ Bảo vệ an ninh kinh tế. Đó là bảo vệ sự ổn định, phát triển nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN. Chống các biểu hiện lệch hướng và các hoạt động phá hoại cơ sở vật chất - kĩ thuật của CNXH, phá hoại nền kinh tế, gây ảnh hưởng tác hại đến lợi ích của quốc gia. Bảo vệ đội ngũ cán bộ quản lí kinh tế, các nhà khoa học, các nhà kinh doanh giỏi không để nước ngoài lôi kéo mua chuộc gây tổn thất hoặc làm chuyển hướng nền kinh tế XHCN ở nước ta.

+ Bảo vệ an ninh văn hoá, tư tưởng, là sự ổn định và phát triển bền vững của văn hoá, tư tưởng trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ sự đúng đắn, vai trò chủ đạo của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong đời sống tinh thần của xã hội; bảo vệ những giá trị đạo đức truyền thống, bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc ; bảo vệ đội ngũ văn nghệ sĩ, những người làm công tác văn hoá, văn nghệ. Đấu tranh chống lại sự công kích, bôi nhọ, nói xấu của các thế lực thù địch đối với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, ngăn chặn các hoạt động truyền bá văn hoá

phẩm phản động, đồi trụy, thiếu lành mạnh, không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam.

+ Bảo vệ an ninh dân tộc. Đó là bảo vệ quyền bình đẳng giữa các dân tộc, đảm bảo cho tất cả các thành viên trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam cùng phát triển theo đúng Hiến pháp, pháp luật của nhà nước; ngăn ngừa, phát hiện, đấu tranh với các hoạt động lợi dụng dân tộc ít người để làm việc trái pháp luật, kích động gây chia rẽ giữa các dân tộc.

+ Bảo vệ an ninh tôn giáo. Bảo vệ an ninh tôn giáo là đảm bảo chính sách tự do tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước đối với nhân dân nhưng đồng thời cũng kiên quyết đấu tranh với các đối tượng, thế lực lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá cách mạng. Thực hiện đoàn kết, bình đẳng giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các tôn giáo, giữa cộng đồng dân cư theo tôn giáo với những người không theo tôn giáo, đảm bảo tốt đời đẹp đạo, phụng sự Tổ quốc.

+ Bảo vệ an ninh biên giới. Biên giới quốc gia là hàng rào pháp lí ngăn cách chủ quyền quốc gia và không gian hợp tác phát triển với các nước mà trước hết là với các nước láng giềng. Vấn đề bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia đang được Đảng, Nhà nước đặt ra như là một nhiệm vụ chiến lược cực kì quan trọng. Bảo vệ an ninh biên giới là bảo vệ nền an ninh, trật tự của Tổ quốc ở khu vực Biên giới quốc gia, cả trên đất liền và trên biển, chống các hành vi xâm phạm chủ quyền biên giới từ phía nước ngoài, góp phần xây dựng đường biên giới hoà bình, hữu nghị với các nước láng giềng theo tinh thần “giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đặc biệt là vùng biên, đảo”. Chống các thế lực thù địch lợi dụng việc xuất, nhập cảnh, quá cảnh Việt Nam để tiến hành các hoạt động chống phá Nhà nước Cộng hoà XHCN VN.

+ Bảo vệ an ninh thông tin. An ninh thông tin là sự an toàn, nhanh chóng, chính xác và bí mật của thông tin trong quá trình xác lập, chuyển tải, thu nhận, xử lí và lưu giữ tin. Bảo vệ an ninh thông tin là một bộ phận quan trọng của công tác bảo vệ an ninh quốc gia nhằm chủ động phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh có hiệu quả với âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, bọn tội phạm khác nhằm khai thác, sử dụng hệ thống thông tin liên lạc hoặc tiến hành các hoạt động phá huỷ công trình, phương tiện thông tin liên lạc gây thiệt hại cho an ninh quốc gia của nước ta ; chống lộ lọt những thông tin bí mật của nhà nước ; ngăn chặn các hoạt động khai thác thông tin trái phép, dò tìm mật mã, mật khẩu để đánh cắp thông tin trên mạng...

- *Nội dung giữ gìn trật tự, an toàn xã hội:*

+ Đấu tranh phòng, chống tội phạm (trừ các tội xâm phạm an ninh quốc gia và các tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh).

Đấu tranh phòng, chống tội phạm là việc tiến hành các biện pháp loại trừ nguyên nhân, điều kiện của tội phạm ; phát hiện để ngăn chặn kịp thời các hành vi phạm tội, hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả, tác hại do tội phạm gây ra cho xã hội ; điều tra khám

phá tội phạm và người phạm tội để đưa ra xử lý trước pháp luật đảm bảo đúng người, đúng tội ; giáo dục, cải tạo người phạm tội giúp họ nhận thức được lỗi lầm và cố gắng cải tạo tốt, có thể tái hoà nhập cộng đồng xã hội, trở thành người lương thiện, sống có ích cho xã hội.

+ Giữ gìn trật tự nơi công cộng. Trật tự công cộng là trạng thái xã hội có trật tự được hình thành và điều chỉnh bởi các quy tắc, quy phạm nhất định ở những nơi công cộng mà mọi người phải tuân theo. Trật tự công cộng là một mặt của trật tự, an toàn xã hội và có nội dung bao gồm những quy định chung về trật tự, yên tĩnh, vệ sinh, nếp sống văn minh ; sự tuân thủ những quy định của pháp luật và phong tục, tập quán, sinh hoạt được mọi người thừa nhận. Giữ gìn trật tự nơi công cộng chính là giữ gìn trật tự, yên tĩnh chung, giữ gìn vệ sinh chung, duy trì nếp sống văn minh ở những nơi công cộng - nơi diễn ra các hoạt động chung của nhiều người, đảm bảo sự tôn trọng lẫn nhau trong lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi của mọi người.

+ Đảm bảo trật tự, an toàn giao thông. Trật tự, an toàn giao thông là trạng thái xã hội có trật tự được hình thành và điều chỉnh bởi các quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông, vận tải công cộng mà mọi người phải tuân theo khi tham gia giao thông, nhờ đó đảm bảo cho hoạt động giao thông thông suốt, có trật tự, an toàn, hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn giao thông gây thiệt hại về người và tài sản. Đảm bảo trật tự, an toàn giao thông không phải là nhiệm vụ của riêng các lực lượng chức năng (cảnh sát giao thông, thanh tra giao thông công chính...) mà là trách nhiệm của tất cả mọi người khi tham gia giao thông. Đó là việc nắm vững và tuân thủ nghiêm túc Luật giao thông, mọi hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông phải được xử lý nghiêm khắc, những thiếu sót, yếu kém là nguyên nhân, điều kiện gây ra các vụ tai nạn giao thông phải được khắc phục nhanh chóng.

+ Phòng ngừa tai nạn lao động, chống thiên tai, phòng ngừa dịch bệnh. Chú ý phòng ngừa không để xảy ra tai nạn lao động và luôn luôn phòng chống thiên tai dịch bệnh.

+ Bài trừ các tệ nạn xã hội. Tệ nạn xã hội là hiện tượng xã hội bao gồm những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, có tính phổ biến (từ các hành vi vi phạm những nguyên tắc về lối sống, truyền thống văn hoá, đạo đức, trái với thuần phong mỹ tục, các giá trị xã hội tốt đẹp cho đến các hành vi vi phạm những quy tắc đã được thể chế hoá bằng pháp luật, kể cả pháp luật hình sự) ảnh hưởng xấu về đạo đức và gây hậu quả nghiêm trọng trong đời sống cộng đồng. Tệ nạn xã hội bao gồm : mại dâm, nghiện ma túy, cờ bạc, mê tín dị đoan.... Tệ nạn xã hội là cơ sở xã hội của tình trạng phạm tội, là một trong những nguồn gốc phát sinh tội phạm. Phòng, chống tệ nạn xã hội là nhiệm vụ của toàn xã hội, phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, bằng những biện pháp đồng bộ, tích cực, kiên quyết và triệt để.

+ Bảo vệ môi trường. Môi trường có tầm quan trọng đặc biệt đối với đời sống của con người, sinh vật và sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước, dân tộc và nhân loại. Bảo vệ môi trường là tập hợp những biện pháp giữ cho môi trường trong sạch, sử dụng hoặc phục hồi một cách hợp lý sinh giới (vi sinh vật, thực vật, động vật) và môi sinh (đất, lòng đất, nước, không khí, khí hậu...), đảm bảo sự cân bằng sinh thái... nhằm tạo ra một không gian tối ưu cho cuộc sống của con người.

2. Tình hình an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội

2.1. Một số nét về tình hình an ninh quốc gia

Trong những năm qua, sau khi Liên Xô - Đông Âu tan rã (9/1991) đã có tác động tiêu cực và tạo thuận lợi cho các hoạt động chống phá của các tổ chức, thế lực phản động cả ở trong nước lẫn bọn phản động lưu vong bên ngoài. Chúng cho rằng thời cơ đã đến trong lúc chúng ta gặp rất nhiều khó khăn và chúng đã hi vọng vào một cuộc "lật đổ" ở VN. Chính vì thế mà hoạt động chống phá của các thế lực phản động nhằm cản trở công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước ta cũng có những diễn biến rất phức tạp.

- Trước hết là hoạt động của các tổ chức phản động của người Việt Nam ở nước ngoài. Hiện nay có khoảng 200 tổ chức chính trị phản động người Việt lưu vong núp danh nghĩa khác nhau, các tổ chức tập hợp nguy quân, nguy quyền, các tổ chức lợi dụng nhân quyền hoặc núp danh "từ thiện". Các tổ chức phản động này có cơ sở vật chất tương đối khá gồm 50 nhà xuất bản, 500 tờ báo Việt ngữ, 6 chương trình truyền hình, 10 đài phát thanh. Các tổ chức phản động này đều có sự dung túng của chính quyền một số nước tư bản nên có điều kiện về kinh phí, trụ sở để hoạt động. Hiện nay tại các nước như: Mĩ, Pháp, Bỉ, Canada, Ôxtrâyliya,... có các tổ chức phản động lớn như các tổ chức của Võ Văn Ái, Hoàng Cơ Minh, Võ Đại Tôn....

Hầu hết các tổ chức phản động lưu vong này đều kêu gọi các nước cấm vận, trừng phạt Việt Nam bằng mọi thủ đoạn, chúng lợi dụng khó khăn, thiếu sót trong quản lý của ta để thực hiện kế hoạch "chuyển lửa về quê" đưa ra các lời kêu gọi lật đổ và tiếp tay, kích động cho các hoạt động của bọn phản động trong nước.

Mặc dù chúng ta đã làm thất bại các hoạt động đó nhưng vẫn còn nhiều nhóm hoạt động rất ráo riết như các nhóm của Võ Văn Ái, đặc biệt là tổ chức phản động do Hữu Chánh cầm đầu trong những ngày gần đây lại bày trò đại hội lập ra "Chính phủ Việt Nam tự do", đưa tên "tướng" Nguyễn Khánh lên làm "quốc trưởng" và ra tuyên bố sẽ về giải phóng Việt Nam.

Cùng với hoạt động của các tổ chức phản động của người Việt lưu vong thì các thế lực thù địch cũng không từ bỏ ý đồ mục đích chống phá Việt Nam với nhiều âm mưu, phương thức, thủ đoạn, nhất là âm mưu "diễn biến hoà bình" với 3 nội dung chủ yếu: chiếm lĩnh thị trường ngoại giao hữu nghị và khoét sâu mâu thuẫn mà mục đích chính

là xoá bỏ CNXH ở VN, làm thối rữa “chuyển hóa” từ bên trong đi đến sụp đổ mô hình CNXH của Việt Nam.

Hoạt động của các tổ chức phản động nội địa: nguy quân, nguy quyền còn chống đối không chịu cải tạo, phản động lợi dụng tôn giáo, lợi dụng dân tộc và số cơ hội bất mãn... những năm qua diễn biến phức tạp. Nhiều nơi chúng cấu kết với các tổ chức nước ngoài, nhen nhóm tiến hành các vụ gây rối. Một số đối tượng bất mãn viết bài chống Đảng và Nhà nước ta, phát tán qua internet hoặc gặp gỡ với các phóng viên báo chí nước ngoài. Chống đối điên cuồng, quyết liệt: Thích Quảng Độ, Nguyễn Văn Lý..., gần đây có Nguyễn Văn Đài, Lê Thị Công Nhân ở Văn phòng luật sư Thiên Ân, Trần Khải Thanh Thủy, Cù Huy Hà Vũ...

- Tình hình an ninh văn hoá tư tưởng, an ninh kinh tế trong những năm qua còn nhiều bất cập. Phá hoại tư tưởng là một dạng đặc biệt của chiến tranh lạnh, một hình thức chủ yếu trong cuộc đấu tranh tư tưởng của chủ nghĩa đế quốc chống chủ nghĩa xã hội. Trong những năm qua các hoạt động phá hoại văn hoá tư tưởng được các bọn phản động nhất là bọn phản động bên ngoài tiến hành thông qua hoạt động của các đài phát thanh, mạng internet. Hiện tại có nhiều đài phát thanh và chương trình do bọn phản động lưu vong tham gia, trong đó có 5 chương trình, 300 báo được thực hiện ở Mỹ, có 175 tờ báo chống cộng như “Quê mẹ”, “Hoa sen”, “Công luận” hoạt động phá hoại văn hoá tư tưởng được tiến hành theo các chiến dịch, có sự phối hợp giữa các nước đế quốc với bọn phản động và gắn liền với các hoạt động tình báo gián điệp. Tất cả các hoạt động đó đều nhằm vào xuyên tạc, nói xấu, kích động nhằm gây mất ổn định trong nước.

- Trong những năm qua, tình hình lộ bí mật, mất thông tin bí mật về kinh tế đã xảy ra ở nhiều cơ quan, xí nghiệp và đã gây ra nhiều thiệt hại. Các hoạt động nhằm phá hoại về kinh tế được tiến hành cả bề rộng lẫn bề sâu thông qua các hoạt động lấy cắp bí mật kinh tế, tuyên truyền, lôi kéo cán bộ quản lý kinh tế và khoa học kỹ thuật phá hoại cơ sở vật chất, phá hoại chủ trương đường lối kinh tế, các công trình trọng điểm của ta.

- Tình hình an ninh biên giới còn nhiều phức tạp, bối cảnh **dịch Covid-19** khó lường, đã có nhiều vụ xâm nhập trái phép, nhất là khu vực giáp biên. Lợi dụng các mối quan hệ của các dân tộc hai bên biên giới, các đối tượng bên ngoài qua lại, móc nối, lôi kéo, chia rẽ các dân tộc, dòng họ trong nước hòng làm suy yếu, tiến tới gây bạo loạn ở những nơi này. Số nguy quân, nguy quyền, đảng phái phản động cũ còn ở trong nước phần lớn đã cải tà, quy chính và đã nhận thức rõ được chính sách đúng đắn của Nhà nước, nhất là chính sách khoan hồng. Tuy nhiên vẫn còn một bộ phận không chịu cải tạo, chúng vẫn ngấm ngấm chống đối dưới nhiều hình thức, tìm mọi cách móc nối với các đối tượng từ ngoài vào để được giúp đỡ.

- Trong nhiều năm qua xuất hiện nhiều điểm nóng về ANTT, xuất phát từ những bức xúc, bất bình của nhân dân trước những việc làm sai trái, thiếu sót của cán bộ cơ sở trong

việc giải quyết đền bù đất đai... Do làm chưa triệt để, chưa công bằng nên đã để một bộ phận nhân dân bị một số phần tử quá khích kích động dẫn đến manh động làm rối loạn ANTT ở một số địa phương. Đây chính là những nguyên nhân tiềm ẩn, là mảnh đất tốt mà các thế lực thù địch nhằm vào để kích động, gây ngòi nổ hồng gây mất ổn định trong xã hội ta.

Tóm lại : Tình hình về ANQG trong những năm qua nổi lên những vấn đề khá phức tạp và nhạy cảm. Đó chính là những yếu tố có thể gây ra tình hình mất ổn định, ảnh hưởng đến sự an nguy của quốc gia, vì vậy Đảng và Nhà nước ta đã xác định bảo vệ ANQG là nhiệm vụ cực kì quan trọng của toàn Đảng, toàn dân ta.

2.2. Tình hình về trật tự, an toàn xã hội

Tình hình tội phạm xâm phạm trật tự xã hội: tội phạm kinh tế, tội phạm ma túy trong những năm qua có những diễn biến rất phức tạp.

Số vụ phạm tội hàng năm bị phát hiện có sự tăng giảm không đều trong đó các vụ trọng án có chiều hướng tăng. Bình quân hàng năm có khoảng 70.000 vụ phạm tội được phát hiện trong đó các vụ án giết người, giết cướp, cướp tài sản, cướp giật có xu hướng tăng. Trong các vụ án giết người thì nguyên nhân chủ yếu là nguyên nhân xã hội.

Các loại tội phạm xâm phạm trật tự, an toàn xã hội ngày càng có xu hướng chuẩn bị trước, tình hình băng ổ nhóm và hiện tại các băng nhóm tội phạm câu kết với nhau tạo thành những tổ chức tội phạm rất nguy hiểm gây nhức nhối, bức xúc cho xã hội.

Các loại tội phạm hình sự khác như bọn đâm thuê, chém mướn, trả thù cá nhân bằng bom thư, bom mìn hoặc tạt axit trong những năm qua cũng rất đa dạng và là một nỗi nhức nhối của xã hội. Loại tội phạm này hoạt động rất manh động, bất chấp hậu quả gây ra cho dù người bị hại có thể không phải là người mà chúng cần trả thù, có những vụ tính chất đặc biệt nghiêm trọng, các vụ bắt cóc nhằm tống tiền cũng có chiều hướng tăng.

Thành phần đối tượng phạm tội rất đa dạng, đủ các loại người, có cả lưu manh cũng như nông dân, cán bộ, đảng viên, trí thức, sinh viên. Trong đó đáng lo ngại là các vụ trả thù cá nhân do mâu thuẫn nội bộ rồi đi thuê giang hồ xã hội đen trả thù.

Thủ đoạn gây án của bọn tội phạm hình sự rất đa dạng, từ những thủ đoạn đơn giản cổ điển nhưng hiệu quả như “vãi thóc gọi gà” của bọn lừa đảo đến những thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt của bọn giết người dùng các loại độc chất khó phát hiện.

Về địa bàn hoạt động, tội phạm xâm phạm trật tự xã hội xảy ra ở tất cả các địa bàn trong cả nước, tập trung vào các thành phố lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và một số tỉnh như Đồng Nai, Bình Dương, Nam Định.

Tội phạm kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng không chỉ về vật chất, mà còn làm mất đi cả một bộ phận cán bộ, đảng viên gây ảnh hưởng xấu về chính trị, xã hội, tội phạm kinh tế, tội tham nhũng được coi là giặc nội xâm.

Trong các năm qua, chúng ta đã đấu tranh quyết liệt với tội phạm về ma túy. Thủ đoạn hoạt động của bọn tội phạm ma túy ngày càng tinh vi, xảo quyệt. Chúng sẵn sàng chống trả quyết liệt với các lực lượng đấu tranh, đã có nhiều cán bộ, chiến sĩ hi sinh trong đấu tranh với loại tội phạm này. Địa bàn hoạt động của loại tội phạm này tập trung ở các thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng và các tỉnh biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam – Campuchia.

Tình hình về tệ nạn xã hội, tai nạn và ô nhiễm môi trường.

Tệ nạn xã hội là một hiện tượng xã hội tiêu cực gây ra những hậu quả vô cùng to lớn. Nó còn là bạn đồng hành, là sản phẩm của các loại tội phạm. Trong những năm qua, các loại tệ nạn ở nước ta vẫn chưa giảm, thậm chí có loại còn tăng như mại dâm, cờ bạc, nghiện hút... Tệ nạn xã hội diễn ra ở hầu hết tất cả các địa phương trong cả nước, có một số đặc điểm:

- + Tệ nạn xã hội mang tính phổ biến.
- + Tệ nạn xã hội lây lan rất nhanh và quan hệ chặt chẽ với tội phạm.

Hậu quả do tệ nạn xã hội gây ra ảnh hưởng lớn đến hạnh phúc gia đình, xã hội và nó còn là một trong những nguyên nhân dẫn đến căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS.

Đối tượng tham gia tệ nạn đủ các lứa tuổi, giới tính.

Mặc dù Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật phòng chống tệ nạn, công tác đấu tranh phòng, chống tệ nạn đã được toàn dân và các cơ quan chức năng tích cực tham gia, tuy nhiên hiệu quả còn thấp. Vì vậy, trong những năm tới cần phải đẩy mạnh hơn nữa, kiên quyết hơn nữa.

+ Cùng với tệ nạn xã hội, tình trạng tai nạn giao thông, tai nạn lao động, tai nạn nghề nghiệp rủi ro xảy ra rất nghiêm trọng và có chiều hướng gia tăng. Trong các loại tai nạn thì tai nạn giao thông chiếm tỉ lệ cao nhất, các vụ tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy hàng năm cướp đi sinh mạng của hàng chục nghìn người và hàng trăm nghìn người trở thành phế nhân, tài sản bị hư hỏng rất nghiêm trọng. Có nguyên nhân tai nạn giao thông:

- + Do số lượng phương tiện giao thông tăng rất nhanh, nhất là ô tô, xe máy.

Bên cạnh đó, việc xử lý những vi phạm trật tự, an toàn giao thông còn nhiều bất cập. Mặc dù đã có Luật giao thông đường bộ và quyết liệt như Nghị định số 100/NĐ-CP của Chính phủ nhưng tình trạng vi phạm vẫn phức tạp.

Những vụ tai nạn lao động, tai nạn nghề nghiệp, rủi ro, các vụ cháy nổ trong những năm qua xảy ra cũng hết sức lo ngại. Đã có nhiều vụ sập nhà khi đang xây dựng, sập hầm lò và đặc biệt là tình hình cháy nổ xảy ra ngày càng tăng.

Vấn đề ô nhiễm môi trường cũng đáng báo động. Tình trạng chặt phá rừng đầu nguồn bừa bãi, dẫn đến ô nhiễm gây lũ lụt, hạn hán; ô nhiễm nguồn nước rất cao, việc không

đảm bảo nước sạch, vệ sinh an toàn thực phẩm cộng với các dịch cúm gà, lở mồm long móng lây lan gây nên tình trạng nhiễm bệnh rất lớn, bên cạnh đó là hàng nghìn vụ ngộ độc thức ăn, có những vụ ngộ độc tập thể gây nguy hiểm tính mạng cho cả hàng trăm người.

Tóm lại, tình hình về trật tự, an toàn xã hội trong những năm qua đã và đang là vấn đề nóng bỏng, bức xúc mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải quyết tâm khắc phục, giải quyết. Trên cơ sở đó, chúng ta mới giữ vững được trật tự, an toàn xã hội cùng với bảo vệ vững chắc ANQG góp phần ổn định tình hình, làm nền tảng cho sự phát triển của đất nước.

3. Dự báo tình hình ANQG, trật tự, an toàn xã hội trong thời gian tới

Đảng ta chủ trương, huy động và phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, sức mạnh của toàn dân, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANTT trong đó lực lượng CAND đóng vai trò nòng cốt, xung kích, tiếp tục xây dựng lực lượng Công an cách mạng, chính quy, tinh nhuệ từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc với Đảng và gắn bó với nhân dân, đấu tranh ngăn chặn làm thất bại âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, ngăn chặn các loại tội phạm.

Yêu cầu cơ bản nhất trong thời gian tới là phải tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm chủ đạo nhằm tạo ra một sự chuyển biến thực sự, rõ nét hơn về tổ chức và hoạt động của lực lượng CAND, để trong bất cứ tình huống nào cũng phải giữ vững được ANQG, trật tự, an toàn xã hội, BVTQ, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ XHCN. Dự báo:

3.1. Tình hình quốc tế thời gian tới sẽ diễn biến phức tạp hơn

Một là, sau cuộc chiến tranh Irắc, các thế lực hiếu chiến tiếp tục thực hiện chiến lược "đánh đòn phủ đầu" lợi dụng đòn tấn công chống lại "chủ nghĩa khủng bố" ra sức lộng hành đe dọa hoà bình chủ quyền của các quốc gia dân tộc.

Hai là, quan hệ giữa các nước lớn tiếp tục đan xen cả hai mặt đấu tranh và thoả hiệp. Một mặt, vì lợi ích của dân tộc, quốc gia và giai cấp mà họ đại diện, họ tìm cách xoa dịu các mâu thuẫn, tìm những điểm tương đồng để hợp tác tránh đối đầu. Mặt khác, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đơn phương, sự lộng hành của các thế lực hiếu chiến sẽ gia tăng.

Ba là, phong trào nhân dân thế giới chống chiến tranh bảo vệ hoà bình, độc lập dân tộc sẽ tiếp tục phát triển. Cuộc đấu tranh chống mặt trái của toàn cầu hoá do CNTB chi phối sẽ tiếp tục dâng cao. Tuy nhiên, các lực lượng đấu tranh cho hoà bình, độc lập dân tộc, tiến bộ xã hội hiện nay vẫn chưa có sức mạnh thống nhất.

Bốn là, xu thế toàn cầu hoá về kinh tế sẽ tiếp tục phát triển. Hiện đã có 150 nước tham gia WTO, trong thời gian tới sẽ có thêm nhiều nước tham gia. Cuộc cách mạng khoa học

và công nghệ trên các lĩnh vực vật liệu, công nghệ sinh học và tin học sẽ diễn ra mạnh mẽ hơn. Tình hình đó sẽ mở ra những cơ hội mới, đồng thời đặt ra nhiều thách thức mới.

Năm là, tình hình kinh tế thế giới sẽ tiếp tục không ổn định. Cuộc khủng hoảng của các trung tâm kinh tế lớn sẽ tiếp tục trầm trọng thêm gây bất ổn định trên thị trường tài chính. Khoảng cách giữa các nước công nghiệp phát triển và các nước đang phát triển sẽ ngày càng rộng ra. Các cuộc tranh chấp trên biển và tranh chấp nguồn dầu khí ở Trung Đông và ở Nga sẽ gay gắt hơn. Nhưng hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn của thời đại.

3.2. Tình hình khu vực Đông Nam Á vẫn tiềm ẩn nhiều nhân tố bất ổn

- Chủ nghĩa khủng bố vẫn hoạt động ở một số nước gây ra những thảm họa cho nhân dân và chính quyền ở nơi đó; mâu thuẫn về sắc tộc, tôn giáo làm bùng nổ những cuộc xung đột ở một số khu vực khá nghiêm trọng.

- Sự tranh chấp giữa các nước lớn ngày càng tăng. Mỹ đã tăng cường hiện diện lực lượng QS ở Đông Nam Á. Bằng những hiệp định song phương và đa phương về hợp tác chống khủng bố, Mỹ can thiệp sâu hơn vào khu vực, kích động li khai, đồng thời lôi kéo Đông Nam Á vào quỹ đạo của mình, kiềm chế các nước lớn khác trong khu vực. Một số nước lớn khác đã tăng cường phát huy ảnh hưởng của mình bằng các quan hệ kinh tế.

- Trước tình hình đó sự gắn kết trong ASEAN và vị trí của Hiệp hội trên trường quốc tế sẽ gặp nhiều thách thức nhưng ASEAN tiếp tục là nhân tố quan trọng đối với hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực. Cơ chế AFTA của 10 nước ASEAN sẽ được thực hiện triệt để. Các cơ chế hợp tác ASEM (hợp tác Á - Âu), cơ chế thương mại tự do với Trung quốc đang mở rộng sự tác động trên một quy mô rộng lớn và hiệu quả hơn trước.

- An ninh ở Campuchia và Lào có khả năng phức tạp hơn. Các thế lực bên ngoài sẽ can thiệp sâu hơn, đẩy mạnh chiến lược "Diễn biến hoà bình", đe dọa an ninh và ổn định khu vực. Tuy nhiên, chúng không thể làm thay đổi chiều hướng phát triển của Lào và Campuchia vì hoà bình, độc lập, hợp tác và phát triển.

3.3. Những thuận lợi và khó khăn trong những năm tới

- *Thuận lợi*

- + Thuận lợi cơ bản là tiềm lực và vị thế quốc tế của nước ta được tăng cường. Sau 28 năm đổi mới (từ 1986), Đảng đã lãnh đạo nhân dân giành được những thành tựu hết sức to lớn. Tăng trưởng kinh tế liên tục trong nhiều năm đạt trên 7%, được xếp vào loại cao của thế giới. Nếu tính theo sức mua của đồng tiền thì con số đó lớn hơn nhiều lần. Chỉ số phát triển con người (HDI) đã vươn lên thứ 101/192 quốc gia. Do chính sách ngoại giao cởi mở, trên cơ sở độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, chủ động hội nhập, phương châm "là bạn, là đối tác tin cậy của các nước", chúng ta đã đặt

quan hệ ngoại giao với 167 nước và quan hệ thương mại với trên 100 quốc gia, khu vực và vùng lãnh thổ thu hút đầu tư từ nước ngoài trên 40 tỉ USD. Vị thế quốc tế của Việt Nam được tăng cường.

+ Đảng CSVN có bản lĩnh chính trị vững vàng, dày dặn kinh nghiệm; đường lối đổi mới của Đảng đã được kiểm chứng thực tiễn, được nhân dân đồng tình ủng hộ.

+ Nhân dân Việt Nam có truyền thống yêu nước, đoàn kết, tin tưởng vào Đảng và chế độ; ngày càng thể hiện bản lĩnh năng động, sáng tạo trong sự nghiệp xây dựng và BVTQ.

+ LLVT cách mạng tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, nhân dân, vươn lên làm tròn nhiệm vụ BVTQ trong tình hình mới.

Với những thuận lợi trên, chúng ta hoàn toàn có khả năng giữ vững hoà bình, ổn định để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng XHCN.

- Khó khăn

+ Thách thức lớn nhất đối với an ninh trật tự ở nước ta là các mối đe dọa (các nguy cơ): tụt hậu xa hơn về kinh tế đối so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới; chênh hướng XHCN; nạn tham nhũng và tệ quan liêu; "diễn biến hoà bình". Các mối đe dọa trên diễn biến đan xen phức tạp, không thể xem nhẹ mối đe dọa nào.

+ Những yếu kém trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, các vấn đề kinh tế, xã hội bức xúc, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, nếu không được kịp thời khắc phục có hiệu quả sẽ là nguy cơ tiềm ẩn đối với an ninh trật tự của nước ta.

+ Hoạt động "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch sẽ gia tăng, chúng tiếp tục sử dụng chiêu bài dân chủ, nhân quyền để can thiệp vào nội bộ nước ta.

+ Các hành động xâm hại độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ nước ta vẫn sẽ tiếp diễn.

3.4. Đối tác và đối tượng đấu tranh

- Đối tác:

Trong tình hình hiện nay, cần có cách nhìn nhận mới và thống nhất về vấn đề đối tác và đối tượng đấu tranh theo nguyên tắc :

- Những ai chủ trương tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác.

- Bất kể thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng đấu tranh.

- Mặt khác, trong tình hình diễn biến mau lẹ và phức tạp hiện nay, cần có cách nhìn nhận biện chứng: trong mỗi đối tượng vẫn có thể có mặt cần tranh thủ, hợp tác; trong một số đối tác, có thể có mặt khác biệt, mâu thuẫn với lợi ích của ta. Trên cơ sở đó, cần

khắc phục cả hai khuynh hướng mơ hồ mất cảnh giác hoặc cứng nhắc trong nhận thức, chủ trương và trong xử lý các tình huống cụ thể.

Để xác định đúng các đối tượng đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh trật tự cần dựa vào các căn cứ sau:

- Căn cứ vào nhiệm vụ và đối tượng đấu tranh của cách mạng trong từng giai đoạn.

- Căn cứ vào nội dung, yêu cầu, nhiệm vụ của công cuộc xây dựng, bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.

- Căn cứ vào thực tế hoạt động của các loại đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội từ trước đến nay ở nước ta.

Đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia: Có nhiều loại cụ thể, trong tình hình hiện nay cần tập trung đấu tranh với các loại sau:

- *Gián điệp:* Gián điệp là người Việt Nam hay người nước ngoài, hoạt động cá nhân hay có tổ chức, chịu sự chỉ huy của nước ngoài để tiến hành các hoạt động điều tra thu thập tình báo, gây cơ sở bí mật và phá hoại nhằm chống lại nước Cộng hòa XHCNVN.

- *Phản động:* Phản động là những cá nhân hay tổ chức có âm mưu và hoạt động phản cách mạng chống lại chế độ XHCN, nhưng không chịu sự chỉ huy của nước ngoài.

Hiện nay cần tập trung đấu tranh với những loại sau:

- + Các tổ chức và cá nhân phản động trong số người Việt Nam ở nước ngoài đang có những hoạt động chống phá Việt Nam.

- + Bọn phản động lợi dụng tôn giáo.

- + Bọn phản động lợi dụng dân tộc ít người, câu kết với phản động bên ngoài, vụ khủng bố ở 2 xã 2 xã Ea Tiêu và Ea Ktur, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk tháng 6/2023 là điển hình.

- + Bọn phản động nguy quân, nguy quyền, đảng phái phản động cũ không chịu cải tạo.

- + Bọn có tư tưởng, quan điểm sai trái, những phần tử trong nội bộ bất mãn thoái hoá biến chất trở thành phản động, chống Đảng, chống CNXH ; số cơ hội chính trị.

Đối tượng xâm phạm về trật tự, an toàn xã hội

Đối tượng xâm phạm về trật tự, an toàn xã hội là những người có hành vi phạm gây thiệt hại tài sản XHCN và tài sản công dân, đến tính mạng sức khỏe và danh dự phẩm giá con người, đến trật tự ATXH nhưng không có mục đích chống lại Nhà nước Việt Nam.

Trong các đối tượng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội hiện nay có những người phạm tội nhất thời, có đối tượng phạm tội chuyên nghiệp, với tính chất và mức độ nguy hiểm khác nhau. Các đối tượng này bao gồm:

- + Các đối tượng xâm phạm trật tự xã hội (tội phạm hình sự).
- + Các đối tượng xâm phạm trật tự quản lí kinh tế và chức vụ (tội phạm kinh tế).
- + Các đối tượng về ma túy (tội phạm ma túy).

Trong số các đối tượng trên cần tập trung vào đấu tranh với các đối tượng sau :

. Bọn tội phạm kinh tế, nhất là bọn tham nhũng, bọn buôn lậu, bọn sản xuất tàng trữ và tiêu thụ tiền giả. Bọn tội phạm về ma túy. Bọn tội phạm hình sự, tập trung vào bọn hoạt động có tổ chức, bọn lưu manh chuyên nghiệp, sử dụng bạo lực, tội phạm có quan hệ với nước ngoài.

Các tai nạn, tệ nạn xã hội

Phòng ngừa và làm giảm đến mức thấp nhất hậu quả thiệt hại do các tai nạn xã hội (tai nạn giao thông, tai nạn do sử dụng bảo quản chất nổ chất cháy không đúng quy định, tai nạn do sự cố kĩ thuật, do thiên nhiên...) gây ra.

Bài trừ các tệ nạn xã hội. Trước mắt phải đẩy lùi một bước các loại tệ nạn xã hội như ma túy, cờ bạc, mại dâm.

4. Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta

4.1. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lí của Nhà nước, nhân dân làm chủ, công an là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

Đảng lãnh đạo “Tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt” là nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội

Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, trong đó có công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Chỉ có Đảng lãnh đạo mới có thể huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị, của toàn xã hội, bảo đảm thắng lợi trọn vẹn và triệt để trong cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Đảng lãnh đạo tuyệt đối trực tiếp về mọi mặt thể hiện : Đảng đề ra đường lối chính sách và phương pháp đấu tranh bảo vệ ANQG và trật tự, an toàn xã hội một cách đúng đắn, đồng thời lãnh đạo chặt chẽ bộ máy Nhà nước và các đoàn thể quần chúng thực hiện thắng lợi đường lối chính sách đó.

Phát huy quyền làm chủ của nhân dân bảo vệ ANQG và trật tự, an toàn xã hội

Bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội là sự nghiệp của nhân dân, là nghĩa vụ đồng thời cũng là lợi ích thiết thân của nhân dân. *An ninh quốc gia*, trật tự, an toàn xã hội có được bảo vệ tốt hay không thì vấn đề rất quan trọng là do sự giác ngộ của nhân dân về quyền làm chủ của mình trên lĩnh vực đó. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân thực chất đó là cuộc vận động phong trào cách mạng của quần chúng nhằm xây dựng trật tự an ninh, trật tự nhân dân từ cơ sở. Nhân dân có điều kiện và khả năng để thực hiện quyền làm chủ đó.

Nội dung phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động thể hiện :

Quán triệt sâu sắc và tự giác chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chế độ thể lệ nội quy về bảo vệ an ninh trật tự. Đấu tranh kiên quyết với các thế lực thù địch, bọn phản cách mạng và bọn phạm tội khác, với mọi hành vi vi phạm pháp luật và những hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội ; kiên quyết giữ vững an ninh trật tự ở mọi nơi mọi lúc.

Tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

Trong chế độ XHCN, Nhà nước là công cụ sắc bén để nhân dân lao động thực hiện quyền làm chủ trong công tác bảo vệ ANQG và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Nhà nước có mạnh (hiệu lực) thì quyền làm chủ của nhân dân mới được đảm bảo vững chắc.

Công an là lực lượng nòng cốt

Lực lượng Công an là chỗ dựa trực tiếp và thường xuyên cho các ngành, các cấp và quần chúng trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội. LLCA phải tập trung giải quyết những khâu cơ bản nhất; tổ chức hướng dẫn các lực lượng khác thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANQG và trật tự, an toàn xã hội. Qua thực tiễn tiến hành cuộc đấu tranh, lực lượng Công an phải làm tham mưu cho Đảng, Nhà nước về những vấn đề có liên quan đến công tác bảo vệ ANQG và trật tự, an toàn xã hội.

4.2. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng với nhiệm vụ BVTQ

Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là truyền thống ngàn đời của dân tộc ta. Đảng, Nhà nước ta đã kế thừa và phát huy truyền thống đó trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay. Sự ổn định và phát triển về mọi mặt của đời sống xã hội là nền tảng vững chắc của ANTT và ngược lại an ninh trật tự vững chắc mới có điều kiện ổn định phát triển đất nước về mọi mặt. Cần nhận thức an ninh trật tự được giữ vững củng cố và phát triển là dựa trên nền tảng KT-XH ổn định, phát triển.

4.3. BVAN quốc gia phải kết hợp chặt chẽ với giữ gìn trật tự, an toàn xã hội

ANQG và trật tự, an toàn xã hội là hai thành phần cấu thành trật tự xã hội. Bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia là bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ thành quả của cách mạng XHCN, tạo ra một trong những điều kiện cơ bản nhất để xây dựng sự vững mạnh về mọi mặt trong xã hội. An ninh quốc gia được bảo vệ vững chắc sẽ tạo điều kiện cơ bản thuận lợi để bảo vệ tốt trật tự an toàn xã hội. Trật tự, an toàn xã hội được giữ vững sẽ tạo điều kiện cho an ninh quốc gia càng được củng cố vững chắc, hiệu lực quản lý của Nhà nước được tăng cường, quyền làm chủ của nhân dân được bảo đảm vững chắc, cuộc sống của mọi người được yên vui, hạnh phúc.

5. Vai trò, trách nhiệm của sinh viên

5.1. Hiểu quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ ANQG, trật tự, an toàn xã hội

- Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam năm 2013:

Công dân thực hiện quyền làm chủ của mình ở cơ sở bằng cách tham gia công việc của Nhà nước và xã hội, có trách nhiệm bảo vệ của công, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, giữ gìn ANQG và trật tự, an toàn xã hội, tổ chức đời sống công cộng.

BVTQ Việt Nam XHCN, giữ vững ANQG là sự nghiệp của toàn dân. Nhà nước củng cố và tăng cường nền QPTD và ANND, nòng cốt là các LLVT nhân dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước để bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và công dân phải làm tròn trách nhiệm quốc phòng và an ninh do pháp luật quy định.

Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp, pháp luật, tham gia bảo vệ ANQG, trật tự, an toàn xã hội, giữ gìn bí mật quốc gia, chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng. Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp, pháp luật, bảo vệ ANQG, trật tự, an toàn xã hội, giữ gìn bí mật quốc gia, chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng.

- Luật Thanh niên của Nước Cộng hoà XHCN Việt Nam năm 2001

Điều 11. BVTQ là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của thanh niên. Được huấn luyện chương trình GDQP; thực hiện NVQS, tham gia các LLVT theo quy định của pháp luật. Tham gia xây dựng nền QPTD, giữ gìn bí mật quốc gia, xung kích đấu tranh chống mọi hành vi xâm hại đến ANQG và trật tự, an toàn xã hội.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của thanh niên trong quản lý nhà nước và xã hội:

+ Nâng cao ý thức công dân, chấp hành pháp luật, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

+ Được ứng cử, đề cử vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định của pháp luật ; được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị với cơ quan, tổ chức về những vấn đề mà mình quan tâm ; tham gia góp ý xây dựng các chính sách, pháp luật liên quan đến thanh niên và các chính sách, pháp luật khác.

+ Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Luật ANQG năm 2004

Điều 4. Trách nhiệm đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm

Mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Điều 8. Trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ ANQG

Bảo vệ ANQG là sự nghiệp của toàn dân. Cơ quan, tổ chức, công dân có trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ ANQG theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động bảo vệ ANQG

+ Nhà nước bảo vệ, giữ bí mật cho cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng chuyên trách bảo vệ ANQG và cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ ANQG.

+ Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động bảo vệ ANQG có thành tích thì được khen thưởng, bị tổn hại về danh dự thì được khôi phục, bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù ; người bị thương tích, tổn hại về sức khỏe, bị thiệt hại về tính mạng thì bản thân và gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Tuyên truyền, giáo dục bảo vệ ANQG

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ ANQG

+ Tham gia lực lượng bảo vệ ANQG và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANQG theo quy định của pháp luật.

+ Tố cáo hành vi xâm phạm ANQG, hành vi lợi dụng việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANQG xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

+ Phát hiện, kiến nghị với chính quyền hoặc cơ quan chuyên trách bảo vệ ANQG khắc phục sơ hở, thiếu sót trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ ANQG.

+ Thực hiện yêu cầu của cơ quan chuyên trách bảo vệ ANQG theo quy định của pháp luật.

+ Giúp đỡ, tạo điều kiện cho cơ quan và người có trách nhiệm tiến hành các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với hoạt động xâm phạm ANQG.

+ Giáo dục bảo vệ ANQG là một nội dung giáo dục quốc dân. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo có trách nhiệm đưa nội dung giáo dục bảo vệ ANQG vào chương trình dạy học trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác phù hợp với ngành học, cấp học.

- Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trách nhiệm của các tổ chức và công dân trong đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm

+ Các tổ chức, công dân có quyền và nghĩa vụ phát hiện, tố giác hành vi phạm tội ; tham gia đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, góp phần bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức.

+ Cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm tạo điều kiện để các tổ chức và công dân tham gia tố tụng hình sự; phải trả lời kết quả giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm cho tổ chức đã báo tin, người đã tố giác tội phạm biết.

+ Các tổ chức, công dân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu và tạo điều kiện để cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện nhiệm vụ.

5.2. Trách nhiệm của sinh viên

Sinh viên thời kì 4.0 cần nhận thức đúng vai trò trách nhiệm của mình và tham gia trực tiếp vào việc bảo vệ ANQG, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, cụ thể là:

- Nhận thức đúng cuộc đấu tranh để bảo vệ ANQG, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội là một bộ phận của cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra gay go, quyết liệt, phức tạp, lâu dài. Nhất là trong điều kiện hiện nay, khi các thế lực thù địch và các phần tử chống đối Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam đang ra sức tiến hành các hoạt động diễn biến hoà bình bằng mọi thủ đoạn.

- Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động cụ thể để bảo vệ ANQG giữ gìn trật tự ATXH :

- + Phát hiện những tổ chức, người có hành vi tuyên truyền lôi kéo sinh viên tham gia các hoạt động trái quy định của pháp luật nhằm chống lại Đảng, Nhà nước để báo cho lãnh đạo của trường, chính quyền và các cơ quan bảo vệ pháp luật biết, có ý thức bảo vệ bí mật nhà nước.

- + Tham gia xây dựng nếp sống văn minh trật tự ngay trong trường học, kí túc xá, khu vực dân cư mà mình sinh sống, bảo vệ môi trường, giúp đỡ các cơ quan chuyên trách trong bảo vệ ANQG, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

- + Tham gia các hoạt động xã hội để góp phần giữ gìn trật tự, an toàn xã hội như : chấp hành nghiêm chỉnh luật giao thông đường bộ, giữ gìn trật tự, vệ sinh ở nơi công cộng. Bản thân không tham gia đua xe và cổ vũ cho đua xe trái phép, vận động nhiều người cùng tham gia chấp hành tốt những quy định của pháp luật như mình.

- + Bản thân luôn nhận thức được sự nguy hại của các TNXH để không mắc phải, mặt khác sinh viên còn tuyên truyền vận động cho nhiều người khác thấy được sự nguy hại của các TNXH nhất là tệ nạn ma túy, cờ bạc, mại dâm. Phát hiện những địa điểm tổ chức, đối tượng tham gia các tệ nạn xã hội để báo cáo cho lãnh đạo nhà trường, chính quyền địa phương, các cơ quan bảo vệ pháp luật mà trực tiếp là lực lượng CAND để có biện pháp đấu tranh kịp thời có hiệu quả.

- + Tích cực tham gia chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm ; phát giác kịp thời các đối tượng, băng nhóm tổ chức tội phạm để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có biện pháp giải quyết kịp thời.

- + Tích cực học tập nâng cao trình độ chính trị khoa học kĩ thuật nghiệp vụ chuyên môn có liên quan để có thể cống hiến cao nhất những khả năng của mình góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Chăm chỉ rèn luyện sức khỏe, tăng cường thể lực, luyện tập QS theo chương trình GDQP, chuẩn bị cho lực lượng SSCĐ BVTQ

- Hướng nghiệp tham gia các LLVT bảo vệ ANQG, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, như tham gia lực lượng CAND, Bộ đội biên phòng...

III. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích quan điểm “Công tác bảo vệ ANQG, giữ gìn trật tự an toàn xã hội phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân, lực lượng chuyên trách bảo vệ ANQG, giữ gìn trật tự an toàn xã hội làm nòng cốt”? Ý nghĩa thực tiễn đối với bản thân ?

2. Tại sao xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội phải đi đôi với bảo vệ ANQG, giữ gìn trật tự an toàn xã hội ?

3. Phân tích nội dung bảo vệ ANQG, giữ gìn trật tự an toàn xã hội ở nước ta hiện nay?

4. Trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ ANQG, giữ gìn trật tự an toàn xã hội hiện nay?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị “*Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác GDQP&AN trong tình hình mới*”.
2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, XIII, XIV của ĐCSVN.
3. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
4. Luật Biên giới quốc gia, 2003. Luật Biên phòng Việt Nam, 2020.
5. Luật nghĩa vụ quân sự, 2015 (hiệu lực từ 01/01/2016).
6. Luật an ninh quốc gia, 2004. Luật Cảnh sát biển Việt Nam 2018.
7. Bộ luật hình sự, 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).
8. Luật Quốc phòng Việt Nam, 2018. Luật GDQP&AN 2013.
9. Luật Công an nhân dân, 2018.
10. Luật biển Việt Nam, 2012. Luật Cảnh sát biển Việt Nam, 2018.
11. Luật DQTV, 2019. Luật lực lượng Dự bị động viên, 2019.
12. Luật An ninh mạng, 2018.
13. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật GDQP&AN.
14. Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình GDQP&AN trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
15. Học viện chính trị, *Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.
16. Bộ Quốc phòng, Sách trắng Quốc phòng Việt Nam, các năm: 1998, 2004, 2009 và 2019.
